

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

ĐINH HỒNG PHÚC

TƯ DUY BIỆN LUẬN
CẨM NANG THỰC HÀNH

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	5
<i>Chương 1. Tư duy biện luận và luận cứ</i>	7
<i>Chương 2. Phân tích luận cứ</i>	27
<i>Chương 3. Thế nào là một luận cứ tốt?</i>	49
<i>Chương 4. Luận cứ mệnh đề</i>	68
<i>Chương 5. Luận cứ nhất quyết</i>	100
<i>Chương 6. Luận cứ loại suy</i>	133
<i>Chương 7. Luận cứ khái quát hóa quy nạp</i>	155
<i>Chương 8. Luận cứ nhân quả</i>	175
<i>Chương 9. Các nguy biện</i>	192
<i>Tài liệu tham khảo</i>	225
<i>Phụ lục: Đáp án một số bài tập</i>	228

LỜI NÓI ĐẦU

Tư duy biện luận là một kỹ năng học thuật cốt lõi giúp sinh viên đại học tra vấn hay phản tư về sự hiểu biết của chính mình cũng như các thông tin được đem đến cho mình. Kỹ năng này rất cần thiết cho sinh viên trong hoạt động học tập, nhất là trong việc đọc tài liệu, viết các bài luận, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, viết báo cáo tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp. Hình thành và phát triển được kỹ năng tư duy biện luận ngay từ môi trường đại học, sinh viên sẽ có được những lợi thế tốt trong việc thích ứng với những hoàn cảnh và loại hình công việc mới trong một thế giới luôn biến đổi và đầy thách thức như hiện nay.

Cuốn sách này được biên soạn theo định hướng phát triển năng lực và dựa trên những kinh nghiệm giảng dạy bộ môn Tư duy biện luận ứng dụng của chúng tôi trong mấy năm qua tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Mục đích cuốn sách này nhằm hướng dẫn cho sinh viên thực hành các thao tác nhận diện, phân tích và đánh giá các luận cứ. Đây là những thao tác cốt lõi nhất trong việc định hình và phát triển năng lực phản biện của bất cứ ai sống trong bất cứ hoàn cảnh nào; chính vì thế mà nhiều giáo trình, tài liệu về tư duy biện luận (Critical Thinking) được viết bằng tiếng Anh của các trường đại học trên thế giới đều tập trung vào nội dung này.

Như tên gọi của nó cho thấy, đây là một cuốn sách cẩm nang thực hành, vì thế chúng tôi viết sách này theo cách của một người thợ có kinh nghiệm chỉ dẫn cho những người thợ học việc, chính vì vậy mà các bạn sẽ thấy những vấn đề lý thuyết được chúng tôi trình bày ngắn gọn nhất có thể, đủ để đáp ứng việc hướng dẫn thực hành, và những vấn đề thực hành, chúng tôi cố gắng trình bày từng bước thao tác một, từ đơn giản đến phức tạp, sao cho các bạn vẫn có thể tự học một cách hiệu quả. Tuy nhiên, có thầy hướng dẫn vẫn tốt hơn nhiều, vì điều đó sẽ giúp bạn tiết kiệm nhiều thời gian và công sức hơn để thành tựu năng lực tư duy biện luận.

Nhân dịp xuất bản cuốn sách này, chúng tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn tới PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp và Ban Giám hiệu trường Đại học Thủ Dầu Một đã quan tâm, tin tưởng và tạo nhiều điều kiện thuận lợi để chúng tôi mạnh dạn bước vào lĩnh vực này còn rất mới mẻ này. Chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn tới các bạn đồng nghiệp và sinh viên trong và ngoài trường đã quan tâm, chia sẻ và động viên, nhờ đó chúng tôi có nhiều động lực hơn để hoàn thành cuốn sách này.

Mặc dù tác giả đã có nhiều cố gắng, nhưng nhiều sai sót là điều không thể nào tránh khỏi, chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của độc giả để cuốn sách này trở nên hoàn thiện hơn trong những lần tái bản.

Cuốn sách này chỉ là bước đi đầu tiên, và mọi sự vẫn còn ở phía trước.

Tp. Thủ Đức, tháng 6 năm 2021

Đinh Hồng Phúc

Chương 1

TƯ DUY BIỆN LUẬN VÀ LUẬN CỨ

1. TƯ DUY BIỆN LUẬN LÀ GÌ?

Khái niệm tư duy biện luận¹ phản ánh một ý niệm có gốc rễ trong ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại. Chữ "critical" ("biện luận", "phê phán" hay "phản biện") trong tiếng Anh, xét về mặt từ nguyên, có gốc từ hai chữ Hy Lạp cổ: *kritikos* (nghĩa là "*phán xét sáng suốt*") và *kriterion* (nghĩa là "*các tiêu chuẩn*"). Căn cứ theo nghĩa từ nguyên này, chữ biện luận hàm ý một sự phán xét sáng suốt dựa trên những tiêu chuẩn nào đó. Trong thế giới Hy Lạp cổ đại, có thể nói triết gia Socrates (k.470-399 TCN) là hiện thân cho tinh thần nguyên thủy của khái niệm này. Quả thực, cả cuộc đời thực hành triết học của mình, Socrates luôn sử dụng cách tiếp cận mang tính phê phán để tra xét mọi vấn đề trong cuộc sống.

Tuy nhiên, với tư cách là một khái niệm dùng để chỉ một lĩnh vực trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu, tư duy biện luận chỉ mới xuất hiện trong thời hiện đại, khoảng một trăm năm nay, gắn liền với người khai sinh ra nó là John Dewey (1859-1952), một triết gia, nhà tâm lý học và giáo dục học người Mỹ, rồi được kế tục và phát triển bởi các học giả thuộc thế hệ sau ông và tạo thành một truyền thống. Trong quyển sách nhập môn tư duy biện luận của mình, Alec Fisher (2001) đã lược khảo một số định nghĩa cổ điển về khái niệm tư duy biện luận từ truyền thống này. Chúng tôi xin căn cứ theo phần lược khảo của Fisher để trình bày vấn đề này và trên cơ sở đó rút ra những đặc điểm cơ bản của tư duy biện luận.

Trong tác phẩm *Cách ta nghĩ* (1909)² John Dewey đã nêu ra định nghĩa của ông về tư duy biện luận, cho dù lúc này ông gọi nó là

1. Còn có tên gọi là *tư duy phản biện* hay *tư duy phê phán*, đây là các thuật ngữ tiếng Việt chúng ta thường dùng để dịch thuật ngữ *critical thinking* trong tiếng Anh.
2. Xin xem bản dịch tiếng Việt của Vũ Đức Anh (NXB Tri thức, 2018).

"tư duy phản tư" ("reflective thinking"), qua việc ông xác định các yếu tố cấu thành nên tư duy phản tư:

Sự suy xét chủ động, kiên trì và cẩn trọng một niềm tin hay cái gọi là một dạng tri thức nào đó bằng cách xem xét những cơ sở nâng đỡ cho niềm tin ấy và những kết luận nào đó nữa mà nó nhắm đến. (Dewey, 1909, tr. 9).

Qua định nghĩa này, Dewey coi tư duy biện luận về cơ bản là một quá trình "chủ động", đó là quá trình ta phải tự mình suy nghĩ về vấn đề của mình, tự mình nêu câu hỏi, tự mình tìm kiếm các thông tin xác đáng, chứ không phải là tiếp thu thông tin một cách thụ động từ người khác. "Kiên trì" và "cẩn trọng" là những phẩm chất cần có của một người có óc biện luận, sở đắc được những phẩm chất ấy ta có thể tránh được việc hình thành thói quen tư duy bất cẩn, thiếu suy xét. Và điều quan trọng nhất mà Dewey nói tới trong định nghĩa này là "những cơ sở nâng đỡ" một niềm tin và "những kết luận nào đó nữa mà nó nhắm đến", nói cách khác, theo ngôn ngữ của chúng ta ngày nay là, ông đề cập tới *những lý do* biện minh cho một niềm tin và *những hàm ý* của niềm tin của chúng ta.

Với định nghĩa này, về cơ bản John Dewey đã định hình nên những yếu tố then chốt nhất của tư duy biện luận. Trên cơ sở này, các học giả sau ông tiếp tục xây dựng những quan niệm của mình về bộ môn này.

Tiếp sau John Dewey là Watson Glaser, một học giả hàng đầu trong lĩnh vực này, đã định nghĩa tư duy biện luận là:

(1) một thái độ sẵn sàng xem xét thấu đáo các vấn đề và chủ đề nảy sinh trong phạm vi kinh nghiệm của mình; (2) nắm vững các phương pháp tra vấn và lập luận logic; và (3) kỹ năng áp dụng các phương pháp này. Tư duy biện luận đòi hỏi phải có sự nỗ lực kiên trì để khảo sát bất cứ niềm tin hay cái gọi là một dạng tri thức bằng cách xét các chứng cứ nâng đỡ cho nó và những kết luận nào đó nữa mà nó nhắm đến. (Glaser, 1941, tr. 5)

Định nghĩa này là sự tiếp nối và phát triển định nghĩa của Dewey. Bên cạnh việc bảo lưu toàn bộ định nghĩa của Dewey, Glaser dùng chữ "chứng cứ" thay cho chữ "các cơ sở" của Dewey và ông bổ sung thêm yếu tố "thái độ" hay tâm thế sẵn sàng xem xét thấu đáo các vấn đề và kỹ

năng áp dụng "các phương pháp tra vấn và lập luận logic". Như vậy, đến Glaser, quan niệm về tư duy biện luận đã trở nên hoàn chỉnh hơn. Tư duy biện luận không những đòi hỏi ta phải có những kỹ năng tư duy nhất định mà còn phải có tâm thế sẵn sàng sử dụng các kỹ năng ấy.

Robert Ennis cũng là người có đóng góp quan trọng vào sự phát triển của khái niệm tư duy biện luận. Ông định nghĩa tư duy biện luận như sau:

Tư duy biện luận là tư duy hợp lý và có tính chất phản tư, chú trọng đến việc quyết định tin điều gì hay làm điều gì. (Norris và Ennis, 1989).

Định nghĩa này tuy ngắn gọn nhưng đã chứa đựng nhiều yếu tố quan trọng của tư duy biện luận. Ngoài việc tái xác định đặc trưng của loại tư duy này là "hợp lý" và "có tính chất phản tư" như những gì mà các định nghĩa trước đã đề cập, nó còn thêm yếu tố *ra quyết định* vốn chưa có trong các định nghĩa trước. "Quyết định tin điều gì" và "quyết định làm điều gì" đòi hỏi ta phải xem xét vấn đề một cách thận trọng để xác định xem điều ta tin hay việc ta phải làm có cơ sở *hợp lý* hay không, nghĩa là chúng có được thẩm tra theo những quy tắc, phương pháp và tiêu chí nhất định nào đó để ta có thể chấp nhận mình sẽ tin hay sẽ làm; đồng thời để việc ra quyết định của ta thật sáng suốt đòi hỏi ta phải luôn có tinh thần phản tư. Phản tư là soi xét lại chính mình trong việc mình tin hay mình làm với nhiều phương diện khác nhau để thấy được đâu là điều tốt hơn hay tốt nhất cho mình. Một trí óc phản tư là một trí óc cởi mở.

Gần đây hơn, một học giả có uy tín khác trong lĩnh vực tư duy biện luận là Richard Paul đã nêu ra một định nghĩa có phần khác với các định nghĩa trên. Theo ông,

tư duy biện luận là phương cách tư duy – về bất cứ chủ đề, nội dung hay vấn đề nào – trong đó người tư duy cải thiện chất lượng tư duy của mình bằng cách điều hành khéo léo các cấu trúc cố hữu trong tư duy và áp đặt cho chúng các tiêu chuẩn của trí tuệ. (Richard Paul và Linda Elder, 1993, tr. 4).

Định nghĩa này nhấn mạnh tới một đặc điểm của tư duy biện luận, mà hầu như những người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực này đều đồng tình, đó là tư duy biện luận là cách thức hữu hiệu để ta phát triển năng lực tư duy của mình, học cách cải thiện nó.

Qua những cách định nghĩa có tính chất kinh điển trên đây về tư duy biện luận, ta có thể thấy tư duy biện luận là một dạng tư duy đặc biệt, nó không những là những *kỹ năng* sử dụng thuần thục các phương pháp và quy tắc logic để làm sáng tỏ vấn đề cần xem xét, mà nó còn là những *thái độ*, những phẩm chất cần có của người sử dụng những kỹ năng ấy như: chủ động, kiên trì, cẩn trọng, và có tinh thần cởi mở. Mục đích của tư duy biện luận là nó giúp ta đưa ra những quyết định sáng suốt khi quyết định phải tin điều gì hay làm một việc gì. Và điều cuối cùng nhưng cũng quan trọng không kém, nhất là đối với hoạt động giáo dục, là đây là một dạng tư duy ta có thể cải thiện được thông qua việc học hỏi và rèn luyện nó đúng cách.

Học những kỹ năng của tư duy biện luận là học cách đưa ra những quyết định dựa trên những lý do tốt. Khi đưa ra những lý do tốt để biện minh cho những gì ta tin thì đây là ta đã đưa ra một luận cứ. Như vậy, tư duy biện luận là cái gắn liền với luận cứ, hay nói cách khác, luận cứ là đối tượng xem xét của nó. Các kỹ năng tư duy biện luận là những kỹ năng nhận biết, phân tích, đánh giá và xây dựng các luận cứ.

2. LUẬN CỨ LÀ GÌ?

Luận cứ là nỗ lực đưa ra những lý do ủng hộ cho việc nghĩ rằng một niềm tin nào đó là đúng. Luận cứ có hai phần: tiền đề và kết luận. Tiền đề là những lý do ta dùng để nâng đỡ kết luận, và kết luận là niềm tin được các lý do nâng đỡ.

Hãy xét ví dụ sau:

Hành vi tội phạm là bình thường, bởi lẽ một xã hội không có tội phạm là điều tuyệt nhiên không thể có (Durkheim).

Trong luận cứ này, tiền đề là: "Một xã hội không có tội phạm là điều tuyệt nhiên không thể có." Kết luận là: "Hành vi tội phạm là bình thường." Tiền đề cung cấp một lý do để ta nghĩ rằng kết luận là đúng.

Theo định nghĩa nói trên, luận cứ là tập hợp các phán đoán, do đó cả tiền đề và kết luận đều là các phán đoán. Phán đoán là câu có thể đúng hoặc sai – nói cách khác, phán đoán được phát biểu ở dạng câu tường thuật. Các câu sau đây là phán đoán:

- (1) Con người là sinh vật hữu tử.
- (2) Trái đất quay quanh mặt trời.
- (3) *Truyện Kiều* là một kiệt tác văn xuôi của nền văn chương Việt Nam.
- (4) Socrates là triết gia La Mã thời cổ đại.

Hai phán đoán đầu là những phán đoán đúng, hai phán đoán tiếp theo là những phán đoán sai. Đúng và sai được gọi là hai giá trị chân lý có thể có của một phán đoán. Vì thế, giá trị chân lý của hai phán đoán đầu là đúng, giá trị chân lý của hai phán đoán sau là sai.

Những câu nào không mang giá trị chân lý thì không thể gọi là đúng hay sai, do đó chúng không phải là các phán đoán. Những câu sau không phải là phán đoán:

- (1) Máy giờ rồi? (câu hỏi)
- (2) Tối nay đi uống café nhé. (câu đề nghị)
- (3) Trời nóng quá! (câu cảm thán)
- (4) Tắt ti-vi đi. (câu mệnh lệnh)
- (5) Các bạn hãy đọc chương 3 quyển sách này. (câu chỉ thị)

Bất cứ luận cứ nào cũng do hai hay nhiều phán đoán cấu tạo nên. Kết luận là phán đoán mà tác giả luận cứ muốn nâng đỡ, các tiền đề là những phán đoán thực hiện chức năng nâng đỡ cho kết luận. Đây là ví dụ về luận cứ:

(*Tiền đề 1*) Mọi lý thuyết khoa học là hình thức nhận thức của con người.

(*Tiền đề 2*) Lý thuyết giáo dục là một lý thuyết khoa học.

(*Kết luận*) Lý thuyết giáo dục là hình thức nhận thức của con người.

Hai phán đoán (1) và (2) là các phán đoán tiền đề; phán đoán (3) là phán đoán kết luận.

3. THAO TÁC TÌM LUẬN CỨ

Điều quan trọng đầu tiên trong việc xác định xem văn bản mà bạn đang đọc hay những gì bạn đang nghe có chứa luận cứ hay không là bạn phải có năng lực nhận biết chính xác phán đoán nào là tiền đề

và phán đoán nào là kết luận. Nếu bạn xác định nhằm phán đoán tiền đề là kết luận, và ngược lại, thì quá trình phân tích và đánh giá luận cứ của bạn sau đó sẽ bị lạc lối. Các thao tác tìm luận cứ dưới đây là một chỉ dẫn hữu ích cho bạn.

Bước 1. Xác định xem có sự nỗ lực thuyết phục nào không

Mục đích của các luận cứ là thuyết phục ta tin một điều gì đó là đúng hoặc làm một việc gì đó vì đây là việc đáng làm, do đó khi đọc hay nghe ai đó, bạn hãy tự hỏi tác giả/người nói muốn *thuyết phục* bạn rằng điều gì đó là đúng hoặc làm một việc gì đó hay không. Nếu có thì tức là ở đó có luận cứ.

Bước 2. Tìm kết luận

Tìm luận điểm chính của tác giả. Đó sẽ là kết luận của luận cứ. Bạn có thể sử dụng câu hỏi phản biện sau đây để tìm kết luận của luận cứ: "Tác giả của luận cứ đang cố thuyết phục ta điều gì?" Trả lời được câu hỏi này là bạn đã tìm ra được kết luận của luận cứ.

Bước 3. Tìm các tiền đề

Sau khi tìm ra kết luận, bạn sử dụng câu hỏi: "Tác giả dùng những lý do nào để thuyết phục ta?". Các phán đoán trả lời câu hỏi ấy sẽ là các tiền đề của luận cứ.

Giờ ta hãy áp dụng các bước hướng dẫn trên để tìm xem đoạn văn sau đây có chứa luận cứ không:

*Người Mỹ không có trường phái triết học riêng, và họ ít quan tâm tới những trường phái triết học đang chia rẽ châu Âu; họ biết các trường phái đó qua tên gọi đã đủ vấp vả rồi. (Tocqueville, *Nền Dân trị Mỹ*).*

Đoạn văn trên chỉ mô tả sự kiện cho ta *hình dung* ra một bức tranh về đời sống trí tuệ ở Mỹ, chứ *không thuyết phục* ta tin một điều gì đó (quan điểm, luận điểm, niềm tin...) là đúng, do đó nó không chứa luận cứ.

Giờ ta hãy xét đoạn văn sau:

"Giàu có là điều xấu hoặc giàu có là điều tốt; nhưng giàu có không phải là điều xấu, do đó, giàu có là điều tốt". (Sextus Empiricus, *Chống lại các nhà logic*).

Đoạn văn này rõ ràng là tác giả có ý *thuyết phục* ta tin rằng luận điểm của ông ấy là đúng, và hàm ý rằng ta nên chấp nhận luận điểm ấy, cho nên đây là đoạn văn có chứa luận cứ. Thế thì ở đây, tác giả đang cố thuyết phục ta điều gì? Tác giả đang cố thuyết phục ta tin rằng "giàu có là điều tốt" là đúng, và đây chính là phán đoán kết luận của luận cứ. Tác giả sử dụng những lý do nào để nâng đỡ cho luận điểm "giàu có là điều tốt"? Hai lý do được tác giả nêu ra: (1) Giàu có là điều xấu hoặc giàu có là điều tốt", và (2) "Giàu có không phải là điều xấu". Hai lý do này chính là hai tiền đề của luận cứ.

Chất liệu ngôn ngữ dùng để cấu tạo các luận cứ, ngoài các phán đoán ra, còn có các từ chỉ báo luận cứ. Có hai loại từ chỉ báo: từ chỉ báo tiền đề và từ chỉ báo kết luận. Từ chỉ báo tiền đề là từ hay cụm từ báo hiệu cho ta biết phán đoán đi ngay sau nó là phán đoán tiền đề; và từ chỉ báo kết luận là từ hay cụm từ báo hiệu cho ta biết phán đoán đi ngay sau nó là phán đoán kết luận. Đây là một số từ chỉ báo tiền đề thường gặp:

<i>vì</i>	<i>căn cứ theo</i>	<i>lý do là</i>
<i>bởi vì</i>	<i>xét thấy rằng</i>	<i>rõ ràng là từ</i>
<i>giả sử</i>	<i>như được cho thấy bởi</i>	<i>dựa trên</i>
<i>nhờ</i>	<i>có thể được suy ra từ</i>	<i>trong chừng mực</i>

Và đây là một số từ chỉ báo kết luận thường gặp:

<i>cho nên</i>	<i>do đó</i>	<i>vì thế</i>
<i>vì vậy</i>	<i>suy ra là</i>	<i>điều đó cho thấy</i>
<i>kết quả là</i>	<i>thế thì</i>	<i>điều đó khiến ta thấy rõ</i>
<i>rõ ràng là</i>	<i>tóm lại</i>	<i>điều đó có nghĩa là</i>
<i>chắc chắn là</i>	<i>theo đó</i>	<i>vì những lý do trên</i>
<i>có khả năng là</i>	<i>do vậy</i>	<i>kết luận rằng</i>

Thử xét luận cứ có chứa từ chỉ báo tiền đề:

Hành vi tội phạm là bình thường, bởi lẽ một xã hội không có tội phạm là điều tuyệt nhiên không thể có. (Durkheim).

Trong luận cứ này, ta thấy "bởi lẽ" là từ chỉ báo tiền đề, do đó phán đoán "Một xã hội không có tội phạm là điều tuyệt nhiên không thể có" chính là tiền đề của luận cứ, phán đoán còn lại "Hành vi tội phạm là bình thường" sẽ là kết luận của luận cứ.

4. TIỀN ĐỀ NGẦM VÀ KẾT LUẬN NGẦM

Trên thực tế, không phải người ta lúc nào cũng trình bày luận cứ với đầy đủ cấu trúc của nó, đôi khi họ có thể không phát biểu một tiền đề nào đó của luận cứ hoặc họ thấy không cần phải phát biểu ra. Xét ví dụ sau:

Có thể đọc thì mới được phép mượn sách ở thư viện, cho nên Minh không thể mượn sách của thư viện được.

Tiền đề của luận cứ này là "Ai có thể đọc thì mới được phép mượn sách được ở thư viện"; Kết luận là "Minh không thể mượn được sách của thư viện". Chúng ta có thể thấy luận cứ này bỏ qua một bước. Tiền đề của luận cứ này tự nó không nâng đỡ được cho kết luận. Ở đây tất phải có một *tiền đề ngầm*, đó là phán đoán "Minh không có thể đọc". Có hai nguyên tắc nhận biết tiền đề ngầm: (1) Tiền đề ngầm phải là bước đi tất yếu về mặt logic giữa tiền đề và kết luận; và (2) tiền đề ngầm phải là điều gì đó mà tác giả và hầu hết mọi người đều nghĩ là đúng.

Trong trường hợp một luận cứ không được tác giả phát biểu minh nhiên kết luận của nó, luận cứ ấy có *kết luận ngầm*. Đây là một ví dụ:

Chất thạch tín có hại cho sức khỏe. Nước mắm truyền thống có chứa chất thạch tín.¹

Nếu ai đó nói như thế này, thì người ấy sẽ muốn nói ngầm ý rằng "nước mắm truyền thống có hại cho sức khỏe", đó chính là kết luận ngầm của luận cứ.

Lưu ý, tiền đề hay kết luận của luận cứ đôi khi cũng có thể được phát biểu một cách ẩn ý ở các dạng biểu đạt không phải phán đoán. Tay hãy xét ví dụ sau:

Anh nên chọn ông Tuấn làm giám đốc điều hành công ty này. Chẳng lẽ anh không thừa nhận ông ấy là một nhà lãnh đạo tài ba?

Trong đoạn văn này, phán đoán "Anh nên chọn ông Tuấn làm giám đốc điều hành công ty này" được rút ra từ câu hỏi "Chẳng lẽ anh

1. Xem: "'Vụ nước mắm chứa thạch tín vượt ngưỡng' và trách nhiệm của báo chí.
link: <https://dangcongsan.vn/tieu-diem/vu-nuoc-mam-chua-thach-tin-vuot-nguong-va-trach-nhiem-cua-bao-chi-413001.html>. Truy cập ngày 4.5.2021.

không thừa nhận ông ấy là một nhà lãnh đạo tài ba?". Câu hỏi không phải là câu phán đoán; mục đích của câu hỏi là muốn có thông tin về nội dung được hỏi, nghĩa là nó cần có câu trả lời. Nhưng ở đây, tác giả sử dụng câu hỏi nhưng không cần câu trả lời; nó được sử dụng như là một *biện pháp tu từ* để hàm ý rằng ông Tuấn là một nhà lãnh đạo tài ba, và vì thế, nó dùng để nâng đỡ cho kết luận.

5. PHÂN BIỆT LUẬN CỨ VỚI NHỮNG CÁI KHÔNG PHẢI LUẬN CỨ

Mọi luận cứ phải được diễn đạt bằng ngôn ngữ, nhưng ngôn ngữ không chỉ dùng để biểu đạt luận cứ, nó có thể dùng để kể chuyện, làm thơ, ca hát, diễn tả những xúc cảm, thuật lại những biến cố, để hỏi, đưa ra lời giải thích, cầu nguyện, thề thốt... Thế thì làm sao ta phân biệt được luận cứ với những cái không phải luận cứ.

Một thao tác cơ bản để phân biệt chúng như sau: nếu một đoạn văn nào đó là luận cứ thì nó phải thỏa mãn hai điều: (1) nó là một tập hợp hai hay nhiều phán đoán, và (2) một trong số các phán đoán ấy (kết luận) phải được nâng đỡ bởi các phán đoán còn lại (tiền đề). Áp dụng thao tác này, ta có thể biết đoạn văn nào đó có phải là luận cứ hay không.

5.1. Các phán đoán riêng lẻ

Nếu một đoạn văn chỉ bao gồm một hay một số phán đoán riêng lẻ với nhau thì nó không thể là luận cứ, bởi lẽ một luận cứ phải có tối thiểu hai phán đoán nối kết nhau, trong đó phán đoán này làm nhiệm vụ nâng đỡ cho phán đoán kia để phán đoán kia được chấp nhận là đúng. Xét ví dụ sau:

Tại phần lớn các quốc gia hiện đại, kẻ nắm chủ quyền tối cao, bất kể nguồn gốc của y ra sao, bất kể thân phận và danh tiếng y thế nào, đều hầu như trở thành kẻ nắm quyền lực cực lớn, và các cá nhân thì ngày càng rơi xuống bậc cuối cùng của bậc thang hèn yếu và phụ thuộc.¹

1. Tocqueville (2006). *Nền Dân trị Mỹ*. Tập 2. Phạm Toàn dịch. NXB Tri thức, tr.510.

Đoạn văn này chứa hai phán đoán: "Kẻ nắm chủ quyền tối cao hầu như trở thành kẻ nắm quyền lực cực lớn" và "Các cá nhân ngày càng rơi xuống bậc cuối cùng của bậc thang hèn yếu và phụ thuộc", chúng liên kết nhau bằng liên từ "và" để tạo thành một phán đoán phức: "Tại phần lớn các quốc gia hiện đại, kẻ nắm chủ quyền tối cao hầu như trở thành kẻ nắm quyền lực cực lớn và các cá nhân ngày càng rơi xuống bậc cuối cùng của bậc thang hèn yếu và phụ thuộc." Do vậy, đoạn văn này chỉ là một phán đoán, nên không thể là luận cứ.

Ví dụ dưới đây là một đoạn văn chứa nhiều phán đoán riêng lẻ, không được kết nối với nhau theo cách để thành một luận cứ:

Chúng ta đang sống trong một thời đại được chứng kiến những đổi thay nhanh nhất diễn ra trong đầu óc con người. Tuy nhiên, vẫn có thể xảy ra tình trạng là những quan niệm chính yếu của con người vẫn cứ bình ổn hơn là trong những thế kỷ trước của lịch sử con người chúng ta; cái thời đại thay đổi thực sự vẫn chưa đi đến đâu, có lẽ nó mới đang đến gần đấy thôi.¹

5.2. Các mô tả

Mô tả là cái mang lại cho độc giả một hình ảnh tinh thần về điều gì đó. Bạn có thể mô tả các sự vật, hoạt động, tình cảm, âm thanh, xúc cảm và sở thích. Mô tả có thể đẹp, đúng và quan trọng, nhưng chúng không thể là luận cứ được. Đây là đoạn văn mô tả trích từ *Dân chủ và giáo dục* của John Dewey:

"Tại châu Âu, hoàn cảnh lịch sử đã đồng nhất phong trào vì một nền giáo dục được nhà nước ủng hộ với phong trào dân tộc chủ nghĩa trong đời sống chính trị. Dưới ảnh hưởng của tư tưởng Đức nói riêng, giáo dục đã trở thành một chức năng công dân và chức năng công dân được đồng nhất với việc thực hiện lý tưởng của nhà nước dân tộc. "Nhà nước" đã thay thế cho nhân loại; chủ nghĩa toàn thế giới đã nhường chỗ cho chủ nghĩa dân tộc. Đào tạo công dân chứ không phải "con người" đã trở thành mục tiêu của giáo dục."²

1 Tocqueville. Sđd, tr. 407.

2. John Dewey (2008). *Dân chủ và giáo dục*. Phạm Anh Tuấn dịch. NXB Tri thức, tr. 120.

5.3. Minh họa

Các câu hay đoạn văn minh họa thường được dùng để cung cấp *ví dụ* cho một phán đoán nào đó, chứ không phải để chứng minh hay nâng đỡ cho phán đoán ấy. Đây là ví dụ về minh họa:

Luôn luôn có những yếu tố của thực tại chủ quan không bắt nguồn từ sự xã hội hóa, chẳng hạn như ý thức về thân thể của chính mình có trước và nằm ngoài bất cứ sự lãnh hội nào về thân thể mà người ta học được từ xã hội.¹

5.4. Giải thích

Luận cứ thường dễ bị lẫn lộn với giải thích, vì chúng có những nét giống nhau. Thứ nhất, cả luận cứ lẫn giải thích đều sử dụng các phán đoán, hay câu tường thuật, làm chất liệu biểu đạt. Cấu trúc của giải thích gồm hai loại phán đoán: (1) phán đoán biểu đạt một hiện tượng được giải thích, gọi là *explanandum*; và (2) một hay một số phán đoán dùng để giải thích hiện tượng ấy, gọi là *explanans*. *Explanandum* thường bị hiểu nhầm là kết luận của luận cứ, còn *explanans* thường bị hiểu nhầm là các tiền đề. Thứ hai, cả hai đều dùng chung các từ ngữ chỉ báo. Từ ngữ chỉ báo tiền đề có thể được dùng để chỉ *explanans* và từ ngữ chỉ báo kết luận có thể được dùng để chỉ các *explanandum*. Cuối cùng, cả hai đều quan tâm tới giá trị chân lý, nhưng theo cách khác nhau. Luận cứ là sự cố gắng *cho thấy rằng* phán đoán nào đó là đúng, còn giải thích là cố gắng nói cho ai đó biết *tại sao* một phán đoán nào đó là đúng. Giải thích giả định rằng tất cả chúng ta đều đồng ý *explanandum* là đúng. Luận cứ giả định rằng có ai đó không đồng ý kết luận là đúng.

Để thấy rõ sự khác nhau giữa luận cứ và giải thích, ta thử xét hai ví dụ sau đây:

- (1) Tàu Titanic bị chìm vì va phải núi băng trôi.
- (2) Bạn nên thường xuyên về thăm ba mẹ vì điều đó sẽ khiến họ cảm thấy hạnh phúc.

Trong ví dụ (1) ta không phải cố gắng thuyết phục người khác tin rằng tàu Titanic bị chìm là đúng, vì sự kiện ấy ai cũng biết cả rồi.

1. Peter L. Berger - Thomas Luckmann (2016). *Sự kiến tạo xã hội về thực tại*. NXB Tri Thức.

Điều ta cần tìm ở đây là một lời giải thích cho sự kiện ấy. Mục đích của giải thích là cho người ta *biết* tại sao sự kiện ấy xảy ra. Do đó, ví dụ (1) là một giải thích, trong đó "Tàu Titanic bị chìm" là *explanandum* (cái được giải thích) và "Tàu Titanic va phải núi băng trôi" là *explanans* (cái dùng để giải thích). Trường hợp còn lại là một luận cứ, bởi lẽ điều ta cần làm ở đây là thuyết phục cho người ta *tin* về thăm ba mẹ là một việc nên làm.

6. CẤU TRÚC DẠNG CHUẨN CỦA LUẬN CỨ

Cấu trúc dạng chuẩn của luận cứ hình thức tổ chức đơn giản của một lập luận trong đó các tiền đề và kết luận được bố trí sao cho ta có thể trực tiếp nắm bắt được chúng một cách dễ dàng. Các chất liệu cấu tạo dạng chuẩn của luận cứ gồm: phán đoán tiền đề, phán đoán kết luận, con số theo trình tự của các phán đoán, và thanh luận cứ, thanh luận cứ là một đường vạch ngang, phân ranh giữa tiền đề và kết luận trong luận cứ. Đây là ví dụ về cấu trúc dạng chuẩn của một luận cứ:

(1) Tiền đề thứ nhất.

(2) Tiền đề thứ hai.

(3) Tiền đề thứ ba.

(4) Kết luận.

Ta lấy lại luận cứ của Sextus Empiricus ở trên làm ví dụ:

Giàu có là điều xấu hoặc giàu có là điều tốt; nhưng giàu có không phải là điều xấu, do đó, giàu có là điều tốt.

Sau khi nhận diện chính xác các tiền đề và kết luận trong luận cứ này, ta phải đưa nó về dạng chuẩn để thấy rõ cấu trúc hoàn chỉnh của nó, và thao tác đưa luận cứ về dạng chuẩn này được gọi là chuẩn hóa luận cứ. Đương nhiên, trên thực tế, không phải lúc nào ta cũng dễ dàng xác định được đâu là tiền đề và đâu là kết luận của luận cứ, vì chúng được trộn lẫn với các phán đoán không tham gia cấu tạo luận cứ, với những câu thuần túy không phải phán đoán hay được sử dụng theo lối tu từ, v.v. Các thao tác kỹ thuật để xử lý vấn đề này, chúng tôi sẽ trình bày cụ thể ở chương phân tích luận cứ, còn ở đây, ta chỉ nên quan tâm đến dạng chuẩn của cấu trúc luận cứ trên sẽ được trình bày như thế nào. Và đây là dạng đã được chuẩn hóa của nó:

(1) Giàu có là điều xấu hoặc giàu có là điều tốt.

(2) Giàu có không phải là điều xấu.

(3) Giàu có là điều tốt.

Một ví dụ khác. Xét luận cứ sau đây:

Những người tốt không đối xử tàn bạo đối với động vật. Một số trẻ em đối xử tàn bạo với động vật. Do đó một số trẻ em không phải là người tốt.

sẽ được trình bày ở dạng chuẩn như sau:

(1) Những người tốt không đối xử tàn bạo đối với động vật.

(2) Một số trẻ em đối xử tàn bạo với động vật.

(3) Một số trẻ em không phải là người tốt.

Đây là ví dụ cuối cùng:

Nếu là người cộng sản thì anh phải đọc tác phẩm của Marx. Anh không biết gì về tác phẩm của Marx, do đó anh không phải là người cộng sản.

Luận cứ này sẽ được chuẩn hóa với cấu trúc sau:

(1) Nếu anh là người cộng sản thì anh phải đọc tác phẩm của Marx.

(2) Anh không đọc tác phẩm nào của Marx.

(3) Anh không phải là người cộng sản.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Xác định xem trong số các câu dưới đây, những câu nào là phán đoán.

- 1.* Không có truyền thống, sẽ không có hồn nước, cũng không thể có văn minh. (Gustave Le Bon. *Tâm lý học đám đông*)
2. Dù các ông không tin tôi, ít ra cũng hãy tin các việc đó. (*Kinh thánh*, Gioan 10:38)
3. Con mắt em có sao mà ươn ướt thế? (Bùi Giáng)

4. Sự sợ hãi trong chính thể chuyên chế là do trừng phạt và đe dọa mà sinh ra. (Montesquieu, *Tinh thần pháp luật*)
- 5.* Ôi, trái tim lừa dối, người muốn huyền hoặc sự thay lòng đổi dạ đó sao? (F. Schiller, *Những tên cướp*)
6. Con người chỉ là một cây sậy, cây sậy yếu nhất trong thiên nhiên; nhưng là cây sậy biết tư duy. (Blaise Pascal, *Suy tưởng*)
7. Tại sao chúng ta phải lo lắng về công nghệ sinh học?
- 8.* Hãy nhớ rằng trong đại dương quên lãng, ta đang nằm quần quai với vết thương. (F. Schiller, *Những tên cướp*)
9. Trong tương lai, con người sẽ sống thọ đến vài trăm tuổi.
10. Hãy mau mau rèn luyện cách tư duy rõ ràng, để bạn có thể tự tin bước vào một cuộc tranh luận phức tạp, và không bị ném ra khỏi nó. (Epictetus, *Cẩm nang thư*)
11. Ví đem vào tập đoạn trường, thì treo giải nhất, chi nhường cho ai! (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)
- 12.* Ý định làm ra các tượng thần là đầu mối của tội bất trung. (*Kinh thánh*)
13. Ta, một lão già khốn khổ, phạm những tội lỗi gì?
14. Các người đã phản bội những gì, các người đã phản bội những gì, các người có biết không? (Albert Camus. *Ngộ nhận*)
15. Thật là sự nhầm lẫn tai hại!
- 16.* Cái đẹp của sự bỏ quên, của năng lực phán đoán.
17. Ý thức lịch sử thật xa lạ với văn hóa Hi Lạp cổ đại, với thế giới Hi Lạp cổ đại, với ý thức Hi Lạp cổ đại. (Nikolay Berdyaev. *Ý nghĩa của lịch sử*)
18. Đừng nhập bọn với quân chè chén say sưa, với những kẻ chỉ mê ăn nhậu. (*Kinh thánh*)
19. Nếu có thể, Cha ơi, chiếc chén đây xin hãy cất dời. (Boris Pasternak)
- 20.* Một tâm hồn xác tín vào những suy nghĩ khôn ngoan khác nào bức tranh khảm trên tường bóng. (*Kinh thánh*, Sách Huấn ca, 22:17)

II. Xác định xem các đoạn văn dưới đây đoạn văn nào là luận cứ và đoạn văn nào không phải là luận cứ. Cho biết tại sao những đoạn văn ấy không phải là luận cứ.

- 1.* Tôi ăn vì tôi đói.
2. Những quả bóng rổ đều tròn. Do đó, bạn có thể quay chúng.
3. Tôi hoảng sợ vì thấy khẩu súng chia vào tôi. Tôi sợ anh ta bắn tôi.
4. Vì vũ trụ giống như chiếc đồng hồ. Chiếc đồng hồ là vật được thiết kế. Do đó, chắc chắn vũ trụ cũng là cái được thiết kế.
- 5.* Aristotle, Descartes, Newton, Leibniz, Poincaré, Einstein đều là các nhà khoa học tự nhiên vĩ đại và đều là các nhà triết học lớn. Vậy các nhà khoa học tự nhiên vĩ đại đều là các nhà triết học lớn.
6. Hơn ba mươi năm qua, lượng mưa bình quân hàng năm ở thành phố Hồ Chí Minh là 1.979mm. Do đó, lượng mưa bình quân năm tới cũng sẽ ở mức đó.
7. Một số nhà tiến hóa luận không phải là người tin vào Kinh thánh, vì không một nhà sáng tạo luận nào là nhà tiến hóa luận, và một số người tin vào Kinh thánh không phải là nhà sáng tạo luận.
8. Điều cao đại nhất nơi con người nằm ở chỗ con người là một chiếc cầu chứ không phải là mục tiêu; điều mà ta có thể yêu thương con người là: con người là một sự chuyển tiếp và một sự suy tàn. (Nietzsche. *Zarathustra đã nói như thế*).
9. Chiếc laptop của tôi đang ở bệnh viện máy tính vì bị lỗi màn hình.
- 10.* Một dân tộc là một sinh thể hữu cơ được tạo ra bởi quá khứ và cũng như mọi sinh thể hữu cơ khác, nó chỉ tự biến thái do sự tích lũy chậm chạp của di truyền. (Gustave Le Bon, 2006. *Tâm lý học đám đông*. NXB Tri thức, tr.126).

11. Cảnh sát đang tìm kiếm kẻ tình nghi liên quan đến một vụ cướp tiệm vàng cách đây hai tuần. Đoạn video lấy từ camera an ninh của tiệm vàng cho thấy một người đàn ông bước vào tiệm với một khẩu súng, chia vào nhân viên cửa tiệm, rồi sau đó đi ra với số tiền và vàng cướp được. Thông tin được biết không có ai bị thương.
12. Không thể dùng đầu óc đơn thuần mà có thể nhận thức được đặc tính và những định luật tự nhiên của thế giới hiện thực. Phải cần có sự quan sát, tri giác và thí nghiệm, nói ngắn: cần có sự kiểm tra của kinh nghiệm. (Bùi Văn Nam Sơn. 2012. *Trò chuyện triết học*. NXB Tri thức, tr.170).
13. Khi bạn tự giải phóng mình ra khỏi những xao lãng của những lạc thú nông cạn hay viễn vông, và thay vào đó hiến mình cho những bổn phận chính đáng thì bạn có thể thư giãn. (Epictetus, *Cẩm nang thư*)
- 14.* Công nghệ di truyền sẽ đặt thẳng thuyết ưu sinh học trở lại bàn thảo luận, nhưng rõ ràng là mọi tiếp cận trong tương lai với thuyết ưu sinh học sẽ rất khác với những thể loại tiếp cận trong quá khứ, hoặc chí ít sẽ rất khác với quá khứ ở các nước phát triển phương Tây. (Francis Fukuyama, *Tương lai hậu nhân loại: hậu quả của cách mạng công nghệ*)
15. Nói rằng đấng tạo hóa cai trị thế giới không theo một quy luật nào là nói chuyện mơ hồ, vì không có quy luật thì thế giới không tồn tại. (Montesquieu, *Bàn về tinh thần pháp luật*)
16. Vì tôi đã thấy 1,000 con thiên nga, và tất cả chúng đều có màu trắng, tôi nghĩ hầu hết những con thiên nga đều có màu trắng.
17. Nhưng thủy thủ không chịu đi vì người ta không chịu phát lương cho họ bằng tiền Đông Dương. (Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, tr.20).
- 18.* Người Công giáo Việt Nam không chấp nhận hôn nhân

đồng tính. Theo quan niệm của Công giáo, hôn nhân là sự kết hợp giữa một người nam và một người nữ, là sự truyền sinh. Công giáo không chấp nhận hôn nhân đồng tính; coi đó là suy đồi, bệnh hoạn tâm lý, đặc biệt là chống lại sự trật tự của Thiên Chúa. (Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11-2017, tr.44).

19. Sự nhu nhược có thể có hai nguyên nhân. Trước hết tập quán: khi người ta đã quen với sự khoái lạc, người ta chịu đựng sự vắng mặt của nó một cách khó khăn hơn. Hoặc sự nhu nhược xuất phát từ một sự sắp đặt của tự nhiên: người ta có tâm hồn không bền bỉ có sự yếu đuối của tính tình. (Thomas Aquino, *Tổng luận thần học*)
20. Tư tưởng con người trong triết học của Khổng Tử mang tính đẳng cấp. Khổng Tử rất coi trọng việc giáo dục đạo đức cho con người, nhưng ông mới chỉ dừng lại ở việc giáo dục cho giai cấp thống trị mà chưa thấy được vai trò của giáo dục đối với người dân. Ông cho rằng chỉ có người quân tử mới có thể trở thành con người hoàn thiện còn kẻ tiểu nhân không thể trở thành con người hoàn thiện được (trích Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 1-2020, tr.45).
- 21.* Một văn bản bao giờ cũng kế thừa những văn bản có trước và bao giờ cũng mang nhiều tiếng nói hội nhập vào nhau. Đó là tính "liên văn bản" của mọi văn bản. Ví dụ, một tác phẩm văn học mang dấu ấn của sự kế thừa và của tính liên văn bản rất rõ ở chỗ nhiều tác phẩm trước đã được tác giả sau này đọc, mô phỏng tham khảo hoặc vận dụng. (Hoàng Trinh, 1997. *Từ ký hiệu học đến thi pháp học*, tr. .59).
22. Kinh nghiệm thẩm mỹ và kinh nghiệm tôn giáo hết sức phong phú trong việc tạo ra những sự chuyển tiếp theo kiểu này, bởi vì nghệ thuật và tôn giáo là những nhà sản xuất tiêu biểu tạo ra những địa hạt ý nghĩa hữu hạn. (Peter L. Berger - Thomas Luckmann. *Sự kiến tạo xã hội về thực tại*).

23. Chớ phân bì với quân tội lỗi
cũng đừng ham mê bè bạn với chúng,
vì lòng chúng chỉ nghĩ đến bạo hành
và môi chúng toàn nói lời độc ác.
(*Kinh thánh*, Châm ngôn, 24:1)
24. Nếu con người sống vào thời các loài khủng long còn
lang thang trên mặt đất thì ắt sẽ có bằng chứng về điều
này trong các dữ liệu hóa thạch. Nhưng không có bằng
chứng nào như thế cả. Cho nên tôi nghĩ con người chưa
có ở thời ấy.
- 25.* Cái hay cái đẹp của *Truyện Kiều* không những ở chỗ ngôn
từ hoa lệ, văn chương thâm mỹ, ý tứ thâm trầm phong
phú, mà còn ở chỗ tác giả đã mượn cốt người trong truyện
để miêu tả một cách khéo léo tài tình những thăng trầm
vinh nhục của cuộc đời, những vui buồn thương ghét của
con người và những tan hợp bèo mây của thực trạng xã
hội. Cao xa hơn nữa, Nguyễn Du đã dùng *Truyện Kiều* để
diễn đạt một quan niệm triết lý nhân sinh, một giá trị triết
học tôn giáo. (Thích Thiên Ân (1966). *Giá trị triết học tôn
giáo trong Truyện Kiều*, tr. 27-8).

III. Nhận diện tiền đề và kết luận trong các luận cứ sau đây.

- 1.* Tất cả các nhà tư tưởng tự do đều là những người có tư
duy phê phán. Một số nhà tư tưởng tự do là giáo sư đại
học. Do đó, một số giáo sư đại học là người có tư duy
phê phán.
2. Bởi vì không một thành viên nào của một nhóm xã hội
thoát khỏi quy luật tự nhiên là sinh ra và chết đi, cho nên
giáo dục lại càng là điều tất yếu. (John Dewey, *Dân chủ
và giáo dục*)
3. Xét về mặt văn bản học, tôi tin là Ngô Sĩ Liên đã chép lại
trung thành những lời bình sử của Lê Văn Hưu. Đó là vì
có chỗ Ngô Sĩ Liên đã giữ nguyên cả chữ húy thời Trần

(như đôi Lý ra Nguyễn) trong lời Lê Văn Hưu, chứng tỏ Ngô Sĩ Liên "sao y nguyên bản". (Hà Văn Tấn, *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*).

4. Kẻ có ý định giữ lời mình hứa không phải là kẻ nói dối, bởi vì họ không nói trái ngược. (Thomas Aquino, *Tổng luận thần học*).
- 5.* Sự phát triển về kinh tế và kỹ thuật đã khiến cho cuộc đấu tranh sinh tồn của con người càng thêm gay gắt, vì thế, sự phát triển tự do của cá nhân bị tổn hại nặng nề. (Albert Einstein, *Thế giới như tôi thấy*).
6. Do chỗ ánh sáng cần có thời gian để đến được con mắt của ta, tất cả những gì ta đang thấy thực ra đã hiện hữu trong quá khứ rồi (Louis Pojman, *Lý thuyết nhận thức*).
7. Một nước thù địch với một nước khác chứ không thể thù địch với những con người, vì giữa tất cả vật thể khác loại, khác chất, không thể xác định một mối quan hệ thực sự nào cả. (Jean Jacques Rousseau, *Bàn về kế ước xã hội*).
8. Tôi nghĩ đức tin là một thói xấu, bởi đức tin có nghĩa là tin một mệnh đề khi không có lý do chính đáng nào để tin nó cả. (Bertrand Russell, "Sự hiện hữu và bản tính của Thượng đế").
9. Khoa học có phương tiện nào cho phép ta phân biệt hiện tượng bình thường và hiện tượng không bình thường không? Đây là câu hỏi quan trọng nhất, bởi lẽ giải pháp mà nó đưa ra tùy thuộc vào cái vai trò được dành cho khoa học, nhất là khoa học về con người. (cải biên từ Durkheim, *Các quy tắc của phương pháp xã hội học*).
- 10.* Đối với nhà sử học thì tất cả những gì chứa đựng thông tin về quá khứ của con người đều là sử liệu. Văn bản mà trở thành sử liệu là cũng vì bên cạnh những thông tin khác, nó còn chứa đựng những thông tin về quá khứ. (Hà Văn Tấn, *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*).
11. Phải mất nhiều thời gian, tư tưởng mới được xác lập trong đám đông, nhưng muốn thoát ra khỏi đó cũng phải

mất chừng ấy thời gian. Vậy nên, đứng trên phương diện tư tưởng, đám đông bao giờ cũng đi chậm hơn vài thế hệ so với những nhà bác học và triết gia. (Gustave Le Bon, *Tâm lý học đám đông*).

12. Nếu vũ trụ đè bẹp con người, con người vẫn cao thượng hơn những gì giết chết con người, bởi vì con người biết mình sẽ chết và biết cái lợi thế của vũ trụ, trong khi vũ trụ chẳng biết gì cả. (Blaise Pascal, *Suy tưởng*).
13. Cái chủ yếu trong học thuyết của Mác là đấu tranh giai cấp. Người ta vẫn thường hay nói và hay viết như thế. Nhưng điều đó không đúng. [...]. Vì thuyết đấu tranh giai cấp không phải do Mác, mà do giai cấp tư sản trước Mác sáng tạo ra. (V.I Lênin, *Nhà nước và cách mạng*).
14. *Thời báo Kinh tế Việt Nam* có một bài báo về quy chế mới cho hoạt động của hệ thống ngân hàng. *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, cũng giống với *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, là một tờ báo kinh tế có uy tín. Do đó, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* chắc cũng có bài viết về vấn đề này.
15. Con đường tiến lên chủ nghĩa cộng sản phải trải qua giai đoạn chuyên chính vô sản, vì không có giai cấp nào khác, mà cũng không có con đường nào khác, để đập tan sự phản kháng của bọn tư bản bóc lột được. (V.I Lênin, *Nhà nước và cách mạng* [đã lược bớt]).

Chương 2

PHÂN TÍCH LUẬN CỨ

Trong chương trước, chúng ta đã làm quen với kỹ năng nhận biết luận cứ hiện hữu trong các đoạn văn và kỹ năng nhận biết các tiền đề và kết luận của luận cứ qua hai câu hỏi phản biện: "Tác giả đang cố thuyết phục ta tin điều gì?" và "Tác giả dùng những lý do nào để thuyết phục ta?". Trong chương này, chúng ta sẽ học cách trả lời những câu hỏi này bằng cách rèn luyện kỹ năng phân tích luận cứ. Phân tích một luận cứ là tháo rời luận cứ ấy ra thành các bộ phận khác nhau để thấy cho rõ ràng kết luận nào mà tác giả muốn thuyết phục ta tin và dựa trên cơ sở nào. Phân tích luận cứ là một kỹ năng cơ bản của tư duy biện luận. Nếu thành thạo kỹ năng phân tích luận cứ, ta sẽ hiểu chính xác hơn luận cứ do người khác đưa ra, và đến lượt nó, việc hiểu chính xác hơn sẽ giúp ta kiểm tra và đánh giá luận cứ ấy hiệu quả hơn.

1. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH CÁC DẠNG LUẬN CỨ THƯỜNG GẶP

Do chỗ phản ánh dòng chảy sinh động và đa dạng của cuộc sống, tư duy của chúng ta được biểu đạt qua ngôn ngữ rất linh hoạt. Đó là lý do tại sao ta thấy các luận cứ mà ta bắt gặp mang nhiều dáng vẻ khác nhau: có những luận cứ được trình bày gần như là chuẩn mực với đầy đủ các thành phần và yếu tố cấu tạo, có những luận cứ không đầy đủ, như thiếu tiền đề hay thiếu kết luận chẳng hạn, có những luận cứ thiếu các yếu tố như từ chỉ báo luận cứ, có những luận cứ đơn giản nhưng cũng có những luận cứ được tổ chức phức tạp và chứa nhiều luận cứ, v.v.. Chính vì thực tế có nhiều dạng luận cứ như vậy, kỹ thuật phân tích đòi hỏi phải linh hoạt và được tiến hành một cách có phương pháp. Phương pháp phân tích luận cứ sẽ gồm các bước sau:

1. Đọc qua luận cứ, khoanh tròn các từ chỉ báo tiền đề và kết luận;
2. Xác định các phán đoán gắn liền với các từ chỉ báo luận cứ;
3. Tìm xem có tiền đề hay kết luận ngầm nào không;
4. Loại bỏ tất cả các phán đoán không dùng để nâng đỡ kết luận và các câu không phải phán đoán ra khỏi luận cứ;
5. Viết lại các phán đoán cho thật gọn và rõ ràng;
6. Đưa các tiền đề và kết luận có được vào cấu trúc luận cứ dạng chuẩn.

Giờ chúng ta áp dụng các bước phương pháp này để tiến hành phân tích một số dạng luận cứ thường gặp.

Luận cứ thường gặp nhất là *luận cứ có các từ chỉ báo*. Các từ chỉ báo trong luận cứ là manh mối giúp ta biết được cấu trúc của luận cứ. Từ chỉ báo tiền đề cho ta biết phán đoán đi sau nó là phán đoán tiền đề, từ chỉ báo kết luận cho ta biết phán đoán đi sau nó là phán đoán kết luận. Để phân tích luận cứ một cách nhanh chóng và hiệu quả, ta nên tận dụng manh mối từ chỉ báo này.

Thử xét luận cứ sau đây:

"Tôi nói thuyết phục hơn bạn; do vậy, lời nói của tôi có trọng lượng nhiều hơn lời nói của bạn." (Epictetus, *Cẩm nang thư*)

Thứ nhất ta khoanh tròn từ chỉ báo rồi xác định phán đoán gắn liền với từ ấy là tiền đề hay kết luận.

"Tôi nói thuyết phục hơn bạn; [do vậy] lời nói của tôi có trọng lượng nhiều hơn lời nói của bạn."

Từ chỉ báo được khoanh tròn ở đây là "do vậy" là từ chỉ báo kết luận, cho nên phán đoán đi ngay sau nó "lời nói của tôi có trọng lượng nhiều hơn lời nói của bạn" là kết luận, phán đoán còn lại sẽ là phán đoán tiền đề, vì nó là phán đoán nâng đỡ cho kết luận. Trình bày luận cứ này ở dạng chuẩn, ta sẽ có cấu trúc như sau:

(1) Tôi nói thuyết phục hơn bạn.

(2) Lời nói của tôi có trọng lượng nhiều hơn lời nói của bạn.

Xét ví dụ tiếp theo:

Vì cá heo có phổi, nhưng cá thì không; cho nên cá heo không phải là cá.

Trước hết, ta khoanh tròn các từ chỉ báo rồi xác định các phán đoán đi kèm theo chúng là tiền đề hay kết luận.

Vì cá heo có phổi, nhưng cá thì không; cho nên cá heo không phải là cá.

Luận cứ này có hai từ chỉ báo: "cho nên" (từ chỉ báo kết luận) cho biết "cá heo không phải là cá" là phán đoán kết luận; chữ "vì" (từ chỉ báo **kết luận tiền đề**) cho biết hai phán đoán "cá heo có phổi" và "cá thì không" là tiền đề.

Tiếp theo, ta kiểm tra xem luận cứ có chứa phán đoán không tham gia nâng đỡ cho kết luận hoặc có những câu không phải phán đoán không. Nếu có ta loại ra khỏi luận cứ. Ví dụ đang xét của chúng ta không có trường hợp này.

Tiếp đến, ta xét xem ngôn ngữ của các phán đoán đã được phát biểu một cách rõ ràng nhất có thể hay chưa. Nếu chưa rõ ràng thì ta nên viết lại cho rõ nhưng chính xác ý của phán đoán. Hai phán đoán tiền đề của luận cứ đang xét cần phải được viết lại cho tường minh. Có thể viết như sau:

"Cá heo là loài có phổi" và "Cá không phải là loài có phổi".

Cuối cùng, viết hoàn chỉnh luận cứ ở cấu trúc dạng chuẩn:

(1) Cá heo là loài có phổi.

(2) Cá không phải là loài có phổi.

(3) Cá heo không phải là cá.

Dạng thứ hai là *luận cứ không có từ chỉ báo*. Đối với dạng luận cứ này, công việc xác định xem đâu là tiền đề và đâu là kết luận của ta sẽ khó khăn hơn, bởi lúc đó ta không có bất cứ manh mối nào cả. Khi gặp dạng này, ta phải đọc cho cẩn thận, dùng hai câu hỏi phân biệt ở chương 2 để tìm kết luận và tiền đề: Tác giả đang cố thuyết phục ta tin gì hay làm gì? Tác giả dùng những lý do nào để thuyết phục ta? Nếu đã sử dụng hai câu hỏi này mà vẫn cảm thấy chưa yên tâm về quyết định của mình, ta có thể thử cài các từ chỉ báo vào và xét xem phương án nào hợp lý nhất. Xét ví dụ sau:

Không có cái gì vĩ đại mà được tạo ra đột ngột. Phải có thời gian.¹

1. Epictetus. *Cẩm nang thư*. Đỗ Tư Nghĩa dịch. NXB Hồng Đức.

Luận cứ này tuy không có từ chỉ báo, nhưng ta có thể nhận thấy rằng tác giả đang cố gắng thuyết phục ta một điều gì đó là đúng, cụ thể "Phải có thời gian [để làm điều gì đó vĩ đại]", vì thế phán đoán này là kết luận của luận cứ, phán đoán còn lại giữ vai trò như là lý do để thuyết phục ta làm điều đó, nên nó là tiền đề. Để thêm phần chắc chắn cho quyết định của mình, ta có thể tự cài các từ chỉ báo vào luận cứ.

Cài từ chỉ báo tiền đề "vì", ta có phương án thứ nhất:

Không có cái gì vĩ đại mà được tạo ra đột ngột, **vì** phải có thời gian.

Cài từ chỉ báo kết luận "vì vậy", ta có phương án thứ hai:

Không có cái gì vĩ đại mà được tạo ra đột ngột, **vì vậy** phải có thời gian.

Rõ ràng trong trường hợp này ta thấy phương án thứ hai hợp lý hơn, bởi lẽ tiền đề của một luận cứ phải là một phán đoán phát biểu về sự kiện nào đó được mọi người thừa nhận, chính vì thế nó sẽ được dùng để nâng đỡ cho một niềm tin mà người nói muốn thuyết phục ta. Trong luận cứ này "Không có cái gì vĩ đại mà được tạo ra đột ngột" là phán đoán phát biểu một sự kiện được thừa nhận, "Phải có thời gian" là phán đoán phát biểu một niềm tin cần được thuyết phục. Do chỗ phương án thứ nhất biểu thị cấu trúc niềm tin nâng đỡ cho sự kiện được thừa nhận, nên nó không phải là luận cứ; phương án thứ hai thì ngược lại.

Dạng chuẩn của luận cứ này sẽ như sau:

(1) Không có cái gì vĩ đại mà được tạo ra đột ngột.

(2) Phải có thời gian [để làm điều gì đó vĩ đại].

Dạng luận cứ thường thấy thứ ba là luận cứ có tiền đề hay kết luận ngầm. Như đã nói ở chương trước, *luận cứ có tiền đề ngầm* là luận cứ trong đó một phán đoán tiền đề không được tác giả phát biểu ra. Nhiệm vụ của người phân tích phản biện là ta phải phát biểu ra cái phán đoán không được tác giả phát biểu ra ấy. Xét ví dụ sau:

*Tư tưởng của Kant có pha trộn với một thứ mục đích luận sinh ra từ truyền thống Thiên Chúa giáo và một tư duy đạo đức học riêng của thời đại Ánh sáng. Vì vậy, Kant đã tái hợp di sản của Bossuet với các di sản của Rousseau.*¹

1. Guy Bourdé và Hervé Martin (2006). *Các trường phái sử học*. Viện Sử học, tr. 129.

Trước hết, ta khoanh tròn từ chỉ báo kết luận trong luận cứ để xác định đâu là phán đoán kết luận và đâu là phán đoán tiền đề.

Tư tưởng của Kant có pha trộn với một thứ mục đích luận sinh ra từ truyền thống Thiên Chúa giáo và một tư duy đạo đức học riêng của thời đại Ánh sáng. Vì vậy Kant đã tái hợp di sản của Bossuet với các di sản của Rousseau

Từ chỉ báo trong luận cứ này là "vì vậy", nên phán đoán "Kant đã tái hợp di sản của Bossuet với các di sản của Rousseau" là kết luận, và phán đoán còn lại là tiền đề. Tuy nhiên, đọc các phán đoán này ta thấy nội dung của chúng đề cập đến các đối tượng khác nhau. Đối tượng được phát biểu trong tiền đề là "truyền thống Thiên Chúa giáo" và "thời đại Ánh sáng", trong khi đó trong kết luận là "di sản của Bossuet" và "di sản của Rousseau". Tại sao các tác giả lại nối kết các đối tượng khác nhau này để tạo thành một luận cứ? Chúng có mối quan hệ logic nào hay không? Nếu không biết mối quan hệ giữa chúng, ta phải tra cứu các tài liệu lịch sử. Lúc đó ta sẽ thấy Bossuet là nhà tư tưởng thuộc truyền thống Thiên Chúa giáo và Rousseau là nhà tư tưởng thuộc thời đại Ánh sáng. Đây chính là điều tác giả luận cứ không nói ra trong tiền đề, bởi họ coi thông tin ấy độc giả đương nhiên đã biết rồi. Với tư cách là một nhà phản biện, bạn phải phát biểu một cách minh nhiên tiền đề ngầm này trong luận cứ. Chính vì vậy, luận cứ này sẽ được trình bày hoàn chỉnh ở dạng chuẩn như sau:

- (1) Tư tưởng của Kant có pha trộn với một thứ mục đích luận sinh ra từ truyền thống Thiên Chúa giáo và một tư duy đạo đức học riêng của thời đại Ánh sáng.
- (2) Bossuet là nhà tư tưởng của truyền thống Thiên Chúa giáo và Rousseau là nhà tư tưởng của thời đại Ánh sáng.

- (3) Kant đã tái hợp di sản của Bossuet với các di sản của Rousseau.

Đối với trường hợp *luận cứ có kết luận ngầm*, tức luận cứ trong đó phán đoán kết luận không được tác giả nói ra hoặc phát biểu ẩn ý bằng lối nói tu từ. Trong trường hợp này, quá trình phân tích buộc ta phải phát biểu phán đoán ấy ra nếu tác giả không nói ra, hoặc phát biểu lại bằng cấu trúc câu tường thuật nếu tác giả phát biểu theo lối

nói tu từ. Có hai ví dụ minh họa cho trường hợp này. Ví dụ thứ nhất, cho trường hợp kết luận không được nói ra:

*Nếu em có quyền mở miệng thì em sẽ nói anh nghe những điều ... em sẽ có thể... Nhưng số mệnh khắc nghiệt đã trói chặt miệng lưỡi em và tình yêu của em.*¹

Trong đoạn văn này, có hai phán đoán được nêu ra: "Nếu em có quyền mở miệng thì em sẽ nói anh nghe những điều em sẽ có thể" và "Số mệnh khắc nghiệt đã trói chặt miệng lưỡi em". Không phán đoán nào trong hai phán đoán này được nâng đỡ bởi phán đoán còn lại, nhưng sự kết hợp giữa chúng với nhau sẽ tất yếu dẫn đến một phán đoán khác mà tác giả không nói ra, đó là: em không thể nói anh nghe những điều ấy được; đây chính là kết luận của luận cứ. Luận cứ đầy đủ sẽ là như sau:

Nếu em có quyền mở miệng thì em sẽ nói anh nghe những điều ... em sẽ có thể... Nhưng số mệnh khắc nghiệt đã trói chặt miệng lưỡi em và tình yêu của em. Vì vậy, em không thể nói anh nghe những điều ấy được.

Tuy nhiên, để cho nội dung luận cứ trở nên rõ ràng hơn, ta buộc phải xử lý ngôn ngữ bằng cách viết lại câu văn thứ hai và lược bỏ từ ngữ nào không tham gia vào luận cứ. Trước hết ta loại bỏ cụm từ "và tình yêu của em", sau đó viết lại câu để cấu trúc logic trở nên nổi bật hơn, ở đây ta có thể viết thành "Em không có quyền mở miệng". Cuối cùng, trình bày luận cứ ở dạng chuẩn:

- (1) Nếu em có quyền mở miệng thì em sẽ nói anh nghe những điều em sẽ có thể.
- (2) Em không có quyền mở miệng.
- (3) Em sẽ không thể nói anh nghe những điều em sẽ có thể được.

Ví dụ thứ nhất, cho trường hợp kết luận được phát biểu ẩn ý qua lối nói tu từ:

Hôm qua bà chủ nói rằng bà sẽ sa thải bất cứ ai nghỉ làm hơn sáu ngày trong tháng này. Tôi thấy tháng này tính tới hôm qua là bạn đã nghỉ làm đến tám ngày. Bạn hiểu tôi muốn nói gì chứ?

1. Friedrich Schiller *(2009). *Tuyển tập kịch*. "Âm mưu và ái tình". NXB Lao Động và Trung tâm Văn hóa Đông Tây, tr. 306.

Đoạn văn này có hai phán đoán và một câu hỏi. Ở chương trước, chúng ta đã phân biệt hai loại câu hỏi: câu hỏi để có thông tin về điều được hỏi sẽ không thể nào là một phán đoán, do đó không tham gia cấu tạo luận cứ; và câu hỏi tu từ là câu hỏi không phải để có được thông tin, mà để hàm ý một điều gì đó khác, vì thế nó sẽ được coi là đại diện cho một phán đoán. Trong trường hợp này, câu hỏi "Bạn hiểu tôi muốn nói gì chứ?" là câu hỏi hàm ý một phán đoán. Giống như ví dụ thứ nhất, để biết kết luận của luận cứ là gì thì ta xét xem hai phán đoán đầu với tư cách là tiền đề sẽ dẫn ta đến kết luận gì, và hãy viết kết luận ấy ra. Kết luận của luận cứ này sẽ là "Bạn sẽ bị nghỉ việc".

Đây là cấu trúc dạng chuẩn của luận cứ:

- (1) Bà chủ nói bà sẽ sa thải bất cứ ai nghỉ làm hơn sáu ngày trong tháng này.
- (2) Bạn đã nghỉ làm hơn sáu ngày.
- (3) Bạn sẽ bị sa thải.

Dạng luận cứ tiếp theo là *luận cứ có chứa phán đoán không cấu tạo luận cứ*:

Bạn nói rằng tất cả các triết gia nổi tiếng đều là đàn ông. Nhưng bạn biết đấy Simone de Beauvoir là đàn bà và bà ấy là triết gia nổi tiếng, cho nên một số triết gia nổi tiếng là đàn bà.

Trước tiên, ta khoanh tròn từ chỉ báo kết luận "cho nên" và xác định ngay phán đoán kết luận là "một số triết gia nổi tiếng là đàn bà"; các phán đoán làm nhiệm vụ nâng đỡ cho kết luận này là: "Simone de Beauvoir là đàn bà" và "Bà ấy là triết gia nổi tiếng", phán đoán còn lại "Tất cả các triết gia nổi tiếng đều là đàn ông" không hướng đến nâng đỡ cho kết luận nên ta loại bỏ phán đoán này ra khỏi luận cứ, các cụm từ "bạn nói rằng", "nhưng bạn biết đấy" là những cụm từ thừa, ta cũng loại ra khỏi luận cứ.

~~Bạn nói rằng tất cả các triết gia nổi tiếng đều là đàn ông. Nhưng bạn biết đấy Simone de Beauvoir là đàn bà và bà ấy là triết gia nổi tiếng.~~ cho nên một số triết gia nổi tiếng là đàn bà.

Cuối cùng, trình bày cấu trúc luận cứ theo dạng chuẩn:

- (1) Simone de Beauvoir là đàn bà.
- (2) Simone de Beauvoir là triết gia nổi tiếng.
- (3) Một số triết gia nổi tiếng là đàn bà.

Cho đến đây, chúng ta đang xét các luận cứ trong hình thức đơn giản của chúng. Trên thực tế, chúng ta cũng thường gặp các luận cứ có cấu trúc phức tạp hơn, đó chính là các luận cứ mở rộng. Các *luận cứ mở rộng* thực chất là một luận cứ chứa nhiều luận cứ, nghĩa là các luận cứ cơ bản sẽ được nối kết với nhau theo cách nào đó để tạo thành luận cứ mở rộng. Phân tích các luận cứ này, ngoài những thao tác kĩ thuật nói trên, ta còn sẽ phải tháo rời chuỗi luận cứ để tách các luận cứ thành phần ra để xác định đâu là luận cứ chính và đâu là luận cứ phụ. *Luận cứ chính* là luận cứ trong đó các tiền đề hướng đến nâng đỡ cho kết luận cuối cùng. *Luận cứ phụ* là luận cứ trong đó các tiền đề hướng tới nâng đỡ cho một tiền đề nào đó trong luận cứ chính. Và ta gọi tiền đề được nâng đỡ (bởi các tiền đề khác) trong luận cứ chính là *kết luận trung gian*, vì bản thân nó vừa là tiền đề của luận cứ này nhưng đồng thời lại là kết luận của luận cứ khác. Xét ví dụ sau:

Có thể người ta sẽ tự hỏi đời mình có ý nghĩa gì không ngay cả khi họ đang hưởng thụ cuộc sống. Do đó, ý nghĩa cuộc đời khác với việc hưởng thụ cuộc sống. Cũng có thể người ta cảm thấy đời mình vô nghĩa ngay cả khi trong mắt người khác họ là người đáng ngưỡng mộ. Do đó, cuộc đời có ý nghĩa khác với việc được người khác ngưỡng mộ. Vì vậy, nếu xét một cách biệt lập nhau thì cả việc hưởng thụ cuộc sống lẫn việc được người khác ngưỡng mộ là không đủ để làm cho cuộc đời trở nên có ý nghĩa.

Trước hết, khoanh tròn các từ chỉ báo trong luận cứ:

Có thể người ta sẽ tự hỏi đời mình có ý nghĩa gì không ngay cả khi họ đang hưởng thụ cuộc sống. [Do đó,] ý nghĩa cuộc đời khác với việc hưởng thụ cuộc sống. Cũng có thể người ta cảm thấy đời mình vô nghĩa ngay cả khi trong mắt người khác họ là người đáng ngưỡng mộ. [Do đó,] cuộc đời có ý nghĩa khác với việc được người khác ngưỡng mộ. [Vì vậy,] nếu xét một cách biệt lập nhau, cả việc hưởng thụ cuộc sống lẫn việc được người khác ngưỡng mộ là không đủ để làm cho cuộc đời trở nên có ý nghĩa.

Cả ba từ đều là từ chỉ báo kết luận, do đó tất cả ba phán đoán kết luận trong luận cứ. Với từ chỉ báo thứ nhất, phán đoán "Ý nghĩa cuộc đời khác với việc hưởng thụ cuộc sống" là kết luận, phán đoán nâng đỡ cho nó sẽ là "Có thể người ta sẽ tự hỏi đời mình có ý nghĩa gì không ngay cả khi họ đang hưởng thụ cuộc sống". Như vậy ta có luận cứ thứ nhất:

(1) Có thể người ta sẽ tự hỏi đời mình có ý nghĩa gì không ngay cả khi họ đang hưởng thụ cuộc sống.

(2) Ý nghĩa cuộc đời khác với việc hưởng thụ cuộc sống.

Với từ chỉ báo thứ hai, phán đoán "cuộc đời có ý nghĩa khác với việc được người khác ngưỡng mộ" là kết luận, phán đoán nâng đỡ cho nó sẽ là "Có thể người ta cảm thấy đời mình vô nghĩa ngay cả khi trong mắt người khác họ là người đáng ngưỡng mộ". Ta có luận cứ thứ hai:

(3) Có thể người ta cảm thấy đời mình vô nghĩa ngay cả khi trong mắt người khác họ là người đáng ngưỡng mộ.

(4) Ý nghĩa cuộc đời khác với được người khác ngưỡng mộ.

Với từ chỉ báo cuối cùng, phán đoán "Nếu xét một cách biệt lập nhau, cả việc hưởng thụ cuộc sống lẫn việc được người khác ngưỡng mộ là không đủ để làm cho cuộc đời trở nên có ý nghĩa" là kết luận. Những phán đoán nào hướng đến nâng đỡ nó? Chính các kết luận của luận cứ thứ nhất và luận cứ thứ hai sẽ nâng đỡ cho nó: phán đoán (2) và phán đoán (4). Trước khi trình bày cấu trúc luận cứ ở dạng chuẩn, ở đây ta còn có thêm một thao tác phải thực hiện: viết lại phán đoán kết luận cho thật gọn, vì nó được phát biểu khá dài (33 chữ). Ta có thể viết lại (chỉ còn 23 chữ) nhưng không làm sai ý nghĩa của nó như sau: "Hưởng thụ cuộc sống hoặc được người khác ngưỡng mộ, tự từng cái một, không thể làm nên cuộc đời có ý nghĩa". Đây là cấu trúc dạng chuẩn của luận cứ (luận cứ thứ ba):

(2) Ý nghĩa cuộc đời khác với việc hưởng thụ cuộc sống.

(4) Ý nghĩa cuộc đời khác với được người khác ngưỡng mộ.

(5) Hưởng thụ cuộc sống hoặc được người khác ngưỡng mộ, tự từng cái một, không thể làm nên cuộc đời có ý nghĩa.

Vì các kết luận của luận cứ thứ nhất và thứ hai giữ vai trò là tiền đề cho luận cứ thứ ba, nên cả hai luận cứ đầu là luận cứ phụ, luận cứ cuối cùng là luận cứ chính của luận cứ mở rộng.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

Hãy phân tích các luận cứ sau bằng cách xác định tiền đề và kết luận của chúng, rồi trình bày chúng ở dạng chuẩn

- 1.* Vì sô cô la có đường, chắc chắn nó không tốt cho răng của bạn.
2. Các thiên thạch được tìm thấy tới ngày nay có chứa muối. Do đó, các thiên thạch được tìm thấy trong tương lai cũng sẽ chứa muối.
3. Jean-Paul Sartre hẳn phải là một người đầy lòng quả cảm vì ông ấy là thành viên của phong trào Kháng chiến Pháp.
4. Hãy tha thứ cho anh, vì anh đã cảm dỗ tình yêu của em một cách vô cùng tàn nhẫn. (F. Schiller, *Những tên cướp*)
- 5.* Lý do chúng ta nên coi ruồi là loài gây hại đó là chúng gieo rắc các mầm bệnh.
6. Vì Loan thông thạo ba ngôn ngữ, cô ấy nên xin việc ở công ty nước ngoài. Ít ra, đó là suy nghĩ của tôi.
7. Muốn qua được lớp Tư duy biện luận thì bạn phải làm bài tập ở nhà. Đằng này bạn chẳng làm một bài tập nào hết.
8. Nghiên cứu tôn giáo giữ vai trò mấu chốt trong việc hiểu thế giới của chúng ta. Những sự dị biệt giữa các tôn giáo là nguyên nhân gây ra chiến tranh suốt chiều dài lịch sử, và chúng tiếp tục làm gia tăng các xung đột trên đấu trường quốc tế.
9. Nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục thì tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác. Anh đã bắn vào quá khứ bằng súng lục, vậy tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác.
- 10.* Nhện hoàn toàn có lợi cho hệ sinh thái. Đừng hại chúng.
11. Nếu sách của các ngài phù hợp với kinh Koran thì sách của các ngài thừa. Nếu sách của các ngài không đúng với kinh Koran thì sách của các ngài có hại. Sách thừa hoặc có hại

thì cần phải đốt bỏ, vậy sách của các ngài cần phải bị đốt bỏ.

12. Chủ nhật vừa rồi nó không được nghỉ đâu. Vì nếu được nghỉ thì nó đã về thăm ba nó. Mà về thăm ba nó thì thế nào nó cũng sang nhà tôi chơi. Nhưng hôm đó tôi ngồi ở nhà cả ngày mà đâu có gặp nó.
13. Một tinh thần minh mẫn trong một thân thể tráng kiện, đây là một câu nói ngắn gọn, mô tả đầy đủ thế nào là hạnh phúc trên cõi đời này. Người nào có hai điều kiện đó không còn gì để mong ước thêm nữa. (John Locke, *Vài suy nghĩ về giáo dục*).
14. Ôi, địa ngục và tử thần! Em đã đọc được cái gì trong mẩu giấy. Nàng bị đặt trước sự lựa chọn. Hoặc là mặc cho em bị giết, hoặc là phải nhận làm nhân ngãi cho một lão Hoàng thân. Trong cuộc đấu tranh giữa danh dự và tình yêu, nàng Amalia đã chọn cái thứ hai và thế là em được cứu thoát. (F. Schiller, *Những tên cướp*)
- 15.* Nếu ta chọn năng lượng hạt nhân thì ta sẽ làm tăng thêm nguy cơ tai nạn hạt nhân; nhưng nếu ta chọn năng lượng quy ước thì ta sẽ làm tăng hiệu ứng nhà kính. Ta buộc phải chọn năng lượng hạt nhân hoặc năng lượng quy ước. Do đó, ta sẽ làm tăng tai nạn hạt nhân hoặc làm tăng hiệu ứng nhà kính.
16. Mọi người sinh ra đều bình đẳng và được ban cho những quyền bất khả chuyển nhượng. Chính quyền được lập ra là để bảo vệ những quyền ấy. Khi chính quyền vi phạm các luật này, người dân có quyền phế bỏ chính quyền ấy và lập ra chính quyền mới. Vua Anh đã liên tục vi phạm quyền của những người thuộc địa Mỹ. Vì thế, những người thuộc địa Mỹ có quyền đứng lên chống lại vua Anh. (*Tuyên ngôn độc lập Mỹ* [đã cải biên])
17. Mọi sự của thế giới này là một dòng chảy không ngừng, không có gì giữ nguyên được trạng thái trong thời gian dài. Vì thế mà con người, sự giàu có, thương mại, quyền lực đều thay đổi vị trí của mình; các thành thị hùng

cường, thịnh vượng rồi cũng điêu tàn, theo thời gian trở thành những xó xỉnh, hoang tàn, nhếch nhác, trong khi nhiều nơi thừa thớt khác lại lớn mạnh thành những xứ sở đông dân cư, đầy người và của cải. (John Locke, *Khảo luận thứ hai về chính quyền*).

18. Xin anh hãy làm ơn đừng luôn luôn gọi tôi trên báo là "đồng chí". Thứ nhất, tôi ghét tất cả mọi tước vị, và vì trên tất cả những báo chí Đức được coi trọng, người ta đều gọi mọi người đơn giản theo cái tên mà không nêu tước vị nếu người ta không đã kích họ. Ngoài ra, ở đây chúng tôi hoàn toàn không phải là "đồng chí" theo nghĩa hẹp của từ này; chúng tôi không thuộc về một đảng của một nước riêng nào đó, chừng nào chúng tôi còn chưa trở về Đức và tham gia trực tiếp vào cuộc đấu tranh ở đây. (Engels, *Thư gửi Eduard Bernstein* [đã lược bớt]).
19. Trên cơ sở các nghi ngờ và suy luận logic, Descartes cố gắng tìm kiếm một nền tảng hoàn toàn mới và vững chắc cho một hệ thống triết học. Ông không chấp nhận thiên khai như là một cơ sở và cũng không muốn chấp nhận một cách không phê phán những gì được cảm nhận bởi các giác quan. Bởi vậy ông bắt đầu với phương pháp nghi ngờ. (Werner Heisenberg. *Vật lý và triết học: cuộc cách mạng trong khoa học hiện đại* [đã cải biên]).
20. Vậy liệu sau những điều đã làm được, chúng ta có quyền mơ đến việc bay cao tại sân chơi châu lục và cả việc dự World Cup hay không? Trước khi trả lời cho câu hỏi này, hãy đến ngay với ý kiến của chuyên gia Lê Thụy Hải khi ông cho rằng dù Việt Nam đã là tân vương tại Đông Nam Á nhưng “đẳng cấp” của chúng ta vẫn “dưới cơ” so với Thái Lan. Theo đó, ngay cả Thái Lan cũng chẳng làm được nhiều điều trên sân chơi Châu Á và chỉ mới mon men đến vòng loại trong của World Cup thì Việt Nam lấy cớ gì mà giương cờ giống trống?

(Nguồn <http://www.tinthe thao.com.vn/bong-da-viet-nam-va-giac-mo-chau-luc-hay-world-cup-day-chua-phai-la-luc-mo-mong-d502025.html>)

2. VẼ SƠ ĐỒ LUẬN CỨ

Vẽ sơ đồ luận cứ là thao tác cần thiết giúp ta nắm bắt một cách trực quan cấu trúc của luận cứ, trên cơ sở đó tiến hành sự đánh giá có phê phán luận cứ ấy một cách dễ dàng hơn. Các thành phần cấu tạo sơ đồ gồm: các con số đại diện cho các phán đoán và một mũi tên từ tiền đề hướng mũi đến kết luận. Phương pháp vẽ sơ đồ luận cứ có thể thực hiện theo 5 bước sau:

Trước hết, đọc qua luận cứ và khoanh tròn các từ chỉ báo tiền đề và kết luận nào bạn thấy. Ví dụ:

Vì *Đạo đức kinh* được viết bằng ngôn ngữ tư biện rất xa lạ so với cách diễn đạt quen thuộc, **cho nên** sau đó có những cách giải thích khác nhau, cách nào cũng có ảnh hưởng to lớn. (Phan Ngọc).

Thứ hai, đánh số các phán đoán theo trình tự chúng xuất hiện ra trong luận cứ (lưu ý những câu không phải phán đoán thì đừng đánh số):

Vì ① *Đạo đức kinh* được viết bằng ngôn ngữ tư biện rất xa lạ so với cách diễn đạt quen thuộc, **cho nên** ② sau đó có những cách giải thích khác nhau, cách nào cũng có ảnh hưởng to lớn. (Phan Ngọc).

Thứ ba, loại bỏ bất cứ phán đoán hay các câu nào không tham gia cấu tạo luận cứ mà tôi gọi là phán đoán thừa, hay các câu chữ thừa.

Vì vậy ① *Đạo đức kinh* được viết bằng ngôn ngữ tư biện rất xa lạ so với cách diễn đạt quen thuộc, **cho nên** ② sau đó có những cách giải thích khác nhau, ~~cách nào cũng có ảnh hưởng to lớn.~~ (Phan Ngọc).

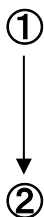
Thứ tư, đặt (các) con số đại diện cho phán đoán tiền đề ở bên trên và con số đại diện cho phán đoán kết luận ở bên dưới:

①

②

Cuối cùng, sử dụng mũi tên từ các con số đại diện cho tiền đề hướng mũi đến con số đại diện cho kết luận (mũi tên này có giá trị

tương đương với các từ chỉ báo kết luận) để biểu thị mối quan hệ logic giữa tiền đề và kết luận:

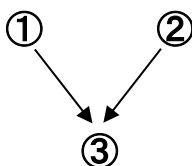


Nếu các luận cứ ta đang xem xét có nhiều tiền đề thì ta phải cẩn trọng. Có những luận cứ có các tiền đề độc lập trong việc nâng đỡ cho kết luận, nhưng cũng có những luận cứ mà các tiền đề của chúng phải phụ thuộc vào nhau để nâng đỡ cho kết luận. Dưới đây là ví dụ cho *luận cứ có các tiền đề độc lập*.

① Cocaine là chất gây nghiện và ② nó là chất cấm. Do đó ③ bạn không nên dùng cocaine.

Kết luận của luận cứ là phán đoán ③ và các tiền đề là phán đoán ① và ②. Trong luận cứ này ta có thể nhận thấy các tiền đề ① và ② tự chúng có thể nâng đỡ cho kết luận. Giả sử trong hai tiền đề này, thiếu vắng một tiền đề hoặc một tiền đề sai thì tiền đề còn lại vẫn có thể thực hiện được nhiệm vụ nâng đỡ cho kết luận. Như vậy, các tiền đề này nâng đỡ cho kết luận một cách độc lập với nhau.

Về sơ đồ luận cứ có tiền đề độc lập, ta vẽ từng mũi tên từ từng tiền đề hướng mũi về kết luận, cho nên luận cứ này ta vẽ như sau:

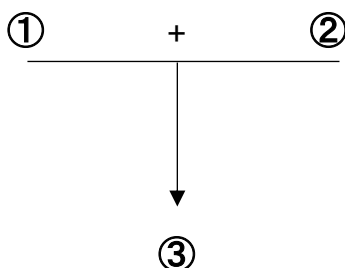


Khi các tiền đề phụ thuộc vào nhau để nâng đỡ kết luận, ta gọi là *các tiền đề liên kết*. Để nâng đỡ cho kết luận thì tất cả các tiền đề liên kết buộc phải đúng. Điều này có nghĩa là nếu một trong các tiền đề ấy sai thì kết luận sẽ không hợp lệ. Ví dụ:

① Cocaine là ma túy và ② ma túy là chất gây nghiện. Do đó ③ cocaine là chất gây nghiện.

Kết luận của luận cứ là phán đoán ③ và các tiền đề là phán đoán ① và ②. Giờ ta hãy tưởng tượng xem nếu một trong hai tiền đề này vắng mặt hoặc sai thì tiền đề còn lại có làm được nhiệm vụ nâng đỡ cho kết luận không. Ví dụ, từ tiền đề ① ta có suy ra được kết luận ③ không? Câu trả lời là không. Cả hai tiền đề ① và ② tự chúng không thể nâng đỡ cho kết luận; để làm nhiệm vụ ấy, chúng phải liên kết nhau lại.

Đối với luận cứ có các tiền đề liên kết ta dùng dấu cộng “+” để nối kết hai tiền đề lại, gạch chân chúng và vẽ một mũi tên từ tập hợp các tiền đề liên kết hướng mũi về phía kết luận. Luận cứ này ta vẽ sơ đồ như sau:



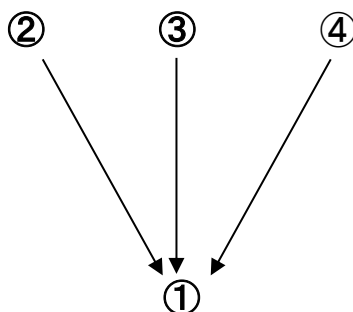
Trong thực tế, ta thường gặp các luận cứ phức tạp hơn trong đó các cấu trúc luận cứ cơ bản được nối kết nhau thành một chuỗi luận cứ, gọi là *luận cứ mở rộng*. Các luận cứ mở rộng có cấu trúc càng phức tạp thì mối liên hệ logic giữa các tiền đề và kết luận của luận cứ đa tầng hơn, nhằng nhịt hơn, vì thế gây nhiều trở ngại cho quá trình đánh giá luận cứ của chúng ta. Việc vẽ sơ đồ các luận cứ mở rộng sẽ cho phép ta nắm bắt chính xác và rõ ràng các mối liên hệ được khai triển trong luận cứ, giúp ta đánh giá luận cứ một cách dễ dàng hơn. Ví dụ, xét luận cứ sau:

Nhà hàng này quá tệ. Món sa-lát thì quá mặn và bánh thì quá khô. Chán nhất là khâu phục vụ quá tồi, vì nhân viên quá chậm mà bà chủ thì lại thô lỗ.

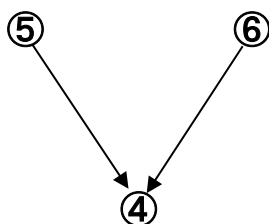
Ta khoanh tròn các từ chỉ báo luận cứ, rồi sau đó đánh số cho các phán đoán trong luận cứ theo trình tự xuất hiện của chúng:

① Nhà hàng này quá tệ. ② Món sa-lát thì quá mặn ③ và bánh thì quá khô. Chán nhất là ④ khâu phục vụ quá tồi, ⑤ vì nhân viên quá chậm ⑥ mà bà chủ thì lại thô lỗ.

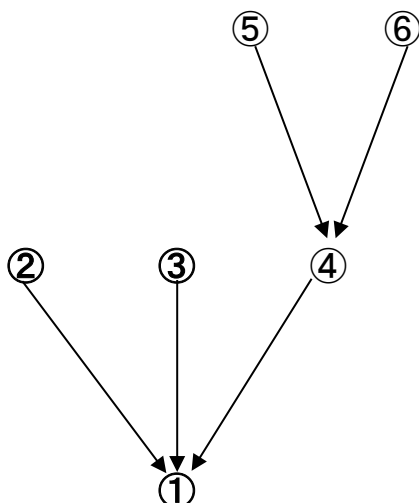
Trong đoạn văn này, ① tác giả muốn thuyết phục ta tin rằng nhà hàng mà tác giả đề cập là quá tệ. Tại sao tác giả khẳng định như vậy. Có ba lý do được nêu ra: món sa-lát quá mặn, bánh quá khô, và khâu phục vụ quá tồi. Giờ ta xét xem cả ba lý do này tự chúng có thể dẫn đến kết luận một cách tự nhiên mà không cần đến sự có mặt của hai tiền còn lại được không. Giả sử không có lý do ③ và ④, lý do ② vẫn có thể nâng đỡ được cho kết luận ①. Điều tương tự cũng đúng đối với các lý do còn lại. Sơ đồ của luận cứ này sẽ có dạng:



Tuy nhiên, trong đoạn văn này có từ chỉ báo "vì" cho biết hai phán đoán ⑤ và ⑥ là tiền đề cho phán đoán đứng trước nó là phán đoán ④. Sơ đồ của nó sẽ có dạng sau:



Nếu ở trên, phán đoán ④ giữ vai trò là tiền đề của phán đoán ①, thì ở đây nó giữ vai trò là kết luận của phán đoán ⑤ và ⑥, do đó, phán đoán ④ là kết luận trung gian trong toàn chuỗi luận cứ; luận cứ có các phán đoán nâng đỡ cho kết luận trung gian gọi là luận cứ phụ, và luận cứ có các phán đoán trực tiếp nâng đỡ cho kết luận cuối cùng gọi là luận cứ chính. Sơ đồ hoàn chỉnh của luận cứ mở rộng là như sau:



Xét ví dụ tiếp theo:

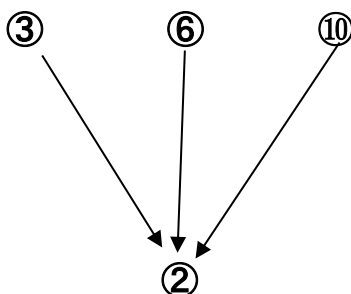
Tập đoàn Gambler đề xuất xây dựng hệ thống sông bài tại đảo An Lành, nhưng chúng ta không nên cho phép điều đó xảy ra. Trước hết, bài bạc là hành vi trái đạo lý, vì bài bạc là do lòng tham xúi giục và lòng tham là một ham muốn trái đạo lý. Thứ hai, cộng đồng nào có các sông bài đều có tỉ lệ tội phạm cao hơn. Đây là do các sông bài là điểm đến của những kẻ có máu liều và những kẻ có máu liều dễ vi phạm pháp luật hơn. Cuối cùng, các nghiên cứu cho thấy những người sống cách sông bạc trong phạm vi 5km đều có nguy cơ trở thành con nghiện bài bạc, do đó các sông bài là nhân tố gây nghiện cho những ai sống gần chúng. Vì những lý do này, đề xuất xây dựng sông bài của tập đoàn Gambler nên bị bác bỏ.

Ta bắt đầu bằng cách khoanh tròn các từ chỉ báo luận cứ, sau đó đánh số cho các phán đoán trong luận cứ theo trình tự xuất hiện của chúng, tiếp đó, phán đoán nào thừa thì ta loại bỏ:

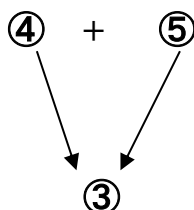
① ~~Tập đoàn Gambler đề xuất xây dựng hệ thống sông bài tại đảo An Lành~~, nhưng ② chúng ta không nên cho phép điều đó xảy ra. Trước hết, ③ bài bạc là hành vi trái đạo lý, [vì] ④ bài bạc là do lòng tham xúi giục và ⑤ lòng tham là một ham muốn trái đạo lý. Thứ hai, ⑥ cộng đồng nào có các sông bài đều có tỉ lệ tội phạm cao hơn. [Đây là do] ⑦ các sông bài là điểm đến của những kẻ có máu liều và ⑧ những kẻ có máu liều dễ vi phạm pháp luật hơn.

Cuối cùng, ⑨ các công trình nghiên cứu cho thấy những người sống cách sông bạc trong phạm vi 5km đều có nguy cơ trở thành con nghiện bài bạc, do đó ⑩ các sông bài là nhân tố gây nghiện cho những ai sống gần chúng. Vì những lý do này ⑪ đề xuất xây dựng sông bài của tập đoàn Gambler nên bị bác bỏ.

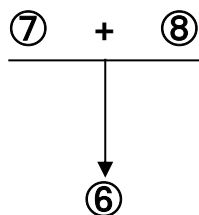
Trong đoạn văn này, tác giả muốn thuyết phục ta không nên cho phép tập đoàn Gambler xây dựng sông bài tại đảo An Lành, vì thế phán đoán ② là kết luận. Phán đoán ② và ⑪ thực chất là một, nên ta loại phán đoán ⑪ ra khỏi luận cứ. Phán đoán ① không tham gia cấu tạo luận cứ, ta loại ra. Cụm từ "vì những lý do này" là manh mối cho ta biết đâu là những lý do nâng đỡ cho phán đoán kết luận. Có ba lý do được tác giả nêu ra: ③, ⑥ và ⑩. Các lý do này là những tiền đề độc lập. Vì thế, sơ đồ của luận cứ này sẽ được vẽ như sau:



Giờ ta xét các từ chỉ báo tiền đề. Từ "vì" cho biết phán đoán ④ và ⑤ là tiền đề của phán đoán ③. Sức mạnh nâng đỡ cho phán đoán ③ của chúng là ở mối liên kết giữa chúng với nhau. Như vậy, ta có một phán đoán phụ, sơ đồ của nó sẽ được vẽ như sau:



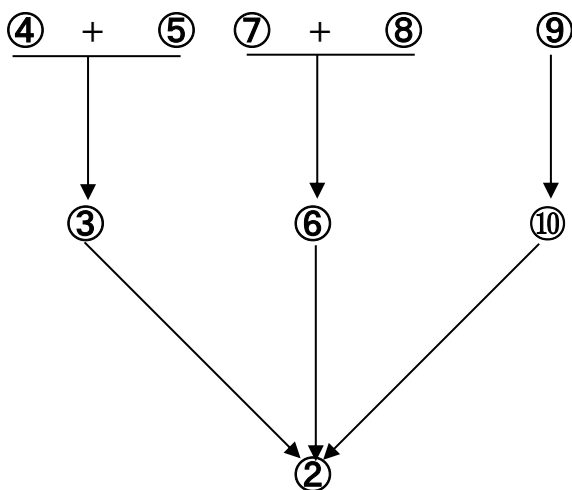
Từ chỉ báo "Đây là do" cho biết các phán đoán ⑦ và ⑧ là tiền đề nâng đỡ cho phán đoán ⑥, và chúng là các phán đoán liên kết. Sơ đồ của luận cứ phụ này sẽ như sau:



Từ chỉ báo "do đó" cho biết phán đoán ⑩ là kết luận, và vì thế phán đoán ⑨ là tiền đề của nó. Sơ đồ của luận cứ phụ cuối cùng này sẽ như sau:



Sơ đồ hoàn chỉnh của luận cứ trên sẽ được vẽ có hình dạng như thế này:



BÀI TẬP THỰC HÀNH

II. Hãy vẽ các luận cứ dưới đây thành sơ đồ luận cứ.

- 1.* Nếu đường ống nước vỡ thì ta phải gọi thợ sửa ống nước. Điều đó có nghĩa là ta cần phải gọi thợ sửa ống nước vì đường ống nước đã bị vỡ.
2. Minh tốt nghiệp hạng xuất sắc từ một trường đại học danh giá, cho nên anh ấy hẳn sẽ có một công việc tốt. Vì thế, anh ấy hẳn sẽ mau thành công.
3. Cần một tôn giáo cho đám đông, bởi vì mọi niềm tin chính trị, thần thánh và xã hội chỉ được xác lập ở đám đông với điều kiện luôn mang hình thức tôn giáo.
4. Phật giáo không thờ thần linh, cho nên Phật giáo không phải là hữu thần. Do đó, Phật giáo không phải là tôn giáo, vì mọi tôn giáo đều là hữu thần.
- 5.* Tôi đã học ôn 10 giờ đồng hồ cho kỳ thi cuối khóa, vì thế tôi chắc sẽ làm bài thi tốt. Do đó, điểm cuối kỳ của tôi sẽ trên mức trung bình.
6. Người hay giúp đỡ người khác thường được nhiều người yêu mến. Người tốt là người hay giúp đỡ người khác. Vậy người tốt thường được nhiều người yêu mến.
7. Có nhiều lý do bạn nên bỏ hút thuốc lá. Trước hết, hút thuốc lá gây hại cho sức khỏe. Thứ hai, hút thuốc lá khiến cho bạn có mùi hôi khó chịu, và nó làm răng bạn bị ố vàng. Cuối cùng, hút thuốc lá rất tốn tiền.
8. Bất cứ thiên tài nào đều có những tham vọng lớn lao, Những người có tham vọng lớn lao đều khổ sở, cho nên tất cả các thiên tài đều là những người khổ sở.
9. Lan và Phương thường cùng tham gia các hoạt động xã hội. Phương hay tham gia các hoạt động bảo vệ động vật. Do đó, tôi nghĩ chắc chắn Lan cũng vậy.
- 10.* Mọi hành vi vô hại không phải là hành vi trái đạo đức. Một số hành vi nói dối không phải là hành vi vô hại. Do đó, một số hành vi nói dối không phải là hành vi trái đạo đức.

11. Nếu Paul là Tổng thống thì ông ta sẽ ở trong Nhà trắng. Paul ở trong Nhà trắng. Vậy, Paul là Tổng thống.
12. Trong mùa hè, trường đại học không theo kế hoạch giảng dạy giống như trong năm học. Trong mùa hè này, thư viện, các giảng đường ban đêm, và câu lạc bộ đều đóng cửa vào ngày thứ Sáu. Do đó, có lẽ hầu hết các tòa nhà trong khuôn viên trường đều đóng cửa vào ngày thứ Sáu trong các tháng mùa hè.
13. Nếu sách của các ngài phù hợp với kinh Koran thì sách của các ngài thừa. Nếu sách của các ngài không đúng với kinh Koran thì sách của các ngài có hại. Sách thừa hoặc có hại thì cần phải đốt bỏ, vậy sách của các ngài cần phải bị đốt bỏ.
14. Tất cả hạt dưới cấp độ nguyên tử đều không thể nhìn thấy bằng mắt thường. Chúng ta biết điều này vì các hạt dưới cấp độ nguyên tử chỉ được nhìn thấy bằng kính hiển vi điện tử, và hầu hết các vật không thể nhìn thấy bằng mắt thường chỉ được nhìn thấy bằng kính hiển vi điện tử.
- 15.* Bức *Mona Lisa* được vẽ bằng cách dùng a-cri-lích hoặc sơn dầu. Nhưng rõ ràng là nó không thể được vẽ bằng cách dùng a-cri-lích vì tranh vẽ bằng cách dùng chất liệu a-cri-lích chỉ có sau những năm 1940, và bức *Mona Lisa* được vẽ ở thế kỷ 16. Cho nên chắc chắn nó được vẽ bằng sơn dầu.
16. Các giáo viên mẫu giáo cần phải kiên nhẫn, và ai cần đến sự kiên nhẫn sẽ có được lợi ích từ việc học yoga. Do đó, các giáo viên mẫu giáo sẽ có được lợi ích từ việc học yoga. Vì những ai học yoga sẽ có được lợi ích từ liệu pháp mát-xa, nên các giáo viên mẫu giáo sẽ có được lợi ích từ liệu pháp mát-xa.
17. Nếu Pluto là một hành tinh, thì nó phải “phát quang vùng phụ cận” quanh quỹ đạo của nó. Vì Pluto không “phát quang vùng phụ cận” quanh quỹ đạo của nó, Pluto

không phải là hành tinh. Bên cạnh đó, nếu Pluto không phải là hành tinh thì nó được phân loại lại là “hành tinh lùn”, và Pluto được phân loại lại là một “hành tinh lùn” vào năm 2006.

18. Bạn hẳn là một ứng cử viên sáng giá để thắng cuộc thi viết luận. Đây là vì bạn đã đưa ra được một luận cứ đầy sức thuyết phục bởi bạn đã trình ra được chứng cứ quan trọng cho luận điểm của mình. Hơn nữa, bài luận của bạn rõ ràng và mạch lạc hơn tất cả những bài khác đã gửi đến.
19. Nếu anh không có mặt tại cửa ra máy bay lúc 5:45, anh sẽ lỡ chuyến bay. Và, nói thực, anh không thể có mặt tại cửa ra máy bay lúc 5:45, vì giờ là 5:40 rồi mà anh còn chưa có mặt tại sân bay để làm thủ tục. Cho nên anh sẽ lỡ chuyến bay này.
20. Nếu người Ai Cập cổ đại không có nền văn minh phát triển cao thì họ không xây dựng được những công trình vĩ đại như các Kim tự tháp. Người Ai Cập cổ đại đã xây dựng được các công trình vĩ đại như các Kim tự tháp, vậy họ có nền văn minh phát triển cao.

Chương 3

THẾ NÀO LÀ MỘT LUẬN CỨ TỐT?

1. ĐẶC ĐIỂM CỦA MỘT LUẬN CỨ TỐT

Một luận cứ tốt là luận cứ thỏa mãn được hai tiêu chí: luận cứ có tiền đề đúng và cấu trúc của nó hợp quy tắc logic; ngược lại nếu một luận cứ nào đó không thỏa mãn được một trong hai, hoặc cả hai, tiêu chí này thì đây sẽ là một luận cứ tồi. Luận cứ tồi còn được gọi là nguy hiểm.¹

Để kiểm tra xem các tiền đề của một luận cứ nào đó có đúng hay không, ta quy chiếu nội dung phát biểu của chúng vào trong thực tế có thể kiểm chứng được, nếu tiền đề nào có nội dung phản ánh đúng với thực tế ấy thì tiền đề ấy đúng; ngược lại thì nó là tiền đề sai. Đây là ví dụ về luận cứ có tiền đề đúng:

(1) Hoa hồng là thực vật.

(2) Hoa hồng có mùi thơm.

(3) Mùi thơm của hoa hồng là mùi thơm của thực vật.

Cả hai tiền đề (1) và (2) của luận cứ này có nội dung phản ánh đúng thực tế mà ta có thể quan sát và kiểm chứng được, cho nên đây là các tiền đề đúng. Ví dụ dưới đây là luận cứ có tiền đề sai:

(1) Hoa hồng là thực vật.

(2) Hoa hồng ăn thịt.

(3) Thực vật là loài ăn thịt.

Trong luận cứ này, khi quy chiếu vào thực tế để kiểm tra thì ta thấy tiền đề (2) phản ánh không đúng với thực tế tồn tại của loài hoa hồng, vì hoa hồng không thể là loài ăn thịt, cho nên đây là tiền đề sai.

1. Xem thêm: George W. Rainbot và Sandra L. Dwyer. 2015. *Critical thinking: the art of argument*. Boston, MA: Cengage Learning, tr. 43-55.

Nếu luận cứ chỉ đạt được tiêu chí tiền đề đúng thì điều đó chưa đảm bảo đây là một luận cứ tốt. Xét ví dụ sau đây:

(1) Nếu Lan chạy thì Lan chuyển động.

(2) Lan chuyển động.

(3) Lan chạy.

Các tiền đề của luận cứ này đều đúng với thực tế, nhưng về mặt logic thì cấu trúc của nó có điều gì đó không ổn. Lan đang chuyển động có thể là Lan đang bơi, đang đi, đang nhảy, đang trượt... chứ không chỉ đang chạy. Luận cứ này không đủ sức thuyết phục người nghe dù các tiền đề của nó đúng. Ngoài tiền đề đúng, một luận cứ tốt cần phải có cấu trúc logic hợp quy tắc.

Cấu trúc hợp quy tắc của luận cứ là mối quan hệ logic giữa tiền đề và kết luận của một luận cứ, trong đó các tiền đề được tổ chức theo một cấu trúc nào đó để có sức mạnh nâng đỡ cho kết luận. Cấu trúc logic của luận cứ ở đây được hiểu là hình thức logic của luận cứ, không có chứa bất cứ nội dung cụ thể nào của luận cứ. Ví dụ:

(1) Mọi con cá heo là loài có phổi.

(2) Mọi loài cá không phải là loài có phổi.

(3) Mọi con cá heo không phải là loài cá.

Đây là một luận cứ nói về quan hệ logic giữa các nhóm đối tượng "cá heo", "loài cá" và "loài có phổi". Giờ ta hãy dùng các biến đại diện cho các nhóm đối tượng ấy: S đại diện cho nhóm "cá heo", P đại diện cho nhóm "loài cá" và M đại diện cho nhóm "loài có phổi", luận cứ này sẽ có cấu trúc logic như sau:

(1) Mọi S là M

(2) Mọi P không phải là M

(3) Mọi S không phải là P.

Đây là một cấu trúc logic hợp quy tắc. Bất cứ một luận cứ nào được tổ chức theo cấu trúc này đều là luận cứ có sức mạnh thuyết phục về mặt logic. Chẳng hạn, luận cứ sau đây:

(1) Người Việt thuộc dòng máu Lạc Hồng.

(2) Người Nhật không thuộc dòng máu Lạc Hồng.

(3) Người Việt không phải là người Nhật.

Luận cứ này có sức mạnh thuyết phục về mặt logic, vì nó mang cấu trúc logic ta vừa nói trên. Ví dụ sau đây sẽ cho thấy một luận cứ có thể được tổ chức kém về cấu trúc khiến nó không đạt được sức mạnh logic:

(1) Chó là con vật có bốn chân.

(2) Mèo là con vật có bốn chân.

(3) Chó là mèo.

Trong trường hợp này, đặt các biến S đại diện cho nhóm "con chó", P đại diện cho nhóm "con mèo" và M đại diện cho nhóm "con vật có bốn chân", luận cứ này sẽ có cấu trúc logic như sau:

(1) S là M

(2) P là M

(3) S là P

Vì đây là luận cứ có cấu trúc không hợp quy tắc logic nên mọi luận cứ được tổ chức theo cấu trúc này đều là luận cứ không đạt cấu trúc logic hợp quy tắc.

Cho đến đây, ta mới xem xét một cách riêng biệt hai tiêu chí, tiền đề đúng và cấu trúc logic hợp quy tắc, để đánh giá một luận cứ tốt. Bây giờ ta kết hợp hai tiêu chí này lại để xét xem luận cứ như thế nào là tốt và luận cứ như thế nào là tồi. Trước hết, ta hãy xét luận cứ thứ nhất (gọi là luận cứ Socrates):

(1) Con người là thực thể hữu tử.

(2) Socrates là một con người.

(3) Socrates là một thực thể hữu tử.

Cả hai tiền đề của luận cứ này đều phản ánh đúng thực tế mà ta có thể kiểm chứng được, cho nên chúng là những tiền đề đúng; và cấu trúc logic của nó là một cấu trúc hợp quy tắc, vì thế đây là một luận cứ tốt.

Xét ví dụ tiếp theo:

(1) Mọi loài chim đều biết bay.

(2) Đà điểu là chim.

(3) Đà điểu biết bay.

Luận cứ này có cùng cấu trúc logic với luận cứ Socrates nên là một cấu trúc hợp quy tắc, nhưng tiền đề (1) phản ánh không đúng với thực tế. Trên thực tế, không phải loài chim nào cũng biết bay, chim cánh cụt chẳng hạn. Vì cấu trúc logic hợp quy tắc nhưng tiền đề sai, vì thế đây là một luận cứ tồi.

Xét thêm ví dụ thứ ba, một ví dụ được nêu ở trên:

(1) Chó là con vật có bốn chân.

(2) Mèo là con vật có bốn chân.

(3) Chó là mèo.

Cả hai tiền đề của luận cứ này đều đúng, tuy nhiên, như ở trên cho thấy, cấu trúc logic của luận cứ này không hợp quy tắc, vì thế đây cũng là một luận cứ tồi.

Và ví dụ cuối cùng:

(1) Con người là thực thể bất tử.

(2) Thánh thần là thực thể bất tử.

(3) Con người là thánh thần.

Ở đây, tiền đề (1) phản ánh sai thực tế. Con người sinh ra rồi sẽ chết đi, chưa có ai sống mà không bao giờ chết. Tiền đề (2) cũng vậy, thực tế chưa cho thấy có thực thể nào là thánh thần và thực thể ấy bất tử. Cấu trúc logic của luận cứ này cũng chính là cấu trúc logic của luận cứ thứ ba, tức cấu trúc logic không hợp quy tắc. Như vậy luận cứ này vừa không thỏa mãn tiêu chí tiền đề đúng lại vừa không có cấu trúc logic hợp quy tắc, đây là ví dụ tiêu biểu cho một luận cứ tồi.

2. LUẬN CỨ DIỄN DỊCH VÀ LUẬN CỨ QUY NẠP

Luận cứ có hai loại: diễn dịch và quy nạp. *Luận cứ diễn dịch* là cách suy luận được tổ chức sao cho từ tiền đề ta rút ra được kết luận một cách tất yếu hay chắc chắn, nghĩa là trong cấu trúc logic của luận cứ diễn dịch, nếu tiền đề được cho là đúng thì kết luận *tất phải* đúng. *Luận cứ quy nạp* là cách suy luận trong đó người lập luận căn cứ trên những tiền đề nào đó mà đưa ra kết luận có thể chấp được, nghĩa là trong cấu trúc logic của luận cứ quy nạp, nếu tiền đề được cho là đúng thì kết luận *có khả năng* đúng. Sự khác

nhau cơ bản giữa luận cứ diễn dịch và luận cứ quy nạp là ở chỗ chân lý của kết luận diễn dịch là phán đoán đã *hàm chứa trong* tiền đề, vì thế mà nó là cái gì đó *tất yếu*; còn chân lý của kết luận quy nạp là phán đoán *vượt ra ngoài* những gì được chứa trong tiền đề, vì thế nó mang tính *xác suất*.

Xét ví dụ sau:

Tất cả các sinh viên trường TDMU là người Bình Dương. Lan là sinh viên trường TDMU. Do đó, Lan là người Bình Dương.

Trước hết, ta trình bày luận cứ này trong hình thức chuẩn của nó để thấy rõ đâu là tiền đề và đâu là kết luận.

(1) Tất cả các sinh viên trường TDMU là người Bình Dương.

(2) Lan là sinh viên trường TDMU.

(3) Lan là người Bình Dương.

Giờ ta hãy giả sử các tiền đề (1) và (2) đúng thì kết luận (3) có tất yếu đúng hay không? Ta có *chắc chắn không chút hoài nghi* rằng Lan là người Bình Dương hay không? Đúng là từ hai tiền đề trên, kết luận được rút ra là một điều tất yếu, ta chắc chắn về điều đó. Vì thế, luận cứ này là một lập luận diễn dịch.

Cũng ví dụ trên, nếu ta thay chữ "tất cả" bằng chữ "hầu hết" thì sự thể thế nào? Ta sẽ có luận cứ sau đây:

Hầu hết các sinh viên trường TDMU là người Bình Dương. Lan là sinh viên trường TDMU. Do đó, Lan là người Bình Dương.

Hình thức chuẩn của luận cứ này là như sau:

(1) Hầu hết các sinh viên trường TDMU là người Bình Dương.

(2) Lan là sinh viên trường TDMU.

(3) Lan là người Bình Dương.

Nếu các tiền đề (1) và (2) đều đúng thì kết luận (3) là tất yếu được rút ra hay có thể được rút ra? Trong trường hợp này, ta chỉ có thể nói *khả năng lớn* Lan là người Bình Dương, còn chắc chắn Lan là người Bình Dương hay không thì ta không dám chắc, vì luận cứ này cũng để ngỏ khả năng, dù rất nhỏ, rằng Lan không phải là người Bình Dương. Do đó, luận cứ này là một lập luận quy nạp.

Cũng giống như khi trình bày một luận cứ, sự hiện diện của tiền đề và kết luận có thể được thông báo bằng các từ chỉ báo, sự hiện diện của kết luận theo cách suy luận diễn dịch (viết tắt là kết luận diễn dịch) và kết luận theo cách suy luận quy nạp (viết tắt là kết luận quy nạp) cũng có thể được nhận biết qua các từ chỉ báo tình thái. Từ chỉ báo tình thái của kết luận diễn dịch là các từ như: *chắc chắn, tất yếu, tất phải là, nhất định là*, v.v.

Chẳng hạn:

Socrates là một con người, và tất cả mọi người đều có linh hồn. Do đó Socrates tất phải có linh hồn.

Từ chỉ báo tình thái của kết luận **diễn-dịch quy nạp** là các từ như: *có lẽ, có thể, có khả năng, có thể hợp lý khi cho rằng*, v.v.

Chẳng hạn:

Những người có tâm vóc thấp bé mà tôi thấy trong đời đều rất khôn ngoan và lanh lẹ. Do đó, có lẽ tất cả những ai có tâm vóc thấp bé đều khôn ngoan và lanh lẹ.

Tuy nhiên, trên thực tế các từ chỉ báo tình thái này có thể được người ta cố ý sử dụng không đúng cách. Để làm cho một luận cứ quy nạp trông có vẻ chắc chắn hơn, người ta cố tình cài các từ chỉ báo tình thái của kết luận diễn dịch vào. Ví dụ:

Coca-Cola là nước giải khát cực kỳ phổ biến. Do đó, chắc chắn trong lúc này có ai đó đang muốn Coca-Cola ở đâu đó.

Việc cài chữ "chắc chắn" trong luận cứ trên không thể biến nó thành một luận cứ diễn dịch được, nó vẫn là một luận cứ quy nạp trong chính cấu trúc logic của nó. Chính vì lý do này mà thao tác nhận biết một luận cứ nào đó là diễn dịch hay quy nạp phải xuất phát từ chính cấu trúc logic của luận cứ, nghĩa là ta phải xét xem các tiền đề nâng đỡ cho kết luận có chắc chắn tuyệt đối hay không, nếu chắc chắn tuyệt đối thì luận cứ ấy là diễn dịch, nếu không chắc chắn tuyệt đối nhưng có thể chấp nhận được thì nó là quy nạp.

3. HAI LOẠI LUẬN CỨ DIỄN DỊCH VÀ CẤU TRÚC LOGIC CỦA CHÚNG

Hai loại luận cứ diễn dịch thường thấy nhất là luận cứ nhất quyết và luận cứ mệnh đề. Hai loại luận cứ này được phân biệt nhau bởi chính cấu trúc logic của chúng. Luận cứ nhất quyết được đặc trưng bởi mỗi quan hệ logic của các hạn từ *bên trong một phán đoán*; trong khi đó luận cứ mệnh đề được đặc trưng bởi mỗi quan hệ logic *giữa các phán đoán* với nhau. Biểu hiện vật chất của hai mối quan hệ logic này là dạng phán đoán được diễn đạt trong luận cứ.

3.1. Luận cứ nhất quyết

Luận cứ nhất quyết là luận cứ diễn dịch chứa các phán đoán nhất quyết. Các phán đoán nhất quyết là các phán đoán biểu thị mỗi quan hệ của hai nhóm sự vật hay sự việc được nói đến. Tuy trong ngôn ngữ tự nhiên các phán đoán nhất quyết được phát biểu theo nhiều cách khác nhau, nhưng quy về ngôn ngữ hình thức thì có tất cả bốn dạng phán đoán: khẳng định toàn thể, phủ định toàn thể, khẳng định bộ phận, và phủ định bộ phận.

Phán đoán khẳng định toàn thể biểu đạt một phán đoán khẳng định về mỗi quan hệ của *toàn bộ* nhóm sự vật hay sự việc này với một nhóm sự vật hay sự việc khác. Ví dụ: *Mọi sinh viên đều là những người thích học môn Tư duy biện luận*.

Phán đoán phủ định toàn thể biểu thị một phán đoán phủ định về mỗi quan hệ của *toàn bộ* nhóm sự vật hay sự việc này với nhóm sự vật hay sự việc khác. Ví dụ: *Mọi sinh viên không phải là những người thích học môn Tư duy biện luận*.

Phán đoán khẳng định bộ phận biểu thị một phán đoán khẳng định về mỗi quan hệ của *một phần* của nhóm sự vật hay sự việc này với nhóm sự vật hay sự việc khác. Ví dụ: *Một số sinh viên là những người thích học môn Tư duy biện luận*.

Cuối cùng, phán đoán phủ định bộ phận biểu thị một phán đoán phủ định về mỗi quan hệ của *một phần* phạm trù sự vật này với phạm trù sự vật khác. Ví dụ: *Một số sinh viên không phải là những người thích học môn Tư duy biện luận*.

Các ví dụ trên cho thấy các phán đoán nhất quyết là sự nối kết hai nhóm đối tượng khác nhau, "các sinh viên" và "những người thích học môn Tư duy biện luận", và biểu thị *tất cả, không một* hay *một số* phần tử của nhóm đối tượng này *là* hay *không là* phần tử của nhóm đối tượng kia.

Luận cứ nhất quyết có bốn kiểu cấu trúc logic, ở đây đường thẳng các dấu chấm là khoảng trống để ta biểu thị các quan hệ khẳng định hay phủ định, như sau:

Kiểu cấu trúc

logic I

(1) M P

(2) S M

(3) S P

Ví dụ:

(1) Mọi khoa học đều có phương pháp nghiên cứu riêng.

(2) Sử học là một môn khoa học.

(3) Sử học có phương pháp nghiên cứu riêng.

Kiểu cấu trúc

logic II

(1) P M

(2) S M

(3) S P

Ví dụ:

(1) Mọi cái gối đều là những vật mềm.

(2) Đá không phải là những vật mềm.

(3) Đá không phải là gối.

Kiểu cấu trúc

logic III

(1) M P

(2) M S

(3) S P

Ví dụ:

(1) Mọi triết gia là người thích biện luận.

(2) Mọi triết gia là giáo sư.

(3) Mọi giáo sư là người thích biện luận.

Kiểu cấu trúc

logic IV

(1) P M

(2) M S

(3) S P

Ví dụ:

(1) Một số nhà văn là nhà giáo dục.

(2) Các nhà giáo dục là người có tư tưởng tự do.

(3) Một số người có tư tưởng tự do là nhà văn.

3.2. Luận cứ mệnh đề

Luận cứ mệnh đề là luận cứ diễn dịch chứa các phán đoán mệnh đề. Các phán đoán mệnh đề là các phán đoán được hình thành từ các phán đoán đơn và các liên từ logic. Phán đoán đơn là phán đoán không chứa bất cứ phán đoán nào khác xét như là một thành phần. Chẳng hạn: *Hồ Gươm tọa lạc giữa thủ đô Hà Nội*.

Khi nối kết một hay nhiều phán đoán đơn bằng các liên từ logic, ta sẽ có được phán đoán phức. Tuy có rất nhiều cách biểu đạt khác nhau về phán đoán phức trong ngôn ngữ tự nhiên, nhưng quy về ngôn ngữ hình thức thì tựu trung có bốn dạng phán đoán mệnh đề: phán đoán phủ định, phán đoán liên kết, phán đoán phân liệt và phán đoán điều kiện.

Phán đoán phủ định là phán đoán sử dụng liên từ "không" để phủ định một phán đoán nào đó. Chẳng hạn, *"Truyện Kiều của Nguyễn Du không phải là bản dịch tác phẩm Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân"*. Trong ví dụ này, ta đã dùng từ "không" để tạo thành một phán đoán phủ định phán đoán *"Truyện Kiều của Nguyễn Du là bản dịch tác phẩm Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân"*.

Phán đoán liên kết là phán đoán nối kết hai phán đoán đơn bằng liên từ "và". Chẳng hạn, *Sáng tôi đi học và chiều tôi đi làm thêm*. Hai phán đoán đơn được nối kết bằng liên từ "và" ở đây là *"Sáng tôi đi học"* và *"Chiều tôi đi làm thêm"*.

Phán đoán phân liệt kết hợp hai phán đoán đơn bằng liên từ *hay/hoặc*, chẳng hạn như: *Chúng ta có thể đi xem Cô Ba Sài Gòn hoặc chúng ta có thể xem Người đẹp Tây Đô*. Ở đây, hai phán đoán đơn, *"Chúng ta có thể đi xem Cô Ba Sài Gòn"* và *"Chúng ta có thể xem Người đẹp Tây Đô"*, được kết hợp với nhau bằng liên từ *hoặc*.

Cuối cùng, phán đoán điều kiện là phán đoán phức kết hợp hai phán đoán đơn bằng liên từ *nếu... thì...*. Chẳng hạn, *Nếu bạn rút quá số tiền trong tài khoản thì ngân hàng sẽ tính phí với bạn*. Ở đây, hai phán đoán đơn, *"Bạn rút quá số tiền trong tài khoản"* và *"Ngân hàng sẽ tính phí với bạn"*, được kết hợp với nhau bằng liên từ *nếu... thì...*

Sau đây là một số cấu trúc logic của luận cứ mệnh đề thường gặp:

Khẳng định tiền kiện (*modus ponens*) [luận cứ hợp lệ]

- | | |
|-----------------|--|
| (1) Nếu P thì Q | (1) Nếu Lan đi chợ thì cô ấy không có ở nhà. |
| (2) P | (2) Lan đi chợ. |
| (3) Q | (3) Cô ấy không có ở nhà. |

Phủ định hậu kiện (*modus tollens*) [luận cứ hợp lệ]

- | | |
|-----------------|--|
| (1) Nếu P thì Q | (1) Nếu bạn uống rượu thì bạn phải trên mười tám tuổi. |
| (2) Không Q | (2) Bạn chưa trên mười tám tuổi. |
| (3) Không P | (3) Bạn chưa được uống rượu. |

Khẳng định hậu kiện [luận cứ không hợp lệ]

- | | |
|-----------------|---|
| (1) Nếu P thì Q | (1) Nếu con mèo nằm trên chiếu thì nó đang ngủ. |
| (2) Q | (2) Con mèo đang ngủ. |
| (3) P | (3) Con mèo đang nằm trên chiếu. |

Phủ định tiền kiện [luận cứ không hợp lệ]

- | | |
|-----------------|--|
| (1) Nếu P thì Q | (1) Nếu bạn nghĩ về cái ghế thì bạn đang tư duy. |
| (2) Không P | (2) Bạn không nghĩ về cái ghế. |
| (3) Không Q | (3) Bạn không tư duy |

Tam đoạn luận giả thuyết [luận cứ hợp lệ]

- | | |
|-----------------|---|
| (1) Nếu P thì Q | (1) Nếu mua áo mới thì bạn sẽ không mua được sách học cho học kỳ tới. |
| (2) Nếu Q thì R | (2) Nếu không có sách học thì điểm của bạn sẽ sa sút. |
| (3) Nếu P thì R | (3) Nếu bạn mua áo mới thì điểm của bạn sẽ sa sút. |

Tam đoạn luận phân liệt [luận cứ hợp lệ]

- | | |
|-----------|--|
| (1) P v Q | (1) Hoặc chúng ta sẽ tự do hoặc chúng ta sẽ nô lệ. |
| (2) ~ Q | (2) Chúng ta sẽ không bị nô lệ. |
| (3) P | (3) Chúng ta sẽ tự do. |

Từ những nội dung được trình bày trên về hai loại luận cứ diễn dịch, việc nhận biết đâu là luận cứ nhất quyết và đâu là luận cứ mệnh đề sẽ căn cứ vào việc bạn xác định xem luận cứ ấy chứa những dạng phán đoán nào, phán đoán nhất quyết hay phán đoán mệnh đề. Nếu chứa các phán đoán nhất quyết thì nó sẽ là luận cứ nhất quyết, nếu chứa các phán đoán mệnh đề thì nó là luận cứ mệnh đề. Phân biệt được hai loại luận cứ diễn dịch này là điều hết sức quan trọng, vì nó liên quan đến việc ta chọn công cụ logic nào để kiểm tra tính hợp lệ của chúng. Nếu lẫn lộn hai loại luận cứ này thì ta sẽ không thể sử dụng được công cụ logic để kiểm tra. Do đó việc đánh giá luận cứ sẽ thất bại.

3.3. Ba loại luận cứ quy nạp

Luận cứ quy nạp là luận cứ trong đó người lập luận cố gắng chứng minh rằng chân lý của kết luận *có thể* được rút ra từ các tiền đề. Ba loại luận cứ phổ biến nhất sử dụng lập luận quy nạp là luận cứ loại suy, luận cứ khái quát hóa quy nạp và luận cứ nhân quả.

Luận cứ loại suy là lối suy luận quy nạp trong đó người ta đi đến kết luận bằng cách so sánh hai hay nhiều sự vật được cho là tương tự ở phương diện có liên quan mật thiết nào đó. Sự so sánh này sẽ được biểu đạt trong phán đoán loại suy ở trong tiền đề, chẳng hạn phán đoán: *Vũ trụ giống như chiếc đồng hồ*. Luận cứ loại suy có cấu trúc logic như sau:

Cấu trúc logic

Ví dụ

(1) T giống S.

(1) Vũ trụ giống như chiếc đồng hồ.

(2) S có đặc điểm F.

(2) Chiếc đồng hồ là vật được thiết kế.

(3) T cũng có đặc điểm F.

(3) Vũ trụ cũng là cái được thiết kế.

Luận cứ khái quát hóa quy nạp kết luận rằng một số, hầu hết, hay tất cả phần tử của một nhóm có đặc điểm nào đó dựa trên chứng cứ là một bộ phận, hay mẫu, của nhóm ấy có đặc điểm này. Kết luận của khái quát hóa quy nạp sẽ là một phán đoán khái quát. Phán đoán khái quát đưa ra một phát biểu về *tất cả*, *hầu hết*, hay *nhiều* phần tử của một nhóm hay tập hợp. Các câu dưới đây là những phán đoán khái quát.

Mọi con thiên nga đều màu trắng.

Hầu hết sinh viên đều thích học môn Tư duy biện luận.

Nhiều người thích đùa.

Luận cứ khái quát hóa quy nạp thường có cấu trúc logic như sau:

Cấu trúc logic:

(1) Một mẫu các phần tử của X có đặc điểm F.

(2) Mọi/hầu hết/nhiều phần tử X đều có đặc điểm F.

Ví dụ:

(1) Mọi con cá tôi gặp thấy đều có vây.

(2) Mọi con cá đều có vây.

Trong luận cứ này, người lập luận đã xuất phát từ bộ phận được lấy mẫu là "mọi con cá tôi gặp thấy" để đi đến kết luận khái quát là "mọi con cá" nói chung. Đây là cấu trúc tiêu biểu cho luận cứ khái quát hóa quy nạp.

Luận cứ nhân quả là luận cứ quy nạp cung cấp chứng cứ cho việc kết luận rằng phán đoán nhân quả nào đó là đúng. Phán đoán nhân quả là phán đoán khẳng định rằng có mối quan hệ nào đó giữa hai sự kiện trong đó sự kiện này là nguyên nhân gây ra sự kiện kia. Tuy trong thực tế, có nhiều cách biểu đạt khác nhau về phán đoán nhân quả, nhưng cấu trúc tiêu biểu của nó có dạng "X gây ra Y" trong đó X dùng để chỉ sự kiện nguyên nhân và Y dùng để chỉ sự kiện kết quả.

Đây là cấu trúc logic của luận cứ nhân quả:

Cấu trúc logic:

(1) Sự kiện Y xảy ra.

(2) Trước đó đã có sự kiện X.

(3) Sự kiện X là nguyên nhân gây ra sự kiện Y.

Ví dụ:

(1) Tôi rớt môn Tư duy biện luận.

(2) Ông thầy đã không ưa tôi từ trước rồi.

(3) Ông thầy không ưa tôi nên đánh rớt tôi.

4. CÁC THUẬT NGỮ ĐÁNH GIÁ LUẬN CỨ

Như trên đã nói, khi đánh một luận cứ nào đó là tốt, ta phải xét đến hai phương diện: tiền đề đúng và cấu trúc logic hợp quy tắc. Tuy nhiên, do có hai loại luận cứ khác nhau nên khái niệm "cấu trúc logic hợp quy tắc" áp dụng cho hai loại luận cứ này cũng khác nhau. Đối với luận cứ diễn dịch, ta dùng thuật ngữ *hợp lệ* (valid) để biểu thị đó là luận cứ có cấu trúc logic hợp quy tắc; còn với luận cứ quy nạp thì ta dùng thuật ngữ *mạnh* (strong).

Bước đầu tiên khi đánh giá một luận cứ là xét xem tiền đề có được thiết kế để nâng đỡ cho kết luận hay không. Ta hãy nhớ rằng luận cứ diễn dịch là luận cứ trong đó người lập luận cố chứng minh rằng chân lý của kết luận *tất yếu* được rút ra từ các tiền đề. Khi người lập luận thành công trong nỗ lực này, luận cứ có cấu trúc hợp lệ. *Luận cứ diễn dịch hợp lệ* vì thế là luận cứ trong đó nếu các tiền đề đúng thì kết luận tất phải đúng. Điều đó có nghĩa là *trong một luận cứ diễn dịch hợp lệ không thể có tiền đề đúng mà kết luận lại sai*. Luận cứ diễn dịch nào không đủ sức nâng đỡ cho kết luận được gọi là luận cứ không hợp logic. Lưu ý, các tiền đề đúng hay sai không liên quan gì đến luận cứ hợp logic hay không hợp logic. Luận cứ hợp logic hay không hợp logic hoàn toàn phụ thuộc vào *cấu trúc* của luận cứ, chứ không phải các giá trị chân lý của tiền đề.

Một luận cứ diễn dịch có tiền đề đúng và cấu trúc logic hợp lệ ta gọi đó là *luận cứ diễn dịch tốt*. Nếu một luận cứ không cùng lúc đạt được tiêu chí tiền đề đúng và cấu trúc logic hợp lệ thì ta gọi là *luận cứ diễn dịch tồi*.

Dưới đây là bảng các thuật thuật ngữ dùng để đánh giá luận cứ diễn dịch:

	Tiền đề		Cấu trúc logic		
1.	đúng	+	hợp lệ	=	luận cứ diễn dịch tốt
2.	đúng	+	không hợp lệ	=	luận cứ diễn dịch tồi
3.	sai	+	hợp lệ	=	luận cứ diễn dịch tồi
4.	sai	+	không hợp lệ	=	luận cứ diễn dịch tồi

Đối với luận cứ quy nạp, vì đây là luận cứ trong đó người lập luận cố chứng minh rằng chân lý của kết luận *có thể* được rút ra từ các tiền đề, nên kết luận của luận cứ quy nạp có đúng hay không phụ thuộc vào việc các tiền đề nâng đỡ nó có tốt hay không. Nếu như tác giả luận cứ đưa ra được những tiền đề đủ sức nặng để người nghe có thể chấp nhận được kết luận ấy là đúng, điều đó có nghĩa là xét về mặt logic, tác giả đã đưa ra một *luận cứ quy nạp mạnh*; trái lại, nếu đưa ra những tiền đề chưa đủ sức nặng thuyết phục người nghe chấp nhận kết luận thì luận cứ của tác giả sẽ là *luận cứ quy nạp yếu*. Lưu ý, dù trên thực tế các tiền đề đúng hay sai không liên quan gì tới độ mạnh của luận cứ; luận cứ là mạnh hay yếu hoàn toàn phụ thuộc vào cấu trúc logic của luận cứ, chứ không phải giá trị chân lý của các tiền đề trong luận cứ.

Một luận cứ quy nạp vừa có tiền đề đúng vừa có cấu trúc logic mạnh sẽ được gọi là *luận cứ quy nạp tốt*. Nếu luận cứ có tiền đề đúng nhưng cấu trúc logic yếu, hoặc có cấu trúc logic mạnh nhưng tiền đề sai, hoặc cả tiền đề sai lẫn cấu trúc logic yếu thì nó là luận cứ quy nạp tồi.

Dưới đây bảng các thuật ngữ dùng để đánh giá luận cứ quy nạp:

Tiền đề		Cấu trúc logic		
1.	đúng	+	mạnh	= luận cứ quy nạp tốt
2.	đúng	+	yếu	= luận cứ quy nạp tồi
3.	sai	+	mạnh	= luận cứ quy nạp tồi
4.	sai	+	yếu	= luận cứ quy nạp tồi

Giờ ta hãy áp dụng những gì đã trình bày trên đây cùng với những kỹ năng phân tích luận cứ ở chương trước để nhận biết các luận cứ sau đây luận cứ nào là diễn dịch và luận cứ nào là quy nạp và chọn những thuật ngữ đánh giá tương ứng với hai loại luận cứ ấy.

Xét luận cứ thứ nhất:

Nền văn hóa cổ điển khởi sinh ở Hy Lạp hoặc nó khởi sinh ở Ai Cập. Nền văn hóa cổ điển không khởi sinh ở Ai Cập. Do đó nền văn hóa cổ điển khởi sinh ở Hy Lạp.

Trước hết, áp dụng kỹ năng phân tích luận cứ bạn đã học trong Chương 2 để đưa luận cứ này về cấu trúc dạng chuẩn của nó. Đoạn

vẫn có từ chỉ báo kết luận "do đó" cho biết "Nền văn hóa cổ điển khởi sinh ở Hy Lạp là phán đoán kết luận. Hai phán đoán còn lại đều tham gia vào việc nâng đỡ cho kết luận này. Ta có dạng chuẩn của luận cứ này như sau:

- (1) Nền văn hóa cổ điển khởi sinh ở Hy Lạp hoặc nó khởi sinh ở Ai Cập.
- (2) Nền văn hóa cổ điển không khởi sinh ở Ai Cập.
- (3) Nền văn hóa cổ điển khởi sinh ở Hy Lạp.

Tiếp theo, ta hãy xác định xem luận cứ này là diễn dịch hay quy nạp. Căn cứ vào bản tính chân lý của hai loại diễn dịch này, ta có thể đặt câu hỏi: Giả sử các tiền đề đều đúng, kết luận của luận cứ *tất yếu* được rút ra hay *có thể* được rút ra? Đọc cẩn thận luận cứ này ta sẽ thấy tiền đề thứ nhất của luận cứ nêu ra hai khả năng ra đời của nền văn hóa cổ điển, và tiền đề thứ hai loại trừ đi một khả năng, nên kết luận là *tất yếu* được rút ra từ tiền đề. Vì thế, đây là một luận cứ diễn dịch. Kế tới, ta xác định xem nó là loại diễn dịch nào. Luận cứ này chứa một phán đoán phân liệt trong tiền đề thứ nhất, nên đây là luận cứ mệnh đề. Vì là luận cứ diễn dịch nên ta phải chọn các thuật ngữ *đúng* hay *sai* để kiểm tra tiền đề và *hợp lệ* hay *không hợp lệ* để kiểm tra cấu trúc logic của nó.

Đây là luận cứ thứ hai:

Thời báo Kinh tế Việt Nam *có một bài báo về quy chế mới cho hoạt động của hệ thống ngân hàng*. Thời báo Kinh tế Sài Gòn, *cũng giống với* Thời báo Kinh tế Việt Nam, *là một tờ báo kinh tế có uy tín*. *Do đó*, Thời báo Kinh tế Sài Gòn *chắc cũng có bài viết về vấn đề này*.

Theo cùng bước đi trên, ta trình bày đoạn văn này trong cấu trúc dạng chuẩn của luận cứ:

- (1) Thời báo Kinh tế Sài Gòn giống với Thời báo Kinh tế Việt Nam.
- (2) Thời báo Kinh tế Việt Nam có một bài báo về quy chế mới cho hoạt động của hệ thống ngân hàng.
- (3) Thời báo Kinh tế Sài Gòn cũng có bài viết về quy chế mới cho hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Luận cứ này là diễn dịch hay quy nạp? Đọc kĩ luận cứ này ta thấy kết luận là điều ta có thể chấp nhận, tức nó có thể được rút ra từ tiền đề, chứ không phải là tất yếu được rút ra, bởi lẽ tuy hai tờ báo ấy giống nhau nhưng chưa chắc chúng cùng có chung với nhau bài viết về một vấn đề nào đó. Đây rõ ràng là một luận cứ quy nạp. Trong các loại luận cứ quy nạp, nó là loại luận cứ quy nạp gì? Tiền đề của luận cứ là một sự so sánh để thấy có sự giống nhau nào đó giữa hai tờ báo, và phán đoán của nó biểu đạt sự tương tự này, gọi là phán đoán loại suy. Như vậy, đây là luận cứ loại suy. Các thuật ngữ ta chọn để đánh giá luận cứ này sẽ là *đúng* hay *sai* và *mạnh* hay *yếu*.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Chuẩn hóa các luận cứ sau đây, rồi cho biết chúng là luận cứ diễn dịch hay luận cứ quy nạp và ta dùng những thuật ngữ nào để đánh giá chúng.

- 1.* Con sông dài nhất ở Nam Mỹ là Amazon, và Amazon chảy qua Brazil. Do đó, con sông dài nhất ở Nam Mỹ chảy qua Brazil.
2. Tấm bia mộ ở Nghĩa trang Quốc gia Arlington viết rằng John F. Kennedy được an táng nơi đây. Vì thế, chắc chắn Kennedy được an táng trong nghĩa trang này là sự thật.
3. Ba là số nguyên tố. Năm là một số nguyên tố. Bảy là một số nguyên tố. Do đó, tất cả các số lẻ từ hai đến tám là số nguyên tố.
4. Những chiếc đồng hồ có cấu tạo tinh xảo đều là tác phẩm nghệ thuật thực thụ, vì tất cả các đồng hồ Thụy Sĩ là tác phẩm nghệ thuật thực thụ, và tất cả các đồng hồ Thụy Sĩ có cấu tạo tinh xảo.
- 5.* Tất cả những người già trong gia đình tôi đều bị cao huyết áp. Chắc chắn khi về già, ai cũng bị cao huyết áp.
6. Mọi cuộc khảo sát về đời sống chính trị đã chỉ ra rằng vị nguyên thủ quốc gia sắp tới sẽ là một đảng viên đảng Cộng hòa. Do đó, ứng cử viên đảng Cộng hòa sẽ chiếm được cái ghế nguyên thủ ấy trong cuộc bầu cử tới.

7. Chương trình điều tra khảo sát Gallup đã phỏng vấn 10.000 người, và những người này nói rằng họ thích đi ăn cùng với người khác. Do đó, hầu hết mọi người đều thích đi ăn với người khác.
8. Cái ghế trong phòng khách có màu đỏ. Cái ghế trong phòng ăn có màu đỏ. Cái ghế trong phòng ngủ cũng là cái ghế có màu đỏ. Do đó, tôi nghĩ chẳng có cái ghế nào trong nhà này có màu nào khác ngoài màu đỏ.
9. Rất nhiều người tin rằng bất cứ ai có nhiều hoa tay đều vẽ giỏi. Nên chắc chắn tôi vẽ giỏi vì tôi có nhiều hoa tay.
- 10.* Những con thiên nga đen sống ở Úc. Do đó, không phải con thiên nga nào cũng trắng.
11. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* nói rằng Tạo hóa đã ban cho con người những quyền bất khả chuyển nhượng. Do đó, ta có thể kết luận rằng Tạo hóa là đáng có thật.
12. Bạn ở chung phòng trọ của Minh đã xem bộ phim *Chúa tể của những chiếc nhẫn* đến ba lần. Hà chưa xem bộ phim ấy lần nào. Do đó, Hà không thể là bạn ở chung phòng trọ với Minh.
13. Nếu các quy luật vật lý luôn luôn đúng thì cái gì văng lên tất phải rơi xuống. Và các quy luật vật lý luôn luôn đúng. Cho nên, cái gì văng lên tất phải rơi xuống.
14. Cá heo nhỏ hơn con voi, và con voi nhỏ hơn con bộ chét. Vì vậy, cá heo nhỏ hơn con bộ chét.
- 15.* Mọi triết gia đều là người đăng trí, và không triết gia nào đi dạy học. Từ đó suy ra tất cả những ai đăng trí không phải là người dạy học.
16. Nếu viên đạn nào được bắn ra trên biển Đông thì chiến tranh được khơi mào. vì chiến tranh chưa được khơi mào, nên chưa có viên đạn nào được bắn ra trên biển Đông.
17. Nếu Nam Phi có vũ khí hạt nhân thì các khu rừng nhiệt đới ở đó sẽ bị nhiễm phóng xạ. Các khu rừng nhiệt đới ở Nam Phi không bị nhiễm phóng xạ. Do đó, Nam Phi

không có vũ khí hạt nhân.

18. Nếu Minh cảm thấy hạnh phúc, thì Cường sẽ cảm thấy hạnh phúc. Cường không hạnh phúc. Do đó, Minh không hạnh phúc.
19. Nếu An ở trung tâm Sài Gòn thì cô ấy ở khách sạn Caraven. Cô ấy hiện đang ở trung tâm Sài Gòn, do đó có lẽ cô ấy đang ở khách sạn Caraven.
- 20.* Nếu án tử hình có tác dụng răn đe để người khác không dám phạm tội thì tỉ lệ tội phạm ở các quốc gia có án tử hình ắt sẽ thấp hơn ở các quốc gia không có án tử hình. Nhưng tỉ lệ tội phạm ở các quốc gia có án tử hình lại cao hơn. Cho nên án tử hình thực sự không có tác dụng răn đe.
21. Suy nghĩ của bạn theo logic hoặc theo cảm xúc. Rõ ràng là nó không theo logic. Nó theo cảm xúc.
22. Người độc thân là người không lập gia đình. Ất là người độc thân. Anh ấy không bao giờ lấy vợ.
23. "Thi ca tinh tế và đầy tính triết lý hơn lịch sử; vì thi ca biểu đạt cái phổ quát còn lịch sử chỉ biểu đạt cái đặc thù" [Aristotle, *Thi học*]
24. Cường ngã từ trên cây xuống. Chắc chắn là nó bị thương.
- 25.* Tôi đã ôn bài rất kĩ, tôi qua tôi cũng đã ngủ một giấc ngon, và tôi thích môn này, cho nên chắc chắn tôi sẽ thi tốt môn này.
26. Kết quả cuộc thăm dò ý kiến gần đây do báo Sinh viên thực hiện cho thấy 75% sinh viên đại học dưới 25 tuổi đi làm ít nhất 20 giờ mỗi tuần. Do đó, khoảng ba phần tư sinh viên của tôi đi làm ít nhất 20 giờ mỗi tuần.
27. Bạn thích spaghetti và pizza, và cả hai món này đều là những món ẩm thực Ý. Có lẽ bạn thích tất cả các món ẩm thực Ý.
28. Tí, Tèo, Ất, Giáp đều là những thi sĩ danh tiếng, và tất cả họ đều hút thuốc lá. do đó, có lẽ thi sĩ nào cũng hút thuốc lá.
29. Có nhiều tranh cãi về việc có thể có hay không sự sống

trên các hành tinh khác. Ta thấy đó, sao Hỏa giống với Trái đất. Do chỗ, Trái đất có chứa sự sống, sao Hỏa cũng có thể chứa sự sống.

- 30.* Tôi đã bị dị ứng với tất cả những con mèo mà tôi đã từng gặp. Tôi đoán chắc là tôi bị dị ứng với mọi con mèo.
31. Một cuộc điều tra khảo sát gần đây về cư dân phường 12 quận Cam cho thấy 45% người lớn tuổi hút thuốc lá. Thế thì ta có thể kết luận một cách hợp lý rằng 45% người lớn tuổi trong toàn quận này đều hút thuốc.
32. Mười năm qua, mỗi lần mẹ thăm tôi, bà có những triệu chứng dị ứng rất rõ rệt là hắt hơi, ngứa mắt, và nghẹt mũi. Nhưng năm nay, khi bà đến thăm, bà không có bất cứ triệu chứng dị ứng nào. Mà con mèo của tôi chết vào tháng 12 năm rồi, nên chắc chắn là những biểu hiện dị ứng của bà đều do con mèo gây ra.
33. Nếu chính quyền Mỹ thực sự được xây dựng trên ý niệm rằng mọi người về cơ bản là bình đẳng, thì mọi cá nhân ắt sẽ được đối xử bình đẳng trước pháp luật. Nhưng rõ ràng là không một ai được đối xử một cách bình đẳng. Cho nên ta phải kết luận rằng chính quyền Mỹ không thực sự được xây dựng trên ý niệm về sự bình đẳng cơ bản giữa các cá nhân.
34. Ngay sau khi ông X nhậm chức và thực thi các chính sách kinh tế bảo thủ của mình, nền kinh tế tỉnh nhà bị lao dốc và tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Trong khi đó, tình hình kinh tế chung của thế giới và cả nước vẫn tăng trưởng đều, không có dấu hiệu khủng hoảng. Do đó, tình trạng nền kinh tế địa phương bị suy thoái là do chính sách kinh tế bảo thủ của ông X gây ra.
35. Quan điểm cho rằng kĩ năng nhận thức tốt là do sinh ra họ đã có chúng rồi. Tôi không đồng tình. Bạn thấy đó, các kĩ năng nhận thức tốt cần có để lập trình máy tính, chơi nhạc, và chơi cờ chỉ có thể có được sau quá trình tập luyện siêng năng và bài bản. Mọi kĩ năng nhận thức tốt tất chỉ có được bằng cách ấy mà thôi.

Chương 4

LUẬN CỨ MỆNH ĐỀ

1. PHÁN ĐOÁN MỆNH ĐỀ

Các phán đoán mệnh đề là chất liệu cấu tạo nên luận cứ mệnh đề, do đó để nhận biết luận cứ mệnh đề thì trước hết ta phải nhận biết các phán đoán mệnh đề. Trong Chương 2, chúng ta đã định nghĩa phán đoán là câu đưa ra một tuyên bố nào đó có thể đúng hoặc sai. Nói cách khác, một phán đoán hoặc là đúng hoặc là sai. Phán đoán đúng có giá trị chân lý *đúng*, và phán đoán sai có giá trị chân lý *sai*. Điều đó sẽ có ý nghĩa đối với chúng ta trong việc thiết lập bảng chân lý như là một phương pháp đánh giá tính hợp lệ của luận cứ. Trong Chương 4, khi bàn về luận cứ diễn dịch, chúng ta đã nhắc tới bốn dạng phán đoán mệnh đề và cách phân biệt chúng. Trong chương này, chúng ta sẽ bàn luận chi tiết hơn về các phán đoán này.

1.1. Phán đoán đơn và phán đoán phức

Để hiểu rõ các phán đoán mệnh đề, ta cần phải phân biệt phán đoán đơn và phán đoán phức. *Phán đoán đơn* là phán đoán không chứa bất cứ phán đoán nào khác bên trong nó như là một thành phần cấu tạo. Các câu sau là phán đoán đơn.

Con mèo ở trên cây.

Con người chỉ là một cây sậy yếu đuối.

Chim là loài động vật duy nhất có thể bay.

Luân lý học là khoa học duy nhất của những người thuộc phái khắc kỷ chủ nghĩa.

Các câu trên tuy độ dài ngắn khác nhau nhưng chúng vẫn là những phán đoán đơn bởi lẽ chúng là những phán đoán ở đơn vị nhỏ nhất. *Phán đoán phức* là phán đoán chứa ít nhất một phán đoán khác

trong nó như là một thành phần cấu tạo. Hai câu sau là những phán đoán phức:

Nam học giỏi và hát hay.

Con mèo ở trên cây hoặc ở trong bếp.

Độ dài hai câu này còn ngắn hơn cả một số câu ví dụ cho phán đoán đơn ở trên, nhưng chúng vẫn là phán đoán phức, bởi lẽ chúng chứa hai phán đoán đơn được liên kết nhau bằng một hay một số từ thao tác. Phán đoán phức thứ nhất chứa hai phán đoán đơn "Nam học giỏi" và "Nam hát hay" được liên kết với nhau bằng chữ "và". Phán đoán phức thứ hai chứa hai phán đoán đơn "Con mèo ở trên cây" và "Con mèo ở trong bếp" được nối kết nhau qua chữ "hoặc". Các chữ "và" "hoặc" ở đây là các tác tử.

Các *tác tử* là từ hay cụm từ làm biến đổi một hay nhiều phán đoán đơn để tạo ra một phán đoán mới là phán đoán phức. Có bốn loại tác tử được sử dụng trong luận cứ mệnh đề dùng để tạo nên bốn loại phán đoán phức là phán đoán phủ định, phán đoán liên kết, phán đoán tuyển và phán đoán điều kiện. Ký hiệu logic cho các tác tử này có nhiều cách đặt khác nhau, nhưng trong sách này, chúng tôi sử dụng các ký hiệu sau:

Phán đoán phức	tác tử	ký hiệu
Phủ định	không	~
Liên kết	và	&
Tuyển	hoặc, hay	V
Điều kiện	nếu ... thì ...	→

Luận cứ mệnh đề là do các phán đoán mệnh đề cấu tạo nên. Giờ ta lần lượt bàn luận một cách chi tiết hơn bốn phán đoán mệnh đề này.

1.2. Phán đoán phủ định

Phán đoán phủ định là phán đoán ta dùng để phủ định một phán đoán khác. Xét về phương thức cấu tạo, đây là một là một phán đoán phức được tạo thành bằng cách dùng từ thao tác biểu đạt nghĩa phủ

định, chẳng hạn như các từ: *làm gì có chuyện, không thể có, không...*
Giả thử có các phán đoán sau:

(a) Con mèo ở trên cây.

(b) Con mèo không ở trên cây.

Nếu phủ định phán đoán (a) thì ta có thể đưa ra phán đoán như sau:

(a1) *Làm gì có chuyện* con mèo ở trên cây.

hoặc

(a2) Con mèo *không* ở trên cây

và nếu phủ định phán đoán (b), ta sẽ có phán đoán sau :

(b1) *Làm gì có chuyện* con mèo không ở trên cây.

(b2) Con mèo ở trên cây.

Hai ví dụ trên cho thấy, với các phán đoán (a1) và (b1), cấu trúc của một phán đoán phủ định dễ dàng được nhận biết, nhưng với các trường hợp là phán đoán (a2) và (b2) thì rất dễ nhầm lẫn "phán đoán phủ định" với "câu phủ định". Nhìn từ góc độ câu văn, thì (a1) là câu phủ định, còn (b2) là câu khẳng định. Tuy nhiên, căn cứ theo định nghĩa logic ở trên về phán đoán phủ định, cả (a2) lẫn (b2) đều là phán đoán phủ định, vì chúng là những phán đoán ta dùng để phủ định một phán đoán khác. Phán đoán mà (a2) phủ định là "Con mèo ở trên cây" và phán đoán mà (b2) phủ định là "Con mèo không ở trên cây".

Vì phán đoán phủ định chỉ chứa một phán đoán đơn thành phần, nên ta có thể dùng một ký tự trong bảng chữ cái để đại diện cho nó. Ta đặt P đại diện cho phán đoán "Con mèo ở trên cây" và kết hợp với ký hiệu của tác tử phủ định, ta có hình thức logic của phán đoán phủ định là $\sim P$. Như đã nói, bất cứ phán đoán nào cũng mang giá trị đúng hoặc sai. Giá trị chân lý của phán đoán $\sim P$ này được xác định như thế nào? Nó được xác định căn cứ theo phán đoán nó chứa là P. Nếu P đúng thì $\sim P$ sẽ sai, và ngược lại. Bảng chân lý của phán đoán phủ định sau đây sẽ cho thấy điều đó:

	P	$\sim P$
1.	Đ	S
2.	S	Đ

Trong bảng chân lý này, ta thấy các ký hiệu Đ và S trong đó Đ đại diện cho giá trị đúng và S đại diện cho giá trị sai. Đây là hai ký hiệu chúng ta sẽ sử dụng xuyên suốt trong chương này.

1.3. Phán đoán liên kết

Phán đoán liên kết là phán đoán phức chứa hai hay nhiều phán đoán đơn được nối nhau bằng từ *và* (hay những chữ tương đương về mặt logic với nó như *nhưng, thế mà, tuy nhiên, trong khi, mặc dù, đồng thời, cũng, hơn nữa*, hay *dấu phẩy*).

Con mèo ở trên cây *và* con chó ở trước sân.

Con mèo ở trên cây *nhưng* con chó ở trước sân.

Con mèo ở trên cây *trong khi* con chó ở trước sân.

Con mèo ở trên cây *thế mà* con chó ở trước sân.

Con mèo ở trên cây, con chó ở trước sân.

Trong các câu này, hai phán đoán đơn là "Con mèo ở trên cây" và "Con chó ở trước sân". Đặt ký hiệu P đại diện cho phán đoán "Con mèo ở trên cây", ký hiệu Q đại diện cho phán đoán "Con chó ở trước sân", và kết hợp với ký hiệu của tác tử liên kết, hình thức logic của phán đoán này sẽ là $P \& Q$.

Lưu ý, ta phải cẩn trọng với từ "và", vì không phải lúc nào nó cũng được dùng để tạo ra phán đoán liên kết, tức nối kết hai phán đoán đơn, mà nó còn dùng để nối kết hai danh từ hay cụm danh từ với nhau. Chẳng hạn, khi ta nói "Cường và Minh đang chơi đàn cùng nhau". Đây chỉ là một phán đoán đơn, chứ không phải hai, và vì thế phán đoán này chỉ có 1 biến làm ký hiệu là P.

Để nhận biết các giá trị chân lý có thể có của phán đoán này, ta có thể lập ra bảng chân lý của nó. Công thức lập bảng sẽ là 2^n , trong đó số 2 đại diện cho hai khả năng đúng và sai của một phán đoán và số mũ n đại diện cho các phán đoán đơn thành phần. Phán đoán làm ví dụ của chúng ta có 2 phán đoán đơn, nên công thức sẽ là 2^2 . Điều đó có nghĩa là phán đoán của chúng ta có 4 khả năng mang giá trị chân lý. Bảng chân lý sẽ như sau:

	P	Q	P & Q
1.	Đ	Đ	Đ
2.	Đ	S	S
3.	S	Đ	S
4.	S	S	S

Bảng chân lý trên có 4 dòng, mỗi dòng là một giá trị chân lý mà phán đoán liên kết có thể có từ sự kết hợp các giá trị chân lý của các phán đoán thành phần. Trong bảng trên, phán đoán P & Q chỉ đúng khi cả hai phán đoán thành phần P, Q đều mang giá trị đúng; và nó sai khi một trong hai, hoặc cả hai, phán đoán thành phần của nó mang giá trị sai.

1.4. Phán đoán tuyển

Phán đoán tuyển là phán đoán phức chứa hai hay nhiều phán đoán đơn được nối kết với nhau bằng từ *hoặc/hay*. Các câu sau đây là phán đoán tuyển:

- (a) Thú cưng của tôi là chó hoặc mèo.
- (b) Hôm nay là thứ Bảy hoặc Chủ nhật.

Theo đúng quy cách cấu trúc của phán đoán tuyển, ta phát biểu lại hai phán đoán trên như sau:

- (a) Thú cưng của tôi là chó hoặc thú cưng của tôi là mèo.
- (b) Hôm nay là thứ Bảy hoặc hôm nay là Chủ nhật.

Hai phán đoán đơn tham gia cấu tạo nên phán đoán (a) là: "Thú cưng của tôi là chó" và "Thú cưng của tôi là mèo". Phán đoán (b) là sự hợp thành của hai phán đoán đơn "Hôm nay là thứ Bảy" và "Hôm nay là Chủ nhật".

Tuy nhiên, trước khi đặt ký hiệu cho các phán đoán đơn thành phần để hình thức hóa hai phán đoán phức này, ta hãy suy xét xem hai phán đoán này khác nhau điều gì. Đối với phán đoán (a) nếu thú cưng của tôi vừa là chó vừa là mèo có được hay không? Câu trả lời là

được. Điều đó có nghĩa hai phán đoán thành phần này *không loại trừ* nhau. Câu hỏi tương tự áp dụng cho phán đoán (b). Câu trả lời là không, vì nếu hôm nay là thứ Bảy thì không thể có chuyện hôm nay là Chủ nhật, và ngược lại. Điều đó có nghĩa hai phán đoán thành phần này *loại trừ* nhau. Chính vì thế mà phán đoán tuyển sẽ có hai trường hợp là tuyển không chặt và tuyển chặt. *Phán đoán tuyển không chặt* là phán đoán trong đó hai phán đoán thành phần không loại trừ nhau, trong khi đó *phán đoán tuyển chặt* là phán đoán trong đó hai phán đoán thành phần loại trừ nhau. Như vậy, phán đoán tuyển sẽ có hai bảng chân lý cho từng trường hợp.

	P	Q	P ∨ Q
1.	Đ	Đ	Đ
2.	Đ	S	Đ
3.	S	Đ	Đ
4.	S	S	S

Bảng tuyển không chặt

	P	Q	P ∧ Q
1.	Đ	Đ	S
2.	Đ	S	Đ
3.	S	Đ	Đ
4.	S	S	S

Bảng tuyển chặt

Bảng tuyển không chặt cho thấy phán đoán $P \vee Q$ chỉ sai trong trường hợp cả hai phán đoán thành phần của nó mang giá trị sai, trong khi đó ở bảng tuyển chặt phán đoán $P \wedge Q$ sẽ sai khi hai phán đoán thành phần của nó cùng mang giá trị đúng hoặc cùng mang giá trị sai.

1.5. Phán đoán điều kiện

Phán đoán điều kiện là phán đoán phức chứa hai hay nhiều phán đoán đơn được nối kết với nhau bằng cụm từ *nếu ... thì ...*, hay các cụm từ diễn đạt tương đương; trong đó, phán đoán nào đi sau từ *nếu* được gọi là *tiền kiện*, và phán đoán nào đi sau từ *thì* được gọi là *hậu kiện*.¹ Đây là các ví dụ về phán đoán điều kiện:

1. Các từ "tiền kiện" và "hậu kiện" chúng tôi dùng ở đây tương đương với hai khái niệm trong tiếng Anh là "antecedent" và "consequent". Trong cấu trúc của phán đoán điều kiện, phán đoán đi với chữ "nếu" luôn đi trước và phán đoán gắn với chữ "thì" đi sau, dù về mặt hình thức diễn đạt người ta có thể viết theo cách đảo

(a) Nếu trời mưa thì đường ướt.

(b) Nếu vợ đi chợ và con đi học thì tôi ở nhà một mình.

Phán đoán (a) chứa hai phán đoán đơn là:

(a1) Trời mưa.

(a2) Đường ướt.

trong đó phán đoán (a1) là tiền kiện, vì nó gắn liền với chữ "nếu", còn phán đoán (a2) là hậu kiện vì đi liền với chữ "thì".

Phán đoán (b) chứa ba phán đoán đơn là:

(b1) Vợ đi chợ.

(b2) Con đi học.

(b3) Tôi ở nhà một mình.

trong đó phán đoán (b1) và (b2) là tiền kiện, vì chúng gắn với chữ "nếu", còn phán đoán (b3) là hậu kiện vì gắn với chữ "thì".

Trong phán đoán điều kiện, hai phán đoán cấu thành nên nó thực hiện các vai trò khác nhau đến mức nếu có sự thay đổi trong cấu trúc phán đoán thì nghĩa của phán đoán bị thay đổi. Xét hai phán đoán điều kiện sau đây:

(c) Nếu trời mưa thì đường ướt.

(d) Nếu đường ướt thì trời mưa.

Phán đoán (c) đúng, nhưng phán đoán (d) thì sai. Phán đoán (c) nói rằng bất cứ khi nào trời mưa thì đường sẽ ướt. Phán đoán này đúng vì mưa là điều kiện đủ để đường trở nên ướt. Phán đoán (d) nói rằng bất cứ khi nào đường ướt thì trời sẽ mưa. Đây là một phán đoán sai, vì đường ướt không đủ đảm bảo cho việc có mưa. Không phải cứ đường ướt là đương nhiên trời có mưa.

Điều này cho ta thấy phán đoán điều kiện diễn tả một loại quan hệ nào đó giữa tiền kiện và hậu kiện. Mọi phán đoán điều kiện phát biểu hai điều: chân lý của tiền kiện là *đủ* cho chân lý của hậu kiện, và chân lý của hậu kiện là *cần* cho chân lý của tiền kiện. Nói cách khác, tiền kiện giữ vai trò như là *điều kiện đủ*, còn tiền kiện giữ vai trò như

câu; vì thế, chữ "tiền kiện" ở đây được hiểu là phán đoán điều kiện thành phần đi trước, còn "hậu kiện" là phán đoán điều kiện thành phần đi sau.

là *điều kiện cần* trong một phán đoán điều kiện. Điều này có ý nghĩa quan trọng khi ta sử dụng cấu trúc tiền kiện-hậu kiện này để đánh giá nhanh một luận cứ mệnh đề nào đó là hợp lệ hay không. Chẳng hạn ta có hai luận cứ sau đây:

Luận cứ thứ nhất, gọi là khẳng định tiền kiện (*modus ponens*)

(1) Nếu trời mưa thì đường ướt.

(2) Trời mưa.

(3) Đường ướt.

Tiền đề (2) của luận cứ này khẳng định lại chính phán đoán đơn gắn liền với chữ "nếu" trong tiền đề (1), tức là tiền kiện. Vì tiền kiện giữ vai trò như là điều kiện đủ, nên nó đảm bảo cho việc ta rút ra kết luận, trong trường hợp luận cứ này là "Đường ướt", vì thế luận cứ này hợp lệ.

Luận cứ thứ hai, gọi là khẳng định hậu kiện:

(1) Nếu trời mưa thì đường ướt.

(2) Đường ướt.

(3) Trời mưa.

Tiền đề (2) của luận cứ này khẳng định phán đoán đơn đi ngay sau chữ "thì" trong tiền đề (1), tức hậu kiện. Trong cấu trúc phán đoán điều kiện, hậu kiện chỉ giữ vai trò là điều kiện cần, nên nó không đảm bảo cho việc ta rút ra kết luận, trong trường hợp này là "Trời mưa". Chính vì lý do này mà luận cứ trên không hợp lệ, và do tính phổ biến của nó nên nó thường được gọi bằng một cái tên là Ngụy biện khẳng định hậu kiện.

Giờ ta lập bảng chân lý cho phán đoán điều kiện để xác định các khả năng mang giá trị chân lý của nó. Lấy lại phán đoán "Nếu trời mưa thì đường ướt" làm ví dụ. Đặt P đại diện cho phán đoán "Trời mưa" và Q đại diện cho phán đoán "Đường ướt", và sử dụng dấu mũi tên thay cho tác tử "nếu... thì..", phán đoán điều kiện sẽ có hình thức $P \rightarrow Q$.

Giống như hai phán đoán liên kết và phân liệt, phán đoán điều kiện có hai phán đoán thành phần, do đó sẽ có bốn trường hợp giá trị chân lý có thể khảo sát. Bảng chân lý của phán đoán điều kiện là như sau:

	P	Q	$P \rightarrow Q$
1.	Đ	Đ	Đ
2.	Đ	S	S
3.	S	Đ	Đ
4.	S	S	Đ

Bảng chân lý cho thấy phán đoán điều kiện chỉ sai duy nhất khi tiền kiện đúng nhưng hậu kiện sai (dòng 2), còn các trường hợp còn lại đều đúng. Nhưng người ta có thể thắc mắc tại sao phán đoán này lại đúng khi tiền kiện của nó mang giá trị sai? Giả định có phán đoán điều kiện sau: "Nếu anh làm tốt công việc này, chúng tôi sẽ tăng lương cho anh." Khi nào thì câu nói này là một lời nói dối (phán đoán sai)? Rõ ràng là khi nhân vật được hứa đã làm tốt công việc này (tiền kiện đúng) nhưng nhân vật hứa không tăng lương cho anh ta (hậu kiện sai) thì đây quả là một lời nói dối (tương ứng dòng 2). Tuy nhiên, trong trường hợp nhân vật được hứa không làm tốt công việc này (tiền kiện sai) thì bản thân nhân vật hứa có tăng lương (hậu kiện đúng, dòng 3) hay không tăng lương cho anh ta (hậu kiện sai, dòng 4), ta không có lý do nào để nghĩ rằng phán đoán điều kiện này là sai, và vì thế trong cả hai trường hợp này nó được giả định là đúng. Còn trường hợp cả tiền kiện lẫn hậu kiện đều đúng, phán đoán điều kiện đúng (dòng 1) là đương nhiên.

Phán đoán điều kiện như cách biểu đạt của ta ở trên là cấu trúc dạng chuẩn *Nếu + tiền kiện, thì + hậu kiện*. Tuy nhiên, phán đoán này cũng có nhiều biến thể cấu trúc khác. Dưới đây là một số biến thể thường gặp.

1. **Hậu kiện + với điều kiện là + tiền kiện**

Ví dụ: Đường ướt với điều kiện là trời mưa.

2. **Không + hậu kiện, trừ khi + tiền kiện**

Ví dụ: Đường sẽ không ướt trừ khi trời mưa.

3. **(Bất cứ) khi nào + tiền kiện, hậu kiện**

Ví dụ: Bất cứ khi nào trời mưa thì đường sẽ ướt.

4. **Để / muốn + hậu kiện, phải + tiền kiện**

Ví dụ: Để đường ướt thì trời phải mưa.

5. Tiền kiện + **là đủ để** + hậu kiện

Ví dụ: Trời mưa là đủ để đường ướt.

6. Hậu kiện + **chỉ khi / một khi** + tiền kiện

Ví dụ: Đường ướt chỉ khi trời mưa.

7. **Chỉ** + hậu kiện + **khi** + tiền kiện

Ví dụ: Đường chỉ ướt khi trời mưa.

8. **Giá như** + tiền kiện + **thì** + hậu kiện

Ví dụ: Giá như trời mưa thì có lẽ đường sẽ ướt.

9. **Không** + tiền kiện + **sao** + hậu kiện

Ví dụ: Trời không mưa sao đường ướt được.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Hãy chuyển từng phán đoán mệnh đề sau đây về hình thức của chúng:

Mẫu: "Nếu trời mưa thì đường ướt"

Đặt ký hiệu: $P = \text{Trời mưa}$.

$Q = \text{Đường ướt}$.

Hình thức của phán đoán sẽ là: $P \rightarrow Q$.

- 1.* Lan uống sữa hoặc uống nước trái cây trong bữa ăn sáng.
2. Nói rằng Lan chơi đàn hay là sai.
3. Cô ấy thông minh nhưng thiếu sắc sảo.
4. Hoặc chúng ta sẽ tự do hoặc chúng ta sẽ bị nô lệ.
5. Tâm hồn ta sẽ bình an nếu ta không làm những gì sai trái hay tổn thương người khác.
- 6.* Mặt trời quay quanh trái đất hoặc trái đất quay quanh mặt trời.
7. Số tận cùng bằng 5 thì chia hết cho 5.
8. Trời nổi gió rồi mưa to.

9. Lan sẽ là bà nếu con trai hoặc con gái của Lan có con.
10. Nếu người Ai Cập cổ đại không có nền văn minh phát triển cao thì họ không xây dựng được những công trình vĩ đại như các Kim tự tháp.
11. Cô ấy kiêu ngạo hoặc cô ấy gốc gác.
- 12.* Để đạt được mục tiêu này, tôi phải làm việc cật lực.
13. Bất cứ khi nào ta nghĩ tiền là điều quan trọng nhất, thì ta sẽ coi nó là mục đích tối hậu để theo đuổi.
14. Minh không những chơi đàn hay mà còn vẽ đẹp.
15. Bất cứ khi nào nghĩ ngợi, tôi đều bị đau đầu.
16. Con mà ăn cắp thì trời đánh thánh vật con.
17. Cơ sở kĩ thuật trường này tuy không hiện đại nhưng hoạt động giảng dạy rất tốt.
- 18.* Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa. (Ca dao)
19. Hoặc là ngày, hoặc là đêm.
20. Mày mà làm được việc đó tao đi bằng đầu.
21. Không phải Hy Lạp là nền văn minh tối cổ.
22. Không phải Lan hát hay và không phải Lan đàn giỏi
23. Để tránh bị kẹt xe, anh phải đi thật sớm.
- 24.* Nếu đúng tự anh làm được bài này thì anh sẽ hiểu cách giải hoặc sẽ làm được bài tương tự.
25. An không giỏi toán mà cũng chẳng giỏi văn.
26. Muốn giỏi ngoại ngữ thì phải cố gắng học ngoại ngữ mỗi ngày.
27. Biết xử sự thì người đời mộ mến. (Kinh thánh)
28. Người nhân hậu làm ích cho bản thân, kẻ tàn nhẫn lại làm hại chính mình. (Kinh thánh)
29. Đi với người khôn, ắt sẽ nên khôn. Chơi cùng kẻ dại, sẽ mang lấy họa. (Kinh thánh)
- 30.* Có khôn ngoan mới dựng được nhà. (Kinh thánh)

31. Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người nước Nam đánh Tây. (Nguyễn Trung Trực)
32. Một là cứ phép gia hình,
Hai là lại cứ lầu xanh phó về. (Nguyễn Du)
33. Nếu bạn muốn sống một cuộc đời mình triết thì hãy sống nó theo những điều kiện của riêng mình và trong mắt của chính mình. (Epictetus)
34. Bệnh vực đưa ác, kết tội chính nhân, hai việc này đều làm Đức Chúa ghê tởm. (Kinh thánh)
35. Lý luận sẽ trở thành lực lượng vật chất một khi nó thâm nhập được vào quần chúng. (Karl Marx)
- 36.* Một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học không thể không có tư duy lý luận. (Friedrich Engels)
37. Khi bạn tự giải phóng mình ra khỏi những xao lãng của những lạc thú nông cạn hay viển vông, và thay vào đó hiến mình cho những bổn phận chính đáng thì bạn có thể thư giãn. (Epictetus)
38. Hoặc chúng ta hy vọng có sự tiến bộ bằng cách cải thiện lại nền luân lý hoặc chúng ta hy vọng có sự tiến bộ bằng cách tăng tiến sự hiểu biết. (Bertrand Russell)
39. Nếu bạn cố tránh những điều không thể tránh như bệnh tật, cái chết hay sự bất hạnh - là những cái mà bạn không có sự kiểm soát thực nào - thì bạn sẽ làm cho chính mình và kẻ khác đau khổ. (Epictetus)

2. PHÂN TÍCH LUẬN CỨ MỆNH ĐỀ

Khi phân tích các luận cứ mệnh đề, ta phải sử dụng các kĩ năng đã học ở những bài trước. Chẳng hạn, nhớ rằng kết luận của luận cứ có thể không xuất hiện như là phán đoán cuối cùng trong đoạn văn. Các từ chỉ báo luận cứ có thể giúp ta nhận diện kết luận và tiền đề sao cho khi dịch các phán đoán trong luận cứ ta đặt tiền đề và kết luận đúng vị trí của chúng. Xét ví dụ sau.

Thú cưng của tôi là chó hoặc mèo. Thú cưng của tôi không phải là mèo. Do đó thú cưng của tôi là chó.

Từ chỉ báo "do đó" cho biết phán đoán cuối cùng là kết luận và các phán đoán thứ nhất và thứ hai là tiền đề. Tiếp theo, ta nhận thấy tiền đề thứ nhất chưa phát biểu đúng chuẩn của một phán đoán phức. Ta phải phát biểu lại phán đoán này đúng dạng chuẩn của nó là: "Thú cưng của tôi là chó hoặc thú cưng của tôi là mèo." Luận cứ này có cấu trúc dạng chuẩn như sau:

(1) Thú cưng của tôi là chó hoặc thú cưng của tôi là mèo.

(2) Thú cưng của tôi không phải là mèo.

(3) Thú cưng của tôi là chó.

Luận cứ cho thấy tiền đề (1) là một phán đoán tuyển. Nhưng phán đoán tuyển có hai trường hợp: tuyển chặt và tuyển lỏng. Ta phải xác định xem phán đoán đang xem xét thuộc trường hợp nào bằng cách dùng câu hỏi: "Hai phán đoán thành phần của phán đoán tuyển này có loại trừ nhau hay không?". Điều đó có nghĩa việc ta có thú cưng là chó có loại trừ khả năng tôi cũng có thú cưng là mèo hay không. Câu trả lời là không, vì cùng lúc ta có thể có cả chó lẫn mèo làm thú cưng. Vậy đây là trường hợp tuyển lỏng.

Để đưa luận cứ về hình thức ký hiệu, ta dùng các ký tự chữ cái làm ký hiệu đại diện cho các phán đoán đơn trong luận cứ. Trong trường hợp này, ta đặt P làm đại diện cho "Thú cưng của tôi là chó" và Q đại diện cho "Thú cưng của tôi là mèo". Luận cứ này sẽ có hình thức ký hiệu như sau:

(1) $P \vee Q$

(2) $\sim Q$

(3) P

Xét thêm một ví dụ khác. Có luận cứ sau đây:

Nếu khách là người lạ thì con chó đã sủa. Vì khách đó không phải là người lạ bởi lẽ không ai nghe thấy tiếng chó sủa.

Đoạn văn này có từ chỉ báo tiền đề "bởi lẽ" cho thấy phán đoán đi ngay sau nó là tiền đề và phán đoán đi ngay trước nó là phán đoán kết luận. Phán đoán còn lại ta xét xem nó có tham gia hỗ trợ cho kết luận không. Trường hợp này là có, nên nó là tiền đề của luận cứ. Để chuẩn hóa luận cứ này, trước hết tiền đề "không ai nghe thấy tiếng chó sủa" ta cần phải viết lại. Đây là phán đoán phủ định phán đoán "Con chó sủa" do đó ta có thể viết lại thành "Con chó không sủa". Luận cứ được chuẩn hóa có dạng như sau:

(1) Nếu khách là người lạ thì con chó sủa.

(2) Con chó không sủa.

(3) Khách không phải là người lạ

Tiền đề (1) là phán đoán điều kiện chứa hai phán đoán đơn thành phần: "khách là người lạ" và "con chó sủa", và toàn bộ luận cứ này là chỉ có hai phán đoán đơn này nên ta lần lượt dùng hai ký tự P và Q đại diện cho hai phán đoán ấy. P đại diện cho "khách là người lạ" và Q đại diện cho "con chó sủa". Hình thức ký hiệu của luận cứ này sẽ là:

(1) $P \rightarrow Q$

(2) $\sim Q$

(3) $\sim P$

Xét thêm một ví dụ khác. Lần này sẽ là luận cứ có ba phán đoán đơn thành phần:

Nếu có một thân thể cường tráng và một tinh thần mạnh mẽ thì anh sẽ hạnh phúc. Anh có cả hai thứ đó, cho nên anh sẽ hạnh phúc.

Đoạn văn này có từ chỉ báo "cho nên" vì thế phán đoán "Anh sẽ hạnh phúc" là kết luận và hai phán đoán còn lại là tiền đề vì chúng cùng nhau nâng đỡ cho kết luận. Tiền đề thứ hai "Anh có cả hai thứ đó". Hai thứ đó là hai thứ gì? Căn cứ vào tiền đề (1) ta xác định chúng là "một thân thể cường tráng" và "một tinh thần mạnh mẽ". Ta

cần phát biểu lại tiền đề thứ hai cho rõ ràng như sau: "Anh có một thân thể cường tráng và anh có một tinh thần mạnh mẽ". Như vậy luận cứ ở dạng chuẩn là như sau:

- (1) Nếu anh có một thân thể cường tráng và nếu anh có một tinh thần mạnh mẽ thì anh sẽ hạnh phúc.
- (2) Anh có một thân thể cường tráng và anh có một tinh thần mạnh mẽ.
- (3) Anh sẽ hạnh phúc.

Luận cứ cho thấy có ba phán đoán đơn thành phần là "Anh có một thân thể cường tráng", "Anh có một tinh thần mạnh mẽ" và "Anh sẽ hạnh phúc", ta lần lượt dùng các ký tự P, Q và R đại diện cho chúng. Hình thức ký hiệu của luận cứ sẽ có dạng này:

- (1) $(P \ \& \ Q) \rightarrow R$
- (2) $P \ \& \ Q$
- (3) R

Giờ ta xét thêm một luận cứ cuối cùng, một luận cứ mở rộng:

Nếu Pluto là một hành tinh, thì nó phải “chiếu sáng vùng phụ cận” quanh quỹ đạo của nó. Vì Pluto không “chiếu sáng vùng phụ cận” quanh quỹ đạo của nó, Pluto không phải là một hành tinh. Bên cạnh đó, nếu Pluto không phải là hành tinh thì nó được phân loại lại là “hành tinh lùn”, và Pluto được phân loại lại là một “hành tinh lùn” vào năm 2006.¹

Đoạn văn này có từ chỉ báo "vì" cho biết phán đoán "Pluto không “phát quang vùng phụ cận” quanh quỹ đạo của nó" là tiền đề và phán đoán "Pluto không phải là hành tinh" là kết luận. Ngoài ra, đoạn văn có chứa cụm từ "bên cạnh đó" cho ta biết có hai phán đoán khác làm tiền đề và chúng độc lập với hai tiền đề trước. Điều đó có nghĩa là đoạn văn này chứa hai luận cứ, hay nói chính xác hơn đoạn văn này có một kết luận nhưng có hai cặp tiền đề cùng nâng đỡ cho nó nhưng độc lập với nhau. Luận cứ này có dạng chuẩn sau đây:

Luận cứ thứ nhất:

1. Debra Jackson và Paul Newberry. 2012. *Critical thinking: a user's manual*. Wadsworth, Cengage Learning, tr. 196.

(1) Nếu Pluto là một hành tinh, thì Pluto phải “chiếu sáng vùng phụ cận” quanh quỹ đạo của nó.

(2) Pluto không “chiếu sáng vùng phụ cận” quanh quỹ đạo của nó.

(3) Pluto không phải là một hành tinh.

Luận cứ thứ hai:

(1) Nếu Pluto không phải là hành tinh thì Pluto được phân loại lại là “hành tinh lùn”.

(2) Pluto được phân loại lại là một “hành tinh lùn”.

(3) Pluto không phải là một hành tinh.

Khi chuyển luận cứ sang hình thức ký hiệu, mỗi cặp tiền đề phải được coi như là cấu tạo nên một luận cứ riêng biệt. Dùng P đại diện cho “Pluto là một hành tinh”, Q đại diện cho “Pluto đã ‘chiếu sáng vùng phụ cận’ quanh quỹ đạo của nó” và R đại diện cho “Pluto được phân loại lại là ‘hành tinh lùn’”. Hai luận cứ có thể có hai hình thức ký hiệu như sau:

<i>Luận cứ thứ nhất:</i>	<i>Luận cứ thứ hai:</i>
(1) $P \rightarrow Q$	(1) $\sim P \rightarrow R$
(2) $\sim Q$	(2) R
<hr/> (3) $\sim P$	<hr/> (3) $\sim P$

BÀI TẬP THỰC HÀNH

II. Hãy chuẩn hóa các luận cứ mệnh đề sau đây và đưa chúng về hình thức ký hiệu.

- 1.* Lan sẽ học Anh văn hoặc Pháp văn. Cô ấy học Pháp văn, nên cô ấy không học Anh văn.
2. Nếu bạn nghĩ về cái ghế thì bạn đang tư duy. Bạn đang nghĩ về cái ghế. Do đó, bạn đang tư duy.
3. Nếu vi phạm pháp luật thì sẽ bị xử lý theo pháp luật. Anh này đã vi phạm pháp luật. Cho nên, anh này sẽ bị xử lý theo pháp luật.

4. Hoặc nhân chứng đã nói dối hoặc X có tội. Nhân chứng đã nói ra sự thật. Do đó, X có tội.
5. Nếu môi trường không bị ô nhiễm nặng thì Trái đất không bị ấm dần lên. Trái đất hiện nay đang bị ấm dần lên, vậy môi trường bị ô nhiễm nặng.
6. Cô ấy kiêu ngạo hoặc cô ấy ngốc nghếch. Cô ấy ngốc nghếch, do đó cô ấy không kiêu ngạo.
- 7.* Tôi sẽ chơi cầu lông hoặc tôi sẽ chơi video game. Tôi sẽ chơi video game, do đó tôi sẽ không chơi cầu lông.
8. Con mèo ở trên cửa sổ hoặc con mèo ở trên cây. Con mèo ở trên cây. Do đó, con mèo không ở trên cửa sổ.
9. Nếu cảnh sát biết rằng Jones có động cơ gây án thì anh ta sẽ là người bị tình nghi. Nhưng cảnh sát không biết rằng Jones có động cơ gây án. Do đó, anh ta không phải là kẻ bị tình nghi.
10. Sự tiến hóa hoặc là một lý thuyết hoặc là một sự kiện thực tế. Sự tiến hóa là một sự kiện thực tế; vì thế, nó không phải là một lý thuyết.
11. Nếu bạn uống rượu thì bạn phải trên mười tám tuổi. Bạn chưa trên mười tám tuổi, vì vậy bạn chưa được uống rượu.
12. Đảng Dân chủ hoặc đảng Cộng hòa sẽ thắng cử. Đảng Cộng hòa thắng cử. Do đó, đảng Dân chủ không thắng cử.
13. Cường cao thì Minh cao. Minh chỉ cao khi Cường cao. Cường không cao, do đó Minh không cao.
- 14.* Con mà ăn cắp thì trời đánh thánh vật con. Trời không đánh, thánh không vật con. Điều đó cho thấy con không ăn cắp.
15. Nếu cô ấy xinh đẹp thì cô ấy hạnh phúc và có cơ hội công việc tốt. Cô ấy sẽ không hạnh phúc và có cơ hội công việc tốt bởi lẽ cô ấy không phải là người xinh đẹp.
16. Nếu bạn chạy xe nhanh hơn tốc độ cho phép thì bạn sẽ bị

phạt. Bạn không chạy nhanh hơn tốc độ cho phép, do đó bạn sẽ không bị phạt.

17. Chủ nhật vừa rồi nó không được nghỉ đâu. Vì nếu được nghỉ thì nó đã về thăm ba nó. Mà về thăm ba nó thì thế nào nó cũng sang nhà tôi chơi. Nhưng hôm đó tôi ở nhà cả ngày mà đâu có gặp nó.
18. Nếu Lan lấy Minh thì cha nàng sẽ từ mặt nàng; và nếu nàng không lấy Minh thì mẹ nàng sẽ từ mặt nàng. Lan lấy Minh hoặc Lan từ chối lấy Minh. Do đó, nàng sẽ bị cha từ mặt hoặc nàng sẽ bị mẹ từ mặt.
19. Nếu người Ai Cập cổ đại không có nền văn minh phát triển cao thì họ không xây dựng được những công trình vĩ đại như các Kim tự tháp. Người Ai Cập cổ đại đã xây dựng được các công trình vĩ đại như các Kim tự tháp, vậy họ có nền văn minh phát triển cao.
20. Nếu bạn làm nghề dạy học bạn sẽ không có tiền đi nghỉ dưỡng và nếu bạn không chọn nghề dạy học thì bạn sẽ không có thời gian đi nghỉ dưỡng. Vì bạn sẽ phải chọn hoặc không chọn nghề dạy học. Từ đó mà xét thì bạn sẽ không có tiền hoặc không có thời gian để đi nghỉ dưỡng.
- 21.* Nếu đúng tự anh làm được bài này thì anh sẽ hiểu cách giải hoặc sẽ làm được bài tương tự. Nhưng anh không hiểu cách giải mà cũng không làm được bài tương tự. Vậy anh đã chép bài của bạn.
22. Nếu trường học có thầy giáo tốt và cơ sở vật chất kỹ thuật tốt thì trường giảng dạy tốt. Trường này không có cơ sở kỹ thuật tốt nhưng giảng dạy tốt. Vậy trường này có thầy giáo tốt.
23. Những người khỏe mạnh nhất là những người hạnh phúc nhất hoặc không có chuyện tiền có thể mua được mọi thứ. Những người khỏe mạnh nhất không phải là những người hạnh phúc nhất. Do đó tiền có thể mua được mọi thứ.
24. Nếu học các ngành kỹ thuật thì bạn cần nhiều tri thức toán

học. Nếu bạn học các ngành ngoại giao, ngoại thương thì bạn cần biết nhiều ngoại ngữ. Bạn sẽ học các ngành kỹ thuật hoặc các ngành ngoại giao, ngoại thương, như vậy bạn cần nhiều tri thức toán học hoặc cần biết nhiều ngoại ngữ.

25. Em chỉ được khen thưởng khi em học giỏi và khỏe mạnh. Mà nếu không khỏe thì em không học giỏi được. Cho nên nếu em học giỏi thì em sẽ được khen thưởng.
- 26.* Nếu ta dựng nhà trong thung lũng thì nó sẽ bị ngập lụt; và nếu ta dựng nhà trên đỉnh đồi thì nó sẽ bị gió thổi bay. Vì hoặc ta phải dựng nhà trong thung lũng hoặc trên đỉnh đồi. Do đó, nhà của ta sẽ bị ngập lụt hoặc bị gió thổi bay.
27. Tâm hồn ta sẽ bình an nếu ta không làm gì trái lương tâm hoặc gây tổn thương cho người khác. Tâm hồn ta bình an. Điều đó cho thấy ta không làm gì trái lương tâm hay gây tổn thương cho người khác.
28. Nếu Socrates làm việc chăm chỉ thì ông ta sẽ giàu. Nhưng nếu Socrates không làm việc chăm chỉ thì ông ta sẽ ăn chơi. Hơn nữa, nếu Socrates không giàu thì ông ta không ăn chơi được. Vì thế, Socrates giàu.
29. Nếu ta chọn năng lượng hạt nhân thì ta sẽ làm tăng thêm nguy cơ tai nạn hạt nhân; nhưng nếu ta chọn năng lượng quy ước thì ta sẽ làm tăng hiệu ứng nhà kính. Ta buộc phải chọn năng lượng hạt nhân hoặc năng lượng quy ước. Do đó, ta sẽ làm tăng tai nạn hạt nhân hoặc làm tăng hiệu ứng nhà kính.
30. Nếu ta khuyến khích sự cạnh tranh thì ta sẽ có những bước tiến bộ, và nếu ta không khuyến khích sự cạnh tranh, thì ta sẽ có hòa bình. Vì hoặc là ta phải khuyến khích sự cạnh tranh hoặc là ta không khuyến khích nó, nên chúng ta hoặc là có những bước tiến bộ hoặc là sẽ sống trong hòa bình.

3. ĐÁNH GIÁ LUẬN CỨ MỆNH ĐỀ

Ở tiêu mục trên, ta đã làm quen với một số bảng chân lý của các phán đoán mệnh đề, và giờ đây ta có thể áp dụng chúng để kiểm tra xem một luận cứ diễn dịch có hợp lệ hay không. Bảng chân lý cung cấp cho ta một danh mục các trường hợp mang giá trị chân lý mà một luận cứ mệnh đề có thể có. Tức là nó cho biết trong trường hợp nào thì các phán đoán trong luận cứ là đúng hay sai. Với thông tin này, bạn có thể nhận biết luận cứ đang bàn có hợp lệ hay không. Phương pháp bảng chân lý này sẽ sử dụng sau khi bạn chuyển luận cứ sang hình thức ký hiệu. Phương pháp bảng chân lý sẽ được tiến hành như sau.

Ví dụ, ta có một luận cứ ở dạng hình thức ký hiệu dưới đây:

$$(1) P \rightarrow Q$$

$$(2) \sim Q$$

$$(3) \sim P$$

Bước thứ nhất của phương pháp bảng chân lý là tạo bảng. Để tạo bảng, viết ra luận cứ bằng cách dùng dấu vạch xiên một vạch (dấu /) báo hiệu bắt đầu một tiền đề mới và dấu vạch xiên hai vạch (dấu //) báo hiệu kết luận.

$$P \rightarrow Q / \sim Q // \sim P$$

Kế tới, xác định các trường hợp giá trị chân lý có thể có cho phán đoán. Ở bước này, ta nhớ lại công thức lập bảng được trình bày trong tiêu mục 1.3 ở trên. Giờ đây ta sẽ phát biểu lại hoàn chỉnh hơn công thức này. Vì mỗi phán đoán đơn có thể có hai giá trị chân lý (hoặc đúng hoặc sai), nên công thức lập bảng sẽ là $D = 2^n$. D đại diện cho số dòng của bảng chân lý (tức là số các trường hợp khảo sát); 2 đại diện cho số các giá trị chân lý (tức là đúng và sai); và n đại diện cho số lượng các phán đoán đơn trong luận cứ. Vì thế một luận cứ chứa hai phán đoán đơn sẽ có 4 dòng, luận cứ có 3 phán đoán đơn sẽ có 8 dòng, luận cứ chứa 4 phán đoán đơn sẽ có 16 dòng, v.v.

Bước kế tiếp, ta đếm xem luận cứ có bao nhiêu phán đoán thành phần tham gia, ta đưa chúng sang phía bên trái của dòng luận cứ, rồi chia đôi các phán đoán thành phần và luận cứ thành hai khu vực, khu vực bên trái ta là các phán đoán thành phần và khu vực bên phải ta là luận cứ. Xem bảng minh họa dưới:

P	Q	$P \rightarrow Q$ / $\sim Q$ // $\sim P$

Tiếp theo là gán các tổ hợp giá trị chân lý cho các phán đoán đơn trong bảng. Một cách gán nhất quán và dễ theo quan sát kiểm tra là chia đôi dòng trạng thái. Trước hết bạn lấy lấy phán đoán thứ nhất chia đôi dòng trạng thái ra và gán giá trị *đúng* ở phần nửa phía trên và giá trị *sai* ở phần nửa phía dưới. Rồi đến phán đoán thứ hai. Chia số dòng trong bảng chân lý làm bốn, gán giá trị *đúng* cho phần tư thứ nhất, *sai* cho phần tư thứ hai, *đúng* cho phần tư thứ ba, và *sai* cho phần tư thứ tư. Thao tác này sẽ tiếp tục nếu có thêm phán đoán đơn, sao cho cuối cùng bạn gán xen kẽ các giá trị *đúng* và *sai* ở tất cả các dòng trong bảng. Quan sát mô hình dưới đây.

	P	Q	$P \rightarrow Q$ / $\sim Q$ // $\sim P$
1.	Đ	Đ	
2.	Đ	S	
3.	S	Đ	
4.	S	S	

Đến đây ta đã gán xong các giá trị chân lý cho các phán đoán đơn, giờ có thể áp dụng các tác tử trong luận cứ. Tiền đề thứ nhất của luận cứ là phán đoán điều kiện. Phán đoán điều kiện chỉ sai duy nhất trong trường hợp tiền kiện đúng như hậu kiện sai, tất cả trường hợp còn lại đều mang giá trị đúng. Căn cứ vào hai cột giá trị thuộc khu vực các phán đoán thành phần, ta gán giá trị cho tiền đề thứ nhất như sau:

	P	Q	$P \rightarrow Q$ / $\sim Q$ // $\sim P$
1.	Đ	Đ	Đ
2.	Đ	S	S
3.	S	Đ	Đ
4.	S	S	Đ

Tiếp theo, tiền đề thứ hai phán đoán phủ định, ta áp dụng bảng chân lý của phán đoán phủ định để gán giá trị cho chúng, ta lưu ý: nếu phán đoán bị phủ định mang giá trị đúng thì phán đoán phủ định sẽ sai, và ngược lại. Căn cứ vào cột Q ở khu vực các phán đoán thành phần, ta có giá trị của tiền đề thứ hai như sau:

	P	Q	$P \rightarrow Q$	/ $\sim Q$	// $\sim P$
1.	Đ	Đ	Đ	S	
2.	Đ	S	S	Đ	
3.	S	Đ	Đ	S	
4.	S	S	Đ	Đ	

Cuối cùng, kết luận là một phán đoán phủ định, căn cứ vào cột P ở khu vực các phán đoán thành phần, ta có giá trị của kết luận như sau:

	P	Q	$P \rightarrow Q$	/ $\sim Q$	// $\sim P$
1.	Đ	Đ	Đ	S	S
2.	Đ	S	S	Đ	S
3.	S	Đ	Đ	S	Đ
4.	S	S	Đ	Đ	Đ

Bảng khảo sát các giá trị chân lý đến đây là hoàn tất. Bước cuối cùng là giải thích bảng. Nó cho thấy luận cứ là hợp lệ hay không hợp lệ? Để một luận cứ diễn dịch trở nên hợp lệ thì chân lý của các tiền đề *phải đảm bảo* cho chân lý của kết luận, nghĩa là bất cứ khi nào mọi tiền đề đều đúng thì kết luận tất phải đúng. Điều đó cũng có nghĩa với một luận cứ diễn dịch hợp lệ, *không thể có chuyện các tiền đề đúng nhưng kết luận lại sai*. Chính vì lý do này, ta chỉ cần tìm xem tất cả các trường hợp (các dòng) khảo sát trong bảng có trường hợp (dòng) nào cho thấy các tiền đề mang giá trị đúng và kết luận mang giá trị sai hay không. Nếu có thì luận cứ ấy không hợp lệ, nếu không có thì luận cứ ấy hợp lệ. Bảng chân lý mà ta vừa khảo sát trên, tuy ở dòng 1 kết luận mang giá trị sai nhưng các tiền đề của nó không phải tất cả đều mang giá trị đúng, tiền đề thứ nhất đúng nhưng tiền đề thứ hai sai, do đó không phải là đối tượng ta tìm. Đối tượng ta tìm là *tất cả* các tiền

đề đều mang giá trị đúng và kết luận mang giá trị sai. Ở dòng 2 cũng tương tự như dòng 1. Cho nên, trong bảng chân lý không có trường hợp nào các tiền đề đúng nhưng kết luận sai. Vì vậy đây là một luận cứ hợp lệ.

Một ví dụ khác. Có luận cứ ở dạng hình thức ký hiệu sau đây:

(1) $P \vee Q$

(2) P

(3) $\sim Q$

Trước hết, ta biểu diễn luận cứ này trên một dòng với dấu / để phân tách các tiền đề và dấu // phân tách tiền đề và kết luận.

$P \vee Q \ / \ P \ // \ \sim Q$

Luận cứ này có hai phán đoán đơn, ta đưa sang một bên và kẻ đường phân chia hai khu vực: khu vực của các phán đoán đơn thành phần và khu vực của luận cứ.

P	Q	$P \vee Q \ / \ P \ // \ \sim Q$

Vì chứa hai phán đoán thành phần nên luận cứ này có bốn trường hợp khảo sát. Ta lần lượt đánh số cho các trường hợp để biểu thị các dòng trên bảng, rồi gán các giá trị chân lý cho các phán đoán thành phần theo nguyên tắc được trình bày trong ví dụ trên. Bảng của chúng ta sẽ là như vậy:

	P	Q	$P \vee Q \ / \ P \ // \ \sim Q$
1.	Đ	Đ	
2.	Đ	S	
3.	S	Đ	
4.	S	S	

Tiếp theo, ta tìm giá trị chân lý của các phán đoán tiền đề và kết luận ở khu vực còn lại. Tiền đề thứ nhất là phán đoán tuyển không chặt, phán đoán này chỉ sai khi cả hai phán đoán đơn thành phần đều sai, tất cả trường hợp còn lại đều đúng. Bảng sẽ như sau:

	P	Q	P ∨ Q	/ P	// ~ Q
1.	Đ	Đ	Đ		
2.	Đ	S	Đ		
3.	S	Đ	Đ		
4.	S	S	S		

Tiền đề thứ hai chính đã có giá trị ở khu vực các phán đoán đơn thành phần, ta chỉ cần đưa sang cột tiền đề thứ hai ở khu vực luận cứ. Bảng sẽ như sau:

	P	Q	P ∨ Q	/ P	// ~ Q
1.	Đ	Đ	Đ	Đ	
2.	Đ	S	Đ	Đ	
3.	S	Đ	Đ	S	
4.	S	S	S	S	

Kết luận của luận cứ là một phán đoán phủ định $\sim Q$, ta căn cứ vào cột giá trị của Q ở khu vực các phán đoán thành phần để xác định. Nếu Q đúng thì $\sim Q$ sẽ sai và ngược lại. Bảng của chúng ta sẽ như sau:

	P	Q	P ∨ Q	/ P	// ~ Q
1.	Đ	Đ	Đ	Đ	S
2.	Đ	S	Đ	Đ	Đ
3.	S	Đ	Đ	S	S
4.	S	S	S	S	Đ

Bảng chân lý của luận cứ trên đây đã hoàn tất. Giờ ta xác định xem trong bảng này có trường hợp nào các tiền đề đúng nhưng kết luận lại sai không. Bảng cho thấy ở ngay dòng 1 các tiền đề đều đúng nhưng kết luận sai, vì thế *luận cứ này không hợp lệ*. Bảng dưới đây sẽ in đậm và gạch chân dòng có trường hợp ta vừa tìm như là một ví dụ minh họa.

	P	Q	$P \vee Q$	/	P	//	$\sim Q$
1.	Đ	Đ	<u>Đ</u>		<u>Đ</u>		<u>S</u>
2.	Đ	S	Đ		Đ		Đ
3.	S	Đ	Đ		S		S
4.	S	S	S		S		Đ

Xét thêm một ví dụ cuối cùng, lần này sẽ là một luận cứ có ba phán đoán thành phần:

(1) $(P \& Q) \rightarrow R$

(2) $\sim P$

(3) $\sim R$

Bước tiến hành cũng tương tự như hai ví dụ trên. Trước hết, ta biểu diễn luận cứ này trên một dòng với dấu / để phân tách các tiền đề và dấu // phân tách tiền đề và kết luận.

$(P \& Q) \rightarrow R \quad / \quad \sim P \quad // \quad \sim R$

Luận cứ này có hai phán đoán đơn, ta đưa sang một bên và kẻ đường phân chia hai khu vực: khu vực của các phán đoán đơn thành phần và khu vực của luận cứ.

P	Q	R	$(P \& Q) \rightarrow R$	/	$\sim P$	//	$\sim R$

Vì chứa ba phán đoán thành phần nên luận cứ này có tám trường hợp khảo sát. Ta lần lượt đánh số cho các trường hợp để biểu

thị các dòng trên bảng, rồi gán các giá trị chân lý cho các phán đoán thành phần. Đến đây ta có bảng sau:

	P	Q	R	(P & Q) → R / ~ P // ~ R
1.	Đ	Đ	Đ	
2.	Đ	Đ	S	
3.	Đ	S	Đ	
4.	Đ	S	S	
5.	S	Đ	Đ	
6.	S	Đ	S	
7.	S	S	Đ	
8.	S	S	S	

Tiền đề thứ nhất của luận cứ là một phán đoán điều kiện và trong nó có một phán đoán liên kết, vì phán đoán liên kết là bộ phận của phán đoán điều kiện, nên để xác định được giá trị chân lý của phán đoán điều kiện ta phải tìm giá trị chân lý của phán đoán liên kết trước. Phán đoán liên kết chỉ đúng khi hai phán đoán thành phần của nó mang giá trị đúng, còn tất cả các trường hợp còn lại đều mang giá trị sai. Bảng của chúng ta sẽ là:

	P	Q	R	(P & Q) → R / ~ P // ~ R
1.	Đ	Đ	Đ	Đ
2.	Đ	Đ	S	Đ
3.	Đ	S	Đ	S
4.	Đ	S	S	S
5.	S	Đ	Đ	S
6.	S	Đ	S	S
7.	S	S	Đ	S
8.	S	S	S	S

Bây giờ ta lấy cột giá trị vừa tìm được kết hợp với cột giá trị R ở khu vực bên cạnh để xác định giá trị chân lý cho phán đoán điều kiện. Bảng sẽ như sau:

	P	Q	R	(P & Q) → R		/ ~ P	// ~ R
1.	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		
2.	Đ	Đ	S	Đ	S		
3.	Đ	S	Đ	S	Đ		
4.	Đ	S	S	S	Đ		
5.	S	Đ	Đ	S	Đ		
6.	S	Đ	S	S	Đ		
7.	S	S	Đ	S	Đ		
8.	S	S	S	S	Đ		

Tiền đề thứ hai là phán đoán phủ định $\sim P$, ta căn cứ vào cột giá trị của phán đoán P để xác định giá trị cho nó. Bảng chân lý sẽ như sau:

	P	Q	R	(P & Q) → R		/ ~ P	// ~ R
1.	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S	
2.	Đ	Đ	S	Đ	S	S	
3.	Đ	S	Đ	S	Đ	S	
4.	Đ	S	S	S	Đ	S	
5.	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ	
6.	S	Đ	S	S	Đ	Đ	
7.	S	S	Đ	S	Đ	Đ	
8.	S	S	S	S	Đ	Đ	

Cuối cùng, kết luận của luận cứ là phán đoán phủ định $\sim R$, căn cứ vào cột giá trị R ở khu vực bên cạnh để xác định giá trị của nó. Bảng chân lý hoàn chỉnh của chúng ta sẽ là:

	P	Q	R	(P & Q)	\rightarrow R	/ \sim P	// \sim R
1.	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S	S
2.	Đ	Đ	S	Đ	S	S	Đ
3.	Đ	S	Đ	S	Đ	S	S
4.	Đ	S	S	S	Đ	S	Đ
5.	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S
6.	S	Đ	S	S	Đ	Đ	Đ
7.	S	S	Đ	S	Đ	Đ	S
8.	S	S	S	S	Đ	Đ	Đ

Bảng chân lý ta vừa khảo sát các trường hợp giá trị chân lý mà luận cứ trên có thể có này cho thấy luận cứ là hợp lệ hay không hợp lệ? Trước khi đánh giá, ta nên lưu ý một điều, trong tiền đề thứ nhất có hai cột giá trị, vậy ta lấy cột nào làm đại diện cho tiền đề này? Vì cột giá trị của tác tử điều kiện (dấu \rightarrow) là tác tử chính, còn tác tử liên kết (dấu &) là phụ, nên ta lấy cột giá trị của tác tử điều kiện làm đại diện cho tiền đề. Trong tám trường hợp khảo sát của bảng, ta thấy có hai trường hợp, ở dòng 5 và dòng 7, các tiền đề đều đúng nhưng kết luận lại sai. Vì thế, luận cứ này không hợp lệ.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

III. Hãy xác định xem các luận cứ sau đây có hợp lệ không bằng cách sử dụng phương pháp bảng chân lý:

$$\begin{array}{l}
 1.* \quad (1) P \& Q \\
 \quad \quad (2) P \\
 \hline
 \quad \quad (3) \sim Q
 \end{array}$$

$$2. \quad (1) P \vee Q$$

$$\begin{array}{l}
 11. \quad (1) (P \vee Q) \rightarrow R \\
 \quad \quad (2) Q \\
 \hline
 \quad \quad (3) R
 \end{array}$$

$$12. \quad (1) P \rightarrow Q$$

	$\frac{(2) P}{(3) Q}$		$\frac{(2) R \& Q}{(3) R \rightarrow Q}$
3.	$\frac{(1) P \vee Q}{(2) \sim P}$	13.	$(1) P \rightarrow \sim (Q \& R)$
	$\frac{(3) Q}{(3) Q}$		$\frac{(2) P}{(3) \sim (Q \& R)}$
4.	$\frac{(1) P \underline{\vee} Q}{(2) Q}$	14.	$(1) (P \& \sim Q) \rightarrow R$
	$\frac{(3) P}{(3) P}$		$\frac{(2) \sim (P \& \sim Q)}{(3) \sim R}$
5.*	$\frac{1) P \underline{\vee} Q}{(2) P}$	15.*	$(1) P \rightarrow Q$
	$\frac{(3) \sim Q}{(3) \sim Q}$		$\frac{(2) \sim Q \& R}{(3) R}$
6.	$\frac{(1) P \rightarrow Q}{(2) \sim P}$	16.	$(1) P \vee (Q \& R)$
	$\frac{(3) \sim Q}{(3) \sim Q}$		$\frac{(2) \sim (Q \& R)}{(3) P}$
7.	$\frac{(1) P \rightarrow Q}{(2) Q}$	17.	$(1) P \rightarrow Q$
	$\frac{(3) P}{(3) P}$		$\frac{(2) Q \rightarrow R}{(3) (Q \& R) \vee (P \& Q)}$
8.	$\frac{(1) (P \underline{\vee} Q) \rightarrow R}{(2) \sim R}$	18.	$(1) (P \vee Q) \rightarrow (P \& Q)$
	$\frac{(3) \sim Q}{(3) \sim Q}$		$\frac{(2) P \& Q}{(3) P \vee Q}$
9.	$\frac{(1) (P \underline{\vee} Q) \rightarrow R}{(2) \sim R}$	19.	$(1) P \vee \sim Q$
	$\frac{(3) \sim Q}{(3) \sim Q}$		$\frac{(2) R \rightarrow Q}{(3) P \rightarrow \sim R}$
10.*	$\frac{(1) P \vee Q}{(2) P \rightarrow R}$	20.*	$(1) \sim Q$
	$\frac{(3) Q \rightarrow R}{(4) R}$		$(2) P \rightarrow (Q \vee R)$
			$\frac{(3) R}{(4) P}$

IV. Đưa các luận cứ sau về hình thức ký hiệu rồi xác định xem chúng hợp lệ hay không hợp lệ bằng cách dùng phương pháp bảng chân lý:

- 1.* Ông Minh sẽ ăn điểm tâm hoặc uống café. Ông ấy không ăn điểm tâm, do đó ông ấy sẽ uống café.
2. Nếu trời mưa thì Hoàng sẽ đi xe buýt. Hôm nay trời mưa, nên Hoàng sẽ đi xe buýt.
3. Minh là thợ điện hoặc Minh là thợ mộc. Minh không phải là thợ mộc, vậy cậu ta là thợ điện.
4. Tôi sẽ đi ngủ hoặc xem tivi với bạn. Tôi đã đi làm cả ngày, giờ thì rất mệt mỏi, cho nên tôi sẽ đi ngủ; do đó, tôi không thể xem tivi được.
5. Chỉ khi nào thích nhau thì người ta mới đi chơi với nhau. Hai người ấy thường đi xem phim với nhau vào cuối tuần. Có lẽ họ thích nhau.
6. Mạng internet bị mất kết nối hoặc bộ định tuyến của tôi bị trục trặc. Mạng internet không bị mất kết nối, do đó, bộ định tuyến của tôi bị trục trặc.
7. Nếu chi phí dự án quá cao thì chúng tôi không thể làm được. Chi phí dự án này không quá cao, do đó chúng tôi có thể làm được.
- 8.* Mặt trời quay quanh trái đất hoặc trái đất quay quanh mặt trời. Mặt trời không quay quanh trái đất. Do đó, trái đất quay quanh mặt trời.
9. Chiếc xe không khởi động. Hoặc nó chết pin hoặc nó hết xăng. Xe vẫn đầy xăng. Chắc chắn nó đã chết pin.
10. Nếu Minh ăn bánh quy thì cô ấy có thể uống thêm sinh tố. Minh không ăn bánh quy nên cô ấy sẽ uống sinh tố.
11. Trời đầy mây hoặc trời không mưa. Trời đầy mây, do đó trời mưa.
12. Nếu trời có tuyết thì nhiệt độ sẽ là âm 40⁰C. Ngoài trời không có tuyết rơi. Do đó, chắc chắn nhiệt độ không phải là âm 40⁰C.
13. Chìa khóa có thể ở đâu được nhỉ? Nó chỉ có thể ở trên bàn ăn hoặc ở trên kệ sách. Nó không có trên bàn ăn, nên chắc chắn nó ở trên kệ sách.

14. Nếu tôi đi dự tiệc thì Lan sẽ gặp tôi. Nếu cô ấy gặp tôi thì cô ấy sẽ cảm thấy khó chịu, chính vì thế tôi không đi.
15. Nếu đêm nay không có mây, tôi sẽ có thể nhìn thấy sao Kim và bạn sẽ có thể nhìn thấy sao Thổ. Đêm nay sẽ có mây nên bạn sẽ không thể nhìn thấy sao Thổ.
- 16.* Để chống lại sự ấm lên toàn cầu, chúng ta phải tăng thuế đối với các nhiên liệu hóa thạch hoặc tìm nguồn năng lượng khác thay thế. Chúng ta vẫn chưa tìm được nguồn năng lượng khác thay thế, vì vậy chúng ta phải tăng thuế đối với các nhiên liệu hóa thạch.
17. Nếu Joe Biden là Tổng thống thì ông ta sẽ ở trong tòa Bạch ốc. Joe Biden ở trong tòa Bạch ốc. Vậy, Joe Biden là Tổng thống.
18. Nếu có thời gian và có tiền thì Minh sẽ tham gia câu lạc bộ Game thủ. Cậu ấy không có thời gian, nên cậu ấy sẽ không tham gia câu lạc bộ Game thủ.
19. Nếu không có mưa sớm, cây trồng sẽ chết. Nếu cây trồng chết thì sẽ không có thực phẩm cho mùa đông sắp đến. Các loại cây trồng sẽ không chết. Do đó, sẽ có mưa sớm.
20. Nếu nhiệt độ tăng thì nước sẽ dâng lên. Nếu nước dâng lên thì đập sẽ vỡ. Hoặc là nước dâng lên hoặc là nước không dâng lên. Nước sẽ không dâng lên. Do đó, đập sẽ không bị vỡ.
21. Chúng ta không nên coi sử học là một môn khoa học xã hội trừ khi các nhà sử học tiến hành thu thập dữ liệu và dữ liệu ấy có thể được định lượng. Vì sử học không được coi là một môn khoa học xã hội, nên không thể có chuyện các nhà sử học thu thập dữ liệu.
- 22.* Nếu bạn không biết rút ra các bài học từ sai lầm của mình thì bạn sẽ có thể lặp lại sai lầm ấy nhiều lần nữa. Nếu bạn cứ lặp lại sai lầm ấy thì bạn sẽ không thể thành công được. Do đó, nếu bạn không biết rút ra các bài học từ sai lầm của mình thì bạn sẽ không thể thành công được.

23. Nếu Nhật Bản quan tâm đến các loài có nguy cơ tuyệt chủng thì họ dừng việc giết cá voi. Nhật Bản dừng việc giết cá voi. Do đó, Nhật Bản quan tâm đến các loài có nguy cơ tuyệt chủng.
24. Sẽ có nhiều vụ tai nạn giao thông hơn nữa trừ khi người ta ngừng sử dụng điện thoại khi lái xe. Nhưng người ta sẽ không ngừng việc sử dụng điện thoại khi lái xe vì họ không nhận thấy mức độ nguy hiểm của điều đó. Do đó, các vụ tai nạn sẽ gia tăng.
25. Nếu ta phải đổi chiều hiệu ứng nhà kính thì ta phải chọn năng lượng hạt nhân; còn nếu ta muốn giảm nguy cơ tai nạn hạt nhân, thì ta phải chọn năng lượng quy ước. Ta sẽ không chọn năng lượng hạt nhân hoặc không chọn năng lượng quy ước. Do đó, hoặc ta sẽ không đảo ngược hiệu ứng nhà kính hoặc ta sẽ không làm giảm được nguy cơ tai nạn hạt nhân.
26. "Tôi đã bị lừa dối. Nhưng nếu tôi bị lừa dối thì tôi phải hiện hữu đã. Do đó, tôi phải hiện hữu" (Augustine)
27. Người ta tranh cãi nhau nhiều về vấn đề ám lên toàn cầu. Tuy nhiên, hoặc hiện tượng ám lên toàn cầu là một thực tế hoặc các nhà khí hậu học hàng đầu đang ảo tưởng. Vì thế, hiện tượng ám lên toàn cầu là một thực tế bởi lẽ các nhà khí hậu học hàng đầu không ảo tưởng.
28. Hoặc có bằng chứng cho thấy có những người phụ nữ có quyền năng siêu nhiên (tức phù thủy) hoặc không có bằng chứng nào như thế. Nếu không có bằng chứng ấy thì ta không có lý do nào để tin các phù thủy. Nếu có bằng chứng thì ta còn có lý do để tin. Thực tế là không có bằng chứng nào như thế cả. Vì thế, ta không có lý do gì để tin các phù thủy.

Chương 5

LUẬN CỨ NHẤT QUYẾT

1. PHÁN ĐOÁN NHẤT QUYẾT

Luận cứ nhất quyết là luận cứ diễn dịch chứa các phán đoán nhất quyết. Các phán đoán nhất quyết là những phán đoán nối kết hai tập hợp các sự vật hay đối tượng lại với nhau. Tên gọi cho các tập hợp này là *hạn từ*. Có hai hạn từ trong một phán đoán nhất quyết: hạn từ làm chủ ngữ, gọi là *chủ từ*, và hạn từ làm vị ngữ, gọi là *vị từ*. Phán đoán nhất quyết phát biểu rằng tập hợp các sự vật được biểu thị bằng chủ từ được bao gộp trong hoặc bị loại trừ khỏi tập hợp các sự vật được biểu thị bằng vị từ. Dưới đây là một vài ví dụ cho phán đoán nhất quyết:

- *Hoa hồng là thực vật.*
- *Cá không phải là loài biết bay*
- *Một số thú vật là loài ăn thịt.*
- *Một số con chó không phải là thú cưng.*

Phán đoán thứ nhất phát biểu rằng toàn bộ tập hợp các loài hoa hồng được bao gộp trong tập hợp các loài thực vật. Phán đoán thứ hai phát biểu rằng toàn bộ tập hợp các loài cá bị loại ra khỏi tập hợp các loài biết bay. Phán đoán thứ ba phát biểu rằng bộ phận của tập hợp các loài thú được bao gộp trong tập hợp loài ăn thịt. Cuối cùng, phán đoán thứ tư nói rằng bộ phận của tập hợp con chó bị loại trừ ra khỏi tập hợp các thú cưng.

Theo quy ước chung, ta đặt ký hiệu S đại diện cho chủ từ và P đại diện cho vị từ, các phán đoán trên có thể được trình bày như sau:

1. *Mọi S là P .*
2. *Mọi S không là P .*
3. *Một số S là P .*
4. *Một số S không là P .*

Các phán đoán được biểu đạt bằng các biến như thế này, ta gọi là các phán đoán nhất quyết dạng chuẩn.

Bất cứ phán đoán nhất quyết nào cũng gồm bốn thành phần cấu tạo nên. Ngoài chủ từ (ký hiệu là S) và vị từ (ký hiệu là P) nói trên, hai thành phần còn lại là lượng từ và hệ từ. *Lượng từ* là từ biểu thị mặt lượng của phán đoán nhất quyết, nó cho ta biết phán đoán ấy là toàn bộ hay bộ phận. Phán đoán nào có lượng toàn bộ nếu nó quy chiếu tới mọi phần tử của nhóm chủ từ. Phán đoán nào có lượng là bộ phận nếu nó quy chiếu đến một phần trong toàn bộ các phần tử của nhóm chủ từ. Các phán đoán nhất quyết dạng chuẩn 1 và 2 là những phán đoán có lượng toàn bộ, vì chúng mở đầu bằng từ "mọi"; hai phán đoán 3 và 4 là những phán đoán có lượng bộ phận, vì chúng bắt đầu bằng từ "một số". Ta cũng nên lưu ý, chữ "một số" trong logic nhất quyết có nghĩa là *ít nhất là có một phần tử* chứ không phải là toàn bộ tập hợp, vì thế nó đồng nghĩa với các từ như: "nhiều", "có những", "đa số", "phần lớn," "hầu hết"...

Hệ từ là từ biểu thị mặt chất của phán đoán, nó cho ta biết phán đoán ấy là khẳng định hay phủ định. Phán đoán khẳng định phát biểu rằng lượng của tập hợp các đối tượng ở chủ từ được bao gộp trong tập hợp các đối tượng ở vị từ. Phán đoán phủ định phát biểu rằng tập hợp các đối tượng ở chủ từ bị loại trừ ra khỏi tập hợp các đối tượng ở vị từ. Nếu chất của một phán đoán được biểu thị bằng chữ "là" thì phán đoán ấy là khẳng định; và ngược lại, nếu chất của một phán đoán được biểu thị bằng chữ "không là", phán đoán ấy sẽ là phán đoán phủ định. Các phán đoán nhất quyết dạng chuẩn 1 và 3 ở trên chứa chữ "là" nên chúng là phán đoán khẳng định, và các phán đoán 2 và 4 chứa chữ "không là" nên chúng là phán đoán phủ định.

Các phán đoán nhất quyết được phân biệt và nhận biết qua lượng từ và hệ từ, tức qua lượng và chất, của chúng. Phán đoán nào chứa lượng toàn bộ và hệ từ "là" gọi là *khẳng định toàn bộ* (viết tắt: phán đoán A). Phán đoán nào chứa lượng toàn bộ và hệ từ "không là" gọi là *phủ định toàn bộ* (phán đoán E). Phán đoán nào chứa lượng bộ phận và hệ từ "là" gọi là *khẳng định bộ phận* (phán đoán I), và phán đoán nào chứa lượng bộ phận và hệ từ "không là" gọi là *phủ định bộ phận* (phán đoán O). Trên cơ sở này, bốn phán đoán làm ví dụ trên đây của chúng ta lần lượt là khẳng định toàn bộ, phủ định toàn bộ, khẳng định bộ phận và phủ định bộ phận. Ta có thể tóm tắt toàn bộ vấn đề này bằng các bảng sau đây.

Bảng danh mục các phán đoán nhất quyết:

Dạng	Tên gọi	Viết tắt	Ví dụ
Mọi S là P.	Khẳng định toàn bộ	A	<i>Mọi con rắn có độc.</i>
Mọi S không là P.	Phủ định toàn bộ	E	<i>Mọi con rắn không có độc.</i>
Một số S là P.	Khẳng định bộ phận	I	<i>Một số con rắn có độc.</i>
Một số S không là P.	Phủ định bộ phận	O	<i>Một số con rắn không có độc.</i>

Bảng cấu trúc các phán đoán nhất quyết:

Lượng từ	Chủ từ	Hệ từ	Vị từ
Mọi	con rắn	là	con vật có nọc độc
Mọi	con rắn	không phải là	con vật có nọc độc
Một số	con rắn	là	con vật có nọc độc
Một số	con rắn	không phải là	con vật có nọc độc

Trên thực tế, không phải lúc nào ta cũng bắt gặp cách phát biểu đúng cấu trúc chuẩn của phán đoán nhất quyết. Làm thế nào để đưa chúng về phán đoán nhất quyết dạng chuẩn? Căn cứ vào chính cấu trúc bốn thành phần (lượng từ, chủ từ, hệ từ và vị từ), nếu các phát biểu ấy chưa chuẩn ở thành phần nào thì ta xử lý ở thành phần ấy. Xét phát biểu sau:

Một số sinh viên thông minh.

Phát biểu này có các thành phần lượng từ ("một số"), chủ từ ("sinh viên"), tính từ "thông minh" giữ vai trò là vị từ, thiếu hệ từ. Trong phán đoán nhất quyết chuẩn, vị từ phải là một danh từ để gọi tên một tập hợp sự vật, không thể là tính từ, vì tính từ dùng để chỉ một thuộc tính chứ không phải một tập hợp sự vật. Do đó ta phải chuyển tính từ "thông minh" thành danh từ "người thông minh". Thêm nữa, đây là một phát biểu khẳng định nhưng thiếu hệ từ, ta thêm chữ "là" vào. Như vậy, phát biểu trên ta có thể viết lại thành phán đoán dạng chuẩn sau:

Một số sinh viên là người thông minh.

Một số ví dụ khác cho dạng này:

Hoa hồng có gai.	<i>Mọi hoa hồng là vật có gai.</i>
Triết gia giỏi nói xạo.	<i>Tất cả các triết gia là người giỏi nói xạo.</i>
Toàn bộ các tỉnh phía nam đều bị ngập lụt.	<i>Tất cả các tỉnh phía nam là những nơi bị ngập lụt.</i>

Cả bốn phán đoán nhất quyết dạng chuẩn, mỗi phán đoán đều có những *biến thể* của mình, nghĩa là cùng một vấn đề nhưng người ta có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau. Dưới đây ta lần lượt xem xét các biến thể cho từng dạng phán đoán nhất quyết.

Các biến thể thường gặp của phán đoán "Mọi S là P"

S là P.	Cuộc đời không tra xét là cuộc đời không đáng sống.
Bất cứ S nào cũng là P.	Bất cứ những kẻ bịp bợm nào cũng đều là những phần tử bất hảo.
S nào mà chẳng P.	Hồng nào mà chẳng có gai.
Không có S nào không là P	Không có người nào không tử tế.
Bất kỳ ai là S đều là P.	Bất cứ ai là bạn anh đều là những người hiền lành chất phác.
Bất cứ cái gì là S đều là P.	Bất cứ cái gì em thích đều là cái tôi thích.
Nếu cái gì đó không phải là P thì nó không phải là S	Nếu con gì đó không phải là cá thì nó không phải là con cá lia thia.
Nếu bất cứ cái gì là S thì nó là P.	Nếu bất cứ con gì là mèo thì nó kêu meo meo.
Chỉ có P là S.	Chỉ có bác sĩ là nhà phân tâm học.
Duy nhất S là P	Điều duy nhất chắc chắn là chẳng có gì chắc chắn cả.

Các biến thể thường gặp của phán đoán "Mọi S không là P"

S không phải là P.	Socrates không phải là người Việt.
Chẳng có S nào là P.	Chẳng có kẻ độc tài nào là người bao dung.
Mọi P không là S.	Mọi nông dân không là nhà tư bản.

Các biến thể thường gặp của phán đoán "Một số S là P"

Một số P là S.	Một số nhà nữ quyền là đàn ông.
Có S là P.	Có những triết gia là người Hy Lạp.
Nhiều S là P.	Nhiều tỉ phú là người hoạt động từ thiện.
Phần lớn S là P.	Phần lớn các triết gia duy vật là người rậm râu.
Hầu hết S là P.	Hầu hết các triết gia là người phương Tây.

Các biến thể thường gặp của phán đoán "Một số S không là P"

Không phải mọi S là P.	Không phải mọi con bò đều màu xám.
Không phải ai là S cũng là P.	Không phải ai [là người] học giỏi cũng đều là người thành công.
Có những S không là P.	Có những con chim không thể bay được.
Nhiều S không là P.	Nhiều triết gia không phải là người Hy Lạp.
Hầu hết S không là P.	Hầu hết quan chức không phải là nhà khoa học

Trên đây cũng chỉ là những thủ thuật mang tính gợi ý giúp ta nhận diện và xử lý một số cách biểu đạt khác nhau của phán đoán nhất quyết chứ không phải mọi cách biểu đạt. Lời ăn tiếng nói của con người trong cuộc sống rất tinh tế và đa dạng nên chắc chắn còn nhiều cách biểu đạt khác không thể được "công thức hóa" ở đây. Chính vì vậy, việc chuẩn hóa các phán đoán này đòi hỏi các bạn phải cẩn trọng để tránh hiểu sai và luôn luôn cố gắng phát biểu lại câu nói của người khác càng chính xác càng tốt.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Trong các phán đoán nhất quyết sau, hãy nhận diện lượng từ, chủ từ, hệ từ và vị từ.

- 1.* Hầu hết những người lao động ngoại tỉnh đều là nạn nhân của đại dịch Covid 19.
2. Tất cả những người có tư tưởng tự do đều là các nhà giáo dục khai phóng.
3. Một số họa sĩ là những người nghệ sĩ.
4. Socrates không biết chơi Facebook.
- 5.* Mọi chỗ ở miền Đông đều có mưa.
6. Có những người tinh thần bạc nhược.
7. Một số quả tim nhân tạo là những cái máy dễ bị trục trặc.
8. Không có bộ phim ma sói nào mà không có cảnh máu me.
9. Không một con vật có sừng nào ăn thịt.
- 10.* Các tác phẩm lý luận của thế kỷ XIX không dễ đọc đối với sinh viên đại học.
11. Những ai có óc thực tế thường có óc phán đoán tốt.
12. Phần lớn những người làm thuê trong các nông trại không được trả công hậu hĩnh.
13. Không phải ai cũng có bằng đại học.
14. Tất cả những ai có thể bỏ phiếu đều có cổ phần trong công ty.
- 15.* Suy nghĩ lo toan là việc của con người. (*Kinh thánh*)
16. Cuộc sống minh triết là cuộc sống của lý tính. (*Epistetus*)
17. Vật chất là chủ thể của mọi sự biến hóa. (*Engels*)
18. Lý tính của con người không phải là ánh sáng khô khan. (*Bacon*)
19. Sách vở là đại diện quan trọng nhất của toàn bộ sự hiểu biết và kinh nghiệm của quá khứ. (*John Dewey*)

- 20.* Mọi sự ham muốn của con người đều là một sự vận động máy móc đang kết thúc hoặc đang bắt đầu. (Engels)
21. Chủ nghĩa cộng sản không phải là một trạng thái cần phải sáng tạo ra. (Karl Marx)
22. Tri thức của chúng ta về những quy tắc đạo đức không phải là đầy đủ ngay từ đầu. (Proudhon)
23. Kẻ giữ mồm giữ miệng thì giữ mình khỏi những hiểm nguy. (*Kinh thánh*, Châm ngôn, 21:23)

II. Chuyển các câu sau đây thành các phán đoán nhất quyết dạng chuẩn

- 1.* Thành kiến dẫn tới sai lầm.
2. Hồng nào mà chẳng có gai.
3. Không phải mọi người đều giết người.
4. Chỉ có công dân mới là người đi bầu cử.
5. Có những sinh viên không thích ăn nhậu.
6. Những kẻ lừa đảo không bao giờ làm ăn phát đạt.
- 7.* Hội họa thực hảo huyền.
8. Chỉ có sự tồn tại của chính tôi mới là xác thực.
9. Không có người họa sĩ nào là nhà điêu khắc.
10. Không có triết gia nào mà không phải là học giả.
11. Bất cứ ai là thiên tài cũng đều là người thông minh.
- 12.* Không có con mèo nào không kêu meo meo.
13. Nếu ai đó là nghệ sĩ dương cầm thì người ấy là nhạc sĩ.
14. Mọi nguyên lý tự chúng đều là trừu tượng.
15. Phần lớn những người nghiêm túc thì không hay đùa.
16. Không phải công ty nào cũng có lãi.
17. Bất cứ ai đọc sách triết học thì sẽ trở nên thông minh hơn.

- 18.* Nếu cái gì đó không phải là phương tiện giao thông thì nó không phải là xe ô tô.
19. Không một người có đầu óc thiếu logic nào có thể sai khiến được con cá sấu.
20. Tâm địa quanh co sao gặp được hạnh phúc. (*Kinh thánh*)
21. Lời tao nhả đâu có hợp với kẻ ngu dốt. (*Kinh thánh*)
22. Chỉ cá thể đơn lẻ mới có thể tạo ra những giá trị mới cho xã hội. (Albert Einstein)
- 23.* Người thực thi công chính sẽ được đi vào cõi sống. (*Kinh thánh*)
24. Bất cứ người nào cũng thích tin hơn luyện óc phán đoán (Seneca)
25. Chỉ có kẻ yếu về mặt tinh thần mới cảm thấy bị thúc bách phải biện bạch với người khác. (Epictetus)
26. Một số trí tuệ có thiên hướng tôn sùng thời cổ. (Francis Bacon)
27. Những kẻ man rợ chẳng quan tâm chút gì đến Thượng đế (Pascal)
- 28.* Nền giáo dục kiểu cũ đã áp đặt cho trẻ em tri thức, phương pháp và các nguyên tắc ứng xử của người lớn. (John Dewey)
29. Chỉ có nhân dân cách mạng thực hành chuyên chính thôi. (Lenin)
30. Thân phận của con người: bất ổn, buồn chán và lo lắng. (Pascal)
31. Sự phân công lao động đầu tiên là giữa đàn ông và đàn bà, trong việc sinh con đẻ cái. (Marx và Engels)
32. Kẻ lạc xa con đường hiểu biết sẽ phải sống chung với đám âm hồn. (*Kinh thánh*)
33. Phương thức mà con người sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt cần thiết cho mình, phụ thuộc trước hết vào tính chất của chính những tư liệu sinh hoạt mà con người thấy có sẵn và phải tái sản xuất ra. (Karl Marx)

2. LUẬN CỨ TAM ĐOẠN LUẬN NHẤT QUYẾT

Loại luận cứ phổ biến sử dụng các phán đoán nhất quyết là *tam đoạn luận nhất quyết*. Cũng giống như mọi suy luận tam đoạn, tam đoạn luận nhất quyết do ba phán đoán cấu tạo nên, trong đó có hai phán đoán làm tiền đề và một phán đoán làm kết luận. Điểm khác biệt của luận cứ tam đoạn luận nhất quyết là ở chỗ nó do ba phán đoán nhất quyết cấu tạo nên. Như ta đã nói ở trên, phán đoán nhất quyết biểu thị mối quan hệ giữa hai tập hợp sự vật được gọi tên bằng các hạn từ tương ứng. Trong luận cứ tam đoạn luận nhất quyết, mỗi một hạn từ của phán đoán này có quan hệ với hạn từ của hai phán đoán còn lại. Vì thế, bất kỳ luận cứ tam đoạn luận nào cũng có ba hạn từ, và mỗi hạn từ đều xuất hiện hai lần trong luận cứ. Đây là một ví dụ về luận cứ tam đoạn luận nhất quyết:

- (1) Cá là loài thở bằng mang.
- (2) Cá voi không phải là loài thở bằng mang.
- (3) Cá voi không phải là cá.

Nhìn vào cấu trúc dạng chuẩn của luận cứ trên ta thấy luận cứ này có ba phán đoán nhất quyết cấu tạo nên, trong đó phán đoán (1) và (2) là tiền đề và phán đoán (3) là kết luận. Hai phán đoán tiền đề được đặt ở phía trên thanh luận cứ, phán đoán kết luận bên dưới thanh luận cứ. Luận cứ này chứa ba hạn từ: "cá", "loài thở bằng mang" và "cá voi". Mỗi một hạn từ này xuất hiện hai lần trong hai phán đoán: "cá" xuất hiện trong tiền đề thứ nhất và trong kết luận, "loài thở bằng mang" xuất hiện hai lần trong cả hai phán đoán tiền đề, còn "cá voi" xuất hiện trong tiền đề thứ hai và trong kết luận. Bất cứ một luận cứ nhất quyết nào cũng sẽ được trình bày theo quy cách như thế.

Các hạn từ trong tam đoạn luận nhất quyết thường hay được gọi bằng những cái tên như sau: *hạn từ lớn* (major term) là hạn từ xuất hiện ra với vai trò là vị từ trong phán đoán kết luận của luận cứ; *hạn từ nhỏ* (minor term) là hạn từ xuất hiện ra với vai trò là chủ từ trong phán đoán kết luận của luận cứ, và *hạn từ trung gian*, gọi tắt là *trung từ*, (middle term) là hạn từ xuất hiện trong cả hai tiền đề, chứ không xuất hiện trong kết luận. Vai trò của trung từ trong tiền đề là nhíp cầu nối hai hạn từ còn lại để mối quan hệ giữa hai hạn từ ấy được rút ra trong kết luận. Vậy với luận cứ nhất quyết ở trên, ba hạn từ của nó sẽ là:

Hạn từ lớn: Cá

Hạn từ nhỏ: Cá voi

Trung từ: Loài thỏ bằng mang.

Người ta thường dùng các ký hiệu S, P và M để đại diện cho các hạn từ này, trong đó S đại diện cho hạn từ nhỏ, P đại diện cho hạn từ lớn và M đại diện cho trung từ. Nếu dùng các ký hiệu này, luận cứ trên của chúng ta sẽ có cấu trúc logic như sau:

(1) Mọi P là M.

(2) Mọi S không là M.

(3) Mọi S không là P.

Như ở trên ta có đề cập đến cách viết tắt bốn dạng phán đoán nhất quyết. Phán đoán khẳng định toàn bộ gọi là phán đoán A, phủ định toàn bộ là E, khẳng định bộ phận là I và phủ định bộ phận là O. Cho nên các phán đoán này ta có thể phát biểu theo kiểu công thức như sau:

Tên phán đoán	công thức	Phát biểu là:
Khẳng định toàn bộ	S a P	Mọi S là P.
Phủ định toàn bộ	S e P	Mọi S không là P.
Khẳng định bộ phận	S i P	Một số S là P.
Phủ định bộ phận	S o P	Một số S không là P.

Vì thế, ngôn ngữ "công thức" của luận cứ trên sẽ được viết như thế này:

(1) Mọi P là M.

(1) P a M

(2) Mọi S không là M.

viết thành:

(2) S e M

(3) Mọi S không là P.

(3) S e P

3. PHÂN TÍCH LUẬN CỨ NHẤT QUYẾT

Đánh giá luận cứ một cách hiệu quả đòi hỏi ta phải phân tích chính xác cấu trúc của luận cứ. Nếu phân tích không chính xác, toàn bộ quá trình đánh giá của ta sẽ đi theo hướng sai lầm và mọi kết quả đánh giá sẽ trở nên vô giá trị. Thách thức lớn nhất trong quá trình phân tích này của ta là việc hiểu chính xác nghĩa của câu nói của người khác. Cùng một

vấn đề nhưng có đa dạng cách nói, cách biểu đạt khác nhau với những mức độ tường minh khác nhau. Cho nên công việc này đòi hỏi chúng ta phải hết sức cẩn trọng khi xử lý ngôn ngữ. Xét ví dụ sau đây:

Không có người sống hướng nội nào là chính trị gia. Nghệ sĩ sống hướng nội, cho nên nghệ sĩ không phải là chính trị gia.

Áp dụng các thao tác phân tích luận cứ đã được trình bày trong Chương 3, ta tiến hành phân tích luận cứ này. Trước hết ta khoanh tròn từ chỉ báo luận cứ.

Không có người sống hướng nội nào là chính trị gia. Nghệ sĩ sống hướng nội, cho nên nghệ sĩ không phải là chính trị gia.

"Cho nên" là từ chỉ báo kết luận, xuất hiện trước phán đoán cuối cùng, điều đó có nghĩa phán đoán cuối cùng là kết luận và hai phán đoán đi trước là tiền đề.

Để đưa luận cứ về dạng chuẩn, ta sẽ phải viết lại các phán đoán sao cho cấu trúc logic nhất quyết được bộc lộ ra một cách rõ ràng nhất. Phán đoán tiền đề thứ nhất ta có thể viết thành: "Tất cả những người sống hướng nội không phải là chính trị gia". Phán đoán tiền đề thứ hai được viết lại thành: "Mọi nghệ sĩ là những người sống hướng nội". Và kết luận ta thêm chữ "mọi" vào đầu câu. Ta có một luận cứ nhất quyết ở dạng chuẩn sau đây.

(1) Tất cả những người sống hướng nội không phải là chính trị gia.

(2) Mọi nghệ sĩ là những người sống hướng nội.

(3) Mọi nghệ sĩ không phải là chính trị gia.

Xét thêm một ví dụ khác:

Không một triết gia nào biết toán học là gì, bởi lẽ chỉ có nhà toán học mới biết toán học là gì và không một triết gia nào là nhà toán học.

Trước hết, ta khoanh tròn từ chỉ báo luận cứ:

Không một triết gia nào biết toán học là gì, bởi lẽ chỉ có nhà toán học mới biết toán học là gì và không một triết gia nào là nhà toán học.

Chữ "bởi lẽ" cho biết kết luận là phán đoán đi trước từ chỉ báo tiền đề ấy và tiền đề là hai phán theo sau. Giờ ta xác định xem, các câu

trên là biến thể của phán đoán nhất quyết nào để đưa chúng về cấu trúc dạng chuẩn. Câu "Không một triết gia nào biết toán học là gì" và "Không một triết gia nào là nhà toán học" thuộc cùng cấu trúc "Không S nào là P", một biến thể của phán đoán "Mọi S không là P". Ta có thể lần lượt viết lại hai phán đoán này như sau: "Mọi triết gia không phải là người biết toán học là gì" và "Mọi triết gia không phải là nhà toán học". Câu "Chỉ có nhà toán học mới biết toán học là gì" có cấu trúc "Chỉ có P là S", một biến thể của phán đoán "Mọi S là P", do đó ta có thể viết lại thành "Tất cả những người biết toán học là gì đều là nhà toán học". Như vậy, ta có cấu trúc dạng chuẩn của luận cứ này như sau:

- (1) Tất cả những người biết toán học là gì đều là nhà toán học.
- (2) Mọi triết gia không phải là nhà toán học.
- (3) Mọi triết gia không phải là người biết toán học là gì.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

III. Phân tích các luận cứ sau đây và viết lại các luận cứ để đưa chúng về cấu trúc dạng chuẩn của chúng.

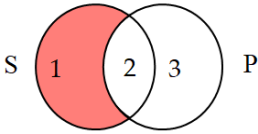
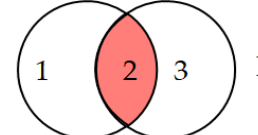
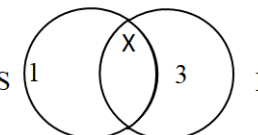
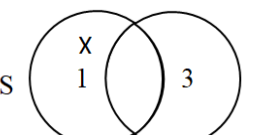
- 1.* Bạn không thể gọi trẻ con là sinh vật có lý trí được, vì sinh vật có lý trí đều có thể suy luận được, và trẻ con thì không có khả năng suy luận.
2. Không một người có đầu óc thiếu logic nào có thể sai khiến được con cá sấu. Trẻ em không thể sai khiến con cá sấu vì chúng là những người có đầu óc thiếu logic.
3. Mẹ tôi mang giày nhà binh. Và bất cứ ai mang giày nhà binh cũng đều là quân nhân. Vì thế lẽ nào cậu không nhận thấy mẹ tôi là quân nhân sao?
4. Mọi thiên tài đều có tham vọng, nhưng một số người có tham vọng lại không thành công. Chính vì lý do đó mà một số thiên tài không thành công.
- 5.* Mọi câu đố đều thú vị. Các bài tập tư duy đều thú vị bởi lẽ chúng đều là những câu đố.
6. Động vật giáp xác là loài có chân khớp. Có thể loài tôm có chân khớp vì tôm là động vật giáp xác.

7. Tất cả các triết gia đều là giáo sư đại học, và họ cũng là người có óc biện luận. Vì thế, tất cả những ai có óc biện luận đều là các giáo sư đại học.
8. Các nhà sử học là những người có tư duy độc đáo, các triết gia cũng vậy. Cho nên các nhà sử học cũng chính là các triết gia.
9. Ít nhất có một người theo học trường luật không phải là tay chơi gôn. Đó là vì luật sư là người học trường luật, và một số luật sư không phải là tay chơi gôn.
- 10.* Một số người ủng hộ chiến dịch cải cách tài chính là các nhà khoa học xã hội. Đó là vì các nhà khoa học chính trị là những nhà khoa học xã hội và một số nhà khoa học chính trị ủng hộ chiến dịch cải cách tài chính.
11. Không có công dân kiểu mẫu nào trốn thuế, bởi lẽ tất cả những ai trốn thuế đều là người vi phạm pháp luật, và không có người vi phạm pháp luật là công dân kiểu mẫu.
12. Bất cứ thiên tài nào đều có những tham vọng lớn lao, Những người có tham vọng lớn lao đều khổ sở, cho nên mọi thiên tài đều khổ sở.
13. Mọi hành vi vô hại không phải là hành vi trái đạo đức. Một số hành vi nói dối không phải là hành vi vô hại. Chính vì lý do đó mà một số hành vi nói dối không phải là hành vi trái đạo đức.
14. Đa số những người không có kỹ năng giao tiếp tốt đều không thể thành công trong công việc được. Kỹ năng giao tiếp của Nga rất yếu, vì vậy chắc chắn Nga sẽ không thể thành công được.
15. Chiếc điều nào cũng là đồ chơi bay trên trời vì tất cả những đồ chơi bay trên trời đều là những chiếc máy bay mô hình và một số máy bay mô hình không phải là chiếc điều.

4. ĐÁNH GIÁ LUẬN CỨ NHẤT QUYẾT

4.1. Sử dụng sơ đồ VENN để xác định tính hợp quy tắc

Cả phán đoán nhất quyết lẫn tam đoạn luận nhất quyết có thể được diễn đạt bằng từ ngữ, nhưng nội dung của chúng cũng có thể được trình bày bằng các vòng tròn chồng lên nhau được gọi là các sơ đồ Venn. Các phán đoán nhất quyết ở dạng chuẩn – A, E, I, và O – có thể được trình bày trong một biểu đồ Venn như sau:

A: Mọi S là P		Khu vực tô sẫm = tập hợp rỗng
E: Mọi S không là P		
I: Một số S là P		X = có ít nhất một phần tử
O: Một số S không là P		

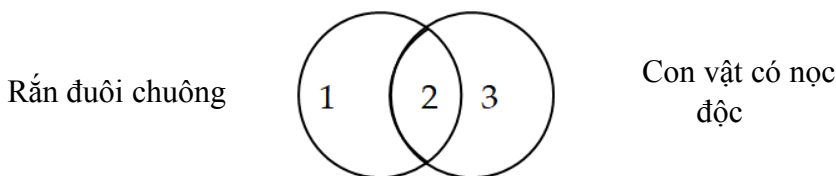
Cách biểu diễn sơ đồ Venn cho từng phán đoán trên lần lượt như sau. Ta vẽ hai vòng tròn S và P chồng lên nhau rồi đánh số cho từng khu vực trong mà hai vòng tròn giao nhau ấy tạo ra. Khu vực 1 là tất cả những phần tử S không thuộc P, khu vực 3 là tất cả những phần tử P không thuộc S, và khu vực 2 là sự tồn tại của một số phần tử vừa thuộc S lại vừa thuộc P. Phán đoán A khẳng định rằng không có phần tử nào của S nằm bên ngoài P, do đó ta tô sẫm khu vực 1 để biểu thị đây là khu vực rỗng, không có phần tử nào cả. Phán đoán E

khẳng định rằng không có phần tử nào của S nằm trong P, cho nên ta tô sẫm khu vực 2 để biểu thị đây là khu vực rỗng. Phán đoán I khẳng định rằng có ít nhất một phần tử S và phần tử S ấy cũng là P, ta đặt ký hiệu X trong khu vực 2 để biểu thị phán đoán này. Cuối cùng, phán đoán O khẳng định rằng có ít nhất một phần tử S và phần tử S ấy không phải là P, ta đặt ký hiệu X trong khu vực 1 để biểu thị phán đoán này.

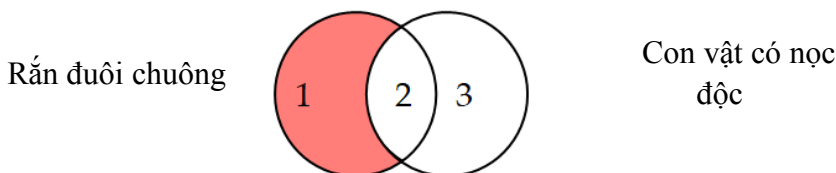
Áp dụng nguyên tắc biểu diễn sơ đồ Venn, ta hãy xem xét các phán đoán sau. Trước hết là phán đoán A:

Mọi con rắn đuôi chuông là con vật có nọc độc.

Trước hết, ta vẽ hai vòng tròn giao nhau. Vòng tròn thứ nhất đại diện cho tập hợp các con rắn đuôi chuông, và vòng tròn thứ hai đại diện cho tập hợp các con vật có nọc độc. Rồi đánh số cho từng khu vực. Khu vực 1 là tập hợp các con rắn đuôi chuông nhưng không phải là con vật có nọc độc, khu vực 3 là tập hợp các con vật có nọc độc nhưng không phải là rắn đuôi chuông, và khu vực 2 là tập hợp những con vật vừa là rắn đuôi chuông vừa là con vật có nọc độc.



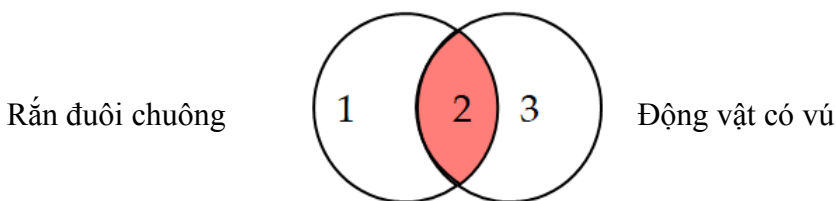
Giờ thì sơ đồ cho phán đoán A được tạo ra bằng cách đánh màu sẫm khu vực không có phần tử nào. Trong trường hợp này, sơ đồ phán đoán A đánh màu sẫm ở khu vực 1 để biểu thị ý nghĩa rằng *không có* những con rắn đuôi chuông nào không phải là con vật có nọc độc.



Giờ chuyển phán đoán A này về phán đoán E, ta có:

Mọi con rắn đuôi chuông không phải là con vật có nọc độc.

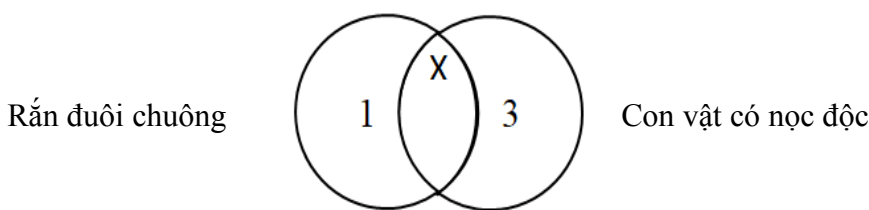
Vấn mẫu chung là hai vòng tròn giao nhau tạo ra ba khu vực, mỗi khu vực đại diện cho một tập hợp các đối tượng đang bàn. Căn cứ vào đó ta biểu diễn sơ đồ cho phán đoán E. Căn cứ theo phán đoán, không có đối tượng nào vừa là rắn đuôi chuông vừa là con vật có nọc độc, nên ta tô màu sẫm khu vực 2. Hai khu vực còn lại là tập hợp các đối tượng loại trừ nhau: rắn đuôi chuông không có nọc độc (khu vực 1) và con vật có nọc độc nhưng không phải là rắn đuôi chuông (khu vực 3).



Chuyển phán đoán này sang dạng I, ta có:

Một số con rắn đuôi chuông là con vật có nọc độc.

Phán đoán I phát biểu rằng ít nhất có một phần tử của tập hợp rắn đuôi chuông cũng là phần tử của tập hợp con vật có nọc độc. Do đó, vị trí của X trong khu vực 2

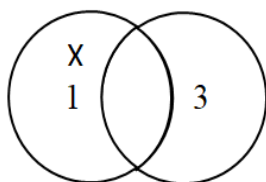


Cuối cùng, chuyển phán đoán này sang dạng O ta có:

Một số con rắn đuôi chuông không phải là con vật có nọc độc.

Căn cứ theo phán đoán, ít nhất có một phần tử của tập hợp rắn đuôi chuông *không phải* là con vật có nọc độc, do đó ta đặt vào khu vực 1.

Rắn đuôi chuông



Con vật có nọc độc

Sơ đồ Venn cho tam đoạn luận nhất quyết được rút ra từ sơ đồ Venn cho các phán đoán nhất quyết. Tuy nhiên, vì luận cứ có ba tập hợp sự vật quan hệ với nhau, sơ đồ Venn sẽ có ba vòng tròn giao nhau, mỗi vòng tròn đại diện cho một tập hợp.

Ta quy ước cách vẽ sơ đồ Venn như sau theo trình tự năm bước như sau:

- Bước 1:* Phát biểu luận cứ ở dạng chuẩn của tam đoạn luận nhất quyết.
- Bước 2:* Vẽ và đặt tên ba vòng tròn giao nhau, và đánh số các khu vực do ba vòng tròn đó tạo ra.
- Bước 3:* Đánh bóng các khu vực biểu thị các tiền đề là phán đoán toàn bộ.
- Bước 4:* Đặt X vào trong khu vực hay trên đường viền để biểu thị các tiền đề là phán đoán bộ phận.
- Bước 5:* Xác định tính hợp lệ của luận cứ bằng cách kiểm tra kết luận có tự hiển thị trong sơ đồ hay không.

Giờ áp dụng các bước này để đánh giá luận cứ sau đây:

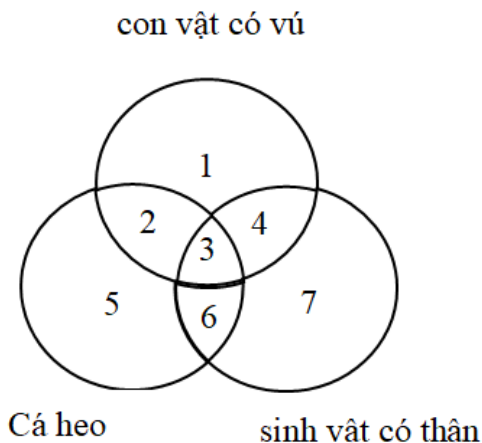
Cá heo là động vật có vú. động vật có vú thì con nào cũng có thận, do đó, chắc chắn cá heo có thận.

Đây là cấu trúc dạng chuẩn của luận cứ này:

- (1) Mọi cá heo là con vật có vú.
- (2) Mọi con vật có vú là sinh vật có thận.
- (3) Mọi cá heo là sinh vật có thận.

Trước hết, ta vẽ ba vòng tròn giao nhau, mỗi vòng tròn lần lượt đại diện cho các hạn từ "cá heo", "sinh vật có thận" và "con vật có vú". Ta đặt vòng tròn đại diện cho hạn từ trung gian ở phần trên của

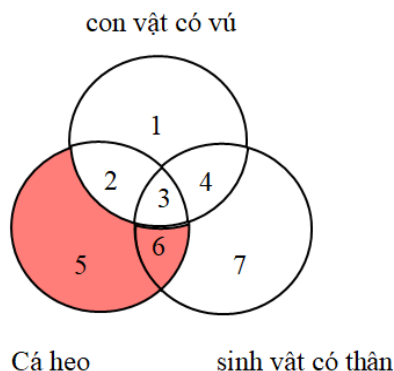
sơ đồ, và hai vòng tròn đại diện cho hạn từ nhỏ và hạn từ lớn ở phần dưới của sơ đồ. Và đánh số cho từng khu vực.



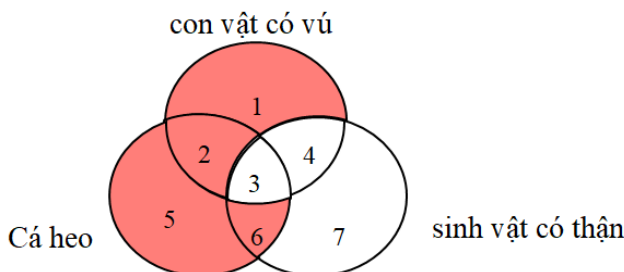
Căn cứ theo sơ đồ trên, khu vực 1 đại diện cho “con vật có vú không phải cá heo và không phải sinh vật có thận”; khu vực 2 đại diện cho con vật có vú là cá heo nhưng không phải là sinh vật có thận; khu vực 3 đại diện cho con vật có vú vừa là cá heo vừa là sinh vật có thận; khu vực 4 đại diện cho con vật có vú là sinh vật có thận nhưng không phải cá heo; khu vực 5 đại diện cho cá heo nhưng không phải con vật có vú và sinh vật có thận; khu vực 6 đại diện cho cá heo và cũng là sinh vật có thận nhưng không phải là sinh vật có vú; cuối cùng, khu vực 7 đại diện cho sinh vật có thận nhưng không phải là cá heo và sinh vật có vú.

Để kiểm tra tam đoạn luận nhất quyết có hợp quy tắc hay không, trước hết ta vẽ sơ đồ Venn cho từng tiền đề một. Nếu luận cứ hợp quy tắc, kết luận sẽ tự khắc được biểu hiện trong các sơ đồ Venn ở tiền đề. Ta không cần phải đánh bóng sậm hay đặt dấu X cho kết luận như trong tiền đề. Vì việc đánh bóng sậm có thể gây ảnh hưởng đến vị trí X được xác định, nên ta luôn bắt đầu bằng tiền đề là phán đoán chung.

Trong ví dụ trên, cả hai tiền đề là phán đoán A, nên ta đánh bóng sậm cho cả hai tiền đề. Trong tiền đề thứ nhất, "cá heo" là chủ từ, ta đánh bóng sậm ở khu vực 5 và 6.



Kế tới, tiền đề thứ hai là một phán đoán dạng A, có chủ từ là "con vật có vú", đánh bóng khu vực 1 và 2, ta có hình như sau:

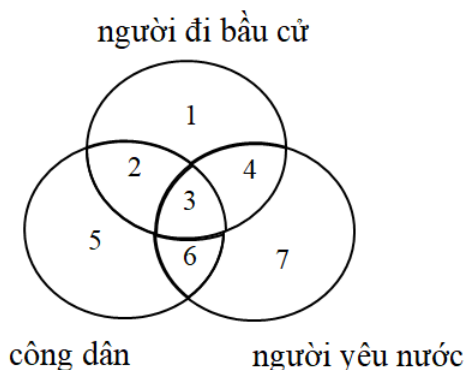


Đây là toàn bộ sơ đồ ta có được. Nếu luận cứ hợp quy tắc, kết luận sẽ tự hiển thị trong sơ đồ. Kết luận của luận cứ có hiển thị trong sơ đồ này không? Phán đoán kết luận phát biểu rằng "Mọi cá heo là sinh vật có thân". Sơ đồ cho thấy khu vực 3 là khu vực duy nhất đại diện cho tập hợp các cá heo và cũng là một phần của vòng tròn đại diện cho tập hợp các con vật có thân. Vì thế kết luận được rút ra một cách tất yếu từ tiền đề, và điều đó có nghĩa là luận cứ *hợp quy tắc*. Bao lâu luận cứ còn mang cấu trúc hình thức này, thì không thể có chuyện cả hai tiền đề đúng mà kết luận lại sai.

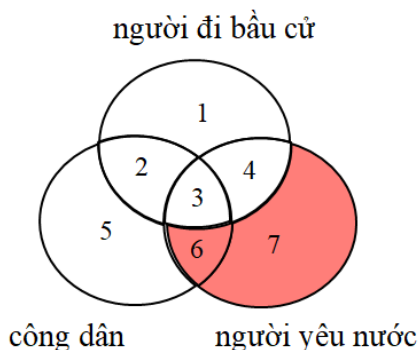
Giờ ta xét một ví dụ khác, một trường hợp luận cứ trong đó có một tiền đề là phán đoán bộ phận.

- (1) Một số công dân không phải là người đi bầu cử.
- (2) Mọi người yêu nước là người đi bầu cử.
- (3) Một số công dân không phải là người yêu nước.

Trước hết, ta vẽ ba vòng tròn lần lượt đại diện cho ba hạn từ "người yêu nước", "người đi bầu cử" và "công dân", rồi đánh số từng khu vực của ba vòng tròn ấy.



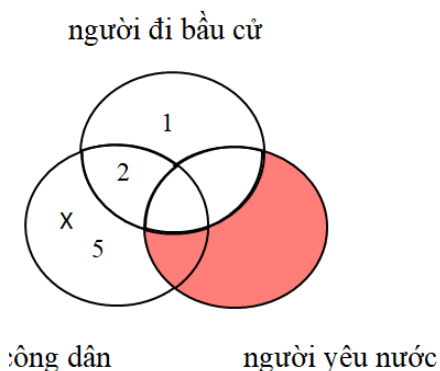
Sơ đồ trên phân ra bảy khu vực. Khu vực 1 là nhóm người đi bầu cử không phải là công dân cũng không phải là người yêu nước, khu vực 2 là nhóm vừa là người đi bầu cử vừa là công dân, khu vực 3 là nhóm người đi bầu cử và nhóm này cũng là công dân và là người yêu nước, khu vực 4 là nhóm vừa là người đi bầu cử vừa là người yêu nước nhưng không phải là công dân, khu vực 5 là nhóm công dân nhưng không phải là người đi bầu cử và cũng không phải là người yêu nước, khu vực 6 là nhóm vừa là công dân vừa là người yêu nước nhưng không phải là người đi bầu cử, và khu vực 7 là nhóm người yêu nước nhưng không phải là công dân cũng không phải là người đi bầu cử.



Giờ tiến hành vẽ sơ đồ. Theo quy tắc, phán đoán toàn bộ xử lý trước, phán đoán bộ phận ta xử lý sau. Tiền đề (2) là phán đoán bộ

phận, trong khi đó tiền đề (2) là phán đoán toàn bộ, do đó ta xử lý tiền đề (2) trước. Tiền đề (2) là phán đoán A biểu thị mối quan hệ giữa nhóm người yêu nước và người đi bầu cử. Ta sẽ tô sậm hai vòng tròn đại diện cho hai nhóm người này tại hai khu vực 6 và 7 để biểu thị không có người yêu nước nào không phải là người đi bầu cử.

Tiếp đến, ta vẽ sơ đồ cho tiền đề (1). Đây là phán đoán O, biểu thị quan hệ giữa nhóm công dân và người đi bầu cử. Ta đặt X vào một trong các khu vực thuộc hai vòng tròn lần lượt đại diện cho hai nhóm người này. Khu vực 5 là tập hợp các phần tử công dân không phải là người đi bầu cử, do đó ta đặt X vào khu vực này. Sơ đồ ta có sẽ là:



Căn cứ vào sơ đồ hoàn chỉnh này, ta xác định xem kết luận của luận cứ có được thể hiện trong sơ đồ này không. Kết luận là phán đoán I, biểu thị nhóm một số phần tử công dân bị loại ra khỏi nhóm người yêu nước. Dấu X trong khu vực 5 phản ánh chính xác điều đó. Vì thế, đây là luận cứ hợp lệ.

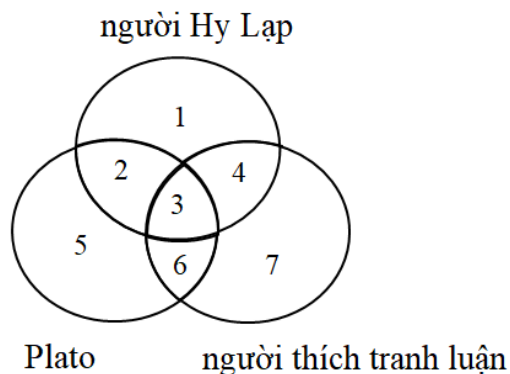
Xét thêm một ví dụ cuối cùng:

(1) Plato là người Hy Lạp.

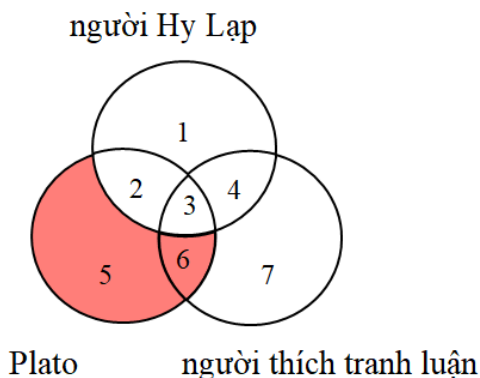
(2) Hầu hết những người Hy Lạp là người thích tranh luận.

(3) Plato là người thích tranh luận.

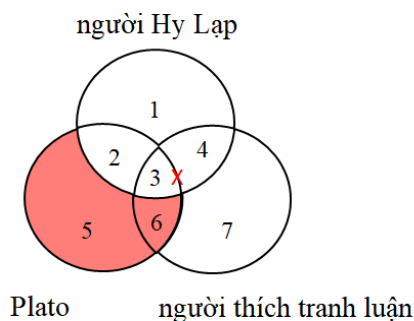
Trước hết Ta vẽ ba vòng tròn giao nhau, mỗi vòng tròn lần lượt đại diện cho các hạn từ Plato, người Hy Lạp và người thích tranh luận, rồi đánh số từng khu vực do ba vòng tròn ấy tạo ra.



Với nguyên tắc phán đoán toàn bộ trước và phán đoán bộ phận sau, tiền đề thứ nhất của chúng ta là phán đoán toàn bộ, tiền đề thứ hai là phán đoán bộ phận, do đó ta tiến hành xử lý tiền đề thứ nhất trước. Vì là phán đoán dạng A nên ta sẽ tô sậm khu vực 5 và 6, là các khu vực chứa phần tử Plato nhưng không phải là người Hy Lạp. Sơ đồ bước đầu sẽ là như sau:



Tiếp đến, tiền đề thứ hai là phán đoán dạng I, phát biểu về mối quan hệ giữa hạn từ "người Hy Lạp" và "người thích tranh luận", ta đặt X vào khu vực nào ở đó có phần tử của tập hợp người Hy Lạp nhưng cũng thuộc về tập hợp người thích tranh luận. Nhưng ở đây có đến hai khu vực - khu vực 3 và khu vực 4 - chứa tập hợp vừa là người Hy Lạp vừa là người thích tranh luận. Vì phán đoán này không cho biết X chỉ thuộc 3 hay chỉ thuộc 4, ta phải biểu thị nó *giữa* hai khu vực. Tức là, vẽ X *trên đường viền* phân ranh giữa khu vực 3 và 4. Đến đây, ta có hình sau:



Sơ đồ đến đây đã hoàn chỉnh, giờ ta thử kiểm tra xem phán đoán kết luận có tự hiển thị trên sơ đồ này không. Kết luận là một phán đoán A, nghĩa là khu vực 2 phải là khu vực rỗng, tức đã được tô màu sậm. Trong khi đó, sơ đồ cho thấy khu vực 2 không hề rỗng, tức ở đó có phần tử Plato nhưng không phải là người thích tranh luận. Vì thế luận cứ này không hợp lệ.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

IV. Vẽ sơ đồ Venn và xác định tính hợp lệ của các luận cứ sau:

- 1.* (1) Mọi S là M.
 (2) Mọi M là P.
 (3) Mọi S là P.
2. (1) Mọi P không là M.
 (2) Một số M là S.
 (3) Một số S không là P.
3. (1) Một số P là M.
 (2) Mọi M là S.
 (3) Một số S là P.
4. (1) Mọi S là M.
 (2) Mọi P là M.
 (3) Mọi S là P.
- 5.* (1) Một số M là S.
 (2) Một số P là M.
 (3) Một số S là P.

6. (1) Mọi M là P
(2) Một số M là S.
(3) Một số S là P.
7. (1) Một số S là M.
(2) Mọi M là P.
(3) Một số S là P.
8. (1) Chó là sinh vật sống.
(2) Mèo là sinh vật sống.
(3) Mèo là chó.
9. (1) Cá thỏ bằng mang.
(2) Cá voi không thỏ bằng mang.
(3) Cá voi không phải là cá.
- 10.* (1) Mọi kim loại đều là chất dẫn điện.
(2) Một số chất dẫn điện là chất lỏng.
(3) Một số kim loại là chất lỏng.
11. (1) Con vật có sừng không phải là con vật ăn thịt.
(2) Nai là con vật có sừng.
(3) Nai không ăn thịt.
12. (1) Công việc tốt là công việc có mức lương cao.
(2) Công việc có mức lương cao không phải việc dễ làm.
(3) Việc dễ làm không phải là công việc tốt.
13. (1) Mọi sinh viên đều ham bóng đá.
(2) Mọi sinh viên đều không thích đua xe.
(3) Một số người ham bóng đá không thích đua xe
14. (1) Mọi triết gia là giáo sư.
(2) Mọi triết gia là người có óc phản biện.
(3) Mọi giáo sư là người có óc phản biện.
- 15.* (1) Lý thuyết khoa học đều là hình thức nhận thức của con người.
(2) Lý thuyết giáo dục là một lý thuyết khoa học
(3) Lý thuyết giáo dục là một hình thức nhận thức của con người.

16. (1) Ngôn ngữ được nói thường xuyên là sinh ngữ.
(2) Tiếng La-tinh không được nói thường xuyên.
(3) Tiếng Latinh không phải là sinh ngữ.
17. (1) Mọi khoa học đều có phương pháp nghiên cứu riêng.
(2) Sử học là một môn khoa học.
(3) Sử học có phương pháp nghiên cứu riêng.
18. (1) Các hành tinh thuộc hệ Mặt trời quay xung quanh Mặt trời.
(2) Sao Bắc đẩu không phải là hành tinh thuộc hệ Mặt trời.
(3) Sao Bắc đẩu không quay quanh Mặt trời.
19. (1) Mọi ngân hàng đều là những định chế tài chính.
(2) Đông Á là một định chế tài chính.
(3) Đông Á là một ngân hàng.
- 20.* (1) Mọi công nghệ mới đều có rủi ro.
(2) Mọi công nghệ mới có khả năng mang lại lợi nhuận.
(3) Một số thứ rủi ro có khả năng mang lại lợi nhuận.
21. (1) Một số ngôi sao mà nay ta đang nhìn thấy đã tắt từ lâu.
(2) Một số ngôi sao đã tắt từ lâu là lỗ đen.
(3) Một số ngôi sao mà ta đang thấy là lỗ đen.
22. (1) Mọi loài chim đều biết bay.
(2) Đà điểu là chim.
(3) Đà điểu biết bay.
23. (1) Socrates là người.
(2) Mọi người ai cũng có linh hồn.
(3) Socrates có linh hồn.
24. (1) Những người tốt không đối xử tàn bạo đối với động vật.
(2) Một số trẻ em đối xử tàn bạo với động vật.
(3) Một số trẻ em không phải là người tốt.
25. (1) Mọi ngư dân đều yêu biển.
(2) Một số người yêu biển.
(3) Một số người là ngư dân.

4.2. Sử dụng các quy tắc xác định tính hợp quy tắc

Để một tam đoạn luận nhất quyết hợp quy tắc thì nó phải thỏa mãn năm quy tắc. Nếu luận cứ vi phạm bất cứ một quy tắc nào trong số ấy, nó sẽ không hợp quy tắc. Mọi luận cứ hợp quy tắc đều phải thỏa mãn tất cả các quy tắc.

4.2.1. Tính chu diên của các hạn từ trong phán đoán

Vì trong bộ 5 quy tắc kiểm tra tính hợp lệ của luận cứ tam đoạn luận có 2 quy tắc liên quan tới khái niệm *chu diên* (distribution), do đó, trước hết ta phải giải thích khái niệm này. Các hạn từ của phán đoán là *chu diên* nếu phán đoán đề cập mọi phần tử của một nhóm hay một tập hợp; ngược lại nếu phán đoán chỉ đề cập một bộ phận của nhóm hay tập hợp thì các hạn từ sẽ không chu diên. Hạn từ nào chu diên, ta đánh dấu + đính kèm hạn từ đó, không chu diên dấu trừ -. Trong các phán đoán dưới đây, thuật ngữ chu diên là chữ được gạch chân.

Trong phán đoán *Mọi S là P*, chủ từ S chu diên vì nó phát biểu mọi S là cái gì đó, tức nó đề cập tới tất cả các phần tử của tập hợp S; vị từ P không chu diên, vì cấu trúc của các phán đoán khẳng định không chứa thông tin về toàn bộ P.

Trong phán đoán *Mọi S không là P*, cả chủ từ lẫn thuộc từ đều chu diên. Vì là phán đoán toàn bộ, nên chủ từ S chu diên; và vì cấu trúc phán đoán phủ định cho ta biết thông tin về toàn bộ vị từ nên hạn từ P cũng chu diên. Chính vì thế, với phán đoán phủ định toàn bộ *Mọi S không là P* ta có thể suy ra *Mọi P không là S*.

Trong Phán đoán *Một số S là P*, vì đây là phán đoán bộ phận, không quy chiếu tới toàn bộ, nên chủ từ S không chu diên, và với tư cách là phán đoán khẳng định, nó không chứa thông tin về toàn bộ vị từ, do đó, hạn từ P cũng không chu diên.

Trong phán đoán *Một số S không là P*, chủ từ S không chu diên vì đây là phán đoán bộ phận, nhưng thuộc từ P lại chu diên vì cấu trúc phủ định của phán đoán này chứa thông tin về toàn bộ P.

Ta có bảng chu diên của các phán đoán nhất quyết như sau:

Phán đoán	Chu diên	Ký hiệu
Mọi S là P	S chu diên, P không chu diên	$S^+ a P^-$
Mọi S không là P	cả S lẫn P chu diên	$S^+ e P^+$
Một số S không là P	cả S lẫn P không chu diên	$S^- i P^-$
Một số S không là P	S không chu diên, P chu diên	$S^- o P^+$

4.2.2. Các quy tắc kiểm tra tam đoạn luận nhất quyết

Tam đoạn luận nhất quyết muốn hợp quy tắc thì phải thỏa mãn năm quy tắc, trong đó hai quy tắc đầu liên quan tới *tính chu diên*, hai quy tắc sau liên quan tới *chất* của phán đoán, và quy tắc cuối cùng liên quan tới *lượng* của phán đoán.

- Quy tắc 1:* Trung từ phải chu diên ít nhất một lần.
- Quy tắc 2:* Hạn từ nào không chu diên trong tiền đề thì nó phải không chu diên trong kết luận.
- Quy tắc 3:* Nếu tiền đề có một phán đoán phủ định thì kết luận phải là phán đoán phủ định.
- Quy tắc 4:* Một luận cứ hợp lệ không thể có hai tiền đề là phán đoán phủ định.
- Quy tắc 5:* Một luận cứ hợp lệ không thể có hai tiền đề là phán đoán toàn bộ khi kết luận là phán đoán bộ phận.

Quy tắc thứ nhất quy định tính hợp lệ về mặt chu diên của trung từ. Muốn thực hiện đúng chức năng là hạn từ trung gian để tạo mối liên hệ cho chủ từ và vị từ thì trung từ buộc phải chu diên, ít nhất là một lần, nếu không thì mối liên hệ ấy sẽ không được đảm bảo, vì thế luận cứ sẽ không hợp lệ.

Quy tắc thứ hai quy định tính hợp lệ về mặt chu diên của các hạn từ trong luận cứ. Để luận cứ hợp lệ, hạn từ trong tiền đề và trong kết luận phải đảm bảo nguyên tắc của suy luận diễn dịch là kết luận phải là cái *nằm trong* tiền đề chứ không được vượt ra khỏi tiền đề. Nếu một hạn từ trong tiền đề không chu diên nhưng lại chu diên trong kết luận, thì kết luận ấy đã vượt ra khỏi tiền đề, chứ không còn nằm trong tiền đề nữa. Nói cách khác, hạn từ trong tiền đề chỉ đề cập *ít nhất một đối*

tượng, nhưng bản thân nó trong kết luận lại nói tới tất cả các đối tượng của tập hợp, vì thế hạn từ trong kết luận đã *vượt khỏi chính nó* trong tiền đề. Và trong trường hợp ấy, luận cứ sẽ không hợp lệ.

Quy tắc thứ ba quy định tính hợp lệ của các phán đoán phủ định trong luận cứ. Nếu trong tiền đề có một phán đoán phủ định, nghĩa là có tập hợp hay ít nhất một phần tử của tập hợp sự vật này bị *loại trừ* ra khỏi tập hợp sự vật kia, do đó kết luận phải là một phán đoán biểu đạt *mối quan hệ loại trừ*; ngược lại nếu kết luận là phán đoán khẳng định, nghĩa là phán đoán ấy biểu thị mối quan hệ bao gộp, thì luận cứ sẽ không hợp lệ.

Quy tắc thứ tư quy định tính hợp lệ về mặt chất của các phán đoán trong tiền đề. Nếu cả hai tiền đề đều là phán đoán phủ định thì lần lượt các cặp tập hợp P-M và S-M bị loại trừ nhau. Một khi tất cả đều bị loại trừ với nhau như thế thì chẳng còn gì để nói về mối quan hệ giữa tập hợp S và tập hợp P trong kết luận nữa.

Quy tắc cuối cùng quy định tính hợp lệ về mặt lượng của phán đoán, đó là *một luận cứ hợp quy tắc không thể có hai tiền đề là phán đoán toàn bộ khi kết luận là phán đoán bộ phận*. Vấn đề ở đây, việc kết hợp các phán đoán hoàn toàn mang tính kỹ thuật. Nhìn vào sơ đồ Venn ta sẽ thấy quy tắc bị phá vỡ như thế nào. Nếu kết luận là phán đoán bộ phận thì nó cần có X để thỏa mãn. Vì cả hai tiền đề không có X, nên kết luận không thể biểu diễn được bằng sơ đồ. Do đó, luận cứ không hợp lệ.

Giờ ta hãy áp dụng các quy tắc trên để đánh giá xem một luận cứ tam đoạn luận nhất quyết nào đó có hợp lệ hay không. Đây là một ví dụ:

- (1) Mọi con cá mập đều là những con cá.
- (2) Mọi con cá hồi đều là những con cá.
-
- (3) Mọi con cá hồi là cá mập.

Trước hết, ta đặt ký hiệu để chuyển luận cứ này về cấu trúc logic hình thức. Ta lần lượt dùng ba ký hiệu S, P và M đại diện cho ba tập hợp "cá hồi", "cá mập" và "cá". Cấu trúc hình thức của luận cứ của ta sẽ như sau:

- (1) P a M
- (2) S a M
-
- (3) S a P

Vì các quy tắc kiểm tra của chúng ta có liên quan đến tính chu diên của các hạn từ trong phán đoán, do đó, ta phải xác định tính chu diên bằng cách đặt dấu cộng + vào cạnh hạn từ chu diên và dấu trừ - vào cạnh hạn từ không chu diên.

(1) P+ a M-

(2) S+ a M-

(3) S+ a P-

Nhìn vào cấu trúc này ta thấy, trung từ M trong cả hai tiền đề đều không chu diên, vi phạm quy tắc về tính chu diên của trung từ, do đó luận cứ này không hợp lệ.

Ta hãy xét thêm một ví dụ khác:

Aristotles là người Hy Lạp, và hầu hết người Hy Lạp đều thích đi săn. Do đó, Aristotles thích đi săn.

Dạng chuẩn của luận cứ này được trình bày như sau:

(1) Aristotles là người Hy Lạp.

(2) Hầu hết người Hy Lạp là người thích đi săn.

(3) Aristotles là người thích đi săn.

Tiếp theo, chuyển luận cứ này về cấu trúc logic hình thức bằng cách lần lượt đặt các ký hiệu S, P và M đại diện cho "Aristotles", "người thích đi săn" và "người Hy Lạp. Luận cứ này sẽ có cấu trúc hình thức như thế này:

(1) S a M

(2) M i P

(3) S a P

Kế đến, xác định tính chu diên của các hạn từ trong phán đoán:

(1) S+ a M-

(2) M- i P-

(3) S+ a P-

Cấu trúc này cho thấy, trung từ M không chu diên trong cả hai tiền đề, đồng thời cũng cho thấy tiền đề (2) là phán đoán bộ phận nhưng kết luận lại là phán đoán toàn bộ. Vì hai lỗi logic này, luận cứ trên không hợp lệ.

Xét thêm luận cứ cuối cùng:

Ông X là một nhà tự do tư tưởng, và tất cả những nhà tự do tư tưởng đều tích cực trong việc khai dân trí cho quốc dân đồng bào. Do đó, ông X hết sức tích cực trong việc khai dân trí cho quốc dân đồng bào.

Luận cứ này có dạng chuẩn như sau:

- (1) Ông X là một nhà tự do tư tưởng.
- (2) Tất cả những nhà tự do tư tưởng là người tích cực khai dân trí cho quốc dân đồng bào.
-
- (3) Ông X là người tích cực khai dân trí cho quốc dân đồng bào.

Để kiểm tra tính hợp lệ của luận cứ này, ta chuyển luận cứ về cấu trúc hình thức. Cấu trúc hình thức của nó sẽ như sau:

(1) S a M

(2) M a P

(3) S a P

Kế đến, xác định tính chu diên của các hạn từ trong phán đoán:

(1) S+ a M-

(2) M+ a P-

(3) S+ a P-

Cấu trúc trên cho thấy: trung từ M chu diên trong tiền đề (2); hạn từ P trong tiền đề (2) không chu diên và trong kết luận nó cũng không chu diên; cả hai tiền đề là phán đoán khẳng định chứ không phải phủ định, và tất cả những đặc điểm ấy không vi phạm bất cứ quy tắc kiểm tra tính hợp lệ nào của luận cứ tam đoạn luận nhất quyết. Do đó, đây là một luận cứ hợp lệ.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

V. Xác định các luận cứ sau có hợp lệ hay không bằng cách sử dụng các quy tắc kiểm tra tính hợp lệ của tam đoạn luận nhất quyết. Đối với những luận cứ không hợp lệ, hãy phát biểu quy tắc chúng vi phạm.

- 1.* Là người thì ai cũng có lý trí. Những kẻ thi rớt không có lý trí. Do đó, những kẻ thi rớt không phải là người.
2. Mọi số chẵn đều chia hết cho 2. Số 6 là số chẵn. Do đó, số 6 chia hết cho 2.
3. Tất cả các giảng viên đại học đều có chứng chỉ lý luận, và một số luật sư là giảng viên đại học, do đó, một số luật sư có chứng chỉ lý luận.
4. Đa số những người nghiêm túc thì không hay đùa. Người hay đùa luôn là người dễ gây thiện cảm với người khác. Do vậy, người nghiêm túc chắc chắn không dễ gây thiện cảm với người khác.
5. Những người nhạy cảm là những người hay mơ mộng. Những người hay mơ mộng là những thi sĩ. Do đó, những người nhạy cảm là những thi sĩ.
6. Người Việt ai cũng uống bia. Một số người uống bia không phải là người uống rượu, do đó một số người uống bia không phải là người Việt.
- 7.* Một số nhà tiến hóa luận không tin vào kinh Thánh, vì không một nhà sáng tạo luận nào là nhà tiến hóa luận, và một số người tin vào kinh Thánh không phải là nhà sáng tạo luận.
8. Tất cả các thiên hà là những cấu trúc có chứa các lỗ đen ở trung tâm, cho nên tất cả các thiên hà là các chuẩn tinh, vì mọi chuẩn tinh đều là những cấu trúc có chứa các lỗ đen ở trung tâm.
9. Không một người theo chủ nghĩa trọng thương nào là đại địa chủ. Người theo chủ nghĩa trọng thương là những người cho vay lấy lãi. Cho nên không một người cho vay lấy lãi nào là đại địa chủ.
10. Một số người làm thuê trong nông trại không được trả

công hậu hĩnh, vì không một người nhập cư trái phép nào được trả công hậu hĩnh, và một số người nhập cư trái phép là người làm thuê trong nông trại.

11. Chiến tranh an ninh mạng là một loại chiến tranh thế giới mới. Chiến tranh thế giới mới nào cũng là những cuộc chiến diễn ra trên quy mô toàn cầu, vì thế ta có thể cho rằng về bản chất chiến tranh an ninh mạng là cuộc chiến toàn cầu.
12. Tất cả các trường vật lý đều có hạt truyền tương tác. Trường hấp dẫn cũng là một trường vật lý. Như vậy, trường hấp dẫn cũng có hạt truyền tương tác.
13. Tất cả các nhà khoa học vĩ đại đều tốt nghiệp đại học. Mọi vận động viên thể thao chuyên nghiệp đều tốt nghiệp đại học. Do đó, một số vận động viên thể thao chuyên nghiệp là những nhà khoa học vĩ đại.
- 14.* Người bệnh cần phải uống thuốc. Người khỏe mạnh không phải là người bệnh. Vậy người khỏe mạnh không cần phải uống thuốc.
15. Các chủ doanh nghiệp là những người có óc thực tế. Mà những ai có óc thực tế thường có óc phán đoán tốt. Do đó, các chủ doanh nghiệp là người có óc phán đoán tốt.
16. Các loài chim di cư đều sống ở phương Bắc. Các loài chim sống ở phương Bắc đều có bản năng nhận biết mùa đông sắp đến. Một số loài có bản năng nhận biết mùa đông sắp đến là loài chim di cư.
17. Mọi chí sĩ yêu nước là những nhà khai phóng, và Phan Châu Trinh là một chí sĩ yêu nước. Vì thế, ông ấy là một nhà khai phóng.
18. Các y tá cần phải có chứng chỉ do nhà nước cấp, vì các y tá là những người hành nghề y, và bất cứ nghề y nào cũng cần phải có chứng chỉ do nhà nước cấp.
19. Tất cả hạt dưới cấp độ nguyên tử đều không thể nhìn thấy bằng mắt thường. Chúng ta biết điều này vì các hạt dưới cấp độ nguyên tử chỉ được nhìn thấy bằng kính hiển vi điện tử, và hầu hết các vật không thể nhìn thấy bằng mắt thường chỉ được nhìn thấy bằng kính hiển vi điện tử.

20. Vì một số đảng viên Dân chủ là những người có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, và một số người có tư tưởng xã hội chủ nghĩa là những người thân thiện, ta có thể kết luận rằng một số người thân thiện là những đảng viên Dân chủ.
- 21.* Nghệ thuật là sự mô phỏng tự nhiên. Âm nhạc là nghệ thuật. Vậy, âm nhạc là sự mô phỏng tự nhiên.
22. Vũ công ba-lê thật duyên dáng. Không có võ sĩ đô vật Sumo nào là người duyên dáng, vì vậy không có võ sĩ đô vật Sumo nào là vũ công ba-lê.
23. Một số chính trị gia nói dối, mà các vị Thượng nghị sĩ là các chính trị gia. Vì thế, một số vị Thượng nghị sĩ nói dối.
24. Một số loài chim di cư về phương Nam. Gấu không phải là chim. Do đó, Gấu không di cư về phương Nam.
25. Bất cứ ai đọc sách triết học thì sẽ trở nên thông minh hơn. Người nào trở nên thông minh hơn thì sẽ trở thành vua. Do đó, bất cứ ai đọc sách triết học sẽ trở thành vua.
26. Không phải trẻ em nào cũng là người vô kỷ luật, nhưng một số người trưởng thành lại là người vô kỷ luật, cho nên người lớn không phải là trẻ em.
27. Nhiều nhà cải cách không được học hành bài bản. Một số người không được học hành bài bản đạt những thành tựu lớn. Do đó, một số nhà cải cách đạt được những thành tựu lớn.
- 28.* Các con vật không phải người không thể tư duy được. Chỉ có những vật có tư duy mới có cảm giác đau. Do đó, các con vật không phải người không có cảm giác đau.
29. Tất cả các nhà nữ quyền đều ủng hộ việc đối xử bình đẳng với người nữ trong các quân chủng, nhưng một số phụ nữ lại không ủng hộ việc đối xử bình đẳng với người nữ trong các quân chủng. Vì thế, một số nhà nữ quyền không phải là phụ nữ.
30. Trong thời đại toàn cầu hóa, các nước đang phát triển cần phải tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương để bảo vệ quyền lợi của mình. Việt Nam đang tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương. Như vậy, Việt Nam là một nước đang phát triển.

Chương 6

LUẬN CỨ LOẠI SUY

Trong chương này chúng ta sẽ xem xét cách tiến hành tư duy biện luận qua một phương thức lập luận quy nạp là luận cứ loại suy. Ở chương trước, chúng ta có phân biệt các luận cứ theo phong cách lập luận quy nạp với các luận cứ theo phong cách lập luận diễn dịch. Trong khi lập luận diễn dịch là để chứng minh một kết luận nào đó là đúng, lập luận quy nạp đưa ra chứng cứ để giúp cho một nhận định hay kết luận nào đó tăng thêm sức thuyết phục. Các luận cứ quy nạp không được đánh giá là hợp lệ hoặc không hợp lệ, vốn là những thuật ngữ chỉ dành riêng cho diễn dịch, mà là mạnh hoặc yếu, tùy vào mức độ chứng cứ làm tăng xác suất đúng của một nhận định hay kết luận nào đó.

1. NHẬN DIỆN LUẬN CỨ LOẠI SUY

Luận cứ loại suy là một luận cứ quy nạp dùng phép loại suy để kết luận rằng vì trường hợp này có đặc điểm nào đó nên trường hợp kia cũng sẽ có đặc điểm ấy. Luận cứ loại suy bao giờ cũng chứa một sự loại suy giữa các tiền đề của chúng. Loại suy là sự so sánh giữa các sự vật dựa trên cơ sở những đặc điểm tương đồng mà các sự vật ấy có chung với nhau. Dưới đây là các ví dụ về loại suy:

- (a) Chê tôi lười biếng có khác nào lươn ngắn chê trạch dài.
- (b) “Cuộc đời chỉ là một cái bóng thoáng qua, một thăng hê tội nghiệp
Hò hét quay cuồng trên sân khấu trong giây phút
Rồi lặng tiếng im hơi, người đời không còn nghe thấy nữa ...
Đó là câu chuyện do một thằng ngốc kể, cũng đủ cả hò hét
cuồng nộ,
Nhưng nào có nghĩa gì đâu.”

(Shakespeare, *Macbeth*, Hồi 5, Cảnh 5)

(c) "Quả thế, niềm hy vọng của quân vô đạo
khác nào vỏ trấu bị gió cuốn đi,
ví như bọt nước vỡ tung trong cơn bão.
Niềm hy vọng ấy sẽ tiêu tan
như khói tan trong gió, và nó sẽ qua đi
như khách trọ một ngày, chẳng ai còn nhớ nữa"

(*Kinh thánh*, Sách Khôn ngoan, 5: 14)

Trong loại suy thứ nhất, các đối tượng có đặc điểm tương đồng là *chê tôi lười biếng* và *lươn ngắn chê trạch dài*. Loại suy này thường thấy trong sinh hoạt đời sống hàng ngày. Trong loại suy thứ hai *cuộc đời* được so sánh với ba đối tượng khác là *cái bóng thoáng qua*, *một thăng hê tội nghiệp* và *câu chuyện do một thăng ngốc kể*. Đây là một loại suy thường thấy trong văn chương. Và trong loại suy thứ ba, một loại suy thường thấy trong các kinh sách tôn giáo, trong đó *niềm hy vọng của quân vô đạo* được so sánh với các hình ảnh *vỏ trấu bị cuốn đi* và *bọt nước vỡ tung trong bão*; đồng thời tác giả cũng so sánh *tính hư ảo phù du của niềm hy vọng ấy* với hình ảnh *khói tan trong gió* và *khách trọ một ngày*. Qua các ví dụ này, ta có thể thấy loại suy là một cách tư duy phổ biến trong đời sống.

Tuy nhiên, không phải phép loại suy nào cũng là một luận cứ loại suy. Ba ví dụ trên đây của ta đều chứa phép loại suy, nhưng không một ví dụ nào là luận cứ quy nạp loại suy, hay gọi tắt là luận cứ loại suy, bởi lẽ chúng không có cấu trúc của luận cứ, nghĩa là chúng không có phán đoán nào được nâng đỡ (kết luận) và phán đoán đi nâng đỡ cho phán đoán khác (tiền đề). Để nhận biết một luận cứ loại suy, trước hết ta xét xem đoạn văn ấy có phải là luận cứ không, nếu phải thì ta tiếp tục tìm các đối tượng giống nhau được phát biểu trong tiền đề. Đây là một ví dụ:

Vũ trụ giống như chiếc đồng hồ. Chiếc đồ hồ là vật được thiết kế. Do đó, chắc chắn vũ trụ cũng là cái được thiết kế.

Đoạn văn này rõ ràng là một luận cứ. Từ chỉ báo "do đó" cho biết phán đoán cuối cùng là kết luận. Hai phán đoán còn lại có mối liên hệ mật thiết với kết luận. Nhiệm vụ của chúng là nâng đỡ cho kết luận. Chúng là tiền đề của luận cứ. Luận cứ này có thể được phát biểu lại theo dạng chuẩn như sau:

(1) Vũ trụ giống như chiếc đồng hồ.

(2) Chiếc đồ hồ là vật được thiết kế.

(3) Vũ trụ cũng là cái được thiết kế.

Luận cứ này là lập luận diễn dịch hay quy nạp? Nếu kết luận là tất yếu được rút ra từ tiền đề thì luận cứ này sẽ là một lập luận diễn dịch. Nhưng kết luận này không thể là tất yếu được. Có thể vũ trụ và chiếc đồng hồ có thực sự giống nhau tới mức nào đi nữa thì ta chưa chắc vũ trụ cũng là cái được thiết kế giống như chiếc đồng hồ. Đây rõ ràng là luận cứ quy nạp. Ta cũng nhận thấy trong tiền đề của luận cứ này có nêu ra một sự tương tự giữa hai đối tượng, đó là sự giống nhau giữa vũ trụ và chiếc đồng hồ. Và như vậy, đây là một luận cứ loại suy.

Xét thêm một ví dụ khác.

Chuột là động vật có vú, có hệ tuần hoàn và các phản ứng sinh hóa điển hình của loài có vú, dễ phản ứng với các loại thuốc cao huyết áp và giảm lượng cholesterol trong máu khi được tiêm thuốc X mới. Con người là động vật có vú, có hệ tuần hoàn và các phản ứng sinh hóa điển hình của loài có vú, và dễ phản ứng với các loại thuốc cao huyết áp. Do đó, con người cũng sẽ giảm lượng cholesterol trong máu khi được tiêm thuốc X mới.

Đoạn văn này cũng là một luận cứ, vì nó thuyết phục ta tin rằng lượng cholesterol trong máu của người sẽ giảm khi được tiêm thuốc X mới. Trong quan hệ với các tiền đề nâng đỡ nó, kết luận này là có thể chấp nhận được, chứ không ta không chắc chắn được, nên nó là luận cứ quy nạp. Tiền đề của nó phát biểu về một sự tương tự giữa hai đối tượng là chuột và người. Luận cứ này có cấu trúc dạng chuẩn sau:

(1) Chuột và người giống nhau ở chỗ là động vật có vú có hệ tuần hoàn và các phản ứng sinh hóa điển hình của loài có vú, dễ phản ứng với các loại thuốc cao huyết áp.

(2) Chuột giảm lượng cholesterol trong máu khi được tiêm thuốc X mới.

(3) Người cũng giảm lượng cholesterol trong máu khi được tiêm thuốc X mới.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Hãy nhận diện xem mỗi một đoạn văn sau đây có chứa luận cứ loại suy hay không, nếu không thì hãy cho biết tại sao nó không chứa luận cứ loại suy.

- 1.* Viết là một phương tiện giao tiếp, cũng như không khí là phương tiện để ta nhìn; và một bài viết hay có khác nào khí trời thu dịu nhẹ.
2. Cây đào và cây mận như người quen biết cũ cứ hướng về ta mà nở hoa. (Lý Bạch)
3. Vì Long là anh của Lan, và Lan là mẹ của An, nên Long là cậu của An.
4. Tôi cảm thấy đau khi bị ai đó đánh vào mặt bằng một cú đấm. Cả hai chúng ta đều là con người, vì vậy có lẽ bạn cũng cảm thấy đau khi bị ai đó đấm vào mặt.
5. Tiến sĩ X đã không cho Minh vắng mặt có lý do để dự đám tang của bà mình. Lan sẽ phải nghỉ học để dự đám tang của dì mình, cho nên tiến sĩ X cũng không nên cho Lan vắng mặt có lý do.
6. "Như khi mũi tên lao về đích
trời xé xa, rồi lập tức khép lại
mà không ai biết nổi đường tên bay.
Cũng thế thôi bọn chúng mình:
thoạt sinh ra thì đã biến mất,
chẳng may may để lại dấu vết nào
cho thấy rằng mình đã sống đức hạnh,
nhưng lại đã hoang phí đời mình trong gian ác".
(*Kinh thánh*, Sách Khôn ngoan, 5:12, 13)
7. Sông Hồng, sông Cửu Long và sông Hàn đều là những con sông nước ngọt chảy về biển. Vì vậy, sông Hương có thể chảy về biển, vì nó là một con sông nước ngọt.
- 8.* Có vẻ như các nhân viên của hãng xe Doxa rất không hài lòng với điều kiện làm việc của họ. Chúng tôi đã khảo sát một trăm công nhân, và họ nói rằng điều kiện làm việc của họ rất tồi tệ.

9. Chúng ta cách ly những người mắc các bệnh truyền nhiễm chết người, chẳng hạn như bệnh lao. Vì vậy, chúng ta nên cách ly những người mắc bệnh Covid-19, đây cũng là một căn bệnh dễ lây lan, chết người.
10. Trước khi dấn mình vào những chiều sâu thăm thẳm của triết học đang đợi trước mặt, tôi muốn dừng lại ở đây một chút và nghĩ về hành trình mà tôi đã đi cho tới lúc này. Không nghi ngờ gì nữa, đó là một công việc hết sức khó khăn và đòi hỏi nhiều kỹ năng. Tôi giống như người hoa tiêu đã làm cho con tàu của mình mắc cạn trên những bãi cát và gần như làm hư hại nó khi vượt qua một hòn đảo nhỏ nhưng vẫn cố gắng trở ra biển trên con thuyền bị hư hại đầy lỗ thủng ấy và thậm chí còn hy vọng ngao du khắp thiên hạ nữa. (David Hume)

2. PHÂN TÍCH LUẬN CỨ LOẠI SUY

Bất cứ luận cứ loại suy nào cũng có chung một cấu trúc cơ bản. Ta sẽ gọi cấu trúc này là hình thức chung của các luận cứ loại suy. Trong hình thức chung này, mỗi luận cứ loại suy chứa hai tiền đề nâng đỡ cho kết luận. Một tiền đề cung cấp một đặc điểm tương tự và tiền đề còn lại nhận diện đặt điểm mà người lập luận kết luận là phải có chung giữa các đối tượng giống nhau.

Luận cứ loại suy thường có dạng cấu trúc như sau:

(1) X giống với Y ở mặt được biết nào đó.

(2) X có thêm đặc điểm F.

(3) Y cũng có đặc điểm F.

Tiền đề thứ nhất phát biểu về một sự tương tự giữa hai đối tượng. Ký hiệu X đại diện cho thực thể nguồn và Y đại diện cho thực thể đích. Thực thể nguồn là vật tương tự chỉ xuất hiện trong tiền đề, trong khi đó thực thể đích là vật tương tự xuất hiện trong tiền đề và được rút ra để tạo phán đoán kết luận. Đặc điểm, ký hiệu là F, là những thuộc tính của thực thể nguồn mà người lập luận đang cố chứng minh là cũng có ở thực thể đích. Mọi luận cứ loại suy, có thể

trình bày theo nhiều cách khác nhau, đều có ba thành phần cấu trúc này tạo nên: thực thể nguồn X, thực thể đích Y và đặc điểm F.

Ta hãy thử phân tích cấu trúc của luận cứ loại suy sau đây:

Dao là một dụng cụ ăn uống có thể cắt các thứ. Thìa cũng là một dụng cụ ăn uống. Vì vậy, một chiếc thìa cũng có thể cắt mọi thứ.

Từ chỉ báo "vì vậy" cho biết phán đoán cuối cùng là kết luận và hai phán đoán đi trước nó là tiền đề. Tiền đề của luận cứ này cho thấy có sự tương tự giữa hai vật được nói tới là *dao* và *thìa*. Luận cứ này có dạng cấu trúc sau:

(1) Dao và thìa giống nhau ở chỗ chúng là dụng cụ ăn uống.

(2) Dao có thể cắt mọi thứ.

(3) Thìa cũng có thể cắt mọi thứ.

Điều quan trọng đối với thao tác đánh giá các luận cứ loại suy là ta phải xác định được các yếu tố cấu thành của chúng: thực thể nguồn X, thực thể đích Y và đặc điểm F. Luận cứ ta đang xét có đầy đủ các yếu tố cấu thành này:

- Thực thể nguồn: *dao*
- Thực thể đích: *thìa*
- Đặc điểm F: *có thể cắt mọi thứ.*

Giờ ta xét thêm một ví dụ khác, một luận cứ mà cấu trúc của nó chưa biểu hiện được rõ ràng do một tiền đề không được tác giả phát biểu ra.

Mỗi chiếc Volvo tôi từng sở hữu đều là một chiếc xe chạy an toàn. Chiếc xe mới của tôi là một chiếc Volvo. Vì vậy, chiếc xe mới của tôi có lẽ là chạy an toàn.

Thoạt nhìn, luận cứ loại suy này dường như có cấu trúc khác với luận cứ loại suy ta vừa phân tích ở trên. Sự khác nhau ở chỗ trong luận cứ này người lập luận đã không phát biểu một cách minh nhiên sự tương tự giữa hai vật được so sánh, thay vào đó, người ấy chỉ đưa ra chứng cứ cho sự tương tự này. Nhiệm vụ của người phân tích là phải nhận biết và phát biểu ra tiền đề ngầm này. Chứng cứ cho sự tương tự giữa hai vật được so sánh trong tiền đề chính là cả hai chiếc

xe đều là những chiếc xe của cùng một hãng, nên tiền đề không được tác giả phát biểu ra ở đây là:

Mỗi chiếc xe tôi từng sở hữu giống với chiếc xe mới của tôi.

Giờ ta có thể trình bày luận cứ trên ở dạng cấu trúc đầy đủ của nó như sau:

(1) Mỗi chiếc xe tôi từng sở hữu giống với chiếc xe mới của tôi ở chỗ chúng là xe Volvo.

(2) Mỗi chiếc xe tôi từng sở hữu chạy an toàn.

(3) Chiếc xe mới của tôi cũng chạy an toàn.

Nhìn vào luận cứ này, ta thấy có ba yếu tố cấu thành:

- Thực thể nguồn: *mỗi chiếc xe tôi từng sở hữu*
- Thực thể đích: *chiếc xe mới của tôi*
- Đặc điểm: *chạy an toàn*

Đặt các ký tự X đại diện cho thực thể nguồn, Y đại diện cho thực thể đích, và F đại diện cho đặc điểm, luận cứ trên sẽ có dạng cấu trúc như sau:

(1) X giống với Y ở chỗ chúng là xe Volvo.

(2) X có thêm đặc điểm F.

(3) Y cũng có đặc điểm F.

Và đây là ví dụ cuối cùng. Ta thử phân tích luận cứ sau:

Dân chủ không thể có trong gia đình. Trong gia đình, cha mẹ là người quyết định mọi sự vì họ sáng suốt hơn và con cái không biết được đâu là điều tốt nhất cho chúng. Cũng giống như vậy, hình thức chính quyền tốt nhất cho xã hội không phải là hình thức chính quyền dân chủ mà là một hình thức chính quyền trong đó những người lãnh đạo giống với các bậc làm cha làm mẹ hơn.

Ấn tượng đầu tiên khi đọc đoạn văn này là ta thấy nó phức tạp hơn so với hai luận cứ đã được phân tích ở trên. Tác giả đoạn văn này đang cố gắng thuyết phục ta tin điều gì? Điều mà tác giả đang cố thuyết phục ta là "hình thức chính quyền tốt nhất không phải là hình thức chính quyền dân chủ". Đây chính là kết luận của luận cứ. Tiếp

theo, ta tìm xem phán đoán nào trong đoạn văn này có nhiệm vụ nâng đỡ cho kết luận này bằng cách hỏi: "Tác giả đưa ra những lý do nào để biện minh cho nó?". Có lý lý do được nêu ra: (1) Hình thức chính quyền tốt nhất cho một xã hội giống với gia đình, và (2) Gia đình không có sự dân chủ. Hai lý do này không đủ mạnh để kết luận mà chúng biện minh trở nên đúng một cách tất yếu, mà chỉ có thể làm cho kết luận ấy có khả năng đúng mà thôi, nghĩa là có thể chấp nhận được. Chính vì thế đây là một luận cứ quy nạp.

Bước kế tiếp, ta xác định xem tiền đề có sử dụng phép loại suy nào hay không. Trong tiền đề có sự tương tự giữa hai định chế được so sánh: hình thức chính quyền tốt nhất và gia đình. Đoạn văn này rõ ràng là một luận cứ loại suy. Nó có dạng cấu trúc như sau:

(1) Gia đình và hình thức chính quyền tốt nhất giống nhau ở chỗ những người đứng đầu của hai định chế này quyết định mọi sự.

(2) Gia đình không có dân chủ.

(3) Hình thức chính quyền tốt nhất cũng không có dân chủ.

Luận cứ trên có ba yếu tố cấu thành:

- Thực thể nguồn: *Gia đình*
- Thực thể đích: *Hình thức chính quyền tốt nhất*
- Đặc điểm: *dân chủ*

Đặt X đại diện cho thực thể nguồn, Y đại diện cho thực thể đích, và F đại diện cho đặc điểm, luận cứ trên sẽ có dạng cấu trúc như sau:

(1) X giống Y ở chỗ nào đó.

(2) X không có F

(3) Y không có F

Theo cấu trúc luận cứ này, ta có thể thắc mắc căn cứ vào đâu mà tác giả khẳng định rằng gia đình và hình thức chính quyền tốt nhất giống nhau ở chỗ những người đứng đầu của hai định chế này quyết định mọi sự? Đoạn văn cung cấp cho ta hai lý do" (a) Những người lãnh đạo trong chính quyền giống với cha mẹ trong gia đình, và (b) Cha mẹ là người quyết định mọi sự. Cả hai lý do này cùng biện minh cho khẳng định ấy của tác giả, do đó tiền đề (1) của luận cứ trên trong

quan hệ với hai lý do này lại giữ vai trò là kết luận. Nó là một kết luận trung gian, và vì thế hình thành nên một luận cứ phụ. Luận cứ này có dạng cấu trúc như sau:

(1) Cha mẹ và lãnh đạo chính quyền giống nhau ở chỗ họ lần lượt là người đứng đầu định chế gia đình và chính quyền.

(2) Cha mẹ là người quyết định mọi sự.

(3) Lãnh đạo chính quyền cũng là người quyết định mọi sự.

Đây cũng là một luận cứ loại suy vì nó có chứa phép loại suy về hai đối tượng được so sánh. Nhưng do chỗ nó là luận cứ cho tiền đề nên chỉ giữ vai trò là một luận cứ phụ trong chuỗi luận cứ.

Đoạn văn cũng cung cấp cho ta một luận cứ thứ ba. Luận cứ ấy được phát biểu trong câu văn thứ hai. Câu văn thứ hai phát biểu rằng:

Trong gia đình, cha mẹ là người quyết định mọi sự vì họ sáng suốt hơn và con cái không biết được đâu là điều tốt nhất cho chúng.

Luận cứ này có dạng cấu trúc sau:

(1) Cha mẹ là người sáng suốt hơn con cái.

(2) Con cái không biết điều gì là tốt nhất cho mình.

(3) Cha mẹ là người quyết định mọi sự.

Đây cũng là luận cứ phụ vì nó là luận cứ biện minh cho tiền đề (2) của luận cứ chính.

Tóm lại, đoạn văn ta vừa phân tích chứa ba luận cứ, trong đó luận cứ thứ nhất là luận cứ chính, hai luận cứ còn lại là luận cứ phụ. Phân biệt luận cứ chính và luận cứ phụ là thao tác giúp ta ưu tiên nên chọn luận cứ nào để tiến hành đánh giá. Với các dạng luận cứ mở rộng, việc đánh giá chủ yếu tiến hành ở luận cứ chính.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

II. Hãy chuẩn hóa các luận cứ sau đây thành dạng chuẩn, rồi chỉ ra các yếu tố cấu thành của chúng: thực thể nguồn, thực thể đích và đặc điểm.

- 1.* Minh giống tính anh trai của nó là Cường, và Cường thực sự là một đứa rộng lượng, cho nên tôi nghĩ Minh cũng là một đứa có tấm lòng rộng lượng.
2. Chó rất giống mèo. Vì tôi dị ứng với mèo, tôi cũng có thể dị ứng với chó.
3. Bò rất giống trâu. Trâu kéo cày được, chắc chắn bò cũng kéo cày được.
4. Gia đình và xã hội là những nhóm xã hội mà các thành viên của chúng có chung lợi ích với nhau. Gia đình có chung tài sản. Do đó, xã hội nên có chung tài sản.
- 5.* Nếu bạn có thể học đánh bóng tennis thì bạn có thể học nói một ngoại ngữ được lưu loát. Cả hai đều phải luyện tập.
6. Minh và Cường đều có chung sở thích là xem bóng đá. Minh thích nghe nhạc Alan Walker. Chắc chắn Cường cũng vậy.
7. Minh và Cường thường cùng tham gia các hoạt động xã hội. Cường hay tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường. Do đó, chắc chắn Minh cũng vậy.
8. Chiếc laptop tôi mới mua giống như chiếc laptop cũ của tôi. Vì chiếc laptop cũ của tôi có tuổi thọ hơn ba năm, nên có thể kết luận rằng chiếc laptop mới này cũng sẽ có tuổi thọ hơn ba năm.
9. Những giọt nước lớn không bền, chúng bị phân rã thành các giọt nước nhỏ hơn. Các nguyên tử lớn cũng giống như giọt nước. vậy các nguyên tử có nguyên tử lượng lớn, tức là có kích thước lớn, cũng không bền, sẽ bị phân rã thành các nguyên tử nhẹ hơn.
- 10.* Mỗi chiếc xe tôi từng sở hữu đều có ghế ngồi, bánh xe, phanh, và chạy rất an toàn. Chiếc xe cũ mà tôi dự định

mua này có ghế ngồi, bánh xe và phanh. Vì vậy, chiếc xe đã qua sử dụng này có lẽ cũng chạy an toàn.

11. *Thời báo Kinh tế Việt Nam* có một bài báo về quy chế mới cho hoạt động của hệ thống ngân hàng. *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, cũng giống với *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, là một tờ báo kinh tế có uy tín. Do đó, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* chắc cũng có bài viết về vấn đề này.
12. Ô tô là phương tiện giao thông bốn bánh dùng để chở người và hàng hóa từ nơi này sang nơi khác. Các cỗ xe ngựa cũng là phương tiện giao thông bốn bánh dùng để chở người và hàng hóa từ nơi này sang nơi khác. Vì ô tô có thể chạy an toàn trên đường cao tốc, các cỗ xe ngựa cũng có thể chạy an toàn trên đường cao tốc.
13. Cách đây hai năm, dì tôi có các triệu chứng giống bạn. Bà lúc nào cũng mệt, bị cứng khớp và cơ, sưng hạch bạch huyết, bị tê chân tay, y chang như tình trạng của bạn vậy. Té ra bà bị nhiễm khuẩn do ve gây ra, và tôi chắc bạn cũng đang bị như thế.
14. Mua chiếc máy giặt ít tốn năng lượng sẽ tiết kiệm tiền cho bạn trong dài hạn, vì máy giặt ít tốn năng lượng giống với máy rửa chén ít tốn năng lượng, và máy rửa chén ít tốn năng lượng tiết kiệm tiền cho người mua trong dài hạn.
- 15.* Lasagna và spaghetti đều có mỳ sợi và sốt cà chua, cho nên lasagna giống với spaghetti. Vì spaghetti ngon, có lẽ lasagna cũng ngon.
16. Cả hiệu trưởng lẫn cố vấn trường trung học đều có bằng cấp cao trong ngành giáo dục. Các hiệu trưởng trường trung học được trả lương cao hơn giáo viên, vì các cố vấn có mức lương cao hơn giáo viên.
17. Chiêm tinh học nghiên cứu các vì sao và đã tồn tại hàng trăm năm rồi. Thiên văn học cũng nghiên cứu các vì sao và đã tồn tại hàng trăm năm. Chúng ta biết rằng thiên văn học xứng đáng được gọi là khoa học. Do đó, chiêm tinh học cũng có thể xứng đáng được gọi là khoa học.

18. Chơi bóng đá rất giống với chơi khúc côn cầu trên băng. Cả hai đều có một đội cố gắng ghi điểm nhiều hơn đội còn lại; các đội đều có một cầu thủ giữ gôn; và các cầu thủ đều bị phạt nếu phạm việt vị. Xét thấy rằng chơi khúc côn cầu trên băng thì phải mang giày trượt băng, chơi bóng đá cũng phải mang giày trượt băng.
19. Cả Nissan Leaf lẫn Chevy Volt là những chiếc xe hơi điện thế hệ mới. Vì Chery Volt có thể chạy hơn 40 dặm với một lần sạc điện, Nissan Leaf cũng có thể chạy hơn 40 dặm chỉ với một lần sạc điện.
20. Hắc tinh tinh rất thông minh, sống hợp quần và có thể sử dụng các công cụ thô sơ. Vì thế, hắc tinh tinh giống khi mồm chó vì đây là loài vật cũng rất thông minh, sống hợp quần và biết sử dụng công cụ. Vì khi mồm chó có thể học ngôn ngữ ký hiệu ở hình thức đơn giản, hắc tinh tinh cũng có thể học ngôn ngữ ở hình thức đơn giản.

3. ĐÁNH GIÁ LUẬN CỨ LOẠI SUY

Luận cứ loại suy thuộc về loại hình luận cứ quy nạp, do đó ta phải sử dụng các thuật ngữ đánh giá chỉ dành cho luận cứ quy nạp. Trong chương 4, chúng ta đã phân biệt các thuật ngữ đánh giá của hai loại hình luận cứ: cặp thuật ngữ *hợp lệ* và *không hợp lệ* dùng để đánh giá luận cứ diễn dịch, còn cặp thuật ngữ *mạnh* và *yếu* dùng để đánh giá luận cứ quy nạp. Chân lý của luận cứ quy nạp là vấn đề mức độ, nghĩa là sức mạnh của luận cứ quy nạp biến thiên trên chuỗi liên tục từ rất yếu đến rất mạnh. Nếu xác suất đúng của kết luận quy nạp nằm trong chuỗi biến thiên trên 50 phần trăm trở lên, luận cứ ấy được xác định là mạnh, và xác suất đúng tăng bao nhiêu, độ mạnh của luận cứ tăng bấy nhiêu, và ngược lại.

Sức mạnh của luận cứ loại suy phụ thuộc vào việc thực thể đích giống với thực thể nguồn ở mức độ nào và theo cách nào. Có ba tiêu chí đánh giá độ mạnh yếu của một luận cứ loại suy: số lượng các tính chất tương đồng có chung giữa thực thể nguồn và thực thể đích, số

lượng các thực thể nguồn, và mối liên hệ xác đáng giữa những thực thể được so sánh với kết luận.

Thứ nhất, để xác định một luận cứ loại suy là mạnh hay yếu, ta xét xem giữa thực thể nguồn và thực thể đích có bao nhiêu tính chất tương đồng. Hai thực thể này có chung với nhau *càng nhiều tính chất tương đồng thì luận cứ càng mạnh*. So sánh hai luận cứ sau đây.

Trước hết, ta xét luận cứ thứ nhất.

Lan giống với Kiều. Họ là những cô gái có vóc dáng cao và có thể chất khỏe mạnh. Lan thích chơi bóng chuyền. Cho nên chắc Kiều cũng thích chơi bóng chuyền.

Luận cứ này có dạng cấu trúc sau:

- (1) Lan giống với Kiều ở vóc dáng cao và thể chất khỏe mạnh.
- (2) Lan thích chơi bóng chuyền.
- (3) Kiều cũng thích chơi bóng chuyền.

Luận cứ loại suy này có ba yếu tố cấu thành:

- Thực thể nguồn: *Lan*
- Thực thể đích: *Kiều*
- Đặc điểm: *thích chơi bóng chuyền*

Luận cứ thứ hai:

Lan giống với Kiều. Họ là những cô gái có vóc dáng cao, có thể chất khỏe mạnh và đều yêu thích các môn thể thao. Lan thích chơi bóng chuyền. Cho nên chắc Kiều cũng thích chơi bóng chuyền.

Cấu trúc luận cứ này có dạng:

- (1) Lan giống với Kiều ở vóc dáng cao, thể chất khỏe mạnh và yêu thích các môn thể thao.
- (2) Lan thích chơi bóng chuyền.
- (3) Kiều cũng thích chơi bóng chuyền.

Ba yếu tố cấu thành luận cứ loại suy này là:

- Thực thể nguồn: *Lan*
- Thực thể đích: *Kiều*
- Đặc điểm: *thích chơi bóng chuyền*

Ta thấy cả hai luận cứ này đều cùng một thực thể nguồn, thực thể đích và đặc điểm vì thực chất chúng chỉ là một luận cứ. Điểm khác biệt là ở chỗ số lượng các tính chất tương đồng giữa thực thể nguồn và thực thể đích không giống nhau giữa hai luận cứ. Luận cứ thứ nhất chỉ cung cấp được hai tính chất tương tự giữa thực thể nguồn (Lan) và thực thể đích (Kiều) là "vóc dáng cao" và "thể chất khỏe mạnh". Luận cứ thứ hai cung cấp ba tính chất tương tự giữa Lan và Kiều là: "vóc dáng cao", "thể chất khỏe mạnh" và "yêu thích các môn thể thao". Như vậy, ta thấy luận cứ thứ hai cung cấp được nhiều chứng cứ, tức các tính chất tương đồng, để nâng đỡ cho sự giống nhau giữa thực thể nguồn và thực thể đích. Vì thế luận cứ thứ hai có cấu trúc mạnh hơn luận cứ thứ nhất. Bất cứ luận cứ loại suy nào, nếu nó cung cấp được càng nhiều chứng cứ cho sự tương đồng giữa thực thể đích và thực thể nguồn thì luận cứ ấy sẽ càng mạnh và ngược lại.

Thứ hai, ta có thể căn cứ vào số lượng các thực thể nguồn với tư cách là các trường hợp được so sánh để đánh giá độ mạnh yếu của một luận cứ loại suy. Số lượng các thực thể nguồn tham gia vào sự so sánh càng nhiều thì cấu trúc logic của luận cứ càng mạnh. Để làm rõ cách đánh giá này, chúng ta so sánh hai ví dụ sau đây.

Luận cứ thứ nhất:

Tôi đã theo học một lớp kỹ năng tư duy biện luận và tôi thấy môn kỹ năng này thật có ích và thú vị. Tôi nghĩ lớp kỹ năng tư duy thiết kế cũng có ích và thú vị.

Luận cứ này có dạng cấu trúc sau:

- (1) Lớp học kỹ năng tư duy thiết kế giống với lớp học kỹ năng tư duy biện luận.
- (2) Lớp kỹ năng tư duy biện luận có ích và thú vị.
- (3) Lớp kỹ năng tư duy thiết kế cũng có ích và thú vị.

Các yếu tố cấu thành của luận cứ này là:

- Thực thể nguồn: *lớp học tư duy biện luận*
- Thực thể đích: *lớp học tư duy thiết kế*
- Đặc điểm: *có ích và thú vị*

Luận cứ thứ hai:

Tôi đã theo học các lớp kỹ năng tư duy biện luận, tư duy sáng tạo và tư duy khởi nghiệp và tôi thấy các môn kỹ năng này thật có ích và thú vị. Tôi nghĩ lớp kỹ năng tư duy thiết kế cũng có ích và thú vị.

Luận cứ này có dạng cấu trúc sau:

- (1) Lớp kỹ năng tư duy thiết kế giống với các lớp kỹ năng tư duy biện luận, kỹ năng tư duy sáng tạo và kỹ năng tư duy khởi nghiệp.
- (2) Các lớp kỹ năng tư duy biện luận, kỹ năng tư duy sáng tạo và kỹ năng tư duy khởi nghiệp đều có ích và thú vị.

- (3) Lớp kỹ năng tư duy thiết kế cũng có ích và thú vị.

Các yếu tố cấu thành của luận cứ này là:

- Thực thể nguồn: *lớp kỹ năng tư duy biện luận, lớp kỹ năng tư duy sáng tạo và lớp kỹ năng tư duy khởi nghiệp*
- Thực thể đích: *lớp kỹ năng tư duy thiết kế*
- Đặc điểm: *có ích và thú vị*

So sánh hai luận cứ ta thấy, luận cứ thứ hai có nhiều thực thể nguồn tham gia hơn so với luận cứ thứ nhất, cho nên luận cứ thứ hai có cấu trúc logic mạnh hơn luận cứ thứ nhất.

Hai tiêu chí trên giúp ta đánh giá độ mạnh yếu của một luận cứ, nhưng như thế là chưa đủ để một luận cứ có sức mạnh thuyết phục. Điều đó có nghĩa là không phải khi xây dựng luận cứ loại suy, ta cứ đưa càng nhiều số lượng các tính chất tương đồng hay số lượng các thực thể nguồn vào là ắt luận cứ sẽ trở nên thuyết phục. Xét các luận cứ ở dạng chuẩn sau đây.

Luận cứ thứ nhất:

- (1) Ông Đại giống với Lan, Mai, Cúc, Huệ, Diệp, Phượng, Sen ở chỗ tên của họ cũng là tên của các loài hoa.
- (2) Lan, Mai, Cúc, Huệ, Diệp, Phượng, Sen là những người hay hờn dỗi.

- (3) Ông Đại cũng là người hay hờn dỗi.

Luận cứ thứ hai:

- (1) Lan và Huệ giống nhau ở chỗ cả hai đều đáng yêu, thông minh, sắc sảo, có mái tóc xõa ngang vai và yêu thích thể thao.
 - (2) Lan yêu một chàng thi sĩ.
-
- (3) Huệ cũng yêu một chàng thi sĩ.

Cả hai luận cứ này cho thấy gì? Luận cứ thứ nhất có đến bảy thực thể nguồn tham gia là *Lan, Mai, Cúc, Huệ, Diệp, Phượng, Sen*, và luận cứ thứ hai có năm tính chất tương đồng giữa thực thể nguồn và thực thể đích: *đáng yêu, thông minh, sắc sảo, có mái tóc xõa ngang vai và yêu thích thể thao*. Cả hai đều có số lượng chứng cứ nhiều hơn so với các luận cứ mà chúng ta đã phân tích ở trên, nhưng điều đó không làm cho hai luận cứ này trở nên có sức thuyết phục hơn; trái lại, chúng là những luận cứ loại suy yếu. Điều khiến chúng trở nên yếu đó là vì số lượng các thực thể nguồn tham gia ở luận cứ thứ nhất và số lượng các tính chất tương đồng ở luận cứ thứ hai không có mối liên quan xác đáng nào với kết luận của luận cứ. Cụ thể là, tên gọi của một người không quy định tính cách của người ấy. Dù thực tế các cô gái được nêu ra trong tiền đề có đúng là "người hay hờn dỗi" chăng nữa thì điều đó cũng chẳng liên quan gì tới tính cách "hay hờn dỗi" của ông Đại. Ở trường hợp luận cứ thứ hai, cho dù giữa Lan và Huệ có nhiều điểm giống nhau về ngoại hình, tính cách và sở thích đi nữa thì điều đó không có cơ sở để khẳng định họ cùng yêu một loại người.

Chính vì lý do đó, khi xác định có bao nhiêu chứng cứ mà phép loại suy cung cấp để nâng đỡ kết luận, ta phải chú ý đến mối liên quan xác đáng (relevance) của loại suy. Chẳng hạn, xét luận cứ loại suy sau đây.

Người rất giống chuột. Cả hai đều là động vật có vú, và cả hai có chức năng sinh lý cơ bản giống nhau. Vì những con chuột nào dễ bị hút thuốc lá thụ động đều có nguy cơ bị ung thư cao, những con người nào dễ bị hút thuốc lá thụ động có nguy cơ bị ung thư cao.

Luận cứ này được trình bày ở dạng chuẩn như sau:

- (1) Người rất giống chuột ở chỗ là động vật có vú và có chức năng sinh lý cơ bản giống nhau.
 - (2) Chuột hút thuốc lá thụ động có nguy cơ bị ung thư cao.
-
- (3) Người hút thuốc lá thụ động cũng có nguy cơ bị ung thư cao.

Trong luận cứ này, hai đối tượng được so sánh với nhau là người và chuột. thực thể nguồn và thực thể đích giống với nhau như thế nào? Cả hai đều cùng có với nhau những tính chất tương đồng đó là cả hai đều là động vật có vú và cả hai đều có chức năng sinh lý cơ bản giống nhau. Các tính chất tương đồng giữa thực thể nguồn và thực thể đích có mối liên quan xác đáng với kết luận của luận cứ không? Chúng có liên quan. Ta có thể thấy mối liên quan này trong hoạt động thử nghiệm một loại thuốc mới. Trước khi thí nghiệm trên người, các nhà khoa học thử nghiệm trên chuột. Đây là một luận cứ loại suy tốt.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

III. Đối với mỗi cặp luận cứ loại suy sau đây, luận cứ nào mạnh hơn và luận cứ nào yếu hơn, và cho biết tại sao.

- 1.*
 - A. Tôi đã học lớp lịch sử tôn giáo của thầy X ở học kỳ trước và đạt điểm cao. Học kỳ tới thầy X có dạy lớp lịch sử triết học, nên tôi nghĩ tôi cũng sẽ đạt được điểm cao.
 - B. Tôi đã học lớp lịch sử tôn giáo và lịch sử nghệ thuật của thầy X ở học kỳ trước và đạt điểm cao. Học kỳ tới thầy X có dạy lớp triết học, nên tôi nghĩ tôi cũng sẽ đạt được điểm cao.
2.
 - A. MySpace và Facebook đều là các trang mạng xã hội cho phép người dùng gửi tin nhắn cho nhau. Vì Facebook miễn phí cho tất cả những người dùng, MySpace có lẽ cũng miễn phí cho tất cả những người dùng.
 - B. MySpace và Facebook đều là các trang mạng xã hội cho phép người dùng chia sẻ thông tin và hình ảnh cũng như gửi tin nhắn cho nhau. Vì Facebook miễn phí cho tất cả những người dùng, MySpace có lẽ cũng miễn phí cho tất cả những người dùng.
3.
 - A. Phương và Thành rất giống nhau, họ cùng chung độ tuổi, hay tập thể dục, giữ chế độ ăn uống lành mạnh và không có tiền sử gia đình mắc bệnh tim. Vì Phương có mức mức cholesterol lành mạnh, Thành cũng vậy.

- B. Phương và Thành cùng chung độ tuổi. Vì Phương có mức mức cholesterol lành mạnh, Thành cũng vậy.
- 4.* A. Tiến sĩ X đã không cho Minh vắng mặt có lý do để dự đám tang của bà mình. Lan sẽ phải nghỉ học để dự đám tang của di mình. Do đó, tiến sĩ X cũng không nên cho Lan vắng mặt có lý do.
- B. Tiến sĩ X đã không cho Minh vắng mặt có lý do để dự bữa tiệc sinh nhật của anh mình. Lan sẽ phải nghỉ học để dự đám tang của di mình. Do đó, tiến sĩ X cũng không nên cho Lan vắng mặt có lý do.
5. A. Chuẩn bị cho đợt thi cuối kỳ cần phải học nghiêm chỉnh và có kỹ năng. Chuẩn bị cho cuộc thi đấu vật cũng cần phải học nghiêm chỉnh và có kỹ năng. Vì các đô vật đạt kết quả tốt hơn nếu họ có được giấc ngủ ngon trước trận đấu, sinh viên thi cuối kỳ cũng có thể đạt kết quả tốt hơn nếu có được giấc ngủ ngon trước đó.
- B. Chuẩn bị cho đợt thi cuối kỳ cần phải học nghiêm chỉnh, có kỹ năng và có kỷ luật. Chuẩn bị cho cuộc thi đấu vật cũng cần phải học nghiêm chỉnh, có kỹ năng và có kỷ luật. Vì các đô vật đạt kết quả tốt hơn nếu họ có được giấc ngủ ngon trước trận đấu, sinh viên thi cuối kỳ cũng có thể đạt kết quả tốt hơn nếu có được giấc ngủ ngon trước đó.
6. A. Luật sư, bác sĩ, kỹ sư và giáo viên trung học đều có bằng cấp cao. Do đó giáo viên trung học kiếm được mức lương cao hơn nhiều so với mức trung bình, bởi lẽ các luật sư, bác sĩ và kỹ sư kiếm được mức lương cao hơn nhiều so với mức trung bình.
- B. Luật sư và giáo viên trung học đều có bằng cấp cao. Do đó giáo viên trung học kiếm được mức lương cao hơn nhiều so với mức trung bình, bởi lẽ các luật sư kiếm được mức lương cao hơn nhiều so với mức trung bình.
7. A. Dung và Ánh là đôi bạn chung lớp với nhau từ thời học sinh, cả hai đều thông minh, học giỏi, và yêu thích văn học. Ánh thích đọc các tác phẩm của Albert Camus. Có lẽ Dung cũng vậy.

B. Dung và Ánh là đôi bạn chung lớp với nhau từ thời học sinh, cả hai đều thông minh, học giỏi, yêu thích văn học và đọc chung với nhau nhiều cuốn tác phẩm tiểu thuyết. Ánh thích đọc các tác phẩm của Albert Camus. Có lẽ Dung cũng vậy.

8. A. Trong chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ đã không nêu rõ lý do vì sao họ chiến đấu ở đó, và Hoa Kỳ đã thua. Tương tự như vậy, trong cuộc chiến hiện tại, Hoa Kỳ đã không trình bày một lý do rõ ràng cho việc chiến đấu. Do đó, Hoa Kỳ cũng sẽ thua trong cuộc chiến này.

B. Trong chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ đã không nêu rõ lý do vì sao họ chiến đấu ở đó, không có chiến lược rút lui, và không có chiến thuật quân sự nhất quán. Hoa Kỳ đã thua trong cuộc chiến ở Việt Nam. Tương tự như vậy, trong cuộc chiến hiện tại, Hoa Kỳ đã không nêu rõ lý do vì sao họ chiến đấu ở đó, không có chiến lược rút lui, và không có chiến thuật quân sự nhất quán. Do đó, Hoa Kỳ cũng sẽ thua trong cuộc chiến này.

IV. Đối với các luận cứ sau đây, hãy xác định thực thể nguồn, thực thể đích và đặc điểm, và sau đó đánh giá chúng bằng cách kiểm các tiêu chí: các tính chất tương đồng giữa thực thể nguồn và thực thể đích, số lượng các thực thể nguồn và mối liên hệ xác đáng giữa những cái được so sánh với kết luận.

- 1.* Anh tôi đã thay dầu cho chiếc xe tay ga Vision của tôi, vì vậy anh ấy có thể thay dầu cho chiếc xe tay ga Spacy của bạn.
2. Long và Hoàng là đôi bạn thân, đều là những người chơi nhạc rất giỏi. Long có mái tóc dài trông rất giống nghệ sĩ. Chắc Hoàng cũng vậy.
3. Bơi lội cũng giống như bóng đá, muốn giỏi thì phải tập luyện nhiều. Bơi lội giỏi cần đôi tay dài và khỏe. Do đó, chơi bóng đá giỏi cũng phải cần đôi tay dài và khỏe.
4. Gia đình và xã hội là những nhóm xã hội mà các thành

viên của chúng có chung lợi ích với nhau. Gia đình có chung tài sản. Do đó, xã hội nên có chung tài sản.

- 5.* Cha tôi đã làm rất tốt việc cân đối ngân sách gia đình, vì vậy họ nên để ông cố gắng cân đối ngân sách thành phố.
6. Cần sa nên được hợp pháp hóa. Xét cho cùng, rượu cũng là một loại thuốc gây nghiện dùng để giải sầu và nó là hợp pháp.
7. Các bức tranh của Rembrandt đều có những gam màu tối và các gương mặt được chiếu sáng, do đó bức tranh gốc được treo trong phòng khách trường của tôi có lẽ là của Rembrandt vì nó có những gam màu tối và các gương mặt được chiếu sáng.
8. Tấn công nhà lán giềng, giết họ và cướp tài sản của họ là trái đạo đức. Chiến tranh cũng vậy, trong chiến tranh người ta tấn công quốc gia láng giềng, giết người và cướp bóc tài sản. Do đó, chiến tranh là trái đạo đức.
9. Nước lỏng đã được tìm thấy trên vệ tinh Europa, một trong những mặt trăng của Sao Mộc. Sự sống trên Trái đất đã bắt đầu từ nước. Do đó, có lẽ có những dạng sự sống sơ thủy trên vệ tinh Europa.
- 10.* Những con chó Briard con mang bệnh LCA có tám gen đột biến tác động tới thị lực và chúng được chữa trị khỏi bệnh mù bằng virus đã biến đổi gen. Trẻ em mắc bệnh LCA cũng có tám gen đột biến tác động tới thị lực. Do đó, trẻ em mắc bệnh LCA có thể sẽ được chữa khỏi bệnh mù bằng virus biến đổi gen.
11. Người trưởng thành có mã gen của loài *Homo sapiens* và có quyền sống. Các bào thai người cũng có mã gen của loài *Homo sapiens*. Do đó, các bào thai người có quyền sống.
12. Tôi không thấy có gì sai khi mua các bài tiểu luận từ các dịch vụ trên Internet để nộp cho thầy. Bạn thấy đấy, các chính khách ở các nước Anh, Mỹ cũng phải bỏ tiền ra trả cho người viết bài diễn văn cho họ mà, nhưng có ai phàn nàn về điều đó đâu.

13. Mua chiếc máy giặt ít tốn năng lượng sẽ tiết kiệm tiền cho bạn trong dài hạn. Đây là vì những chiếc máy giặt ít tốn năng lượng giống với những chiếc máy rửa chén ít tốn năng lượng, và những chiếc máy rửa chén ít tốn năng lượng tiết kiệm tiền cho người mua trong dài hạn.
14. Chuột là động vật có vú và có hệ thần kinh bao gồm một bộ não phát triển. Con người là động vật có vú sở hữu hệ thần kinh bao gồm bộ não phát triển. Khi tiếp xúc với chất độc thần kinh 274, 90% số chuột đã chết. Do đó, nếu tiếp xúc với chất độc thần kinh 274, 90% tổng số con người sẽ chết.
15. Chúng ta không nên đổ lỗi cho giới truyền thông là đã làm băng hoại các tiêu chuẩn đạo đức của xã hội. Các phóng viên báo chí cũng giống như các biên tập viên thời tiết khi đưa tin sự việc. Chúng ta có bao giờ đổ lỗi cho các biên tập viên thời tiết khi họ đưa tin về tình hình thời tiết xấu đâu.
16. Các đối tượng do con người tạo ra có đặc điểm là làm cho phương tiện phù hợp với mục đích và chúng có một nhà thiết kế. Các đối tượng tự nhiên có đặc điểm là làm cho phương tiện phù hợp với mục đích. Do đó, các đối tượng tự nhiên có một nhà thiết kế, đó là Thượng đế.
17. Trường Đại học TDMU ở Bình Dương rất giống trường Đại học CTU ở Cần Thơ. Cả hai đều là trường đại học công lập, nam nữ đều học chung, tọa lạc ở trung tâm thành phố và cả hai đều có khoảng 16.000 sinh viên. Vì 56% sinh viên tại Đại học TDMU là người ngoại tỉnh, nên Đại học CTU cũng có gần ấy sinh viên là người ngoại tỉnh.
18. Vào tháng 4 năm 2010, bang Arizona đã ban hành một dự thảo luật khắc nghiệt chưa từng có về nhập cư trái phép, biến việc không có hồ sơ nhập cư thành một tội phạm. Ta có thể kì vọng rằng New Mexico cũng sẽ nhanh chóng thông qua một luật giống như vậy. Xét cho cùng, New Mexico rất giống Arizona, vì vừa có số lượng người nhập cư lớn, vừa có đường biên giới với Mexico.

19. Những gì được giảng dạy trong trường này đều dựa trên mối quan tâm của người học. Xét cho cùng, việc mua tri thức cũng giống như mua bất cứ món hàng nào khác trong xã hội chúng ta. Giáo viên là người bán, học sinh là người mua. Người mua quyết định mua cái gì, cho nên học sinh nên quyết định họ muốn học cái gì.
20. Hai năm trước, dì tôi có triệu chứng giống như bạn. Bà ấy lúc nào cũng mệt mỏi, bị cứng khớp và cơ bắp, bị sưng hạch bạch huyết và tay chân thường xuyên bị tê, giống như những gì đã xảy ra với bạn. Hóa ra bà bị nhiễm khuẩn do ve gây ra và tôi cá rằng đó cũng là những gì bạn mắc phải.

Chương 7

LUẬN CỨ KHÁI QUÁT HÓA QUY NẠP

Trong chương 4, ở mục nói về các loại luận cứ quy nạp, chúng ta đã trình bày về những đặc điểm nhận biết luận cứ khái quát hóa quy nạp. Trong chương này, việc trình bày các thao tác nhận diện luận cứ này sẽ không cần thiết nữa, vì thế, ta sẽ bắt đầu với thao tác phân tích luận cứ. Tuy nhiên, trước khi đi vào phân tích, ta cũng nên lưu ý hai điểm. *Thứ nhất*, luận cứ khái quát hóa quy nạp kết luận rằng một số, hầu hết, hay tất cả phần tử của một nhóm có đặc điểm nào đó dựa trên chứng cứ là một bộ phận, hay mẫu, của nhóm ấy có đặc điểm này. *Thứ hai*, kết luận của luận cứ khái quát hóa quy nạp là một phán đoán khái quát. Phán đoán khái quát có hai dạng: phán đoán khái quát toàn bộ và phán đoán khái quát gần như toàn bộ.¹ Phán đoán khái quát toàn bộ mở đầu bằng từ "tất cả", hay những từ tương đương, chẳng hạn như: "Tất cả những con thiên nga đều màu trắng". Phán đoán khái quát gần như toàn bộ mở đầu bằng từ "phần lớn", hay những từ tương đương, ví dụ: "Phần lớn các con thiên nga đều màu trắng".

1. PHÂN TÍCH LUẬN CỨ KHÁI QUÁT HÓA QUY NẠP

Vì các khái quát hóa quy nạp là luận cứ lấy số lượng hạn chế người hay vật thuộc loại nào đó làm căn cứ để đưa ra một phán đoán khái quát về một nhóm với số lượng người hay vật nhiều hơn thuộc một loại nào đó, cho nên chúng thường có hình thức chung như sau:

Hình thức chung của luận cứ khái quát hóa toàn bộ:

(1) Một mẫu của quần thể X có đặc điểm F.

(2) Tất cả quần thể X có đặc điểm F

1. Xem Elliot D. Cohen. 2009. *Critical thinking unleashed*. Rowman & Littlefield Publishers, tr. 158; hay Rainbolt, G. và Dwyer, S. 2012. *Critical thinking: the art of argument*. Cengage, tr. 275.

Hình thức chung của luận cứ khái quát hóa gần như toàn bộ:

(1) Một mẫu của quần thể X có đặc điểm F.

(2) Phần lớn quần thể X có đặc điểm F.

Cả hai hình thức của luận cứ khái quát hóa quy nạp này cho thấy chúng có ba yếu tố cấu thành: mẫu của quần thể, gọi là thực thể mẫu, quần thể (ký hiệu là X) và đặc điểm của quần thể (ký hiệu là F). *Mẫu* của quần thể là một bộ phận của toàn bộ một tập hợp hay nhóm các thực thể được xem xét, luôn xuất hiện trong tiền đề. Quần thể là toàn bộ một tập hợp hay nhóm các thực thể do mẫu đại diện, vì kết luận của luận cứ đưa ra một nhận định về quần thể này nên nó được gọi là *thực thể đích*. Do đó, các thực thể mẫu là một bộ phận của thực thể đích. Lập luận của khái quát hóa đi từ đặc điểm nào đó của bộ phận một quần thể đến đặc điểm của một quần thể, nên đặc điểm xuất hiện trong cả tiền đề lẫn kết luận. Khi phân tích luận cứ loại suy ta phải nhận biết ba yếu tố cấu thành này của nó, bởi lẽ chúng có vai trò quan trọng trong việc đánh giá luận cứ.

Giờ ta thử tiến hành phân tích một số luận cứ để minh họa cho những điều nói trên. Trước hết, có luận cứ sau đây:

Hầu hết các nhân viên y tế mà tôi đã gặp đều kiệt sức trong công cuộc chống dịch Covid-19, do đó tôi nghĩ hầu hết các nhân viên y tế đều sẽ bị kiệt sức trong công cuộc chống dịch Covid-19 lần này.

Luận cứ này có dạng chuẩn như sau:

(1) Hầu hết các nhân viên y tế mà tôi đã gặp đều kiệt sức trong công cuộc chống dịch Covid-19.

(2) Hầu hết các nhân viên y tế đều sẽ bị kiệt sức trong công cuộc chống dịch Covid-19 lần này.

Cấu trúc dạng chuẩn của luận cứ cho thấy kết luận này là một phán đoán khái quát gần như toàn bộ, nên luận cứ này là một khái quát hóa gần như toàn bộ. Tiếp đến, ta nhận diện các yếu tố cấu thành của luận cứ. Trước hết đâu là thực thể mẫu và đâu là thực thể đích? Xét về mặt logic, mẫu là một bộ phận của một quần thể (thực thể đích), quần thể là một tập hợp nào đó có nhiều phần tử hơn tập hợp mẫu và bao chứa lấy mẫu. Trong trường hợp này "các nhân viên y tế" là tập hợp rộng lớn

hơn, có nhiều phần tử hơn "các nhân viên y tế tôi gặp", nên "các nhân viên y tế" là quần thể, còn "các nhân viên tôi gặp" là mẫu. Về cấu trúc trình bày luận cứ, thực thể mẫu (của quần thể) là cái xuất hiện trong tiền đề, thực thể đích (quần thể) là cái xuất hiện trong kết luận. Thế còn đặc điểm? Đặc điểm là cái giữ vai trò kết nối mối liên hệ logic giữa hai thực thể này, nên nó xuất hiện trong cả tiền đề lẫn trong kết luận.

Về thao tác phân tích, cách dễ nhất để nhận biết là ta xác định đặc điểm trước, bởi lẽ yếu tố này xuất hiện cả trong tiền đề lẫn trong kết luận, hai yếu tố còn lại, cái nào xuất hiện trong tiền đề là thực thể mẫu, trong kết luận là thực thể đích. Luận cứ trên cho thấy cụm từ "bị kiệt sức trong công cuộc chống dịch Covid-19" xuất hiện trong cả tiền đề lẫn kết luận nên nó là đặc điểm, cụm từ "các nhân viên y tế mà tôi đã gặp" xuất hiện trong phán đoán tiền đề nên nó là thực thể mẫu, còn cụm từ "các nhân viên y tế" xuất hiện trong phán đoán kết luận nên nó là thực thể đích. Ta có thể trình bày ba yếu tố cấu trúc của luận cứ khái quát hóa quy nạp như sau:

- Thực thể mẫu: *các nhân viên y tế mà tôi đã gặp*
- Thực thể đích: *các nhân viên y tế*
- Đặc điểm: *bị kiệt sức trong công cuộc chống dịch Covid-19*

Một ví dụ khác, có luận cứ sau:

Mọi con chó tôi thấy đều có bốn chân và sủa gâu gâu. Do đó, tôi nghĩ mọi con chó đều có bốn chân và sủa gâu gâu.

Dạng chuẩn của luận cứ này là:

- (1) Mọi con chó tôi thấy đều có bốn chân và sủa gâu gâu.
- (2) Mọi con chó đều có bốn chân và sủa gâu gâu.

Kết luận của luận cứ này là một phán đoán khái quát toàn bộ, vì thế đây là luận cứ khái quát hóa toàn bộ. Thao tác nhận biết và cô lập các yếu tố cấu thành của luận cứ này ta cũng tiến hành tương tự như luận cứ trước: xác định đặc điểm trước rồi từ xác định hai thực thể mẫu và đích sau. Các yếu tố cấu thành của luận cứ này sẽ là:

- Thực thể mẫu: *mọi con chó tôi thấy*
- Thực thể đích: *mọi con chó*
- Đặc điểm: *có bốn chân và sủa gâu gâu*

Không phải luận cứ khái quát hóa quy nạp nào cũng trình bày theo hai hình thức như trên. Chúng có thể được trình bày theo những dạng khác. Tuy nhiên cho dù là trình bày theo dạng nào, các luận cứ khái quát hóa đều có chung với nhau ba yếu tố cấu thành: thực thể mẫu, thực thể đích và đặc điểm. Nhiệm vụ phân tích của chúng ta là nhận biết và tách biệt ba yếu tố này ra để xem xét và đánh giá luận cứ. Ví dụ, ta có thể bắt gặp một luận cứ như sau:

Chiếc ghế trong phòng khách màu đỏ. Chiếc ghế trong phòng ăn màu đỏ. Chiếc ghế trong phòng ngủ màu đỏ. Tất cả những chiếc ghế trong nhà đều có màu đỏ.

Cách lập luận của luận cứ này tiến hành bằng cách liệt kê từng cái ghế có đặc điểm màu đỏ để rồi đi đến khái quát rằng mọi cái ghế đều có đặc điểm màu đỏ. Luận cứ này có dạng sau:

- (1) Chiếc ghế trong phòng khách có màu đỏ.
- (2) Chiếc ghế trong phòng ăn có màu đỏ.
- (3) Chiếc ghế trong phòng ngủ có màu đỏ.
- (4) Tất cả những chiếc ghế trong nhà đều có màu đỏ.

Ta dễ dàng nhận thấy, luận cứ này do ba yếu tố sau cấu thành:

- Thực thể mẫu: *cái ghế trong phòng khách, cái ghế trong phòng ăn, cái ghế trong phòng ngủ*
- Thực thể đích: *tất cả các chiếc ghế trong nhà*
- Đặc điểm: *có màu đỏ*

Bây giờ, ta xét một luận cứ khác:

Quan điểm cho rằng kỹ năng nhận thức tốt là do sinh ra họ đã có chúng rồi. Tôi không đồng tình. Bạn thấy đó, các kỹ năng nhận thức tốt cần có để lập trình máy tính, chơi nhạc, và chơi cờ chỉ có thể có được sau quá trình tập luyện siêng năng và bài bản. Mọi kỹ năng nhận thức tốt tất chỉ có được bằng cách ấy mà thôi.

Luận cứ này thuyết phục ta tin rằng mọi kỹ năng nhận thức tốt là do luyện tập siêng năng và bài bản mà có chứ không phải là bẩm sinh, cho nên câu cuối của đoạn văn là phán đoán kết luận. Tác giả đoạn văn cung cấp cho ta chứng cứ là các kỹ năng nhận thức tốt của hoạt động lập trình, chơi đàn và chơi cờ do tập luyện siêng năng và có bài

bản mà có. Chức năng của câu thứ nhất là dẫn vào luận cứ bằng cách đưa ra một quan điểm mà tác giả muốn bác bỏ. Nó có thể là kết luận của một luận cứ khác, nhưng đó là luận cứ mà tác giả đoạn văn này muốn đưa ra luận cứ của mình để bác bỏ. Vì thế nó không tham gia cấu tạo nên luận cứ của chính tác giả. Câu thứ hai tác giả biểu thị ý muốn bác bỏ quan điểm trong câu thứ nhất, chứ không tham gia cấu tạo luận cứ. Như vậy, để làm nổi bật được cấu trúc luận cứ của tác giả, ta loại hai câu đầu tiên này ra khỏi luận cứ. Các câu còn lại cấu tạo nên luận cứ sẽ là:

Các kĩ năng nhận thức tốt cần có để lập trình máy tính, chơi nhạc, và chơi cờ chỉ có thể có được sau quá trình tập luyện siêng năng và bài bản. Mọi kĩ năng nhận thức tốt tất chỉ có được bằng cách ấy mà thôi.

Luận cứ trong đoạn văn này có thể được trình bày ở dạng như sau:

- (1) Các kĩ năng nhận thức tốt cần có để lập trình máy tính, chơi nhạc, và chơi cờ có được từ quá trình tập luyện siêng năng và bài bản.
- (2) Mọi kĩ năng nhận thức tốt có được từ quá trình tập luyện siêng năng và bài bản.

Giờ ta thử phân tích một ví dụ cuối cùng, một dạng luận cứ thường thấy trong các báo cáo khoa học.

Kết quả khảo sát ý kiến qua công cụ U-Report do UNICEF thực hiện cho thấy nhiều thanh thiếu niên ở 30 quốc gia từng là nạn nhân bị bắt nạt trên mạng. Trong tổng số 170.000 người được khảo sát ý kiến, 32% trả lời rằng họ từng là nạn nhân bị bắt nạt trên mạng. Các chính phủ nên quan tâm tới ý kiến trên để có biện pháp giải quyết vấn nạn này.¹

Trước hết ta xác định xem tác giả của luận cứ này muốn thuyết phục ta tin điều gì là đúng và đâu là những lý do nâng đỡ cho kết luận này. Luận cứ đưa ra nhận định rằng "nhiều thanh thiếu niên trên mạng

1. Nguồn: <https://www.unicef.org/vietnam/vi/thông-cáo-báo-ch%C3%AD/kết-quả-khảo-sát-ý-kiến-của-unicef-hơn-một-phần-ba-thanh-thiếu-niên-ở-30-quốc-gia>. Truy cập ngày 12-06-2021.

từng là nạn nhân bị bắt nạt trên mạng", và căn cứ để tác giả đưa ra nhận định này là kết quả khảo sát ý kiến của UNICEF về vấn đề này, kết quả cho thấy nhiều thanh thiếu niên được khảo sát từng là nạn nhân bị bắt nạt trên mạng. Để cấu trúc lập luận này trở nên nổi bật, tất cả những câu chữ không tham gia cấu tạo luận cứ ta đều phải loại ra khỏi đoạn văn. Câu cuối của đoạn văn không tham gia làm lý do nâng đỡ cho kết luận cũng không được các phán đoán khác làm lý do nâng đỡ. Nó chỉ là một khuyến nghị tác giả thêm vào, do đó ta loại ra khỏi đoạn văn. Đoạn văn luận cứ chỉ còn lại các câu sau đây:

Kết quả khảo sát ý kiến qua công cụ U-Report do UNICEF thực hiện cho thấy một phần ba thanh thiếu niên ở 30 quốc gia từng là nạn nhân bị bắt nạt trên mạng. Trong tổng số 170.000 người được khảo sát ý kiến, 32% trả lời rằng họ từng là nạn nhân bị bắt nạt trên mạng.

Dạng chuẩn của luận cứ này có thể được trình bày như sau:

- (1) 32% trong tổng số 170.000 thanh thiếu niên ở 30 quốc gia trả lời ý kiến khảo sát của UNICEF rằng họ từng là nạn nhân bị bắt nạt trên mạng.

- (2) Nhiều thanh thiếu niên từng là nạn nhân bị bắt nạt trên mạng.¹

Luận cứ này cho thấy có ba yếu tố cấu thành nên nó là:

- Thực thể mẫu: *170.000 thanh thiếu niên trả lời ý kiến khảo sát*
- Thực thể đích: *nhiều thanh thiếu niên*
- Đặc điểm: *từng là nạn nhân bị bắt nạt trên mạng*

¹ Các luận cứ khái quát hóa quy nạp thuộc dạng này thường được gọi là luận cứ *luận cứ thống kê* (statistical arguments) hay *suy luận thống kê* (statistical inferences). Xem: Rainbolt, G. và Dwyer, S. 2012. *Critical thinking: the art of argument*. Boston: Wadsworth Cengage Learning, tr. 275-9.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Hãy chuẩn hóa các luận cứ khái quát hóa quy nạp sau đây rồi xác định các yếu tố cấu thành của chúng: thực thể mẫu, thực thể đích và đặc điểm.

- 1.* Tất cả những con mèo mà tôi đã thấy đều kêu meo meo.
Vì vậy, mọi con mèo đều kêu meo meo.
2. Tôi đã từng thấy nhiều người có nếp gấp trên dải tai hay bị đau tim, cho nên tôi nghĩ bất cứ ai có nếp gấp trên dải tai đều dễ bị đau tim.
3. Trong mười năm qua, năm nào học phí của sinh viên cũng tăng. Năm tới thế nào học phí cũng sẽ tăng.
4. Tất cả trẻ em ở trung tâm giữ trẻ này đều thích chơi Lego. Do đó, mọi trẻ em đều thích chơi Lego.
5. Karl Marx, Jean-Paul Sartre, Simone de Beauvoir, và Hannah Arendt là những triết gia có óc phản biện xã hội sắc sảo và tư duy độc đáo. Vì thế, có thể hợp lý khi ta khẳng định rằng nhiều triết gia đều có óc phản biện sắc sảo và tư duy độc đáo.
6. Vì 95% người thuận tay trái mà tôi đã thấy trên khắp thế giới sử dụng kéo bằng tay trái, nên 95% người thuận tay trái trên thế giới sử dụng kéo bằng tay trái.
7. Tất cả những con cá voi lưng đen là động vật có vú, cho nên cá voi là động vật có vú.
- 8.* Đa số các tác phẩm điện ảnh của đạo diễn Trần Anh Hùng được đánh giá cao, do vậy tác phẩm điện ảnh sắp ra mắt của ông ấy cũng sẽ được đánh giá cao.
9. Mọi hình thức sự sống của sinh vật mà chúng ta biết đều phụ thuộc vào sự tồn tại của nước. Do đó, nếu chúng ta phát hiện ra hình thức sự sống mới của sinh vật thì rất có khả năng hình thức ấy phụ thuộc vào sự tồn tại của nước.
10. Không có người bác sĩ nào hút thuốc khi họ đang khám bệnh cho tôi, do đó tôi nghĩ có lẽ các bác sĩ sẽ không hút thuốc mỗi khi họ khám bệnh cho bệnh nhân.

11. Lan luôn rời khỏi nhà để đi làm vào lúc 6 giờ sáng. Cô ấy luôn có mặt tại cơ quan đúng giờ. Giả thử nếu hôm nay rời khỏi nhà để đi làm vào lúc 6 giờ sáng, cô ấy sẽ có mặt tại cơ quan đúng giờ.
12. Mỗi năm, cứ vào tháng Mười, người dân quê tôi đều hứng chịu ít nhất một cơn bão. Sắp tới là tháng Mười, người dân quê tôi chắc sẽ hứng chịu ít nhất là một cơn bão.
13. Theo bản báo cáo của *Phongcach.com.vn*, mẫu áo thun ngắn tay là sản phẩm được các bạn trẻ ưa thích nhất. Cuộc khảo sát online của công ty này tiến hành ý kiến của hơn 2000 khách hàng, 73% trong số người trả lời nói rằng họ thích mẫu áo thun ngắn tay.
14. Hổ đẻ con. Mèo đẻ con. Ngựa đẻ con. Bò đẻ con. Chuột đẻ con. Hổ, mèo, ngựa, bò, chuột đều nuôi con bằng sữa. Vậy tất cả các động vật nuôi con bằng sữa đều đẻ con.
15. Cầu Mỹ Thuận được các kỹ sư giỏi kiểm tra độ an toàn thường xuyên. Xe cộ chạy qua lại trên cầu này nhiều năm rồi. Do đó, nó sẽ an toàn nếu ngày mai ta chạy xe qua đó.
- 16.* Một mẫu ngẫu nhiên gồm 800 sinh viên các trường đại học được khảo sát trước khi cuộc thi Robotcon 2021 vòng chung kết diễn ra, người ta thấy rằng 57% sinh viên tin rằng đội Alpha của trường HKU sẽ thắng, 43% tin rằng đội Delta của trường PKVU sẽ thắng. Do đó, đội Alpha đến từ trường HKU sẽ lên ngôi vô địch trong cuộc thi này.
17. Tất cả những con diệc xanh mà chúng tôi đã kiểm tra tại nhiều địa điểm khác nhau trong khu bảo tồn thiên nhiên (khoảng hai trăm con) đều bị dị tật bẩm sinh. Do đó, hầu hết các diệc xanh trong tự nhiên được bảo tồn có thể bị dị tật bẩm sinh.
18. Hai trăm mẫu nước được lấy từ nhiều địa điểm dọc theo sông Trà cho thấy nồng độ hóa chất độc hại không an toàn. Rõ ràng là nước ở sông Trà không an toàn.
19. Mọi bộ xương khủng long được phát hiện cho tới nay có

tuổi đời ít nhất là 50 triệu năm. Do đó, có lẽ bộ xương khủng long được phát hiện sau này cũng có tuổi đời ít nhất là 50 triệu năm.

20. Tôi đã xem ít nhất mười bộ phim của Disney và không một bộ phim nào có cảnh bạo lực. Rõ ràng Disney không làm phim bạo lực.
21. Bạn nên mua một con laptop MacBook. Cái gì thì không biết chứ Macbook thì khỏi chê. Tôi đã mua một chiếc vào năm ngoái, và nó không mang lại gì cho tôi ngoài hiệu suất hoàn hảo.
22. Một cuộc thăm dò ngẫu nhiên của Viện SocialLife đối với các sinh viên khối ngành Khoa học xã hội trường VHU cho thấy 45% trong số họ đều quan tâm tới các khóa học về kỹ năng nghiên cứu khoa học xã hội do Viện tổ chức. Do đó, ta có thể thấy nhiều sinh viên đang quan tâm tới các khóa học này.
23. Tỉnh Quảng Ngãi là vùng khô cằn đang cố thiết lập một cơ sở kinh tế ổn định để thúc đẩy sự tăng trưởng trong tương lai. Biện pháp hạn chế mở rộng đô thị ở đây giúp Quảng Ngãi trở thành một địa điểm hấp dẫn hơn đối với nhà đầu tư kinh doanh. Cho nên các biện pháp hạn chế mở rộng đô thị có lẽ sẽ có những kết quả giống như vậy đối với bất cứ cộng đồng lớn nào ở khu vực miền Trung cằn cỗi.
24. Với tư cách là một phần của nhóm dự án, tôi đã khảo sát các chủ doanh nghiệp của nhiều công ty khác nhau để xem liệu họ có cần thuê thêm nhân công trong năm tới không. Trong số 63 chủ doanh nghiệp, 28 người nói họ không có kế hoạch tăng cường lực lượng lao động, 19 người nói rằng họ không chắc, và 16 người có kế hoạch tuyển thêm người làm. Vì thế, đa số các chủ doanh nghiệp địa phương có lẽ sẽ không thuê thêm nhân công trong năm tới.

3. ĐÁNH GIÁ LUẬN CỨ KHÁI QUÁT HÓA QUY NẠP

Cũng giống như các luận cứ quy nạp khác, khái quát hóa quy nạp không phải là các luận cứ hợp lệ hay không hợp lệ, mà là các luận cứ *mạnh* hay *yếu*. Mức độ mạnh hay yếu của luận cứ biến thiên từ mức rất yếu cho đến rất mạnh. Đánh giá luận cứ khái quát hóa quy nạp, chúng ta có thể căn cứ hai tiêu chí cơ bản: kích cỡ mẫu và tính ngẫu nhiên của mẫu.

3.1. Đánh giá kích cỡ mẫu

Để một luận cứ khái quát hóa quy nạp trở nên mạnh, kích cỡ của mẫu quan sát phải đủ để biện minh cho kết luận khi phán đoán kết luận phát biểu về toàn bộ quần thể mà mẫu đó đại diện. Chữ "kích cỡ" ở đây biểu thị số lượng các thực thể mẫu tham gia nâng đỡ cho kết luận. Trên thực tế, ta khó để nói số lượng mẫu bao nhiêu là đủ, nhưng như một nguyên tắc, mẫu càng lớn thì luận cứ càng mạnh, nghĩa là kết luận càng đáng tin cậy hơn. Nếu kích cỡ mẫu nhỏ thì kết luận khó lòng thuyết phục được người khác, và đặc biệt khi kích cỡ mẫu quá nhỏ, tức số lượng thực thể mẫu quá ít, thì ta sẽ phạm vào *nguy biện khái quát hóa vội vã*. Ví dụ luận cứ dưới đây là một nguy biện khái quát hóa vội vã:

Ông giáo sư X trường UTOU đã gian lận trong kết quả nghiên cứu của mình. Do đó, tôi chẳng dám tin vào tính liêm chính học thuật của các vị giáo sư của trường này nữa.

Dạng chuẩn của luận cứ này có thể được trình bày như sau:

- (1) Ông giáo sư X trường UTOU đã gian lận trong kết quả nghiên cứu của ông ấy.

- (2) Tất cả các vị giáo sư của trường UTOU có thể đã gian lận trong kết quả nghiên cứu của họ.

Sở dĩ đây là một nguy biện vì tác giả luận cứ chỉ căn cứ vào *một trường hợp* hay *một thực thể* là ông giáo sư X của trường UTOU đã gian dối trong học thuật, để rồi từ đó khái quát toàn bộ các vị giáo sư của trường ấy cũng giống như vậy. Thực thể mẫu chỉ có một trường hợp được nêu ra làm lý do là quá nhỏ, không cho phép ta đi đến bất cứ nhận định nào về toàn bộ quần thể có chứa mẫu ấy.

Mặt khác, tuy nguyên tắc phát biểu mẫu càng lớn càng tốt, nhưng số lượng mẫu không thể ngang bằng với số lượng thực thể trong toàn bộ quần thể được, vì như thế thì mẫu sẽ đồng nhất với quần thể, nghĩa là phán đoán tiền đề với phán đoán kết luận sẽ là cùng một phán đoán. Vì thế trong khái quát hóa quy nạp thực thể mẫu luôn có kích cỡ nhỏ hơn thực thể đích (toàn bộ quần thể).

Ta có thể quan sát các cặp luận cứ khái quát hóa quy nạp để thấy được cách đánh giá kích cỡ mẫu. Chẳng hạn, cặp luận cứ sau đây.

Luận cứ thứ nhất:

Tôi đã ăn thử ba cái bánh mỳ của tiệm bánh K. Berkery, và cả ba cái bánh ấy đều có vị ngon, cho nên tôi nghĩ hầu hết bánh của tiệm bánh này chắc chắn là ngon.

Luận cứ này có dạng chuẩn như sau:

(1) Ba cái bánh mỳ của tiệm K. Berkery đều ngon.

(2) Hầu hết những cái bánh của tiệm này đều ngon.

Luận cứ này có ba yếu tố cấu thành:

- Thực thể mẫu: *ba cái bánh mỳ của tiệm K. Berkery*
- Thực thể đích: *tất cả các cái bánh của tiệm K. Berkery*
- Đặc điểm: *ngon*

Luận cứ thứ hai:

Tôi đã ăn khoảng hơn chục cái bánh mỳ của tiệm bánh K. Berkery, và tất cả chúng đều có vị ngon, cho nên tôi nghĩ hầu hết bánh của tiệm bánh này chắc chắn là ngon.

Luận cứ này có thể được trình bày ở dạng chuẩn như sau:

(1) Hơn chục cái bánh mỳ của tiệm K. Berkery có vị ngon.

(2) Hầu hết bánh của tiệm bánh này chắc chắn là ngon.

Các yếu tố cấu thành của luận cứ này là:

- Thực thể mẫu: *hơn chục cái bánh mỳ của tiệm K. Berkery*
- Thực thể đích: *tất cả các cái bánh của tiệm K. Berkery*
- Đặc điểm: *ngon*

So sánh hai luận cứ này ta thấy gì? Hai luận cứ này có cùng một thực thể đích (tất cả các cái bánh của tiệm K. Berkery) và cùng đặc

điểm (ngon), nhưng chúng khác nhau về kích cỡ mẫu. Luận cứ thứ nhất chỉ có ba thực thể mẫu trong khi đó luận cứ thứ hai chứa đến hơn chục thực thể mẫu. Điều đó có nghĩa kích cỡ mẫu của luận cứ thứ hai lớn hơn kích cỡ mẫu của luận cứ thứ nhất, vì thế luận cứ thứ hai có cấu trúc logic mạnh hơn luận cứ thứ nhất.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

II. Với mỗi cặp cặp luận cứ khái quát hóa quy nạp sau đây, xác định xem luận cứ nào mạnh hơn, và cho biết tại sao.

- 1.*
 - A. Phòng trọ này không có muỗi, không có chuột cũng, không có gián cũng như không có kiến. Chắc chắn các phòng trọ trong khu vực này không có muỗi, chuột và gián.
 - B. Một phòng trọ quanh đây không có muỗi, không có chuột, không có gián. Chắc chắn các phòng trọ trong khu vực này không có muỗi, chuột và gián.
2.
 - A. Thống kê cho thấy 86% những người được tiêm ngừa cúm không bị cúm. Tháng trước, Minh đã đi tiêm ngừa cúm. Do đó, cậu ấy sẽ không bị cúm, cho dù hiện tại đang có dịch cúm.
 - B. Thống kê cho thấy 89% những người được tiêm ngừa cúm không bị cúm. Tháng trước, Minh đã đi tiêm ngừa cúm. Do đó, cậu ấy sẽ không bị cúm, cho dù hiện tại đang có dịch cúm.
3.
 - A. Tôi đã đi chơi tại Công viên văn hóa Đầm Sen, Công viên Suối tiên, Công viên Sun World Danang Wonders, Công viên Sun World Ha Long Park. Ở những nơi này, người ta thích chơi tàu lượn. Cho nên tôi nghĩ ở Công viên Asia Park, người ta thích chơi tàu lượn.
 - B. Tôi đã đi chơi tại Công viên văn hóa Đầm Sen và Công viên Suối tiên. Ở hai chỗ này, người ta thích chơi tàu lượn. Cho nên tôi nghĩ ở Công viên Asia Park, người ta thích chơi tàu lượn.

- 4.* A. Các mẫu nước được lấy từ 230 địa điểm dọc theo sông Trà cho thấy nồng độ hóa chất độc hại không an toàn. Rõ ràng là nước ở sông Trà không an toàn.
- B. Các mẫu nước được lấy từ 153 địa điểm dọc theo sông Trà cho thấy nồng độ hóa chất độc hại không an toàn. Rõ ràng là nước ở sông Trà không an toàn.
5. A. Những ai có trình độ chuyên môn cao đều có mức lương cao hơn nhiều so với mức lương trung bình. Đây là vì các luật sư, bác sĩ và các giảng viên đại học đều có bằng cấp cao, và tất cả họ đều có mức lương cao hơn mức lương trung bình rất nhiều.
- B. Những ai có trình độ chuyên môn cao đều có mức lương cao hơn nhiều so với mức lương trung bình. Đây là vì các luật sư và các giảng viên đại học đều có bằng cấp cao, và tất cả họ đều có mức lương cao hơn mức lương trung bình rất nhiều.
6. A. Mỗi năm, cứ vào tháng Mười, người dân quê tôi đều hứng chịu ít nhất một cơn bão. Sắp tới là tháng Mười, người dân quê tôi chắc sẽ hứng chịu ít nhất là một cơn bão.
- B. Mấy năm vừa rồi, cứ vào tháng Mười, người dân quê tôi đều hứng chịu ít nhất một cơn bão. Sắp tới là tháng Mười, người dân quê tôi chắc sẽ hứng chịu ít nhất là một cơn bão.
7. A. Những nỗ lực của các cường quốc châu Âu nhằm đạt được sự kiểm soát vũ khí, ở đầu những năm 1900, sau đó đầu những năm 1920, và thêm hai lần nữa ở những năm 1930 và 1940, đã không thành công. Cho nên các cuộc đàm phán kiểm soát vũ khí giữa Mỹ và các quốc gia khác hiện nay có lẽ cũng không thành công.
- B. Những nỗ lực của các cường quốc châu Âu nhằm đạt được sự kiểm soát vũ khí, ở đầu những năm 1900, sau đó đầu những năm 1920, và thêm lần nữa ở những năm 1940, đã không thành công. Cho nên các cuộc đàm phán kiểm soát vũ khí giữa Mỹ và các quốc gia khác hiện nay có lẽ cũng không thành công.

- 8.* A. Nhà hàng này quá tệ. Thức ăn thì quá mặn. Bánh thì quá khô. Khâu phục vụ thì quá tồi. Không gian lại quá chật hẹp, lại quá nhiều muối. Tôi sẽ không bao giờ trở lại nhà hàng này thêm lần nào nữa.
- B. Nhà hàng này quá tệ. Thức ăn thì quá mặn. Khâu phục vụ thì quá tồi. Không gian lại quá chật hẹp. Chỉ được cái là anh giữ xe dễ thương, nhưng tôi sẽ không bao giờ trở lại nhà hàng này thêm lần nào nữa.
9. A. Tất cả những ai dùng yêu thuật mà người ta biết tới giờ đều là người đàn bà góa bụa, cho nên những người dùng yêu thuật đều là người đàn bà góa bụa.
- B. Hầu hết những ai dùng yêu thuật mà người ta biết tới giờ đều là người đàn bà góa bụa, cho nên những người dùng yêu thuật đều là người đàn bà góa bụa.
10. A. Đại đa số sinh viên thường ăn cơm ở các quán ăn đều cho rằng đồ ăn khá ngon. Một nhóm nghiên cứu sinh ngành xã hội học đã khảo sát hơn 100 sinh viên ăn ít nhất một bữa mỗi ngày trong các quán ăn và 65% trong số họ không có phản nản về chất lượng của thực phẩm.
- B. Đại đa số sinh viên thường ăn cơm ở các quán ăn đều cho rằng đồ ăn khá ngon. Một nhóm nghiên cứu sinh ngành xã hội học đã khảo sát 70 sinh viên ăn ít nhất một bữa mỗi ngày trong các quán ăn và 65% trong số họ không có phản nản về chất lượng của thực phẩm.

3.2. Đánh giá tính ngẫu nhiên của mẫu

Tiêu chí cơ bản thứ hai để đánh giá luận cứ khái quát hóa quy nạp là tính đại diện của mẫu. Mẫu phải có tính đại diện cho quần thể được nghiên cứu. Chẳng hạn, nếu ta muốn đưa ra một kết luận khái quát về thái độ của sinh viên của một trường đại học nào đó đối với vấn đề rượu bia thì các sinh viên được chọn đưa vào mẫu phải đại diện cho quần thể là tất cả các sinh viên của bốn niên khóa, từ sinh viên năm nhất cho tới sinh viên năm cuối. Nếu như ta chỉ chọn các đối tượng nghiên cứu là sinh viên năm thứ ba thì mẫu sẽ thiếu tính đại diện, nghĩa là sẽ bị thiên lệch, và do đó luận cứ sẽ yếu. Nếu nó đại

diện đầy đủ các thành phần khác nhau của quần thể thì luận cứ sẽ mạnh. Tính đại diện của mẫu là vấn đề mức độ, cho nên mẫu càng mang tính đại diện, tức phản ánh càng chính xác các đặc điểm của quần thể, thì luận cứ sẽ càng mạnh, ngược lại thì càng yếu.

Để đảm bảo tính đại diện của mẫu, các thực thể ta chọn đưa vào mẫu nên được lựa chọn một cách ngẫu nhiên. Mẫu ngẫu nhiên là mẫu trong đó mọi phần tử của đối tượng đích có cơ hội như nhau trong mẫu. Chẳng hạn, để khảo sát xem khả năng có bao nhiêu tân sinh viên muốn học môn Tư duy khởi nghiệp mới mở của trường, ta có thể phỏng vấn các đối tượng là người thứ bảy trong mỗi lượt chọn khi họ đến đăng ký các môn học vào ngày thứ Hai đầu học kỳ. Đương nhiên, khi chọn mẫu ngẫu nhiên, có nhiều cách khác nhau, có cách hiệu quả nhưng cũng có cách kém hiệu quả, chúng ta nên cố gắng chọn sao cho mẫu càng giống với quần thể càng tốt, nghĩa là phải đảm bảo được rằng bản thân mẫu phải phản ánh được tính đa dạng của quần thể. Mọi sự loại trừ một bộ phận nào đó của quần thể khi chọn mẫu thì mẫu được chọn ấy sẽ được coi là không ngẫu nhiên. Ví dụ, để biết xem có bao nhiêu sinh viên của một trường học thích đọc sách, nếu ta chỉ chọn nhóm sinh viên đang đọc sách ở thư viện, và loại trừ nhóm sinh viên đang chơi thể thao trong khu thể thao thì mẫu ta chọn sẽ là không ngẫu nhiên.

So sánh các cặp luận cứ cùng một nội dung với nhau nhưng khác nhau về mức độ đại diện của mẫu là cách tốt nhất để ta biết được luận cứ nào mạnh hơn và luận cứ nào yếu hơn dựa trên tiêu chí tính ngẫu nhiên của mẫu.

Xét luận cứ thứ nhất.

Loan đã khảo sát 130 sinh viên trường Đại học HKU được chọn ngẫu nhiên từ mã số sinh viên của họ. Kết quả cho thấy khoảng ba phần tư trong số họ trả lời rằng họ thích đọc sách. Lan kết luận phần lớn sinh viên của trường này thích đọc sách.

Luận cứ này có thể được trình bày ở dạng chuẩn như sau:

- (1) Khoảng ba phần tư trong số 130 sinh viên trường Đại học HKU được chọn ngẫu nhiên từ mã số sinh viên của họ cho biết họ thích đọc sách.
- (2) Phần lớn sinh viên của trường Đại học HKU thích đọc sách.

Luận cứ này có các yếu tố cấu thành như sau:

- Thực thể mẫu: *130 sinh viên trường Đại học HKU được chọn ngẫu nhiên từ mã số sinh viên của họ.*
- Thực thể đích: *tất cả sinh viên trường Đại học HKU*
- Đặc điểm: *thích đọc sách*

Giờ xét luận cứ thứ hai.

Loan đã khảo sát 130 sinh viên trường Đại học HKU được chọn từ thư viện, câu lạc bộ sách, trong vườn học tập. Kết quả cho thấy khoảng ba phần tư trong số họ trả lời rằng họ thích đọc sách. Lan kết luận rằng phần lớn sinh viên trường này thích đọc sách.

Luận cứ này có thể được chuẩn hóa theo dạng sau:

- (1) Khoảng ba phần tư trong số 130 sinh viên trường Đại học HKU được chọn từ thư viện, câu lạc bộ sách, trong vườn học tập trả lời rằng họ thích đọc sách.
- (2) Phần lớn sinh viên của trường Đại học HKU thích đọc sách.

Ba yếu tố cấu thành của luận cứ này là:

- Thực thể mẫu: *ba phần tư trong số 130 sinh viên trường Đại học HKU được chọn từ thư viện, câu lạc bộ sách, trong vườn học tập*
- Thực thể đích: *tất cả sinh viên trường Đại học HKU*
- Đặc điểm: *thích đọc sách*

Cả hai luận cứ này có cùng một thực thể đích ("tất cả sinh viên trường Đại học HKU"), cùng một đặc điểm ("thích đọc sách"), có cùng số lượng sinh viên như nhau được chọn vào mẫu, và cùng một kết luận như nhau. Sự khác nhau nằm ở chỗ cách thức mẫu được chọn. Trong luận cứ thứ nhất, các sinh viên được chọn đại diện cho nhiều nhóm sinh viên khác trong trường, cho nên nó là ngẫu nhiên, nhưng trong luận cứ thứ hai, các sinh viên được chọn từ những khu vực mà khả năng sinh viên thích đọc sách thường lui tới, và do đó đã loại bỏ nhiều phần tử là sinh viên không thích đọc sách ra khỏi mẫu, vì thế mẫu thiên lệch. Vì mẫu được chọn theo cách ngẫu nhiên nên nó mang tính đại diện cho quần thể (thực thể đích của luận cứ), do đó luận cứ thứ nhất là một luận cứ khái quát hóa mạnh. Còn luận cứ thứ hai, do mẫu thiên lệch nên nó là một luận cứ yếu.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

III. Với mỗi cặp luận cứ khái quát hóa quy nạp sau đây, xác định xem luận cứ nào mạnh hơn, và cho biết tại sao.

- 1.*
 - A. Một mẫu ngẫu nhiên gồm 35 ca sĩ nổi tiếng của phương Tây, gồm cả Garth Brooks và Dolly Parton, tiết lộ ra một điều rằng tất cả họ đều học âm nhạc ở Afghanistan. Do đó, có lẽ phần lớn các ca sĩ nổi tiếng của phương Tây đã học nhạc ở Afghanistan.
 - B. Một mẫu gồm 35 ca sĩ nổi tiếng của phương Tây, gồm cả Garth Brooks và Dolly Parton, tiết lộ ra một điều rằng tất cả họ đều học âm nhạc ở Afghanistan. Do đó, có lẽ phần lớn các ca sĩ nổi tiếng của phương Tây đã học nhạc ở Afghanistan.
2.
 - A. Để xác định nhiệt độ của nước ở hồ, tôi đặt một nhiệt kế vào mặt nước 12 cm trên cùng và thấy nhiệt độ là 80°F . Vì vậy, nước trong hồ có thể là khoảng 72°F .
 - B. Để xác định nhiệt độ nước tại hồ, tôi ghi lại nhiệt độ của lớp nước 1 mét trên cùng, một lần nữa ở độ sâu 3 mét, và một lần nữa ở độ sâu 4 mét. Nhiệt độ trung bình là 47°F . Do đó, nước trong hồ có thể là khoảng 47°F .
3.
 - A. Sinh viên đại học vui mừng vì Quốc hội do đảng Cộng hòa chiếm đa số. Các cuộc khảo sát về thành viên của các câu lạc bộ trên hàng chục trường đại học đã chứng minh điều này.
 - B. Sinh viên đại học vui mừng vì Quốc hội do đảng Cộng hòa chiếm đa số. Các cuộc khảo sát về thành viên của các câu lạc bộ Cộng hòa trẻ trên hàng chục trường đại học đã chứng minh điều này.
4.
 - A. Thực hiện cuộc khảo sát về khả năng thành công trong học tập của học sinh tiểu học, tôi đã chọn 600 đứa trẻ từ các quận trong thành phố, chủ yếu là những bé gái. Kết quả khảo sát cho thấy hơn hai phần ba trong số những đứa trẻ được khảo sát có kết quả học tập tốt. Kết luận của tôi sẽ là phần lớn trẻ em ở thành phố này học tập thành công.

B. Thực hiện cuộc khảo sát về khả năng thành công trong học tập của học sinh tiểu học, tôi đã chọn 600 đứa trẻ từ các quận trong thành phố. Kết quả khảo sát cho thấy hơn hai phần ba trong số những đứa trẻ được khảo sát có kết quả học tập tốt. Kết luận của tôi sẽ là phần lớn trẻ em ở thành phố này học tập thành công.

5. A. Phần lớn các sinh viên trong trường đều tập thể dục thường xuyên. Tôi đã làm cuộc khảo sát các sinh viên rời khỏi phòng tập tạ, và đại đa số họ đều trả lời rằng họ tập thể dục thường xuyên.

B. Phần lớn các sinh viên trong trường đều tập thể dục thường xuyên. Tôi đã làm cuộc khảo sát các sinh viên ở trong khu căn-tin, và đại đa số họ đều trả lời rằng họ tập thể dục thường xuyên.

IV. Với các luận cứ khái quát hóa quy nạp sau đây, hãy xác định thực thể mẫu, thực thể đích và đặc điểm, rồi cho biết luận cứ mạnh hay yếu, nếu yếu thì đó do kích cỡ mẫu quá nhỏ hay mẫu thiên lệch, hay do cả hai. Giả sử thông tin được cung cấp trong tiền đề luận cứ là đúng.

- 1.* Không ai vui cả. Hầu như tất cả mọi người đều phàn nàn về điều gì đó. Chỉ cần nhìn vào những lá thư gửi cho biên tập viên trên bất kỳ tờ báo lớn nào. Khiếu nại, phàn nàn, khiếu nại.
2. Giá các mặt hàng tạp hóa tại chợ địa phương không cao hơn nhiều so với giá tại siêu thị. Chúng tôi đã mua hai túi thực phẩm giống nhau, một từ chợ địa phương và một từ siêu thị. Túi thực phẩm từ chợ địa phương chỉ cao hơn 3%.
3. Rõ ràng là tình trạng bắt cóc trẻ em ở đất nước này rất đáng báo động. Trong năm qua, các tổ chức tin tức mạng lớn đã đưa tin 5 trường hợp trẻ em bị người lạ bắt cóc.
4. Nhiều đứa trẻ trong lớp Một của cô Chi có thể đọc lưu loát. Vì vậy, hầu hết trẻ em học lớp Một đều có thể đọc lưu loát.

5. Một cuộc khảo sát với mười lăm người trưởng thành có thu nhập hàng năm từ 400 triệu đến 600 triệu đồng, làm việc trong các ngành nghề khác nhau, ủng hộ khẳng định này. Khi những người này được hỏi liệu họ có hài lòng và hài lòng với công việc của mình hay không, 82% trả lời là có.
6. Một số sinh viên bán lại sách giáo khoa này vào cuối học kỳ. Vì vậy, có khả năng tất cả sinh viên bán lại hầu hết sách giáo khoa của họ vào cuối học kỳ.
7. Tất cả những người sống trong phòng ký túc xá của Jim ở tầng một và phòng ký túc xá của Fred ở tầng ba đã nghe thấy tiếng chuông báo cháy đêm qua. Vì vậy, nhiều chàng trai trong ký túc xá ba tầng nghe thấy cũng có lý.
8. Không ai trong số nhiều sinh viên mà tôi biết tại trường Đại học TDM theo học chuyên ngành triết học. Vì vậy, có thể không nhiều sinh viên tại thành phố TMD theo học chuyên ngành triết học.
- 9.* Tất cả các triết gia đến thành phố Utopa đều không tìm được việc làm. Vì vậy, có thể là hầu hết các triết gia không thể tìm được việc làm.
10. Tất cả hàng triệu viên đá quý ruby thu thập được từ khắp nơi trên thế giới đều có màu đỏ. Vì vậy, rất có thể hầu hết các viên hồng ngọc trên thế giới đều có màu đỏ.
11. Minh muốn biết các học sinh tại trường Trung học cơ sở KHS cảm thấy thế nào về nhiệt độ trong lớp học của họ, vì vậy cô đã khảo sát tất cả học sinh trong lớp tiếng Anh của mình.
12. Tất cả một trăm trẻ em đã xem buổi chiếu trước của bộ phim mới nhất của Disney đều nói rằng nó thật tuyệt. Vì vậy, rất có thể gần như tất cả mọi người xem bộ phim sẽ nghĩ rằng nó rất hay.
13. Chicago, Los Angeles và Houston đều là những thành phố lớn có tỉ lệ tội phạm cao. Vì vậy, tất cả các thành phố lớn phải có tỉ lệ tội phạm cao.

14. Dựa trên một cuộc khảo sát với một trăm nghìn học sinh trung học ở miền Trung, khoảng một nửa tiếp tục học đại học. Vì vậy, có lẽ khoảng một nửa số người trên đất nước này đã học đại học.
15. Hai quả bom hạt nhân đã được thả xuống Nhật Bản, và ngày nay Nhật Bản là một trong những nền kinh tế mạnh nhất thế giới. Vì vậy, tất cả những lo lắng về chiến tranh hạt nhân và sự kết thúc của loài người là vô nghĩa.
16. Tất cả những người đàn ông tóc xoăn mà Lan biết đều là người thông minh. Vì vậy, hẳn là tất cả những người đàn ông tóc xoăn đều là người thông minh.
17. Tôi đã trải qua mười lăm mùa đông ở Hà Nội, tiết trời ở đây thật lạnh giá. Vì vậy, có thể nói hầu hết mùa đông ở thủ đô Hà Nội đều có tiết trời lạnh.
18. Tôi đã hỏi ít nhất một chục sinh viên năm nhất tại trường đại học này rằng trường có nên cấm sinh viên đi làm thêm ngoài giờ học hay không, và tất cả đều trả lời là không. Vì vậy hầu hết các sinh viên tại trường đại học này đều không đồng tình với chính sách này.

Chương 8

LUẬN CỨ NHÂN QUẢ

1. NHẬN BIẾT LUẬN CỨ NHÂN QUẢ

Luận cứ nhân quả là một luận cứ quy nạp trong đó các tiền đề cung cấp chứng cứ để nâng đỡ cho một phán đoán nhân quả. Kết luận của luận cứ nhân quả bao giờ cũng là một phán đoán nhân quả. Nếu phải thì đó là luận cứ nhân quả. Phán đoán nhân quả là phán đoán khẳng định rằng có một mối quan hệ nào đó giữa hai sự kiện¹, trong đó sự kiện này là nguyên nhân của sự kiện kia, nghĩa là sự kiện này là nhân tố tác động hay làm biến đổi sự kiện kia. Phán đoán nhân quả có hình thức chung như sau:

X là nguyên nhân của Y.

trong đó X đại diện cho sự kiện nguyên nhân và Y đại diện cho sự kiện kết quả. Ví dụ, các phán đoán sau đây là phán đoán nhân quả.

Uống trà đậm vào buổi tối là nguyên nhân của việc tôi mất ngủ.

Tình trạng lũ lụt ngày càng trầm trọng như hiện nay phần nào là do nạn phá rừng gây ra.

Trong phán đoán thứ nhất, "uống trà đậm vào buổi tối" là sự kiện nguyên nhân; nó khiến cho tôi không thể ngủ được, cho nên "việc tôi bị mất ngủ" là sự kiện kết quả; trong phán đoán thứ hai sự kiện kết quả là "tình trạng lũ lụt ngày càng trầm trọng" và sự kiện nguyên nhân là "nạn phá rừng".

Tuy nhiên, trong ngôn ngữ thường ngày không phải phán đoán nhân quả nào cũng được biểu đạt qua cụm động từ *là nguyên nhân của, là kết quả của, gây ra*, mà chúng cũng có thể được diễn đạt theo những cách khác. Ví dụ các phán đoán sau đây cũng có thể được coi là phán đoán nhân quả.

1. Chữ "sự kiện" chúng tôi dùng tương đương về nghĩa với các chữ "sự việc" và "hiện tượng", do đó nó được dùng thay cho các chữ này.

Tôi học tiếng Pháp để năm tới sang Pháp du học.

Đại dịch Covid-19 đã làm thay đổi cách sống quen thuộc của chúng ta.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất đã dẫn đến các cuộc phân công lao động trên quy mô lớn.

Trong phán đoán thứ nhất, sự kiện sang Pháp du học là nguyên nhân của sự việc tôi học tiếng Pháp; trong phán đoán thứ hai, sự kiện đại dịch Covid-19 là nguyên nhân của sự kiện cách sống quen thuộc của chúng ta bị thay đổi; và trong phán đoán thứ ba, sự phát triển của lực lượng sản xuất là nguyên nhân của sự kiện lao động được phân công trên quy mô lớn.

Để xác định xem một luận cứ nào đó có phải là luận cứ nhân quả hay không, trước hết ta kiểm tra xem nó có phải là một luận cứ quy nạp hay không, rồi sau đó xác định xem kết luận của nó có phải là phán đoán nhân quả hay không, nếu phải thì đó là luận cứ nhân quả. Chẳng hạn, xét ví dụ sau:

Trong nhiều năm qua, tai nạn giao thông tại giao lộ đường quốc lộ và đường số 13 trung bình mỗi tháng có khoảng ba đến bốn vụ. Từ khi hệ thống đèn giao thông được lắp đặt tại đây, số lượng các vụ tai nạn giao thông giảm hẳn, khoảng hai đến ba tháng mới có một vụ. Rõ ràng việc lắp đặt các đèn giao thông ở đây chính là nguyên nhân của việc giảm thiểu các vụ tai nạn giao thông.

Trước hết, ta đưa luận cứ này về dạng chuẩn như sau:

- (1) Các vụ tai nạn giao thông tại tại giao lộ đường quốc lộ và đường số 13 giảm hẳn.
- (2) Trước đó hệ thống đèn giao thông được lắp đặt tại giao lộ đường quốc lộ và đường số 13.
- (3) Việc lắp đặt hệ thống đèn giao thông là nguyên nhân của việc giảm thiểu các vụ tai nạn giao thông tại giao lộ này.

Trước hết, ta xác định xem đây là luận cứ diễn dịch hay quy nạp? Đoạn văn có chữ "rõ ràng" đứng trước phán đoán kết luận dễ gây cho ta cảm tưởng về một sự chắc chắn. Có cảm giác chắc chắn ta dễ có khuynh hướng nghĩ đến luận cứ diễn dịch. Tuy nhiên, việc loại bỏ chữ ấy trong thao tác chuẩn hóa luận cứ của chúng ta đã giúp ta tránh được

cảm giác sai lầm này. Đây là một luận cứ quy nạp, bởi lẽ giả định như các tiền đề của nó đều đúng thì cùng lắm kết luận của nó cũng chỉ là đúng theo xác suất mà thôi, chứ không thể tất yếu đúng được. Thứ đến, ta có thể nhận thấy kết luận của luận cứ quy nạp này là một phán đoán nhân quả, vì nó phát biểu rằng sự kiện lắp đặt hệ thống đèn giao thông chính là nguyên nhân của sự kiện các vụ tai nạn giao thông được giảm thiểu, cho nên đây chính là một luận cứ nhân quả.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Xác định xem phán đoán nào trong các phán đoán sau đây là phán đoán nhân quả, và viết lại chúng theo cấu trúc *X là nguyên nhân của Y*.

1. Châu Phi là nơi có nhiều người nghèo đói nhất thế giới.
2. Học toán cũng giống như chơi cờ.
- 3.* Bạn cũng sẽ hét lên nếu ai đó giẫm lên chân bạn.
4. Tôi bị đau đầu do chơi game quá nhiều.
5. Tôi không thể đi mà không có anh.
6. Gốc rễ của mọi tệ nạn xã hội là sự bần cùng về kinh tế.
- 7.* Hầu hết những người bạn của tôi đều có cuộc sống thành đạt.
8. Vì thương bà mà cô ấy đã trở lại nơi này để lập nghiệp.
9. Chính sự hiện diện của anh mà cuộc sống của cô ấy thay đổi.
10. Ai muốn có bạn bè thì quên đi những lỗi lầm cũ. (Kinh thánh)

II. Xác định xem luận cứ nào trong các luận cứ sau đây là luận cứ nhân quả

1. Sau một thời gian dài uống liên tục mỗi ngày một lon coca-cola, anh ấy bị tiểu đường và sỏi thận. Việc uống coca-cola như thế là nguyên nhân dẫn đến việc anh ta bị bệnh.

2. Có khả năng món súp hào khiến cho tôi và hai người bạn bị đau tối qua. Đây là vì tất cả chúng tôi bị đau sau khi ăn tối cùng nhau và tất cả chúng tôi đều ăn món súp hào.
- 3.* Có nhiều lý do tại sao bạn nên bỏ hút thuốc lá. Trước hết hút thuốc lá có hại nghiêm trọng cho sức khỏe. Thứ hai, hút thuốc lá làm cho bạn có mùi hôi khó chịu, và nó cũng làm cho răng bạn bị ố vàng. Cuối cùng, giá thành các bao thuốc lá khá cao.
4. Các thanh niên nam ở khắp mọi nơi đã quan sát thấy rằng càng cạo râu, râu của họ dường như mọc càng rậm. Họ tin rằng cạo râu có thể kích thích mọc râu.
5. Bản đồ cho biết có kho báu được chôn ở quanh đây. Chắc chắn kho báu phải ở quanh đây. Nào đào đi!
- 6.* Nhiều người cho biết họ đã nhìn thấy nhiều ánh đèn nhấp nháy đêm hôm qua. Rõ ràng, những gì mà họ thấy là từ buổi khai trương bãi xe, vì cơ sở kinh doanh này đã chiếu đèn rọi suốt đêm.
7. Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy khi lượng tiêu thụ thịt tăng lên, sức khỏe tổng quát sẽ suy giảm, điều đó cho thấy cả hai sự việc này có quan hệ nhân quả với nhau.
8. Tất cả những vật dụng mini, đồ chơi tích điện đều có thể gây thương tích cho trẻ, vì đã có những trường hợp ghi nhận tai nạn xảy ra cho trẻ khi sử dụng quạt tích điện mini.
- 9.* Tôi chạy nhanh hơn người đồng đội của mình. Vì tôi tập tạ mỗi ngày, còn bạn ấy thì không, có lẽ đó là lý do tôi chạy nhanh hơn bạn ấy.
10. Việc tăng thuế năm ngoái đã khiến cho số người coi thường pháp luật, tức những người không trả thuế, tăng lên. Theo báo cáo của Chi cục Thuế, năm vừa rồi số người không chịu trả thuế cao hơn bình thường, và đây là năm đầu tiên tăng thuế trong thập kỷ qua.

2. PHÂN TÍCH LUẬN CỨ NHÂN QUẢ

Nhìn chung, luận cứ nhân quả có dạng cấu trúc chung như sau:

- (1) Sự kiện Y xảy ra.
- (2) Trước đó sự kiện X xảy ra.
- (3) Sự kiện X là nguyên nhân của sự kiện Y

trong đó X là sự kiện tác động và Y là sự kiện kết quả. *Sự kiện kết quả* là sự kiện mà người nói biết là đã xảy ra và từ đó suy ra nguyên nhân. *Sự kiện tác động* là sự kiện mà người nói biết đã xảy ra trước sự kiện kết quả, và anh ta cho rằng nó là nguyên nhân của sự kiện kết quả.

Ta thử xét ví dụ sau:

Số người nhập viện cấp cứu vì bị sốc tăng lên khi thị trường chứng khoán sụt giảm. Sự sụt giảm của thị trường chứng khoán có lẽ là nguyên nhân của sự gia tăng này.

Luận cứ này có dạng cấu trúc sau:

- (1) Số người nhập viện cấp cứu vì bị sốc tăng lên.
- (2) Trước đó, thị trường chứng khoán sụt giảm.
- (3) Sự sụt giảm của thị trường chứng khoán là nguyên nhân của sự gia tăng số người nhập viện cấp cứu vì bị sốc.

Trong luận cứ này, hai sự kiện có mối quan hệ nhân quả với nhau. Sự kiện thứ nhất là "số người nhập viện cấp cứu vì bị sốc tăng lên" và sự kiện thứ hai là "thị trường chứng khoán sụt giảm". Sự kiện thứ hai là nguyên nhân gây ra sự kiện thứ nhất nên nó là sự kiện tác động, cái còn lại là sự kiện kết quả. Ta có thể trình bày hai sự kiện này dưới hình thức sau:

- Sự kiện tác động: *thị trường chứng khoán sụt giảm*
- Sự kiện kết quả: *số người nhập viện cấp cứu vì bị sốc tăng lên*

Trong luận cứ nhân quả, mối quan hệ logic giữa sự kiện tác động và sự kiện nhân quả có thể được xây dựng theo nhiều cách lập luận khác nhau. Về vấn đề này, một triết gia lỗi lạc người Anh John Stuart Mill (1806-1873) nhận diện và phân loại năm phương pháp lập

luận khác nhau, trong đó hai phương pháp phổ biến nhất là phương pháp tương đồng và phương pháp dị biệt. Phương pháp tương đồng (method of agreement) là dạng luận cứ có kết luận phát biểu rằng nếu hai hay nhiều trường hợp của một sự kiện đang xét chỉ có chung với nhau một nhân tố thì nhân tố có mặt trong tất cả trường hợp ấy là nguyên nhân của sự kiện đã cho. Với phương pháp này, một bác sĩ chẳng hạn, khi gặp phải một căn bệnh mới họ có thể xét xem tất cả những bệnh nhân của họ có ăn cùng một loại thức ăn nào không hay bị nhiễm cùng một loại khuẩn không. Nếu các bệnh nhân có ăn cùng một loại thức ăn, hay nhiễm cùng một loại vi khuẩn, và loại thức ăn hay vi khuẩn ấy là *một loại duy nhất mà họ có chung với nhau* thì các bác sĩ có thể khẳng định rằng loại thức ăn hay vi khuẩn ấy là nguyên nhân của căn bệnh đang xét. Để dễ nắm bắt kỹ thuật này, ta có thể hình dung phương pháp tương đồng theo dạng cấu trúc sau đây:

(1) $a b c \rightarrow X$.

(2) $a d f \rightarrow X$.

(3) a là nguyên nhân của X .

Cấu trúc phương pháp tương đồng này cho thấy chỉ có một nhân tố duy nhất là nhân tố a xuất hiện trong tất cả các trường hợp dẫn đến kết quả X , nên ta có thể khẳng định a là nguyên nhân của sự kiện X .

Phương pháp dị biệt (method of difference) là loại luận cứ có kết luận phát biểu rằng nếu một nhân tố có mặt khi một sự kiện xảy ra và vắng mặt khi sự kiện ấy không xảy ra thì có khả năng nó là nguyên nhân của sự kiện ấy. Ta có thể hình dung phương pháp này qua dạng cấu trúc sau:

(1) $a b c \rightarrow X$

(2) $\sim b c \rightarrow \sim X$

(3) a là nguyên nhân của X

Dấu ngã \sim đặt trước X là ký hiệu của sự phủ định, nó biểu thị ý nghĩa rằng hiện tượng X trong trường hợp này đã không xảy ra. Luận cứ trên cho thấy khi có nhân tố a thì hiện tượng X mới xảy ra, và khi nhân tố a này không có thì hiện tượng X cũng không xảy ra, còn các nhân tố khác, b và c , dù có hay không chúng cũng không ảnh hưởng

tới sự kiện X. Chính vì vậy chỉ có a là nhân tố duy nhất quy định khả năng xảy ra hay không xảy ra của sự kiện X; nói cách khác nhân tố a là nguyên nhân của sự kiện X.

Khi phân tích luận cứ nhân quả, ta nên áp dụng hai phương pháp này của Mill vào việc nhận biết sự kiện tác động và sự kiện kết quả để thấy được cách thức nâng đỡ cho kết luận của một luận cứ nhân quả. Trước hết, ta hãy xét ví dụ một luận cứ nhân quả sử dụng phương pháp tương đồng.

Tối hôm qua chúng tôi có đi ăn với nhau. Ngoài những món ăn riêng theo sở thích, chúng tôi có ăn chung với nhau món nem nướng, và sau đó cả hai chúng tôi đều đau bụng. Do đó, có lẽ chính món nem nướng đã khiến chúng tôi bị đau bụng.

Luận cứ này có thể được trình bày ở dạng cấu trúc như sau:

(1) Chúng tôi bị đau bụng sau khi ăn tối cùng nhau.

(2) Chúng tôi ăn chung với nhau món nem nướng.

(3) Ăn món nem nướng khiến chúng tôi bị đau bụng.

Các sự kiện được chứa trong luận cứ này là:

- Sự kiện kết quả: *chúng tôi bị đau bụng tối hôm qua*
- Sự kiện tác động: *ăn món nem nướng*

Giờ ta hãy xét xem phương pháp nâng đỡ cho kết luận của luận cứ này như thế nào. Không những sự kiện ăn món nem nướng của tác giả luận cứ diễn ra trước, xét về mặt thời gian, sự kiện kết quả ("bị đau bụng") mà bản thân sự kiện ấy là nhân tố duy nhất có chung giữa hai người cùng bị đau bụng. Như vậy, tác giả luận cứ đã áp dụng phương pháp tương đồng để xây dựng luận cứ nhân quả của mình. Ta có thể thêm việc nhận biết phương pháp này vào trong cấu trúc luận cứ nhân quả như sau:

- Sự kiện kết quả: *chúng tôi bị đau bụng tối hôm qua*
- Sự kiện tác động: *ăn món nem nướng*
- Phương pháp: *tương đồng*

Giờ ta hãy xét một ví dụ khác, một luận cứ tác giả dùng phương pháp dị biệt để nâng đỡ cho kết luận.

Tối hôm qua, tôi và bạn tôi đi ăn tại một nhà hàng. Ngoài những món ăn chung giữa hai đứa chúng tôi với nhau, chỉ có tôi ăn thêm món tráng miệng là kem. Sau đó, tôi bị đau bụng nhưng bạn tôi thì không. Do đó, có khả năng món kem là nguyên nhân khiến tôi bị đau bụng.

Luận cứ này có thể được trình bày theo dạng cấu trúc sau:

- (1) Tôi bị đau bụng sau khi ăn tối chung với bạn.
- (2) Tôi ăn thêm món kem là sự khác biệt duy nhất giữa tôi và bạn.

- (3) Món kem là nguyên nhân khiến tôi bị đau bụng.

Ta có thể nhận thấy luận cứ này cũng giống như luận cứ ở trên, nhưng sự khác nhau ở chỗ trong khi với luận cứ trước, tác giả cố gắng nâng đỡ cho kết luận bằng cách xác định nhân tố chung giữa hai người bị đau bụng và nhân tố chung ấy là nguyên nhân của sự kiện kết quả, với luận cứ này tác giả làm ngược lại, chọn ra nhân tố dị biệt giữa người bị đau bụng và người không bị đau bụng, và cho thấy nó là nguyên nhân của sự kiện kết quả. Phương pháp lập luận này là phương pháp dị biệt. Ta phân tích luận cứ này thành ba yếu tố sau:

- Sự kiện kết quả: *tôi bị đau bụng tối hôm qua*
- Sự kiện tác động: *tôi ăn món kem*
- Phương pháp: *dị biệt*

BÀI TẬP THỰC HÀNH

III. Chuẩn hóa các luận cứ nhân quả sau đây và nhận diện các yếu tố cấu thành của chúng: sự kiện kết quả, sự kiện tác động và phương pháp lập luận (tương đồng hay dị biệt).

1. Bạn nói ba đêm qua bạn bị mất ngủ và cả ba đêm ấy bạn đều uống café sau bữa ăn. Cho nên có khả năng café là cái khiến bạn không thể ngủ được.
2. Một vụ ngộ độc thức ăn đã xảy ra tại một cơ sở sản xuất bánh kẹo. Có lẽ nguyên nhân là do thành phần trứng trong món ăn đã bị quá hạn, vì điểm chung duy nhất của các bệnh nhân là ăn món khổ qua xào trứng. Một vài

bệnh nhân ăn cá ngừ, vài người ăn canh cá lóc, và có vài người ăn thịt lươn.

- 3.* Sáng nay, xe tôi bị chết pin. Vì chiều hôm qua tôi cài đặt radio xe và việc cài đặt radio xe phải là nguyên nhân của việc pin bị chết.
4. Mấy năm nay đỗ quỳên trong vườn nhà tôi hoa nở nhiều, trước đó chúng không chịu trổ hoa. Giai đoạn chúng không nở hoa, tôi bón phân cho chúng rất nhiều, nhưng mấy năm nay không bón thì chúng lại trổ nhiều hoa. Do đó, có lẽ việc bón quá nhiều phân đã khiến chúng không nở hoa.
5. Tôi chạy nhanh hơn người đồng đội của mình. Vì tôi tập tạ mỗi ngày, còn bạn ấy thì không, có lẽ đó là lý do tôi chạy nhanh hơn bạn ấy.
6. Tôi trồng các bông hoa cúc trong một luống hoa có cùng một chất đất, và tôi tưới nước cho chúng với lượng nước như nhau trong mỗi lần tưới, nhưng nửa luống hoa hưởng được ánh nắng mặt trời tươi tốt hơn nửa luống còn lại bị bóng râm che khuất ánh mặt trời. Do đó, ánh sáng mặt trời là nguyên nhân tạo ra sự khác biệt này.
- 7.* Ba anh chị em tôi đều là con nuôi, nhưng tất cả chúng tôi đều là những người kĩ tính, luôn giữ cho căn nhà sạch sẽ và ngăn nắp. Tất cả chúng tôi lớn lên trong cùng một gia đình, cùng hưởng sự giáo dục từ cha mẹ nuôi, họ là những người sống kĩ tính.
8. Bí quyết để học tốt là tập trung sự chú ý vào môn học. Những người học có sự tập trung tốt vào những gì mình đang học đều cải thiện được kiến thức của mình, dù năng lực của họ có khác nhau như thế nào. Trái lại những ai tuy có cùng một năng lực như nhau nhưng chểnh mảng trong việc học đều không mấy, nếu không nói là không, tiến bộ.
9. Tất cả chúng ta đều nhận thấy rằng từ thứ Hai đến thứ Tư, khi Minh có mặt tại công ty, mọi người làm việc

cùng nhau rất tốt và làm được nhiều việc. Những ngày còn lại trong tuần, không có mặt Minh, cũng những con người ấy thôi nhưng hiệu suất lao động thấp hẳn. Minh tất phải là nguyên nhân của sự chênh lệch này về hiệu suất lao động.

10. Kể từ khi Công Phượng phải ngồi ngoài vì bị chấn thương, đội bóng Tp. Hồ Chí Minh đã để thua ba trận liên tiếp ở giai đoạn nước rút và mất cơ hội đua vô địch với các đội đầu bảng. Sự khác biệt duy nhất trong đội hình là Công Phượng, trận nào có Công Phượng ra sân thì họ thắng hoặc ít ra là cũng hòa. Ba trận gần nhất, Công Phượng không ra sân, họ thua cả ba trận. Do đó, Công Phượng là nhân tố khiến Câu lạc bộ Tp. Hồ Chí Minh thành công trong mùa giải V-League 2020.

3. ĐÁNH GIÁ LUẬN CỨ NHÂN QUẢ

Cũng giống như các luận cứ quy nạp khác, khi đánh giá luận cứ nhân quả ta phải xét nó là luận cứ *mạnh* hay luận cứ *yếu*, chứ không phải là luận cứ hợp lệ hay không hợp lệ.

Khi đánh giá một luận cứ nhân quả nào đó là mạnh hay yếu, ta phải xét xem mối quan hệ nhân quả giữa sự kiện tác động và sự kiện kết quả được tổ chức như thế nào. Về nguyên tắc, nguyên nhân bao giờ cũng có trước kết quả về mặt thời gian. Tuy nhiên, tính có trước của sự kiện tác động so với sự kiện kết quả chưa đủ cơ sở để xác định mối quan hệ này, bởi lẽ trước khi một sự kiện kết quả xảy ra, có vô vàn các sự kiện khác nhau xảy ra nhưng không phải sự kiện nào trong số này là nguyên nhân của nó. Nếu một luận cứ nhân quả nào được xây dựng trên cơ sở tính có trước của nguyên nhân này và không cho thấy bất kỳ một chứng cứ nào khác để biện minh, thì luận cứ ấy là một lập luận sai lầm, được gọi là *ngụy biện post hoc* (xem Chương 10). Điểm mấu chốt để đánh giá luận cứ là ta xét xem sự kiện tác động trong luận cứ có phải là *nguyên nhân duy nhất hợp lý* của sự kiện kết quả hay không. Đối với luận cứ nhân quả có sử dụng phương pháp tương đồng, ta phải xét xem sự kiện tác động có phải là *nhân tố duy nhất có chung* làm nguyên nhân cho sự kiện kết quả, và đối với

luận cứ nhân quả có sử dụng phương pháp dị biệt, ta phải xét xem chứng cứ sự kiện tác động có phải là nhân tố duy nhất khác biệt làm nguyên nhân cho sự kiện kết quả hay không. Nếu đúng như vậy, trong cả hai trường hợp, luận cứ đang xét sẽ là một luận cứ nhân quả có cấu trúc logic mạnh; ngược lại sẽ là một luận cứ yếu.

Thời gian gần đây thằng bé thường có hành vi bạo lực với các con vật nuôi trong nhà. Có lẽ những hành vi bạo lực này là do nó chơi video game có nội dung bạo lực quá nhiều, trước đó nó không chơi các loại game này.

Trước khi đánh giá, ta hãy phân tích luận cứ này. Tác giả luận cứ này muốn khẳng định rằng những hành vi bạo lực của đứa trẻ là do nó nhiễm tính bạo lực của các trò chơi video game. Để khẳng định này trở nên đáng tin cậy, tác giả đưa ra chứng cứ về hành vi bạo lực trong thời gian gần đây của nó và việc nó chơi video game có nội dung bạo lực để biện minh. Ta có thể trình bày luận cứ này ở dạng cấu trúc như sau:

- (1) Trong thời gian gần đây thằng bé thường có hành vi bạo lực với các con vật nuôi trong nhà.
- (2) Thằng bé chơi video game có nội dung bạo lực là điểm khác biệt trong thời gian gần đây.

- (3) Việc chơi video game có nội dung bạo lực là nguyên nhân của sự kiện thằng bé thường có hành vi bạo lực đối với các con vật nuôi trong nhà.

Luận cứ nhân quả này chứa ba yếu tố cấu thành sau đây:

- Sự kiện kết quả: *thằng bé có hành vi bạo lực đối với các con vật nuôi trong nhà*
- Sự kiện tác động: *thằng bé chơi video game có nội dung bạo lực*
- Phương pháp: *dị biệt*

Ta đánh giá thế nào về cấu trúc logic của luận cứ này? Việc chơi video game có nội dung bạo lực có kích động tính bạo lực ở một đứa trẻ hay không? Ta không loại trừ khả năng có trường hợp này trên thực tế. Nhưng cái thực tế có trường hợp ấy không đủ để ta khẳng định rằng đây là một luận cứ nhân quả có sức mạnh thuyết

phục. Vấn đề ở đây là luận cứ chỉ cho ta biết có hai sự kiện khác nhau và sự kiện có trước là nguyên nhân của sự kiện có sau, chứ chưa cung cấp thêm bất kỳ một chứng cứ nào cho thấy hai sự kiện này thực chất có quan hệ nhân quả với nhau. Hai sự kiện đứa trẻ có hành vi bạo lực và chơi video game bạo lực có thể là sự trùng hợp ngẫu nhiên hoặc có thể đều là kết quả của một nguyên nhân nào đó khác như cách hành xử bạo lực của cha mẹ trong gia đình, đứa bé gặp phải những áp lực trong học tập hoặc có thể là do ở trong nhà quá lâu không được ra ngoài vì phải thực hiện giãn cách xã hội trong đợt dịch Covid-19 bùng phát khiến tâm lý nó thay đổi theo hướng tiêu cực, v.v. chẳng hạn. Do đó, đây là một luận cứ yếu, và nó chính là dạng nguy biến post hoc.

Giờ ta xét một phiên bản khác của luận cứ này:

Thời gian gần đây thằng bé thường có hành vi bạo lực với các con vật nuôi trong nhà. Có lẽ những hành vi bạo lực này là do nó chơi video game có nội dung bạo lực quá nhiều, trước đó nó không chơi các loại game này. Và mọi thứ khác liên quan tới nó vẫn không có gì thay đổi.

Trước hết, ta chuẩn hóa luận cứ này. Luận cứ này có dạng cấu trúc sau:

- (1) Trong thời gian gần đây thằng bé thường có hành vi bạo lực với các con vật nuôi trong nhà.
- (2) Thằng bé chơi video game có nội dung bạo lực là điểm khác biệt duy nhất trong thời gian gần đây.
- (3) Việc chơi video game có nội dung bạo lực là nguyên nhân của sự kiện thằng bé thường có hành vi bạo lực đối với các con vật nuôi trong nhà.

Các yếu tố cấu thành của luận cứ này là:

- Sự kiện kết quả: *thằng bé có hành vi bạo lực đối với các con vật nuôi trong nhà*
- Sự kiện tác động: *thằng bé chơi video game có nội dung bạo lực*
- Phương pháp: *dị biệt*

Phiên bản luận cứ này khác luận cứ trước ở chỗ nào. Luận cứ này có thêm câu "Và mọi thứ khác liên quan tới nó vẫn không có gì

thay đổi." Câu văn này có dụng ý gì? Nó được đưa vào để cho thấy sự kiện chơi video game có nội dung bạo lực là nhân tố *duy nhất* có ảnh hưởng đến sự xuất hiện hành vi bạo lực của đứa trẻ. Do đó, so với phiên bản thứ nhất, phiên bản thứ hai của luận cứ này tốt hơn, cấu trúc logic của nó mạnh hơn.

Cũng luận cứ này, ta xét thêm một phiên bản cuối cùng của nó như là một ví dụ cho việc đánh giá luận cứ nhân quả.

Thời gian gần đây thằng bé thường có hành vi bạo lực với các con vật nuôi trong nhà. Có lẽ những hành vi bạo lực này là do nó chơi video game có nội dung bạo lực quá nhiều, và chơi loại game ấy là điều khác biệt duy nhất trong sinh hoạt của nó quãng thời gian gần đây. Không có xung đột mang tính bạo lực nào xảy ra trong gia đình nó, không có áp lực học tập nào khiến tính khí nó thay đổi và nó cũng chưa bị bạn bè trên trường hay trong xóm bắt nạt.

Cấu trúc dạng chuẩn của luận cứ này là:

- (1) Trong thời gian gần đây thằng bé thường có hành vi bạo lực với các con vật nuôi trong nhà.
- (2) Thằng bé chơi video game có nội dung bạo lực là điểm khác biệt duy nhất trong thời gian gần đây.

- (3) Việc chơi video game có nội dung bạo lực là nguyên nhân của sự kiện thằng bé thường có hành vi bạo lực đối với các con vật nuôi trong nhà.

Cũng giống hai phiên bản trên, phiên bản này của luận cứ cũng có:

- Sự kiện kết quả: *thằng bé có hành vi bạo lực đối với các con vật nuôi trong nhà*
- Sự kiện tác động: *thằng bé chơi video game có nội dung bạo lực*
- Phương pháp: *dị biệt*

Điểm khác biệt giữa phiên bản này với phiên bản thứ hai của luận cứ ở chỗ phiên bản này ngoài luận cứ chính như vừa trình bày, nó còn có một luận cứ phụ. Luận cứ phụ này cung cấp chứng cứ để nâng đỡ cho tiền đề thứ hai, tiền đề phát biểu rằng việc chơi video game có nội dung bạo lực là điểm khác biệt duy nhất trong sinh hoạt

của đứa trẻ trong thời gian gần đây. Luận cứ phụ này ta có thể trình bày như sau:

- (1) Không có xung đột mang tính bạo lực nào xảy ra trong gia đình thằng bé này.
 - (2) Không có áp lực học tập nào khiến tính khí của thằng bé này thay đổi.
 - (3) Thằng bé này chưa bị bạn bè trên trường hay trong xóm bắt nạt.
-
- (4) Thằng bé chơi video game có nội dung bạo lực là điểm khác biệt duy nhất trong thời gian gần đây.

Như vậy, với phiên bản thứ ba, luận cứ nhân quả chúng ta đang xét có cấu trúc logic mạnh hơn phiên bản thứ hai của nó, bởi lẽ ngoài việc tác giả nêu ra nhân tố khác biệt duy nhất có thể làm nguyên nhân cho sự kiện kết quả, tác giả luận cứ còn cung cấp thêm chứng cứ để chứng minh rằng nhân tố khác biệt duy nhất của sự kiện tác động ấy có căn cứ và đáng tin.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

IV. Đối với mỗi cặp luận cứ nhân quả sau đây, hãy xác định xem phiên bản nào của luận cứ, A hoặc B, mạnh hơn, và cho biết tại sao.

1. A. Nhiều người trong khu phố phàn nàn rằng họ bị đau đầu và mất ngủ. Tất cả những người ấy đều ở cạnh nhà ông Tạ và gia đình ông này hay hát karaoke trong thời gian gần đây. Do đó, có lẽ nguyên nhân nhiều người bị đau đầu và mất ngủ là do gia đình ông Tạ hát karaoke.
B. Nhiều người trong khu phố phàn nàn rằng họ bị đau đầu và mất ngủ. Tất cả những người ấy đều ở cạnh nhà ông Tạ và gia đình ông này hay hát karaoke trong thời gian gần đây. Đó là điểm chung duy nhất giữa họ. Do đó, có lẽ nguyên nhân nhiều người bị đau đầu và mất ngủ là do gia đình ông Tạ hát karaoke.
2. A. Sáng nay, xe tôi bị chết pin. Ngoài việc chiều hôm

qua tôi có cài đặt radio xe, tôi chẳng hề đụng chạm vào thứ gì cả, cho nên tôi nghĩ việc cài đặt radio xe phải là nguyên nhân xe bị chết pin.

B. Sáng nay, xe tôi bị chết pin. Chiều hôm qua tôi có cài đặt radio xe cho nên tôi nghĩ việc cài đặt radio xe phải là nguyên nhân xe bị chết pin.

- 3.* A. Khu nhà trọ đã xảy ra hỏa hoạn vào tối hôm qua. Các nhân viên điều tra đã phát hiện ra một điểm chập trong hệ thống điện mới lắp đặt. Do đó, vụ hỏa hoạn có thể là do hệ thống điện bị chập gây ra. Cuộc điều tra đã loại trừ các nguyên nhân có thể có khác.

B. Khu nhà trọ đã xảy ra hỏa hoạn vào tối hôm qua. Các nhân viên điều tra đã phát hiện ra một điểm chập trong hệ thống điện mới lắp đặt. Do đó, vụ hỏa hoạn có thể là do hệ thống điện bị chập gây ra. Cuộc điều tra đã loại trừ các nguyên nhân có thể có khác. Không có dấu hiệu đột phá, cũng không có ai hút thuốc lá trong phòng trọ.

4. A. Bốn thành viên của đội bơi của trường không bị nhiễm virút cúm đang bùng phát trong mùa hè này. Cả bốn người được tiêm phòng cúm tại phòng y tế của trường, và đó là điểm duy nhất họ có chung với nhau. Ba người tiếp xúc với một người bị bệnh; hai người trong số họ đã uống vitamin C, còn hai người thì không; và một người trong số họ ăn theo chế độ lành mạnh.

B. Bốn thành viên của đội bơi của trường không bị nhiễm virút cúm đang bùng phát trong mùa hè này. Cả bốn người được tiêm phòng cúm tại phòng y tế của trường, và đó là điểm duy nhất họ có chung với nhau.

5. A. Nhiều người cho biết họ đã nhìn thấy nhiều ánh đèn nhấp nháy đêm hôm qua. Rõ ràng, những gì mà họ thấy là từ buổi khai trương bãi xe, vì cơ sở kinh doanh này đã chiếu đèn rọi suốt đêm.

B. Nhiều người cho biết họ đã nhìn thấy nhiều ánh đèn nhấp nháy đêm hôm qua. Rõ ràng, những gì mà họ thấy là từ buổi khai trương bãi xe, vì cơ sở kinh doanh này đã

chiếu đèn rọi suốt đêm. Không có sân bay nào ở gần đây, không có pháo hoa nào được bắn ra, cũng không có cơ sở kinh doanh nào khác quanh khu vực này hoạt động vào ban tối.

- 6.* A. Trong ba năm qua, cứ vào những tháng có gió mùa lượng mưa ở Ấn Độ thấp hơn mức bình thường. Mỗi lần như vậy, nhiệt độ của Thái Bình Dương ngoài khơi châu Mỹ Latinh lại ấm hơn bình thường. Do đó, nước biển ấm hơn trên đại dương thuộc châu Mỹ Latinh có lẽ đã gây ra những đợt mưa có lượng mưa thấp hơn bình thường ở Ấn Độ trong những tháng gió mùa.
- B. Trong ba năm qua, cứ vào những tháng có gió mùa lượng mưa ở Ấn Độ thấp hơn mức bình thường. Mỗi lần như vậy, đặc điểm chung duy nhất có liên quan là nhiệt độ của Thái Bình Dương ngoài khơi châu Mỹ Latinh lại ấm hơn bình thường. Do đó, nước biển ấm hơn trên đại dương thuộc châu Mỹ Latinh có lẽ đã gây ra những đợt mưa có lượng mưa thấp hơn bình thường ở Ấn Độ trong những tháng gió mùa.
7. A. Ba lô của tôi có một lỗ thủng, chắc là do cái kéo, vì cái kéo là vật sắc nhọn duy nhất trong ba lô.
- B. Ba lô của tôi có một lỗ thủng, chắc là do cái kéo, vì nó là vật rất sắc nhọn.
8. A. Ngay sau khi ông X nhậm chức và thực thi các chính sách kinh tế bảo thủ của mình, nền kinh tế tỉnh nhà bị lao dốc và tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Do đó, tình trạng nền kinh tế địa phương bị suy thoái là do chính sách kinh tế bảo thủ của ông X gây ra.
- B. Ngay sau khi ông X nhậm chức và thực thi các chính sách kinh tế bảo thủ của mình, nền kinh tế tỉnh nhà bị lao dốc và tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Trong khi đó, tình hình kinh tế chung của thế giới và cả nước vẫn tăng trưởng đều, không có dấu hiệu khủng hoảng. Do đó, tình trạng nền kinh tế địa phương bị suy thoái là do chính sách kinh tế bảo thủ của ông X gây ra.

9. A. Bạn có nghe tin một MC kỳ cựu của chương trình Đại tiệc cùng Sao đang kiện đài truyền hình tỉnh chưa? Cô MC này bị sa thải sau khi trình báo với cấp trên rằng ông bầu Elvis Linh đã quấy rối tình dục mình. Người ta sa thải cô nàng hẳn là liên quan tới vụ trình báo này.
- B. Bạn có nghe tin một MC kỳ cựu của chương trình Đại tiệc cùng Sao đang kiện đài truyền hình tỉnh chưa? Cô MC này bị sa thải sau khi trình báo với cấp trên rằng ông bầu Elvis Linh đã quấy rối tình dục mình. Người ta sa thải cô nàng hẳn là liên quan tới vụ trình báo này, chứ bản thân cô nàng không có vấn đề gì khác. Công việc của cô nàng vẫn tốt.
10. A. Những cái bánh pizza của tiệm Domino khi được giao đến nơi vẫn còn nóng. Tuy nhiên, hai lần gần đây nhất chúng hầu như không còn chút nóng nào khi người giao hàng mang đến cho chúng tôi. Đó là do người giao hàng mới chưa rành đường tại khu vực này.
- B. Những cái bánh pizza của tiệm Domino khi được giao đến nơi vẫn còn nóng. Tuy nhiên, hai lần gần đây nhất chúng hầu như không còn chút nóng nào khi người giao hàng mang đến cho chúng tôi. Điều duy nhất khác biệt là do người giao hàng mới chưa rành đường tại khu vực này. Hôm trước tôi có ăn bánh tại đây, và nhân viên của tiệm cũng không bận rộn hơn mức bình thường.

Chương 9

CÁC NGỤY BIỆN

Ngụy biện là một luận cứ bị lỗi lập luận. Có hai loại ngụy biện: ngụy biện hình thức và ngụy biện phi hình thức. Ngụy biện hình thức là luận cứ sai lầm do phạm phải lỗi thuộc về *cấu trúc logic* của luận cứ. Ngụy biện phi hình thức là luận cứ sai lầm do phạm phải lỗi thuộc về *nội dung* của luận cứ. Học những kỹ năng nhận biết các ngụy biện không những sẽ giúp ta dễ dàng phát hiện ra các luận cứ tồi, mà còn giúp ta có thể phát triển được năng lực phân tích và có được sự tự tin trước các thách thức và cám dỗ của những niềm tin thơ ngây thiếu phê phán về các vấn đề trong cuộc sống cũng như trong học thuật.

1. NGỤY BIỆN HÌNH THỨC

Các ngụy biện hình thức là những luận cứ diễn dịch không hợp lệ trong cấu trúc logic của nó; nói cách khác là luận cứ có kết luận được rút ra từ tiền đề một cách sai nguyên tắc. Dưới đây chúng tôi sẽ trình bày bốn dạng ngụy biện hình thức thường gặp: ngụy biện khẳng định hậu kiện, ngụy biện phủ định tiền kiện, ngụy biện khẳng định một lựa chọn và ngụy biện trung từ không chu diên.

Bất cứ luận cứ nào được tổ chức theo cấu trúc logic sau đây được gọi là ***ngụy biện khẳng định hậu kiện***:

(1) Nếu P thì Q

(2) Q

(3) P

Ví dụ:

(1) Nếu ai sở hữu tập đoàn Vingroup thì người ấy rất giàu.

(2) Ông Phạm Nhật Vượng rất giàu.

(3) Ông Phạm Nhật Vượng là người sở hữu tập đoàn Vingroup.

Lỗi logic mà luận cứ này phạm phải là ở chỗ nó xuất phát từ hậu kiện Q để đi đến kết luận là tiền kiện P. Như ta biết, trong cấu trúc phán đoán điều kiện "Nếu P thì Q", tiền kiện P giữ vai trò như là điều kiện đủ, hậu kiện Q giữ vai trò như là điều kiện cần. Từ một cái gì làm điều kiện đủ ta có thể suy ra một cái khác, từ một cái gì làm điều kiện cần, ta không thể suy ra một cái khác. Cấu trúc luận cứ này đã coi cái làm điều kiện cần như thể là điều kiện đủ. Từ chỗ khẳng định rằng ông Phạm Nhật Vượng rất giàu, ta không đủ cơ sở để đi đến kết luận rằng ông ấy là người sở hữu tập đoàn Vingroup, vì còn nhiều khả năng có những kết luận khác, như ông ấy là chủ nhân của các tập đoàn kinh tế khác, ông ấy may mắn trúng hàng loạt giải thưởng Vietlott..., mà luận cứ này đã không tính tới.

Lỗi logic của luận cứ này cũng có thể được bộc lộ ra qua phương pháp kiểm tra bằng bảng chân lý:

	P	Q	$P \rightarrow Q$	/	Q	//	P
1.	Đ	Đ	Đ		Đ		Đ
2.	Đ	S	S		S		Đ
3.	S	Đ	Đ		Đ		S *
4.	S	S	Đ		S		S

Theo định nghĩa, một luận cứ diễn dịch hợp lệ không thể có trường hợp các tiền đề đúng nhưng kết luận lại sai cả. Tuy nhiên, trong bảng chân lý này, ta thấy rõ ràng có một trường hợp như thế ở dòng trạng thái thứ ba, dòng có dấu *.

Ngụy biện phủ định tiền kiện có cấu trúc logic như sau:

(1) Nếu P thì Q

(2) Không P

(3) Không Q

Ví dụ:

(1) Nếu bạn nghĩ về cái bàn thì đó là bạn đang tư duy.

(2) Bạn không nghĩ về cái bàn.

(3) Bạn không phải đang tư duy.

Mọi luận cứ có cấu trúc này đều phạm phải lỗi logic. Không phải là cứ phủ định tiền kiện, tức là nói rằng bạn không nghĩ về cái bàn, là tất yếu ta sẽ đi đến chỗ phủ định hậu kiện, tức nói khẳng định rằng bạn không phải đang tư duy. Sự việc bạn không nghĩ về cái bàn tuy có khả năng (rất thấp) là bạn không tư duy gì cả. Trong trường hợp này thì kết luận của luận cứ là có thể đúng, chứ không phải tất yếu đúng như đòi hỏi của luận cứ diễn dịch. Ngoài khả năng đó ra, có nhiều khả năng khác cao hơn mà cấu trúc này không xét đến, có thể bạn đang nghĩ về cách giải một bài toán hay nghĩ cách đầu tư chứng khoán chẳng hạn.

Lỗi logic này có thể được bộc lộ ra khi ta khảo sát luận cứ bằng phương pháp bảng chân lý:

	P	Q	$P \rightarrow Q$	/ $\sim P$	// $\sim Q$
1.	Đ	Đ	Đ	S	S
2.	Đ	S	S	S	Đ
3.	S	Đ	Đ	Đ	S *
4.	S	S	Đ	Đ	Đ

Dòng trạng thái thứ ba, có đánh dấu *, cho thấy luận cứ này có trường hợp tiền đề đúng và kết luận sai, một cấu trúc diễn dịch không hợp lệ.

Một nguy biến thường gặp khác là luận cứ **khẳng định một lựa chọn**. Nguy biến này có các cấu trúc như sau:

Cấu trúc 1

(1) P hoặc/hay Q

(2) P

(3) Không Q

Cấu trúc 2

(1) P hoặc/hay Q

(2) Q

(3) Không P

Ví dụ:

(1) Lan đăng ký học tiếng Pháp hoặc tiếng Trung.

(2) Lan đăng ký học tiếng Pháp.

(3) Lan không đăng ký học tiếng Trung.

Lỗi logic của luận cứ này là ở chỗ tác giả của nó đã đưa ra một giả định sai lầm rằng nếu sự lựa chọn này được cho là đúng thì sự lựa chọn còn lại sẽ sai, trong khi đó về nguyên tắc vẫn có khả năng cả hai lựa chọn đều đúng. Trong trường hợp này, Lan chỉ đăng ký học tiếng Pháp không phải là một lựa chọn duy nhất, vì cô có thể cùng lúc đăng ký cả hai môn học.

Phương pháp bảng chân lý cũng cho ta thấy rõ lỗi logic của bất kỳ luận cứ nào có cấu trúc như thế này:

	P	Q	$P \vee Q$	/	P	//	$\sim Q$
1.	Đ	Đ	Đ		Đ		S *
2.	Đ	S	Đ		Đ		Đ
3.	S	Đ	Đ		S		S
4.	S	S	S		S		Đ

Dòng trạng thái thứ nhất, có dấu *, là trường hợp các tiền đề đều đúng nhưng kết luận sai. Đây là một luận cứ diễn dịch có cấu trúc logic không hợp lệ.

Ngụy biện trung từ không chu diên là một ngụy biện hình thức trong luận cứ nhất quyết. Ngụy biện này xảy ra khi hạn từ trung gian, hay trung từ, không chu diên trong cả hai tiền đề. Cấu trúc logic của ngụy biện này có dạng:

(1) Mọi P là M

(2) Mọi S là M

(3) Mọi S là P

Ví dụ:

(1) Ma cà rồng là sinh vật hư cấu.

(2) Nàng tiên cá là sinh vật hư cấu.

(3) Nàng tiên cá là ma cà rồng.

Tiền đề của luận cứ này chỉ cung cấp cho ta duy nhất một thông tin rằng cả "ma cà rồng" lẫn "nàng tiên cá" đều là những sinh vật hư

cầu, không có thật ngoài đời. Không có bất cứ thông tin nào cho biết cách hai sinh vật hư cầu này được nối kết với nhau như thế nào để có thể đi đến kết luận khẳng định rằng nàng tiên cá chính là ma cà rồng. Với tiền đề như thế ta không thể rút ra một cách chắc chắn bất cứ kết luận nào. Thế nhưng, bất chấp điều đó luận cứ này đã cố tình rút ra một kết luận như vậy. Đó là lỗi logic của cấu trúc luận cứ đang xét.

2. NGỤY BIỆN PHI HÌNH THỨC

Nếu ngụy biện hình thức là do cách tổ chức cấu trúc logic của luận cứ không đúng quy cách khiến nó trở nên không hợp lệ, ngụy biện phi hình thức là lỗi phát sinh từ *nội dung* chứ không phải là cấu trúc của luận cứ. So với ngụy biện hình thức, số lượng các ngụy biện phi hình thức nhiều và phong phú hơn hẳn. Các ngụy biện phi hình thức có thể được chia thành hai loại chính: (1) loại ngụy biện có các tiền đề *không liên quan* (*irrelevant*) và (2) loại ngụy biện có các tiền đề *không thể chấp nhận được* (*unacceptable*).¹ Ngụy biện có các tiền đề không liên quan xuất hiện khi người lập luận đưa ra những lý do không có mối liên hệ xác đáng với kết luận của họ. Các ngụy biện này trông có vẻ như là một luận cứ tốt nhưng thực chất thì không phải vậy. Ngụy biện có các tiền đề không thể chấp nhận được xảy ra khi người lập luận đưa ra những lý do tuy có liên quan đến kết luận nhưng không thực sự rõ ràng hay đáng tin cậy, nói cách khác, tiền đề tuy có liên quan nhưng chúng quá yếu để nâng đỡ cho kết luận. Giờ chúng ta hãy lần lượt khảo sát các ngụy biện của cả hai loại này.

2.1. Các ngụy biện có tiền đề không liên quan

2.1.1. Ngụy biện công kích cá nhân (*ad hominem*)

Chúng ta phạm vào ngụy biện công kích cá nhân khi chúng ta bác bỏ luận cứ hay nhận định của ai đó bằng cách công kích theo lối chỉ trích tư cách cá nhân con người chứ không phải luận cứ hay nhận định của người đó. Loại luận cứ này là ngụy biện bởi lẽ *người* đưa ra luận cứ không liên quan gì đến việc luận cứ ấy có tốt hay không. Một

1. Lewis Vaughn (2019). *The power of critical thinking - Effective reasoning about ordinary and extraordinary claims*. New York: Oxford University Press, tr. 152.

người tồi tệ về tư cách nào đó có thể đưa ra một luận cứ tốt hay một quan điểm khôn ngoan sáng suốt, trong khi đó một người tốt đẹp nhưng có thể đưa ra những luận cứ tồi hay quan điểm hết sức ấu trĩ. Khi đánh giá một luận cứ, ta xét xem các tiền đề có đúng hay không, mối liên hệ logic giữa tiền đề và kết luận như thế nào, chứ không phải người phát biểu ra luận cứ ấy là ai. Đây là một ví dụ:

Những gì Socrates nói về vẻ đẹp tao nhã của con người đều tào lao. Người xấu xí như ông ta thì biết gì mà nói về vẻ đẹp tao nhã của con người.

Trong luận cứ này, người lập luận không cố gắng cho ta thấy tại sao những gì Socrates nói về vẻ đẹp của con người là không đáng tin. Thay vào đó, tác giả luận cứ chỉ công kích về ngoại hình của Socrates với hàm ý rằng Socrates không đủ tư cách để nói về vẻ đẹp tao nhã của con người. Luận cứ này có thể được trình bày trong dạng chuẩn sau đây:

(1) Người xấu xí như Socrates thì biết gì mà nói về vẻ đẹp tao nhã của con người.

(2) Những gì Socrates nói về vẻ đẹp tao nhã của con người đều là tào lao.

Luận cứ này rõ ràng là một sự ngụy biện. Cho dù Socrates có xấu xí thế nào thì điều đó không có nghĩa là ông không thể đưa ra một quan điểm hay luận cứ tốt đối với vấn đề về vẻ đẹp tao nhã của con người. Việc công kích con người Socrates như thế không liên quan gì đến vấn đề được nêu ra trong phán đoán kết luận.

Ngụy biện công kích cá nhân có nhiều biến thể khác nhau trong đó ba biến thể ta thường gặp nhất là: nói xấu đối phương, *tu quoque* (ông/bà cũng thế thôi), và công kích hoàn cảnh của đối phương. Trong **ngụy biện nói xấu đối phương**, người phản bác đưa ra thông tin mang tính chất gièm pha, bôi nhọ những đặc điểm cá nhân của đối phương với mục đích hạ thấp giá trị của người ấy, khiến cho những gì người ấy nói trở nên vô giá trị. Luận cứ Socrates nói trên là một ngụy biện thuộc loại này. Xét thêm một ví dụ khác:

Ông X cho rằng tôn giáo chẳng qua chỉ là thứ mê hoặc, đầu độc trí óc lạnh mạnh của chúng sinh. Nhưng bạn có biết ông ta là một con lợn lúc nào cũng tự coi mình là đúng, vô liêm sỉ và ngạo mạn.

Một con người như thế thì làm sao ta có thể chấp nhận được quan điểm của ông ta về một vấn đề tế nhị và phức tạp như tôn giáo?

Chuẩn hóa luận cứ này, ta có hình thức lập luận như sau:

- (1) Ông X là một con lợn lúc nào cũng tự coi mình là đúng, vô liêm sỉ và ngạo mạn.
- (2) Quan điểm của ông X về tôn giáo là không thể chấp nhận được.

Tác giả của luận cứ này đã cố tình phớt lờ chính quan điểm hay luận cứ của ông X và thay vào đó là công kích bản thân ông X. Rõ ràng luận cứ là một sự ngụy biện, bởi lẽ những đặc điểm tính cách của ông X không liên quan gì đến việc các tiền đề của luận cứ của ông ấy về tôn giáo có nâng đỡ cho kết luận hay không.

Đặc điểm thao tác của ngụy biện *tu quoque* (ông/bà cũng thế thôi) là người nói bác bỏ luận cứ của đối phương bằng cách cố gắng biến đổi phương thành kẻ đạo đức giả, một kẻ không đáng tin cậy. Tác giả luận cứ, tức người nói, thường làm việc này bằng cách những đặc điểm nào đó trong đời sống hay hành vi của đối phương trái ngược với chính lời nói của đối phương. Nói cách khác, tác giả luận cứ biến đổi phương thành kẻ nói một đằng làm một nẻo¹ để dễ bề bác bỏ luận cứ của họ. Chẳng hạn:

Ông X lúc nào cũng khuyên người ta không nên hút thuốc lá. Nhưng nhìn ông ấy mà xem. Ông ấy cũng hay hút thuốc lá mà!

Luận cứ này có cấu trúc dạng chuẩn sau:

- (1) Ông X hay hút thuốc lá.
- (2) Lời khuyên không nên hút thuốc lá của ông X là không đáng tin.

Để đánh giá lời khuyên của ông X có đáng tin hay không, thao tác đúng đắn của ta là xét xem ông X đưa ra những lý do gì ủng hộ cho lời khuyên ấy, những lý do ấy có mối liên hệ xác đáng với chính kết luận ông X nêu ra hay không. Tác giả của luận cứ phản bác đã bỏ qua thao tác đó, và lấy ngay sự kiện ông X hay hút thuốc làm lý do để bác bỏ lời khuyên của ông X. Xét về mặt logic, bản thân sự kiện hay

1. Nguyễn Đức Dân (2021). *Muôn màu lập luận*. NXB Trẻ, tr. 254.

hút thuốc của ông X không liên quan gì đến giá trị lời khuyên không hút thuốc của ông ấy. Vì thế, đây là một nguy biện.

Một biến thể nữa của nguy biện công kích cá nhân là ***nguy biện công kích hoàn cảnh của đối phương***. Đặc điểm nhận biết của thao tác nguy biện này ở chỗ tác giả luận cứ công kích quan điểm hay luận cứ của đối phương bằng cách nói rằng đối phương nói như vậy chẳng qua chỉ vì lợi ích hay do hoàn cảnh của anh ta mà thôi. Xét về mặt logic thì cái lợi ích hay hoàn cảnh này không liên quan gì đến việc quan điểm của người ấy là đúng hay sai. Đây là một ví dụ về nguy biện công kích hoàn cảnh của đối phương.

Ông X cho rằng chế độ chính trị ở PLK là ưu việt và mẫu mực. Nhưng vấn đề là ông ấy buộc phải nói thế thôi. Ông ấy là quan chức trong chế độ ấy mà. Cho nên hãy quên lời ông ta đi.

Cấu trúc dạng chuẩn của luận cứ này được trình bày như sau:

- (1) Ông X là quan chức trong chế độ chính trị ở PLK.
- (2) Quan điểm của ông X về sự ưu việt và mẫu mực của chế độ chính trị ở PLK là không đáng tin.

Dù hoàn cảnh của ông X có thế nào đi nữa thì ta không được lấy chính sự kiện ấy để bác bỏ quan điểm của ông ta được, bởi lẽ nó không hề liên quan tới tính đúng sai của quan điểm nói trên của ông ta. Một luận cứ được xây dựng theo cách ấy rõ ràng là một sự nguy biện.

Tuy nhiên, ta cũng nên lưu ý không phải bất cứ sự công kích cá nhân nào cũng là nguy biện. Chẳng hạn:

Chúng ta không nên thuê bà X làm người giúp việc trong nhà, bởi lẽ bà này có thói quen hay ăn cắp vặt.

Cấu trúc của luận cứ này như sau:

- (1) Bà X có thói quen hay ăn cắp vặt.
- (2) Chúng ta không nên thuê bà X làm người giúp việc trong nhà.

Điểm mấu chốt của nguy biện công kích cá nhân là ở chỗ nó bác bỏ *luận cứ* hay *quan điểm* của người khác bằng cách tấn công vào bản thân tác giả của luận cứ hay quan điểm bị bác bỏ đó. Trong trường hợp luận cứ này, thoát nhìn thì ta thấy có sự tấn công vào cá

nhân nhưng ví dụ này không phải là nguy biện công kích cá nhân, bởi lẽ ở đây không có luận cứ nào của bà X bị bác bỏ, chỉ có sự bác bỏ bản thân bà X do tư cách con người của bà ấy đáng bị bác bỏ. Vì thế, tiền đề của luận cứ trên có mối liên hệ xác đáng với chính kết luận.

2.1.2. Nguy biện viện dẫn số đông

Nguy biện viện dẫn số đông (hay viện dẫn niềm tin phổ biến) là lỗi lập luận cho rằng một tuyên bố hay quan điểm nào đó là đúng vì có nhiều người tin nó. Chẳng hạn một lập luận sau đây

Hầu hết mọi người trên thế gian này đều tin có ma, cho nên bạn nghi ngờ điều đó sao được?

Ta có thể trình bày cấu trúc của luận cứ này như sau:

(1) Hầu hết mọi người trên thế gian này đều tin có ma.

(2) Bạn nên tin vào điều đó.

Luận cứ này là một nguy biện bởi lẽ nó giả định rằng phán đoán kết luận là đúng vì có rất nhiều người tin như vậy. Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ niềm tin của nhiều người không liên quan gì đến chân lý của kết luận. Ở đời, biết bao nhiêu niềm tin của số đông là những ảo tưởng sai lầm. Trước thế kỷ XV, hầu hết mọi người vẫn tin một cách đỉnh ninh rằng trái đất là trung tâm của vũ trụ và mặt trời quay quanh trái đất. Lịch sử khoa học cho thấy đây là một niềm tin sai lầm. Biết bao nhiêu người đã từng tin rằng chủng dân da trắng cao quý và ưu việt hơn các chủng dân da màu, tin rằng đi chùa cúng tế thì sẽ được lộc Phật ban, tin rằng tử vi bói toán cũng cũng chính xác không kém gì khoa học, v.v. tất cả chúng cũng chỉ là ảo tưởng. Do đó, không phải cái gì được nhiều người tin thì cái đó đương nhiên đúng.

Tuy nhiên, không phải bất cứ niềm tin nào của số đông cũng sai lầm nếu số đông ấy thuộc cộng đồng các nhà khoa học, các chuyên gia trong những lĩnh vực nào đó. Trong trường hợp này, niềm tin của họ có thể là một căn cứ chính đáng mà ta có thể sử dụng để biện minh cho một nhận định nào đó, vì hầu hết các niềm tin của họ đều đã được vượt qua được những kiểm chứng chặt chẽ. Các nhà vật lý học tin rằng thời gian và không gian có thể co lại hay giãn ra tùy theo vận tốc di chuyển của vật mang thời gian và không gian ấy. Tốt nhất ta nên tin điều này.

2.1.3. *Ngụy biện viện dẫn truyền thống*

Viện dẫn truyền thống là luận cứ cho thấy rằng một phán đoán nào đó phải đúng vì nó là một phần của truyền thống. Chẳng hạn:

Đương nhiên là tôi tin có Thiên Chúa. Hàng nghìn năm nay người ta đã tin có Thiên Chúa rồi, điều đó cũng chứng tỏ hẳn nhiên là phải có Thiên Chúa. Hơn nữa, bạn nghĩ thử xem có lòng tin nào khác lâu bền như thế chẳng?

Chuẩn hóa luận cứ này ta có cấu trúc như sau:

(1) Hàng nghìn năm nay mọi người đều tin là có Thiên Chúa.

(2) Có Thiên Chúa là một sự thật.

Trong luận cứ này, cụm từ "hàng nghìn năm nay" cho thấy niềm tin của con người vào Thiên Chúa đã có một bề dày lịch sử, nghĩa là đã thành một truyền thống. Theo *Từ điển Oxford*, truyền thống là "một niềm tin, tập tục hay cách làm nào đó đã tồn tại từ lâu ở một nhóm người cụ thể"¹. Chính vì đặc điểm "đã tồn tại từ lâu" của gì đó này gây cho ta một cảm giác tin tưởng, và do đó ta thường dễ lầm tưởng rằng tất cả những gì thuộc về truyền thống đều tốt đẹp hay đúng đắn. Bản thân cái "đã tồn tại từ lâu" có thể đúng nhưng cũng có thể sai, có thể tốt đẹp nhưng cũng có thể không tốt đẹp, có mặt tích cực nhưng cũng có thể có mặt tiêu cực. Do đó, trong luận cứ nếu ta lấy truyền thống làm tiền đề để nâng đỡ cho một kết luận thì luận cứ của ta sẽ là một ngụy biện vì tiền đề thuộc loại này không có mối liên hệ xác đáng nào với kết luận. Trường hợp luận cứ trên của chúng ta là một ngụy biện viện dẫn truyền thống.

Một điều quan trọng ta cũng nên lưu ý, trong thực tế có những trường hợp cái "đã tồn tại từ lâu" mà ta gọi là truyền thống có thể là một sản phẩm sáng tạo của thời sau này. Điều đó có nghĩa là cái ta nghĩ là "đã tồn tại từ lâu" thực chất là chỉ tồn tại *mới gần đây* mà thôi và đôi khi được sáng tạo ra.² Do đó, mọi sự viện dẫn truyền thống

1. "Tradition", <https://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/tradition>.

Truy cập ngày 27/5/2021.

2. Eric Hobsbawm & Terence Ranger (chủ biên, 1992). *The invention of tradition*. Cambridge University Press, tr. 1.

thuộc loại này như là một chứng cứ để biện minh cho một kết luận nào đó là không xác đáng.

Ngoài ra, khi viện dẫn truyền thống làm tiền đề cho kết luận của luận cứ, người lập luận có thể viện dẫn sai truyền thống. Xét ví dụ sau:

Đã bao đời nay, chỉ có tình yêu chỉ giữa người nam và người nữ, chứ không chứ không có tình yêu giữa những người cùng giới tính; do đó, tình yêu đồng giới tính là không thể chấp nhận được.

Luận cứ này có cấu trúc sau:

- (1) Đã bao đời nay, không có tình yêu giữa những người cùng giới tính.

- (2) Tình yêu giữa những người cùng giới tính là không thể chấp nhận.

Luận cứ này đã viện dẫn sai truyền thống tình yêu giữa những người cùng giới tính. Các văn bản của nền văn hóa Hy Lạp cổ đại còn lại cho tới ngày nay đã ghi nhận tình yêu giữa những người cùng giới tính là một hiện tượng phổ biến trong đời sống văn hóa xã hội lúc bấy giờ.¹ Đây rõ ràng là một nguy biện.

2.1.4. Nguy biện viện dẫn điều chưa biết

Nguy biện viện dẫn điều chưa biết là lỗi lập luận cho rằng việc thiếu chứng cứ cũng chứng minh được một điều gì đó. Có hai biến thể của nguy biện này. Trước hết đó là dạng luận cứ phát biểu rằng một phán đoán nào đó tất phải đúng vì chưa ai chứng minh được nó sai. Chẳng hạn:

Ta có thể khẳng định rõ ràng rằng có Thượng đế, bởi lẽ khoa học chưa chứng minh được là không có Thượng đế.

Luận cứ này có cấu trúc như sau:

- (1) Khoa học chưa chứng minh được là không có Thượng đế.

- (2) Có Thượng đế.

Lỗi của luận cứ này là ở chỗ tác giả của nó giả định một cách sai lầm rằng việc thiếu chứng cứ đã là một chứng cứ chứng minh cho một điều gì đó rồi. Sự thực thì việc thiếu chứng cứ không thể chứng

¹ Xem Plato (2019). *Yến hội và Phaedrus - Đối thoại kinh điển về tình yêu, giới tính và bản năng*. Đỗ Khánh Hoan dịch. NXB Thế giới.

minh cho bất cứ điều gì cả, nó chỉ bộc lộ ra tình trạng không biết của chúng ta về một điều gì đó mà thôi.

Biến thể thứ hai của ngụ biện này là lối lập luận cho rằng một phán đoán nào đó là sai vì chưa ai chứng minh được là nó đúng. Chỉnh sửa lại luận cứ trên một chút, ta sẽ có một ngụ biện thuộc loại này như sau:

Ta có thể khẳng định rõ ràng rằng không có Thượng đế, bởi lẽ khoa học chưa chứng minh được là có Thượng đế.

Cấu trúc của luận cứ này sẽ là như sau:

- (1) Khoa học chưa chứng minh được là có Thượng đế.
- (2) Không có Thượng đế.

Cũng giống như luận cứ trên, không có chứng cứ thì ta không có cơ sở khẳng định một điều gì đó là đúng hay sai, có hay không có. Mọi khẳng định thiếu cơ sở như vậy đều là ngụ biện.

2.1.5. Ngụ biện viện đến cảm xúc

Ngụ biện viện đến cảm xúc là lối lập luận trong đó tác giả luận cứ lấy cảm xúc làm tiền đề cho kết luận của mình. Điều này có nghĩa là tác giả cố gắng thuyết phục người khác bằng cách khơi gợi những tình cảm của họ chứ không phải đưa ra những lý do có liên quan xác đáng với những gì họ đang thuyết phục. Xét luận cứ sau:

Các ông nên thuê tôi cho vị trí công việc này. Tôi tin chắc rằng tôi sẽ đáp ứng được các yêu cầu của ông. Nếu như tôi không có việc làm ngay thì vợ tôi sẽ bỏ tôi, và tôi cũng sẽ không đủ tiền thuốc thang cho mẹ. Bà ấy bị bệnh tim từ nhiều năm nay.

Cấu trúc của luận cứ này sẽ là như thế này:

- (1) Tình cảnh đáng thương của người xin việc: vợ sẽ bỏ, mẹ bệnh tim và anh ta không đủ tiền thuốc thang cho mẹ.
- (2) Anh ta nên được nhận vào làm việc.

Luận cứ này rõ ràng là một sự ngụ biện, bởi lẽ nó viện đến tình cảm thương hại của người khác, và ngoài điều đó ra tác giả không cung cấp thêm thông tin nào làm chứng cứ để biện minh cho kết luận. Chúng ta có thể cảm thông cho tình cảnh của người xin việc và mẹ của anh ta, tuy nhiên cảm xúc ấy không liên quan gì tới việc

anh ấy có đáp ứng được yêu cầu của vị trí công việc mà anh ấy đang xin hay không. Dạng luận cứ viện đến cảm xúc này thường được gọi là ngụ biện viện đến lòng thương hại (appeal to pity).

Tuy nhiên, ta cũng nên lưu ý không phải bất kỳ việc viện dẫn cảm xúc để thuyết phục người khác nào cũng là ngụ biện. Chẳng hạn, một người mẹ có thể dùng tình mẫu tử để khuyên con cái hướng đến một điều tốt đẹp nào đó không phải là ngụ biện. Việc viện dẫn cảm xúc hay tình cảm chỉ trở thành ngụ biện khi vấn đề đang bàn cần phải được thuyết phục bằng lý lẽ, nhưng vì lý lẽ yếu kém nên người lập luận đã dùng tình cảm để lấp liếm đi sự yếu kém ấy. Mọi luận cứ được tổ chức theo cách lấp liếm như vậy đều là ngụ biện.

2.1.6. Ngụ biện người rom

Ngụ biện người rom là một dạng luận cứ trong đó người lập luận xuyên tạc luận cứ của đối phương hay làm suy yếu nó để công kích dễ dàng hơn, rồi bác bỏ cái luận cứ đã bị xuyên tạc ấy, và sau đó kết luận rằng luận cứ gốc của đối phương đã bị bác bỏ. Chẳng hạn:

Người A: *"Quảng cáo rượu bia khiến sinh viên ăn nhậu và lơ là việc học. Do đó, ta không nên cho phép quảng cáo rượu bia trên ti vi."*

Người B: *"Trăm năm Kiều vẫn là Kiều. Sinh viên ăn nhậu là điều tất nhiên. Sao cấm được."*

Trong đoạn văn hội thoại này, luận cứ của người A đưa ra nhận định "không nên quảng cáo rượu bia trên ti vi", người B trình bày lại quan điểm này của A nhưng đã xuyên tạc nó thành một nhận định khác, trông có vẻ lô bịch và ngớ ngẩn hơn, là "cấm sinh viên ăn nhậu"; sau đó, người B xây dựng luận cứ bác bỏ luận cứ của người A bằng cách đưa ra tiền đề "Sinh viên ăn nhậu là điều tất nhiên"; và thế là người B coi như mình đã bác bỏ được luận cứ của người B. Điều rõ ràng ta có thể thấy ở đây, luận cứ của người A không liên quan gì đến việc cấm sinh viên ăn nhậu cả, vì thế luận cứ phản bác của người B là một sự ngụ biện. Và bất kỳ luận cứ nào có cấu trúc như vậy cũng đều là ngụ biện.

2.1.7. Ngụ biện đánh lạc hướng

Ngụ biện đánh lạc hướng, còn gọi là ngụ biện cá trích (red herring), là một lối lập luận trong đó tác giả luận cứ cố đánh lạc

hướng đối phương bằng cách nêu ra một vấn đề khác không liên quan để dẫn tới việc bác bỏ quan điểm hay luận cứ của đối phương. Đây là một ví dụ:

Nhiều người hay chỉ trích ông X là kẻ lợi dụng quyền lực của mình để tham nhũng. Nhưng ông ấy là một người lãnh đạo xuất chúng, có tâm hướng Phật, và đặc biệt ông ấy có công rất lớn trong công cuộc phát triển kinh tế của địa phương. Rõ ràng, những lời chỉ trích này là không thỏa đáng.

Vấn đề ở đây là việc ông X bị chỉ trích là đã lợi dụng quyền lực để tham nhũng là có đúng hay không, chứ không phải ông ấy là người lãnh đạo tài ba, có đạo đức tốt hay có công lao gì đối với xã hội. Tác giả luận cứ đã lèo lái vấn đề, chuyển hướng chú ý của người nghe từ vấn đề này sang vấn đề khác không liên quan để cho thấy vấn đề gốc được nêu ra ban đầu không có lý do tồn tại. Bằng cách làm như thế, tác giả luận cứ đã chơi trò ngụy biện cá trích.

Ta hãy xét thêm một ví dụ nữa về lối lập luận này:

Người vợ: "Đối vợ là trái đạo lý, anh biết chưa hở?"

Người chồng: "Ừa, đạo lý nghĩa là gì vậy em?"

Người vợ: "Đạo lý là bộ quy tắc ứng xử chung cho các nền văn hóa".

Người chồng: "Vậy à, thế ai là người đưa ra các quy tắc ấy?"....

Trong đoạn văn hội thoại này, vấn đề ban đầu được nêu ra là hành vi đáng bị phê phán người chồng là đã dám ... đối vợ. Người chồng lấp liếm vấn đề này bằng cách đánh lạc hướng sự chú ý của người vợ bằng cách chuyển vấn đề từ một hành vi trái đạo lý sang một vấn đề bàn luận lý thuyết đạo đức học, cụ thể là định nghĩa khái niệm về đạo lý, rồi tiếp tục lèo lái sang vấn đề khác, và cứ như thế, người chồng đã thành công trong việc *thủ tiêu* vấn đề ban đầu. Với những dạng ngụy biện như thế này, ta chỉ cần tỉnh táo, yêu cầu đối phương trở lại với vấn đề đang bàn luận ngay khi đối phương vừa lèo lái vấn đề là có thể ngăn ngừa được nó.

2.1.8. Ngụy biện toàn bộ và bộ phận

Ngụy biện toàn bộ và bộ phận có hai dạng: từ bộ phận hợp thành toàn bộ và từ toàn bộ phân ra từng bộ phận.

Ngụy biện *từ toàn bộ phân ra bộ phận* (fallacy of division) là luận cứ cho rằng cái toàn bộ đúng thì các bộ phận của nó tất phải đúng. Ví dụ:

Trường Đại học X được xếp hạng cao nhất trong bảng hệ thống đánh giá chất lượng đào tạo của các trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam. Do đó, sinh viên của trường Đại học X là các sinh viên giỏi nhất ở Việt Nam.

Luận cứ này là ngụy biện bởi lẽ nó giả định rằng trường Đại học X có chất lượng đào tạo tốt nhất thì các sinh viên của nó tất phải là những sinh viên giỏi nhất. Xét về mặt logic, chất lượng đào tạo tốt nhất của một cơ sở đào tạo không có mối liên hệ xác đáng trực tiếp với sự việc mọi sinh viên của cơ sở ấy là những con người giỏi nhất.

Ngụy biện *từ bộ phận hợp thành toàn bộ* (fallacy of composition) là lối lập luận cho rằng cái gì đúng với các bộ phận thì nó tất phải đúng với cái toàn bộ. Cũng giống như ngụy biện từ toàn bộ phân ra bộ phận, lỗi sai ở đây là người ta nghĩ rằng các bộ phận và cái toàn bộ hợp thành của chúng cùng có chung những đặc điểm nào đó. Ví dụ:

Các nguyên tử cấu thành cơ thể con người không thể thấy được bằng mắt thường. Do đó, cơ thể con người không thể thấy được bằng mắt thường.

Cấu trúc của luận cứ này có dạng như sau:

- (1) Các nguyên tử cấu thành cơ thể con người không thể thấy được bằng mắt thường.

- (2) Cơ thể con người không thể thấy được bằng mắt thường.

Đúng là cơ thể con người của chúng ta được cấu thành từ các nguyên tử, và kích thước của các nguyên tử là vô cùng bé, đến mức mắt thường không thể nhìn thấy được. Đặc điểm "vô cùng bé" này chỉ có ở các nguyên tử (các bộ phận) chứ không có ở cơ thể con người (cái toàn bộ được hợp thành). Chính vì vậy, tiền đề của luận cứ này không có mối liên hệ xác đáng với kết luận mà nó muốn biện minh. Đây là một ngụy biện. Đương nhiên.

2.1.9. Ngụy biện hai cái sai thành một cái đúng

Ngụy biện hai cái sai thành một cái đúng rất gần với ngụy biện ông/bà cũng thế. Điểm phân biệt giữa hai loại ngụy biện này ở chỗ Ông/bà cũng thế nhấn mạnh đến tính thiếu nhất quán giữa lời nói và hành động của người lập luận, còn Hai cái sai thành một cái đúng nhấn mạnh đến việc biện minh cho một hành động/niềm tin sai trái bằng cách chỉ ra người khác cũng có hành động/niềm tin như vậy. Luận cứ sau đây là một ví dụ cho ngụy biện hai cái sai thành một cái đúng:

Tôi trộm tiền của nó đấy. Thì sao nào? Nó đã trộm tiền của tôi mấy lần rồi, sao các ông không nói nó?

Luận cứ này có cấu trúc sau:

- (1) Nó đã mấy lần lấy trộm tiền của tôi.
- (2) Tôi lấy trộm lại tiền của nó là điều đúng đắn.

Luận cứ này là một sự ngụy biện, bởi lẽ nó đã sử dụng một hành vi sai trái để biện minh cho một hành vi sai trái. Một hành vi sai trái vẫn được coi là một hành vi sai trái nếu ta không có sự biện minh nào khác ngoài việc liệt kê ra càng nhiều càng tốt những trường hợp người khác có cùng hành động ấy.

2.1.10. Ngụy biện viện đến thành phần xuất thân

Ngụy biện viện đến thành phần xuất thân hay dòng dõi (genetic fallacy) là lối lập luận cho rằng một phán đoán nào đó là đúng hay sai tùy thuộc vào nguồn gốc xuất thân của nó. Ví dụ:

Ý tưởng đề xuất người dân chống ngập bằng lu của bà X là vô giá trị bởi lẽ ý tưởng đó xuất phát từ thực tế bà ấy là cổ đông lớn của một công ty chuyên sản xuất lu.

Luận cứ này có cấu trúc sau:

- (1) Ý tưởng chống ngập bằng lu của bà X xuất phát từ thực tế bà X là cổ đông của một công ty chuyên sản xuất lu.
- (2) Ý tưởng đề xuất người dân chống ngập bằng lu của bà X là vô giá trị.

Luận cứ này không thuyết phục vì nó bác bỏ ý tưởng của bà X chỉ dựa trên cơ sở nguồn gốc phát sinh ý tưởng ấy. Nơi xuất thân của một ý tưởng hay luận điểm không có mối liên hệ xác đáng nào với

tính đúng sai của bản thân ý tưởng hay luận điểm ấy. Mọi luận cứ nào được tổ chức theo cấu trúc này đều là ngụy biện.

2.2. Ngụy biện với các tiền đề không thể chấp nhận

2.2.1. Ngụy biện vòng vo

Ngụy biện vòng vo là một lối lập luận theo đó tác giả luận cứ cố gắng đưa ra kết luận bằng cách dùng chính kết luận ấy làm tiền đề. Ngụy biện này thường có hai phiên bản khác nhau.

Phiên bản thứ nhất mà ta thường gặp đó là kết luận của luận cứ chỉ là lời phát biểu lại tiền đề bằng những từ ngữ khác. Ví dụ:

Linh hồn là bất tử, vì nó sống đời đời.

Trong trường hợp này, ta thấy kết luận ("linh hồn là bất tử") là cùng một nội dung với tiền đề của nó ("linh hồn sống đời đời"), cho nên kết luận chỉ là sự phát biểu lại nội dung của tiền đề bằng cách dùng chữ "bất tử" thay cho từ đồng nghĩa trong tiền đề là "sống đời đời".

Phiên bản thứ hai của ngụy biện vòng vo là lối lập luận vòng tròn. Ngụy biện này xảy ra khi tác giả luận cứ đưa ra một chuỗi các lý do nâng đỡ cho kết luận trong đó kết luận của luận cứ lại được sử dụng làm một trong các tiền đề của nó. Chẳng hạn:

Người A: Thượng đế đã viết ra Kinh thánh.

Người B: Sao anh biết được?

Người A: Vì Kinh thánh có nói điều đó, và những gì Kinh thánh nói đều là sự thật.

Người B: Sao anh biết những gì Kinh thánh nói là thật?

Người A: Vì Thượng đế đã viết ra Kinh thánh.

Ta có thể phát biểu lại luận cứ của người A trong đoạn hội thoại này như sau:

Thượng đế đã viết ra Kinh thánh vì Kinh thánh nói rằng Thượng đế đã viết ra nó, và chúng ta nên tin những gì Kinh thánh nói vì Thượng đế đã viết ra Kinh thánh.

Đoạn văn này cho thấy phán đoán "Thượng đế đã viết ra Kinh thánh" cùng một lúc vừa làm tiền đề lại vừa làm kết luận trong luận cứ. Bất cứ luận cứ nào có cấu trúc như vậy cũng đều là ngụy biện.

2.2.2. Ngụy biện viện đến uy tín không chính đáng

Ngụy biện viện đến uy tín không chính đáng là luận cứ trong đó người lập luận cố gắng thuyết phục người nghe chấp nhận một niềm tin hay một hành vi bằng cách viện dẫn một thứ uy tín (còn gọi là quyền uy) hay sự làm chứng của một cá nhân nào đó nhưng thiếu độ tin cậy. Chẳng hạn:

Ông bác sĩ phụ sản X nói với tôi rằng nguồn gốc của con người là từ cá và ông lấy hình ảnh cái bào thai để chứng minh cho tôi điều đó. Với trình độ của một người bác sĩ như ông, tôi nghĩ những gì ông ấy nói về vấn đề này là đáng để chúng ta tin.

Kết luận của luận cứ này liên quan đến vấn đề về nguồn gốc tiến hóa của loài người, và uy tín được viện dẫn ở đây là một bác sĩ phụ sản. Vấn đề đang bàn thuộc lĩnh vực sinh học tiến hóa, không thuộc lĩnh vực chuyên môn của bác sĩ phụ sản; và cũng thật khó để một bác sĩ phụ sản trở thành một chuyên gia về sinh học tiến hóa. Sự viện dẫn uy tín như thế là không chính đáng, do đó luận cứ trên là một ngụy biện.

Một dạng khác của ngụy biện này là luận cứ trong đó người ta đã trích dẫn lời nói của người có uy tín một cách thiếu chính xác hay từ một nguồn mà độ tin cậy của nó rất đáng ngờ. Chẳng hạn, để đề cao giá trị vĩnh cửu của giáo lý đạo Phật, người ta dẫn ra câu sau đây được cho là của Albert Einstein (1879-1955):

"Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trên trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật Giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó"¹

Và đoạn văn này có thêm một biến thể nữa:

"Nếu có một tôn giáo nào tương thích với những nhu cầu khoa học tiên tiến thì đó chính là Phật giáo".²

-
1. Lâm Linh (2018). "Nhà khoa học thiên tài Albert Einstein nghĩ gì về giáo lý đạo Phật". <https://phatgiao.org.vn/nha-khoa-hoc-thien-tai-albert-einstein-nghi-gi-ve-giao-ly-dao-phat-d32630.html>. Truy cập ngày 31-05-2021.
 2. Nguyễn Đức Sinh (2016). "Đạo Phật từ góc nhìn khoa học". Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 7. Phiên bản điện tử: <https://tapchinghiencuuphathoc.com/dao-phat-tu-goc-nhin-khoa-hoc.html>. Truy cập ngày 31-05-2021.

Trước hết, cũng giống như luận cứ bác sĩ phụ sản ở trên, luận cứ này đã phạm phải nguy biện khi viện đến Einstein để biện minh chân lý cho một vấn đề không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ông. Einstein là một nhà vật lý học, chứ không phải là một nhà Phật học hay một chuyên gia về tôn giáo. Tiếp đến, đoạn văn được trích dẫn trên đây có xuất xứ không rõ ràng, và chưa có bất cứ bằng chứng nào cho thấy chúng thực sự do Einstein viết ra.¹ Do trích dẫn nguồn không đúng mà việc viện dẫn uy tín này cũng là một nguy biện.²

Ta hãy xét thêm luận cứ sau:

Ông X, nguyên Chủ tịch Tập đoàn Thuốc lá PLK tuyên thệ trước Ủy ban Điều trần Quốc hội rằng thuốc lá không phải là chất gây nghiện và hút thuốc lá không gây ra bất cứ sự nghiện ngập nào. Do đó, chúng ta nên tin lời ông và kết luận rằng hút thuốc lá không gây nghiện.

Trong trường hợp này, nếu ông X nói đúng sự thật rằng thuốc lá là chất gây nghiện và hút thuốc lá sẽ bị nghiện thì chắc hẳn công ty của ông sẽ hết đất làm ăn. Đây chính là động cơ buộc ông X phải nói dối. Vì thế luận cứ trên là một sự nguy biện.

2.2.3. Nguy biện lưỡng nan giả

Nguy biện lưỡng nan giả, còn gọi là nguy biện đen-trắng, là một dạng luận cứ trong đó người nói khẳng định chỉ có hai tình thế lựa chọn cần phải xem xét, trong khi thực chất bản thân vấn đề đang bàn luận có nhiều khả năng lựa chọn hơn. Đây là một ví dụ:

Chúng ta phải chuyển sang mô hình giáo dục mới, nếu không chúng ta sẽ tụt hậu so với các trường khác. Mô hình giáo dục này là hình mẫu cho nền giáo dục đương đại, và chúng ta cần phải nắm bắt lấy.

Cấu trúc của luận cứ này có dạng như sau:

- (1) Chúng ta phải chuyển sang mô hình giáo dục mới hoặc chúng ta sẽ tụt hậu so với các trường khác.

1. Xem Philip Ryan (2007). "Einstein's quotes on Buddhism". Bản điện tử: <https://tricycle.org/trikedaily/einsteins-quotes-buddhism/>. Truy cập ngày 31-05-2021.

2. Xem Gregory Bassham, William Ivrin, Henry Nardone, James M. Wallace (2010). *Critical thinking - A student's introduction*. McGraw-Hill, tr. 143.

(2) Chúng ta không muốn tụt hậu so với các trường khác.

(3) Chúng ta phải chuyển sang mô hình giáo dục mới.

Thoạt nhìn thì chúng ta thấy luận cứ này rất giống với một dạng ngụy biện hình thức (Mục 10.1) là khẳng định một lựa chọn. Như ta đã nói, lỗi sai của ngụy biện hình thức là lỗi sai *trong cấu trúc* luận cứ, lỗi sai của ngụy biện phi hình thức là lỗi sai *trong nội dung* tiền đề của luận cứ. Luận cứ chúng ta đang xét không phạm lỗi trong cấu trúc lập luận mà lỗi nằm ở *nội dung* của tiền đề thứ nhất. Tác giả của luận cứ này đã đơn giản hóa quá mức vấn đề đang xem xét, đặt người nghe vào thế phải lựa chọn một trong hai khả năng có tính cách loại nhau, và không có khả năng thứ ba nào khác. Trong khi đó, hai khả năng trong tiền đề của luận cứ này thực tế là không loại trừ nhau. Khi "chuyển sang mô hình giáo dục mới" ta vẫn có thể "tụt hậu so với các trường khác"; mặt khác để không bị "tụt hậu so với các trường khác" ta vẫn còn nhiều khả năng khác lựa chọn: thu hút người tài, nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến tổ chức quản trị trường học, v.v. Điều đó cho thấy, tiền đề tác giả nêu ra để làm chứng cứ biện minh cho kết luận của mình là không thể chấp nhận được. Vì thế, đây là một kiểu ngụy biện phi hình thức.

2.2.4 Ngụy biện khái quát hóa vội vã

Ngụy biện khái quát hóa là một luận cứ trong đó ta rút ra một kết luận mang tính khái quát từ một mẫu bị thiên lệch hay quá nhỏ. Xét ví dụ sau đây:

Phần lớn các sinh viên trong trường đều tập thể dục thường xuyên. Tôi đã làm cuộc khảo sát các sinh viên rời khỏi phòng tập tạ, và đại đa số họ đều trả lời rằng họ tập thể dục thường xuyên.

Luận cứ này có cấu trúc như sau:

- (1) Đa số các sinh viên rời khỏi phòng tập tạ của trường nói rằng họ tập thể dục thường xuyên.
- (2) Phần lớn các sinh viên trong trường đều tập thể dục thường xuyên.

Luận cứ này là một ngụy biện vì nó đã rút ra một kết luận có tính khái quát từ một mẫu *bị thiên lệch*, tức mẫu không đại diện cho toàn bộ quần thể mẫu. Quần thể các sinh viên trong trường không chỉ

có nhóm sinh viên thuộc mẫu trong luận cứ, mà còn nhiều nhóm sinh viên đang sinh hoạt ở các khu vực khác thuộc trường. Cũng luận cứ này, nếu ta đổi mẫu khác, cũng thiên lệch không kém, là nhóm sinh viên vừa bước từ thư viện ra, rất có thể ta sẽ có kết luận ngược lại với kết luận trên.

Ta xét thêm một ví dụ khác:

Tôi có quen biết một vài người Quảng Ngãi và tôi thấy họ là những người rất siêng năng và chịu khó. Tôi nghĩ những người dân xứ này đều là những người siêng năng và chịu khó.

Chuẩn hóa luận cứ này, ta có cấu trúc như sau:

(1) Một vài người Quảng Ngãi siêng năng và chịu khó.

(2) Toàn bộ người Quảng Ngãi siêng năng và chịu khó.

Luận cứ này cũng là một ngụ biện vì kết luận của luận cứ này được rút ra từ một mẫu quá nhỏ. Trong luận cứ khái quát hóa quy nạp, nếu tiền đề là một mẫu có kích cỡ quá nhỏ thì nó không đủ mạnh để nâng đỡ cho một kết luận đáng tin cậy được. Mọi luận cứ được tổ chức theo cách như thế đều là ngụ biện.

2.2.5. Ngụ biện loại suy yếu

Ngụ biện này là phiên bản không thành công trong việc thuyết phục của luận cứ quy nạp loại suy. Như ta đã thấy trong Chương 8, điểm mấu chốt của luận cứ loại suy chính là thao tác so sánh tìm ra sự giống nhau, hay sự tương đồng, giữa hai sự vật hay hoàn cảnh. Ngụ biện loại suy yếu xảy ra khi sự tương đồng giữa hai sự vật hay hoàn cảnh là không đủ mạnh để nâng đỡ cho kết luận.

Xét ví dụ sau:

Ô tô là phương tiện giao thông bốn bánh dùng để chở người và hàng hóa từ nơi này sang nơi khác. Cổ xe ngựa cũng là phương tiện giao thông bốn bánh dùng để chở người và hàng hóa từ nơi này sang nơi khác. Vì ô tô có thể chạy an toàn trên đường cao tốc, các cổ xe ngựa cũng có thể chạy an toàn trên đường cao tốc.

Đoạn văn trên có hai luận cứ, ta lần lượt chuẩn hóa từng luận cứ một. Luận cứ thứ nhất có cấu trúc thế này:

(1) Ô tô là phương tiện giao thông bốn bánh dùng để chở người và hàng hóa từ nơi này sang nơi khác.

(2) Cỗ xe ngựa cũng là phương tiện giao thông bốn bánh dùng để chở người và hàng hóa từ nơi này sang nơi khác.

(3) Cỗ xe ngựa giống chiếc xe ô tô.

Và đây là cấu trúc của luận cứ thứ hai:

(1) Cỗ xe ngựa giống chiếc xe ô tô.

(2) Xe ô tô có thể chạy an toàn trên đường cao tốc.

(3) Cỗ xe ngựa cũng có thể chạy an toàn trên đường cao tốc.

Trong hai cấu trúc này ta thấy phán đoán "Cỗ xe ngựa giống chiếc xe ô tô" là kết luận trong luận cứ thứ nhất và là tiền đề trong luận cứ thứ hai, cho nên luận cứ thứ hai là luận cứ chính của đoạn văn trên. Giờ ta hãy xem xét luận cứ chính này xem nó có phải là một ngụy biện không. Tiền đề của luận cứ cho thấy có sự tương đồng giữa hai vật "cỗ xe ngựa" và "chiếc xe ô tô". Nhưng sự tương đồng này có đủ để tác giả đi đến kết luận như thế không? Trả lời câu hỏi này ta sẽ xác định được luận cứ này là ngụy biện hay không phải ngụy biện. Sự tương đồng được nói ở đây là không đủ vì chúng chỉ là sự tương đồng hời hợt, bề ngoài, không mang tính cơ bản, trong khi đó sự không tương đồng giữa hai vật này mới là căn bản: cỗ xe ngựa là một loại phương tiện giao thông thô sơ, còn chiếc xe ô tô là một loại phương tiện giao thông có nhiều công nghệ kĩ thuật tiên tiến để đảm bảo sự tiện nghi và an toàn cho người trong quá trình tham gia giao thông. Rõ ràng, sự tương đồng tác giả nêu ra là quá yếu để làm nhiệm vụ nâng đỡ cho kết luận. Mọi luận cứ có tiền đề được tổ chức như thế này thì tất yếu sẽ dẫn đến những kết luận lạ lùng, không thể chấp nhận được.

2.2.6. Các ngụy biện dựa vào quan hệ nhân quả

Thế giới chúng ta đang sống đầy những mối quan hệ chằng chịt hết sức phức tạp, có những mối quan hệ ngẫu nhiên, có những mối quan hệ tất yếu. Rất nhiều sự kiện xảy ra trong cuộc sống, không phải lúc nào ta cũng có thể và dễ dàng xác định được nguyên nhân của chúng. Trong lập luận, khi ai đó khẳng định cái này là nguyên nhân của một cái khác, nhưng lại không có chứng cứ đầy đủ để biện minh

cho khẳng định ấy, họ đã rơi vào nguy biện dựa vào quan hệ nhân quả. Loại nguy biện này có nhiều biến thể khác nhau. Dưới đây là những biến thể thường gặp.

Nguy biện dựa vào nhân quả sai là luận cứ cho rằng có một mối quan hệ nhân quả giữa hai sự kiện, nhưng lại không đưa ra bất kỳ bằng chứng nào để biện minh cho điều đó. Chẳng hạn:

*Trận dịch hạch đang tàn phá thành Thebes nơi Oedipus trị vì.
Rõ ràng là thần linh đang trừng phạt thành này vì những tội
loạn luân do chính Oedipus phạm phải.¹*

Trong luận cứ này, tác giả đã giả định hai sự kiện "Oedipus phạm tội loạn luân" (gọi là sự kiện X) và "trận dịch hạch đang tàn phá thành Thebes" (gọi là sự kiện Y) có mối quan hệ nhân quả với nhau trong đó X là nguyên nhân của Y. Tuy nhiên, hai sự kiện nào đó xảy ra, trước sau hay đồng thời, có thể chỉ là sự ngẫu nhiên trùng hợp, chứ không phải là chúng tất yếu có quan hệ nhân quả với nhau. Vì thế, luận cứ này là một sự nguy biện.

Nguy biện post hoc có tên gọi đầy đủ là *post hoc ergo propter hoc*, nghĩa là "sau cái này vì thế là do cái này"; và thuật ngữ này không thể dịch sang các ngôn ngữ khác nên người ta đã gọi nó đúng theo ngôn ngữ gốc là *post hoc*. Nguy biện này xảy ra khi tác giả của luận cứ hiểu sai mối quan hệ giữa nhân quả và thời gian. Nói cách khác, đây là luận cứ cho rằng có hai sự kiện xảy ra theo trình tự trước sau về mặt thời gian cho nên sự kiện xảy ra trước phải là nguyên nhân của sự kiện xảy ra sau. Xét luận cứ sau đây:

*Ngày nào cũng thế, sau tiếng gáy của con gà là mặt trời mọc.
Do đó, tiếng gáy của con gà khiến cho mặt trời phải mọc.*

Theo luận cứ này, sự kiện "con gà gáy" xảy ra trước, "mặt trời mọc" xảy ra sau, và trên cơ sở mối quan hệ thời gian giữa hai sự kiện này, tác giả khẳng định con gà gáy là nguyên nhân của mặt trời mọc. Đúng là, trong quan hệ nhân quả, kết quả thường, nếu không nói là bao giờ cũng, xảy ra sau nguyên nhân, nhưng đây không phải là căn cứ để ta xác lập mối quan hệ nhân quả nào đó. Hai sự kiện có quan hệ

1. Vua Oedipus: nhân vật trong thần thoại và bi kịch Hy Lạp cổ đại, một trong những nhân vật gây nhiều ảnh hưởng đến lịch sử phát triển của tư tưởng và nghệ thuật phương Tây.

nhân quả với nhau khi chúng có mối quan hệ logic tất yếu. Tác giả của luận cứ trên đã không cố gắng tìm tòi và chọn lọc ra được mối quan hệ logic tất yếu ấy trong vô vàn mối quan hệ có thể có giữa hai sự kiện đang đề cập. Tác giả chỉ giả định một cách thiếu suy xét là cái có trước luôn là nguyên nhân của cái có sau. Luận cứ này rõ ràng là một nguy biện.

Nguy biện dốc trượt là một biến thể khác của nguy biện dựa vào nhân quả. Nó xảy ra khi kết luận của một luận cứ dựa trên một chuỗi các sự kiện liên kết nhau không phải theo logic nội tại của sự kiện mà theo mức độ nghiêm trọng tăng dần qua các sự kiện mà tác giả luận cứ muốn tượng ra. Ví dụ:

Nếu con không học đại học thì con sẽ không có bằng đại học. Nếu không có bằng đại học, con sẽ không kiếm được việc làm. Nếu không kiếm được việc làm con sẽ không tìm được người vợ tử tế. Nếu không có được người vợ tử tế gia đình con sẽ rơi xuống đáy xã hội, cuộc sống của con sẽ mất hết tương lai, mất hết hạnh phúc. Ai cũng muốn một cuộc sống có tương lai, hạnh phúc. Vậy thì con cần học đại học.¹

Trong luận cứ này, người cha/mẹ đã khuyên đưa con của họ nên học đại học bằng cách tưởng tượng ra một chuỗi các sự kiện nối tiếp nhau với mức độ nghiêm trọng tăng dần từ chỗ "không có bằng đại học" đến "không kiếm được việc làm" đến "không tìm được người vợ tử tế" cuối cùng là cuộc sống "không có tương lai, mất hết hạnh phúc". Chuỗi sự kiện được dùng này chỉ là sản phẩm tưởng tượng của "óc nghiêm trọng", thiếu tính khách quan, nên không phải là những lý do tốt để thuyết phục ai đó phải làm gì. Vì thế, luận cứ này là một nguy biện.

Tuy nhiên, ta cũng nên lưu ý, không phải luận cứ sử dụng một chuỗi các sự kiện nối kết nhau nào cũng là một luận cứ tồi hay nguy biện. Là nguy biện là bởi sự nối kết các sự kiện ấy không tuân theo logic nội tại của sự kiện mà theo sự tưởng tượng về mức độ nghiêm trọng tăng dần mà ta gán cho sự kiện. Nếu chuỗi sự kiện được nối kết nhau theo logic khách quan của quan hệ nhân quả, thì luận cứ ấy sẽ là một luận cứ tốt. Xét ví dụ sau:

1. Nguyễn Đức Dân (2021). Sdd., tr. 276.

Nếu có tiếp xúc gần với người bị nhiễm virus SARS-CoV-2 thì bạn phải khai báo y tế và đi cách ly. Nếu không thì hậu quả sẽ rất nặng nề. Về mặt cá nhân, bạn có thể bị nhiễm virus này, khi bị nhiễm virus này phổi của bạn sẽ bị hủy hoại và các bộ phận cơ thể của bạn sẽ bị tàn phá. Một khi cơ thể của bạn bị tàn phá thì cái chết chỉ cách bạn một gang tấc. Về mặt xã hội, bạn sẽ gây ảnh hưởng tai hại không những đến đời sống kinh tế mà còn đời sống tinh thần của cả cộng đồng.

Chuỗi sự kiện dùng làm lý do để nâng đỡ cho kết luận ở đây được nối kết nhau theo logic khách quan của mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện, có thể kiểm chứng được, do đó đây là một luận cứ tốt, chứ không phải là ngụy biện.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Với mỗi cặp luận cứ dưới đây, hãy xác định luận cứ nào, A và B, là ngụy biện hình thức.

1. A. Lan sẽ học Anh văn hoặc Pháp văn. Cô ấy học Pháp văn, nên cô ấy không học Anh văn.
 B. Lan sẽ học Anh văn hoặc Pháp văn. Cô ấy học không học Pháp văn, nên cô ấy học Anh văn.
2. A. Nếu Minh không tập luyện hàng ngày thì nó sẽ không được vào đội. Ngày nào nó cũng tập luyện, cho nên nó sẽ được vào đội.
 B. Nếu Minh không tập luyện hàng ngày thì nó sẽ không được vào đội. Minh không được vào đội, điều đó chứng tỏ nó không tập luyện hàng ngày.
3. A. Ai không giữ kín lời tâm sự của người khác, đó là một kẻ tàn nhẫn. Ông X là một kẻ tàn nhẫn, do đó ông X không giữ kín lời tâm sự của người khác.
 B. Ai không giữ kín lời tâm sự của người khác, đó là một kẻ tàn nhẫn. Ông X không phải là một kẻ tàn nhẫn, do đó ông X giữ kín lời tâm sự của người khác.

4.
 - A. Nếu cảnh sát biết rằng Jones có động cơ gây án, thì anh ta sẽ là kẻ bị tình nghi. Và anh ta là kẻ bị tình nghi. Do đó, cảnh sát tất phải biết rằng anh ta có động cơ gây án.
 - B. Nếu cảnh sát biết rằng Jones có động cơ gây án thì anh ta sẽ là người bị tình nghi. Nhưng cảnh sát không biết rằng Jones có động cơ gây án. Do đó, anh ta không phải là kẻ bị tình nghi.
5.
 - A. Mọi số chẵn đều chia hết cho 2. Số 6 là số chẵn. Do đó, số 6 chia hết cho 2.
 - B. Mọi số chẵn đều chia hết cho 2. Số 6 là số chia hết cho 2. Do đó, số 6 là số chẵn.
- 6.*
 - A. Không phải mọi cái sofa là giường, nhưng một số cái giường không thoải mái, cho nên một số cái sofa không thoải mái.
 - B. Mọi cái sofa là giường. Mọi cái giường đều thoải mái, cho nên Mọi cái sofa đều thoải mái.
7.
 - A. Tất cả các nhà nữ quyền đều ủng hộ việc đối xử bình đẳng với người nữ trong các quân chủng, nhưng một số phụ nữ lại không ủng hộ việc đối xử bình đẳng với người nữ trong các quân chủng. Vì thế, một số nhà nữ quyền không phải là phụ nữ.
 - B. Tất cả các nhà nữ quyền đều ủng hộ việc đối xử bình đẳng với người nữ trong các quân chủng, và một số phụ nữ lại không ủng hộ việc đối xử bình đẳng với người nữ trong các quân chủng. Vì thế, các nhà nữ quyền không phải là phụ nữ.
8.
 - A. Không phải trẻ em nào cũng là người vô kỷ luật, nhưng một số người lớn lại là người vô kỷ luật, cho nên người lớn không phải là trẻ em.
 - B. Trẻ em không phải là người vô kỷ luật, nhưng người lớn lại là người vô kỷ luật, cho nên người lớn không phải là trẻ em.
- 9.*
 - A. Mọi công nghệ mới đều có rủi ro. Mọi công nghệ mới có khả năng mang lại lợi nhuận. Do đó, một số thứ rủi ro có khả năng mang lại lợi nhuận.

- B. Mọi công nghệ mới đều có rủi ro. Một số công nghệ mới có khả năng mang lại lợi nhuận. Do đó, một số thứ rủi ro có khả năng mang lại lợi nhuận.
10. A. Một số tam đoạn luận không phải là những luận cứ hợp lệ. Mọi tam đoạn luận đều có hai tiền đề. Do đó, một số luận cứ có hai tiền đề không hợp lệ.
- B. Một số tam đoạn luận không phải là những luận cứ hợp lệ. Mọi tam đoạn luận đều có hai tiền đề. Do đó, một số luận cứ có hai tiền đề là hợp lệ.

II. Hãy chuẩn hóa các luận cứ sau đây và xác định xem nó là ngụ ý biện gì trong số các ngụ ý biện có tiền đề không liên quan.

1. Richard Nixon phải là một trong những tổng thống tệ nhất trong lịch sử đất nước này. Hãy nhìn vào hồ sơ của ông ta: nói dối, tham nhũng, và các vụ bê bối. Thêm nữa, ông ta là tổng thống duy nhất bị đề nghị từ chức.
2. Các nhóm hoạt náo viên nên phải mặc đồng phục đến trường vào thứ Sáu vì trước giờ chúng ta luôn làm như thế. Mặc đồng phục vào ngày thứ Sáu đã là truyền thống tại trường này rồi.
- 3.* Chưa từng có ai trong gia đình này ly hôn, cho nên các con không được giải quyết vấn đề hôn nhân của mình bằng biện pháp ly hôn.
4. Bill cho rằng bạn không nên hút thuốc lá. Ha! Chẳng có lý do nào để nghe lời hăn cả; tuần trước tôi thấy hăn hút thuốc lá ở một buổi tiệc.
5. Không ai chứng minh được rằng con người chịu trách nhiệm cho tình trạng ấm lên toàn cầu. Cho nên, ta phải kết luận rằng con người không chịu trách nhiệm cho sự ấm lên toàn cầu.
6. Người A: "Nhà nước nên cân nhắc việc xây dựng thêm các nhà máy thủy điện vì hậu quả của nó đối với môi trường sinh thái đã được thấy rõ!"
 Người B: "Ý cậu là nên xóa bỏ hết các nhà máy thủy điện? Nếu không có điện thì còn gì là văn minh, hiện đại?"

- 7.* Quyền sách của ông X về tâm lý học là vô giá trị, vì ông ta bị kết án là kẻ lường gạt.
8. Chẳng ai chứng minh được rằng ma quỷ là có thật. Thế thì, anh đừng nói có ma quỷ trong thánag cô hồn với tôi.
9. Vùng này nhà cửa có vườn rộng mênh mông. Ông X ở vùng này. Hẳn nhà ông X cũng có vườn rộng mênh mông.
10. Những nghiên cứu khoa học của tập đoàn X nói rằng mức độ ô nhiễm môi trường của tập đoàn họ là trong mức độ luật pháp cho phép. Nhưng tôi tin rằng những kết luận đó vì chính lợi ích của tập đoàn X nên kết quả này không đáng tin.
11. Con người được tạo thành từ các nguyên tử. Con người có nhận thức. Vậy các nguyên tử cũng có nhận thức.
12. Sáng tác của tay này chẳng hay ho gì đâu. Hẳn ta lãng nhăng hết cô này đến cô khác.
- 13.* Mày đã đánh em tao, nên tao sẽ đánh em mày.
14. Những người đồng tính luyến ái nhất định không thể nắm chính quyền. Do đó, phải tống khứ những viên chức chính phủ đồng tính luyến ái. Vì những người đồng tính luyến ái sẽ làm mọi cách để giấu hành tung của họ, và họ có nguy cơ bị tống tiền, cho nên, những người đồng tính luyến ái không được giữ chức vụ trong chính phủ.
15. Anh bệnh vực cho những người giàu vì chẳng qua anh cũng là con nhà giàu.
16. Chỉ số EQ (cảm xúc) của nữ giới cao hơn nam giới. Do đó, chỉ số EQ của cô X cao hơn của ông Y.
17. Phương pháp hiện thời của chúng ta vẫn có hiệu quả. Chúng ta không biết gì về phương pháp mới. Chúng ta cũng chẳng rõ nó có hiệu quả gì không. Do đó, phương pháp hiện thời của chúng ta có lẽ là tốt hơn phương pháp mới.
18. Tên này đã giết người, mạng đền mạng, vì thế chúng tôi có quyền đánh chết hắn.

- 19.* Tất cả các nhạc sĩ, nhạc công trong dàn nhạc này xuất sắc. Vậy nên dàn nhạc này xuất sắc.
20. Bộ anh chưa bao giờ phạm luật giao thông hay sao mà nói không được vi phạm luật giao thông?
21. Máy thẳng này đã ăn trộm chó, nên chúng tôi có quyền đánh chúng như tử, què chân gãy tay cũng không sao.
22. Lý thuyết của Hume về quan hệ nhân quả nhất định là một thứ lý thuyết sai lầm bởi lẽ ông ấy là một gã theo chủ nghĩa vị chủng.
- 23.* Không ai chứng minh được rằng con người không chịu trách nhiệm cho sự ấm lên toàn cầu. Cho nên ta phải khẳng định rằng con người chịu trách nhiệm cho sự ấm lên toàn cầu.
24. Các nhà môi trường cho rằng việc xây dựng thêm 30 trại sản xuất chế biến sữa ở Tipus Country sẽ gây hại cho sức khỏe cộng đồng, làm giảm chất lượng không khí, và làm ô nhiễm nước ở mặt sông và nước ngầm. Tuy nhiên, thực tế là mỗi trại sữa mới sẽ tạo ra hàng trăm công ăn việc làm cho cư dân địa phương, và các loại thuế tài sản do các trại sữa chi trả sẽ mang lại cho chúng ta mức thu nhập cần thiết để tài trợ cho các chương trình quan trọng đối với cộng đồng của chúng ta. Khi bạn xem xét những lợi ích được mang lại, thì rõ ràng là các nhà môi trường đã sai.
25. Nguyên tử thì không màu. Hoa được cấu thành từ các nguyên tử. Vậy nên hoa cũng không màu.
26. Bác sĩ khuyên tôi không nên uống cà phê, liệu có đúng không đấy khi mà tôi thấy bác sĩ cũng thường xuyên uống cà phê?
27. X cho rằng chúng ta nên bãi bỏ án tử hình vì nó không chứng tỏ hiệu quả răn đe, và nó có tác động tâm lý hết sức tiêu cực đến các nhân viên thi hành án tử hình. Nhưng bạn có biết rằng thẳng em của X hiện đang ở phòng giam tù nhân chịu án tử hình hay không? Khi bạn xem xét mối quan tâm đặc biệt của X đến vấn đề này, bạn sẽ thấy rằng anh ta sai.

28. Chắc chắn rằng Trái đất tươi đẹp đầy sức sống của chúng ta bao quanh mặt trời nóng rực, đã ngự ở trung tâm. Xét cho cùng có nhà thiên văn học nào đã chứng minh được điều ngược lại đâu.
29. *Tại phiên tòa xét xử vụ gian lận thi THPT năm 2018 ở Hà Giang diễn ra ngày 15-10-2019, bị cáo L.T.D nói: "Chị Phúc nhờ cho con trai. Từ năm 2013, tôi ốm nặng, nằm viện suốt, phải sang Trung Quốc điều trị. Chị Phúc bán hàng mã ở đền Cầu Má, giúp tôi trong sắp lễ, cầu cúng cho tôi, không có vật chất thì cũng là tinh thần nên tôi mang ơn chị ấy. Tiếp theo là anh Long, là nhân viên trông xe ở bệnh viện tỉnh. Nói thật với quý tòa vì thời gian tôi nằm viện anh ấy giúp đỡ mua bán các thứ rất là nhiều, nên tôi coi anh ấy như ân nhân, nên tôi nhờ nâng điểm cho con trai anh ấy".*

III. Hãy chuẩn hóa các luận cứ sau đây và xác định xem nó là ngụ ý biện gì trong số các ngụ ý biện có tiền đề không thể chấp nhận.

1. Tâm hồn giống như một dòng sông có thể rộng, có thể hẹp. Sông càng rộng thì càng nông. Cho nên tâm hồn càng rộng mở thì càng nông cạn.
2. Chúng tôi cầu nguyện ước mình có được chiếc Lexus, và rồi chúng tôi có nó. Cầu nguyện có hiệu lực thật!
- 3.* Người đàn bà cầu nhậu tôi sáng nay chưa có chồng. Mấy bà chưa chồng tính khí khó chịu lắm!
4. Nếu chấp nhận dân chủ đa nguyên thì buộc phải chấp nhận nhiều phe nhóm chống đối nhau. Các phe nhóm chống đối nhau có thể võ trang để loại trừ nhau. Khắp nước sẽ nổi da sáo thịt. Loạn.
5. Hôm nay trễ mười phút, ngày mai trễ một giờ, rồi ngày nào đó anh sẽ trốn họp luôn.
6. Lan có một trải nghiệm cay đắng với gã tình nhân cũ. Chính vì thế nàng nghĩ rằng bọn đàn ông đều là cá mè một lứa, toàn đám đề tiện.

7. Tôi không tin trà gừng có thể trị cảm cúm thông thường. Tuần trước, tôi có uống tách trà gừng và ngày hôm sau tôi bị sổ mũi.
8. Từ ngày gã X nhập bọn, nhóm chúng ta đi từ thất bại này sang thất bại khác. Gã X đúng là kẻ mang xui xẻo đến cho chúng ta.
9. Mày đừng có học ngành triết. Nếu mày theo học ngành đó, mày sẽ không bao giờ đạt điểm cao, sẽ chẳng ai chơi với mày, cũng sẽ chẳng ai thèm cưới mày. Nếu mày học triết, kết cục đời mày sẽ nghèo kiết xác và cô đơn.
10. Chơi xổ số thì thể nào cũng nghiện cờ bạc. Đã dính vào cờ bạc rồi thì trước sau gì nhà cửa, vợ con và mọi thứ quý giá sẽ lần lượt đội nón ra đi. Tất cả những gì còn lại với mày là gì? Một gã lang thang không cửa nhà, sống đầu đường xó chợ.
- 11.* Cải cách chăm sóc sức khỏe ở Utopa sẽ không diễn ra vì hệ thống chăm sóc sức khỏe đơn giản là không thể được cải cách.
12. Trái cây và rau quả là một phần của chế độ ăn uống lành mạnh. Rốt cuộc, một kế hoạch ăn uống lành mạnh bao gồm trái cây và rau quả.
13. Khoan hồng với tội phạm nhỏ tuổi sẽ khuyến khích chúng phạm tội nghiêm trọng hơn và chẳng bao lâu, nhà của chúng ta sẽ bị những thanh niên trộm cắp, giết người bao vây.
14. Một vài người cho rằng chúng ta nên tăng mức viện trợ nước ngoài cho Pakistan. Nhưng đây là một ý tưởng tệ hại! Tình hình hiện tại của Pakistan quá bất ổn và chính quyền của họ thì tham nhũng. Hơn nữa, họ có thể sử dụng tiền viện trợ để tấn công các nước láng giềng như Ấn Độ.

Phụ lục

ĐÁP ÁN BÀI TẬP

CHƯƠNG 1

Bài tập thực hành I:

1. Phán đoán
5. Không phải phán đoán. Câu hỏi.
8. Không phải phán đoán. Câu cầu khiến.
12. Phán đoán.
16. Không phải phán đoán. Cụm danh từ.
20. Phán đoán

Bài tập thực hành II:

1. Không phải luận cứ. Giải thích.
5. Luận cứ.
10. Không phải luận cứ. Phán đoán.
14. Không phải luận cứ. Phán đoán.
18. Luận cứ.
21. Không phải luận cứ. Giải thích và minh họa.
25. Không phải luận cứ. Giải thích.

Bài tập thực hành III:

1. Tiền đề 1: "Tất cả các nhà tư tưởng tự do đều là những người có tư duy phê phán."
Tiền đề 2: "Một số nhà tư tưởng tự do là giáo sư đại học."
Kết luận: "Một số giáo sư đại học là người có tư duy phê phán."
5. Tiền đề: "Sự phát triển về kinh tế và kỹ thuật đã khiến cho cuộc đấu tranh sinh tồn của con người càng thêm gay gắt."
Kết luận: "Sự phát triển tự do của cá nhân bị tổn hại nặng nề."

10. Tiền đề 1: "Mọi văn bản chứa đựng thông tin về quá khứ của con người đều là sử liệu."

Tiền đề 2: "Văn bản nào chứa đựng những thông tin về quá khứ [của con người]."

Kết luận: "Văn bản ấy là sử liệu."

CHƯƠNG 2

Bài tập thực hành I

1. (1) Sô cô la có đường.

(2) Đường không tốt cho răng của bạn. [Ngảm]

(3) Sô cô la không tốt cho răng của bạn.

5. (1) Ruồi gieo rắc các mầm bệnh.

(2) Ruồi là loài gây hại.

10. (1) Nhện hoàn toàn có lợi cho hệ sinh thái.

(2) Ta không nên hại chúng.

15. (1) Nếu ta chọn năng lượng hạt nhân thì ta sẽ làm tăng thêm nguy cơ tai nạn hạt nhân.

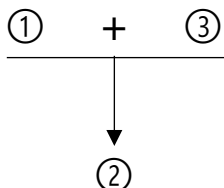
(2) Nếu ta chọn năng lượng quy ước thì ta sẽ làm tăng hiệu ứng nhà kính.

(3) Ta buộc phải chọn năng lượng hạt nhân hoặc năng lượng quy ước.

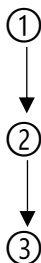
(4) Ta sẽ làm tăng tai nạn hạt nhân hoặc làm tăng hiệu ứng nhà kính.

Bài tập thực hành II

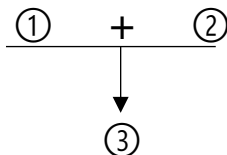
1. ① Nếu đường ống nước vỡ thì ta phải gọi thợ sửa ống nước. Điều đó có nghĩa là ② ta cần phải gọi thợ sửa ống nước vì ③ đường ống nước đã bị vỡ.



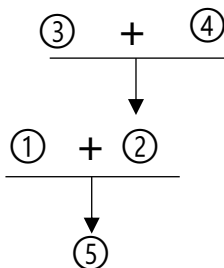
5. ① Tôi đã học ôn 10 giờ đồng hồ cho kỳ thi cuối khóa, vì thế ② tôi chắc sẽ làm bài thi tốt. Do đó, ③ điểm cuối kỳ của tôi sẽ trên mức trung bình.



10. ① Mọi hành vi vô hại không phải là hành vi trái đạo đức. ② Một số hành vi nói dối không phải là hành vi vô hại. Do đó, ③ một số hành vi nói dối không phải là hành vi trái đạo đức.



15. ① Bức *Mona Lisa* được vẽ bằng cách dùng a-cri-lích hoặc sơn dầu. Nhưng rõ ràng là ② nó không thể được vẽ bằng cách dùng a-cri-lích vì ③ tranh vẽ bằng cách dùng chất liệu a-cri-lích chỉ có sau những năm 1940, và ④ bức *Mona Lisa* được vẽ ở thế kỷ 16. Cho nên ⑤ nó chắc chắn được vẽ bằng sơn dầu.



CHƯƠNG 3

Bài tập thực hành I:

1. (1) Con sông dài nhất ở Nam Mỹ là Amazon,
(2) Sông Amazon chảy qua Brazil.
(3) Con sông dài nhất ở Nam Mỹ chảy qua Brazil.

Luận cứ diễn dịch

5. (1) Tất cả những người già trong gia đình tôi đều bị cao huyết áp.
(2) Khi về già, ai cũng bị cao huyết áp.

Luận cứ quy nạp

10. (1) Những con thiên nga đen sống ở Úc.
(2) Không phải con thiên nga nào cũng trắng.

Luận cứ diễn dịch

15. (1) Mọi triết gia đều là người đăng trí.
(2) Mọi triết gia nào không phải là người dạy học.
(3) Tất cả những ai đăng trí không phải là người dạy học.
20. (1) Nếu án tử hình có tác dụng răn đe để người khác không dám phạm tội thì tỉ lệ tội phạm ở các quốc gia có án tử hình ắt sẽ thấp hơn ở các quốc gia không có án tử hình.
(2) Tỉ lệ tội phạm ở các quốc gia có án tử hình lại cao hơn.
(3) Án tử hình thực sự không có tác dụng răn đe.

Luận cứ diễn dịch

25. (1) Tôi đã ôn bài rất kĩ.
(2) Tôi qua tôi cũng đã ngủ một giấc ngon.
(3) Tôi thích môn này.
(4) Tôi sẽ thi tốt môn này.

Luận cứ quy nạp

30. (1) Tôi đã bị dị ứng với tất cả những con mèo mà tôi đã từng gặp.
(2) Tôi bị dị ứng với mọi con mèo.

Luận cứ quy nạp.

CHƯƠNG 4

Bài tập thực hành I:

1. Đặt ký hiệu:

P = "Lan uống sữa trong bữa ăn sáng."

Q = "Lan uống nước trái cây trong bữa ăn sáng."

Hình thức phán đoán: $P \vee Q$

6. Đặt ký hiệu:

P = "Mặt trời quay quanh trái đất."

Q = "Trái đất quay quanh mặt trời."

Hình thức phán đoán: $P \wedge Q$

12. Chuẩn hóa phán đoán:

"Nếu tôi làm việc cật lực thì tôi sẽ đạt được mục tiêu này"

Đặt ký hiệu:

P = "Tôi phải làm việc cật lực."

Q = "Tôi sẽ đạt được mục tiêu này."

Hình thức phán đoán: $P \rightarrow Q$

18. Đặt ký hiệu:

P = "Chồng cày."

Q = "Vợ cày."

R = "Con trâu đi bừa."

Hình thức phán đoán: $(P \& Q) \& R$

24. Đặt ký hiệu:

P = "Anh làm được bài này."

Q = "Anh sẽ hiểu cách giải."

R = "Anh sẽ làm được bài tương tự."

Hình thức phán đoán: $P \rightarrow (Q \vee R)$

30. Chuẩn hóa phán đoán:

"Nếu anh là người khôn ngoan thì anh sẽ dựng được nhà."

Đặt ký hiệu:

P = "Anh là người khôn ngoan."

Q = "Anh sẽ dựng được nhà."

Hình thức phán đoán: $P \rightarrow Q$

36. Chuẩn hóa phán đoán:

"Nếu dân tộc nào có tư duy lý luận thì dân tộc ấy có thể đứng vững trên đỉnh cao của khoa học."

Đặt ký hiệu:

P = "Dân tộc nào có tư duy lý luận."

Q = "Dân tộc ấy có thể đứng vững trên đỉnh cao của khoa học."

Hình thức phán đoán: $P \rightarrow Q$

Bài tập thực hành II:

1. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Lan sẽ học Anh văn hoặc Lan sẽ học Pháp văn.

(2) Lan sẽ học Pháp văn.

(3) Lan sẽ không học Anh văn.

Hình thức ký hiệu:

Đặt biến: P = "Lan sẽ học Anh văn."; Q = "Lan sẽ học Pháp văn.", ta có:

(1) $P \vee Q$

(2) Q

(3) $\sim P$

7. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Tôi sẽ chơi cầu lông hoặc Tôi sẽ chơi video game.

(2) Tôi sẽ chơi video game.

(3) Tôi sẽ không chơi cầu lông.

Hình thức ký hiệu:

Đặt biến: P = "Tôi sẽ chơi cầu lông."; Q = "Tôi sẽ chơi video game.", ta có:

$$(1) P \vee Q$$

$$(2) Q$$

$$(3) \sim P$$

14. *Chuẩn hóa luận cứ:*

(1) Nếu con ăn cắp thì trời đánh thánh vật con.

(2) Trời không đánh thánh không vật con.

(3) Con không ăn cắp.

Hình thức ký hiệu:

Đặt biến: P = "Con ăn cắp."; Q = "Trời đánh thánh vật con.", ta có:

$$(1) P \rightarrow Q$$

$$(2) \sim Q$$

$$(3) \sim P$$

21. *Chuẩn hóa luận cứ:*

(1) Nếu anh làm được bài này thì anh sẽ hiểu cách giải hoặc anh sẽ làm được bài tương tự.

(2) Anh không hiểu cách giải và anh không làm được bài tương tự.

(3) Anh không làm được bài này.

Hình thức ký hiệu:

Đặt biến: P = "Anh làm được bài này."; Q = "Anh sẽ hiểu cách giải."; R = "anh sẽ làm được bài tương tự.", ta có:

$$(1) P \rightarrow (Q \vee R)$$

$$(2) \sim Q \& \sim R$$

$$(3) \sim P$$

26. *Chuẩn hóa luận cứ:*

(1) Nếu ta dựng nhà trong thung lũng thì nhà của ta sẽ bị ngập lụt.

(2) Nếu ta dựng nhà trên đỉnh đồi thì nhà của ta sẽ bị gió thổi bay.

(3) Ta phải dựng nhà trong thung lũng hoặc ta phải dựng nhà trên đỉnh đồi.

(4) Nhà của ta sẽ bị ngập lụt hoặc nhà của ta sẽ bị gió thổi bay.

Hình thức ký hiệu:

Đặt biến: P = "Ta dựng nhà trong thung lũng."; Q = "Nhà của ta sẽ bị ngập lụt."; R = "Ta dựng nhà trên đỉnh đồi."; S = "Nhà của ta sẽ bị gió thổi bay", ta có:

(1) $P \rightarrow Q$

(2) $R \rightarrow S$

(3) $P \vee Q$

(4) $R \vee S$

Bài tập thực hành III:

1. Luận cứ không hợp lệ

	P	Q	P & Q	/ P	// ~ Q
1.	Đ	Đ	Đ	Đ	S
2.	Đ	S	S	Đ	Đ
3.	S	Đ	S	S	S
4.	S	S	S	S	Đ

5. Luận cứ hợp lệ

	P	Q	P <u>∨</u> Q	/ P	// ~ Q
1.	Đ	Đ	S	Đ	S
2.	Đ	S	Đ	Đ	Đ
3.	S	Đ	Đ	S	S
4.	S	S	S	S	Đ

10. Luận cứ không hợp lệ

	P	Q	R	P <u>∨</u> Q	/ P → R	Q → R	// R
1.	Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	Đ
2.	Đ	Đ	S	S	S	S	S
3.	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
4.	Đ	S	S	Đ	S	Đ	S
5.	S	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
6.	S	Đ	S	Đ	Đ	S	S
7.	S	S	Đ	S	Đ	Đ	Đ
8.	S	S	S	S	Đ	Đ	S

15. Luận cứ hợp lệ

	P	Q	R	$P \rightarrow Q$	/	$\sim Q$	&	R	//	R
1.	Đ	Đ	Đ	Đ		S	S			Đ
2.	Đ	Đ	S	Đ		S	S			S
3.	Đ	S	Đ	S		Đ	Đ			Đ
4.	Đ	S	S	S		Đ	S			S
5.	S	Đ	Đ	Đ		S	S			Đ
6.	S	Đ	S	Đ		S	S			S
7.	S	S	Đ	Đ		Đ	Đ			Đ
8.	S	S	S	Đ		Đ	S			S

20. Luận cứ không hợp lệ

	P	Q	R	$\sim Q$	/	$P \rightarrow (Q \vee R)$	/	R	//	P
1.	Đ	Đ	Đ	S		Đ	Đ	Đ		Đ
2.	Đ	Đ	S	S		Đ	Đ	S		Đ
3.	Đ	S	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ		Đ
4.	Đ	S	S	Đ		S	S	S		Đ
5.	S	Đ	Đ	S		Đ	Đ	Đ		S
6.	S	Đ	S	S		Đ	Đ	S		S
7.	S	S	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ		S
8.	S	S	S	Đ		S	S	S		S

Bài tập thực hành III:

1. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Ông Minh sẽ ăn điểm tâm hoặc ông Minh sẽ uống café.

(2) Ông Minh sẽ không ăn điểm tâm.

(3) Ông Minh sẽ uống café.

Câu trúc ký hiệu:

Đặt P = "Ông Minh sẽ ăn điểm tâm."; Q = "Ông Minh sẽ uống café.", ta có:

(1) $P \vee Q$

(2) $\sim P$

(3) Q

Kiểm tra bằng phương pháp bảng chân lý:

	P	Q	$P \vee Q$	/	$\sim P$	//	Q
1.	Đ	Đ	Đ		S		Đ
2.	Đ	S	Đ		S		S
3.	S	Đ	Đ		Đ		Đ
4.	S	S	S		Đ		S

Đánh giá: Luận cứ hợp lệ.

8. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Mặt trời quay quanh trái đất hoặc trái đất quay quanh mặt trời.

(2) Mặt trời không quay quanh trái đất.

(3) Trái đất quay quanh mặt trời.

Cấu trúc ký hiệu:

Đặt $P =$ " Mặt trời quay quanh trái đất."

$Q =$ " trái đất quay quanh mặt trời.",

ta có:

(1) $(P \vee Q)$

(2) $\sim P$

(3) Q

Kiểm tra bằng phương pháp bảng chân lý:

	P	Q	$P \vee Q$	/	$\sim P$	//	Q
1.	Đ	Đ	S		S		Đ
2.	Đ	S	Đ		S		S
3.	S	Đ	Đ		Đ		Đ
4.	S	S	S		Đ		S

Đánh giá: Luận cứ hợp lệ

16. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Nếu chúng ta tăng thuế đối với các nhiên liệu hóa thạch hoặc chúng ta tìm nguồn năng lượng khác thay thế thì chúng ta sẽ chống lại được sự ấm lên toàn cầu.

(2) Chúng ta vẫn chưa tìm được nguồn năng lượng khác thay thế.

(3) Chúng ta phải tăng thuế đối với các nhiên liệu hóa thạch.

Cấu trúc ký hiệu:

Đặt $P =$ "Chúng ta tăng thuế đối với các nhiên liệu hóa thạch."

$Q =$ "Chúng ta tìm nguồn năng lượng khác thay thế."

$R =$ "Chúng ta sẽ chống lại được sự ấm lên toàn cầu."

ta có:

(1) $(P \vee Q) \rightarrow R$

(2) $\sim Q$

(3) P

Kiểm tra bằng phương pháp bảng chân lý:

	P	Q	R	$(Q \vee R)$	$\rightarrow R$	$/ \sim Q$	// P
1.	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S	Đ
2.	Đ	Đ	S	Đ	S	S	Đ
3.	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
4.	Đ	S	S	Đ	S	Đ	Đ
5.	S	Đ	Đ	Đ	Đ	S	S
6.	S	Đ	S	Đ	S	S	S
7.	S	S	Đ	S	Đ	Đ	S
8.	S	S	S	S	Đ	Đ	S

Đánh giá: Luận cứ không hợp lệ

22. *Chuẩn hóa luận cứ:*

(1) Nếu bạn không biết rút ra các bài học từ sai lầm của mình thì bạn sẽ có thể lặp lại sai lầm ấy nhiều lần nữa.

(2) Nếu bạn cứ lặp lại sai lầm ấy thì bạn sẽ không thể thành công được.

(3) Nếu bạn không biết rút ra các bài học từ sai lầm của mình thì bạn sẽ không thể thành công được.

Cấu trúc ký hiệu:

Đặt biến: $P =$ "Bạn không biết rút ra các bài học từ sai lầm của mình."

$Q = \text{"Bạn sẽ có thể lặp lại sai lầm ấy nhiều lần nữa."};$

$R = \text{"Bạn sẽ không thể thành công được."}$

ta có:

(1) $P \rightarrow Q$

(2) $Q \rightarrow R$

(3) $P \rightarrow R$

Kiểm tra bằng phương pháp bảng chân lý:

	P	Q	R	$P \rightarrow Q$	/	$Q \rightarrow R$	/	$P \rightarrow R$
1.	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ		Đ
2.	Đ	Đ	S	Đ		S		S
3.	Đ	S	Đ	S		Đ		Đ
4.	Đ	S	S	S		Đ		S
5.	S	Đ	Đ	Đ		Đ		Đ
6.	S	Đ	S	Đ		S		Đ
7.	S	S	Đ	Đ		Đ		Đ
8.	S	S	S	Đ		Đ		Đ

Đánh giá: luận cứ hợp lệ

CHƯƠNG 5

Bài tập thực hành I

1. lượng từ: "hầu hết"

chủ từ: "những người lao động ngoại tỉnh"

hệ từ: "là"

vị từ: "nạn nhân của đại dịch Covid 19"

5. lượng từ: "mọi"

chủ từ: "các chỗ ở miền Đông"

hệ từ: "là"

vị từ: "nơi có mưa"

10. lượng từ: "mọi"

chủ từ: "tác phẩm lý luận của thế kỷ XIX"

hệ từ: "không phải là"

vị từ: "tác phẩm để đọc đối với sinh viên đại học"

15. lượng từ: "mọi"

chủ từ: "sự suy nghĩ lo toan"

hệ từ: "là"

vị từ: "việc của con người"

20. lượng từ: "mọi"

chủ từ: "sự ham muốn của con người"

hệ từ: "là"

vị từ: "một sự vận động máy móc đang kết thúc hoặc đang bắt đầu"

Bài tập thực hành II

1. Mọi thành kiến đều là cái dẫn tới sai lầm.

7. Mọi tác phẩm hội họa là những thứ hảo huyền.

12. Mọi con mèo là con kêu meo meo.

18. Mọi chiếc ô tô là các phương tiện giao thông.

23. Tất cả những người thực thi công chính là người được đi vào cõi sống.

28. Nền giáo dục kiểu cũ là nền giáo dục áp đặt cho trẻ em tri thức, phương pháp và các nguyên tắc ứng xử của người lớn.

Bài tập thực hành III:

1. (1) Mọi sinh vật có lý trí là sinh vật có khả năng suy luận.

(2) Trẻ con không phải là sinh vật có khả năng suy luận.

(3) Trẻ con không phải là sinh vật có lý trí.

5. (1) Mọi câu đố là những thứ thú vị.

(2) Các bài tập tư duy là những câu đố.

(3) Các bài tập tư duy là những thứ thú vị.

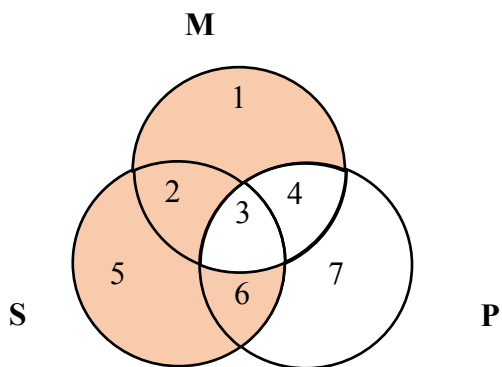
10. (1) Mọi nhà khoa học chính trị là những nhà khoa học xã hội.

(2) Một số nhà khoa học chính trị ủng hộ chiến dịch cải cách tài chính.

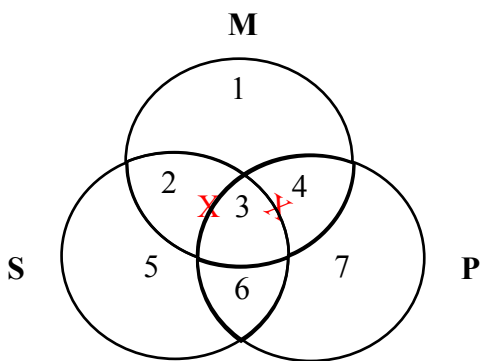
(3) Một số người ủng hộ chiến dịch cải cách tài chính là các nhà khoa học xã hội.

Bài tập thực hành III:

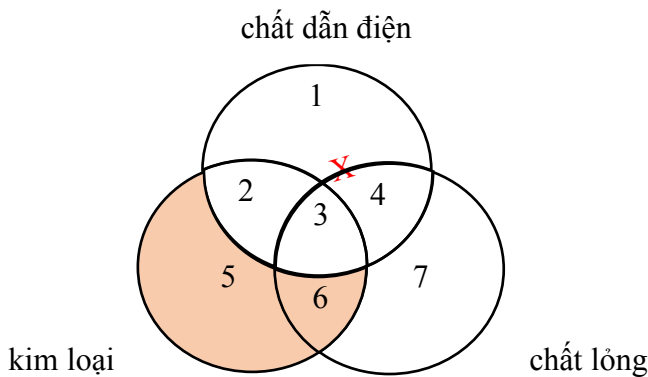
1. Luận cứ hợp lệ



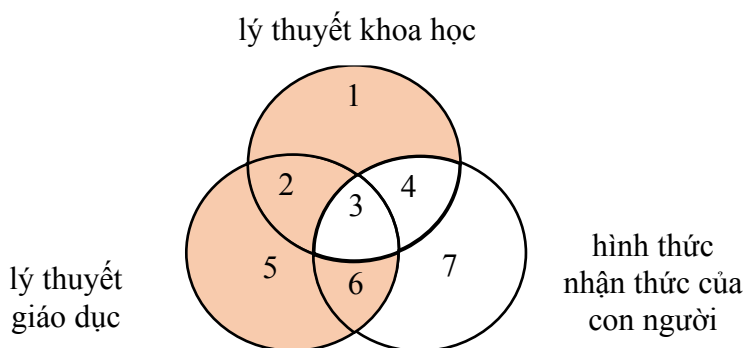
5. Luận cứ không hợp lệ



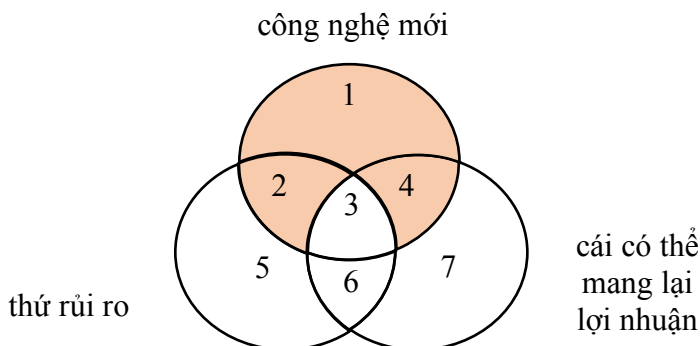
10. Luận cứ không hợp lệ



15. Luận cứ hợp lệ



20. Luận cứ không hợp lệ



Bài tập thực hành V:

1. Chuẩn hóa luận cứ:

- (1) Mọi người là kẻ có lý trí.
- (2) Mọi kẻ thì rớt là những kẻ không có lý trí.
- (3) Mọi kẻ thì rớt không phải là người.

Cấu trúc ký hiệu:

Đặt S = "kẻ thì rớt"; P = "người"; M = "kẻ có lý trí", ta có:

- (1) P+ a M-
- (2) S+ a M-
- (3) S+ a P-

Luận cứ không hợp lệ vì trung từ M không chu diên lần nào.

7. Chuẩn hóa luận cứ:

- (1) Mọi nhà sáng tạo luận không phải là nhà tiến hóa luận,
- (2) Một số người tin vào kinh Thánh không phải là nhà sáng tạo luận.
-
- (3) Một số nhà tiến hóa luận không phải là người tin vào kinh Thánh.

Cấu trúc ký hiệu:

Đặt S = "nhà tiến hóa luận"; P = " người tin vào kinh Thánh "; M = " nhà sáng tạo luận", ta có:

- (1) M+ e S+
- (2) P- o M+
-
- (3) S- o P+

Luận cứ không hợp lệ vì hạn từ P không chu diên trong tiền đề nhưng lại chu diên trong kết luận.

14. Chuẩn hóa luận cứ:

- (1) Mọi người bệnh là người cần uống thuốc.
- (2) Mọi người khỏe mạnh không phải là người bệnh.
-
- (3) Mọi người khỏe mạnh không phải là người cần uống thuốc.

Cấu trúc ký hiệu:

Đặt S = "người khỏe mạnh"; P = " người cần uống thuốc"; M = "người bệnh", ta có:

- (1) M+ a P-
- (2) S+ e M+
-
- (3) S+ e P+

Luận cứ không hợp lệ vì hạn từ P không chu diên trong tiền đề nhưng lại chu diên trong kết luận.

21. Chuẩn hóa luận cứ:

- (1) Mọi tác phẩm nghệ thuật là sự mô phỏng tự nhiên.
- (2) Mọi tác phẩm âm nhạc là các tác phẩm nghệ thuật.
-

(3) Mọi tác phẩm âm nhạc là sự mô phỏng tự nhiên.

Cấu trúc ký hiệu:

Đặt S = "tác phẩm âm nhạc"; P = "sự mô phỏng tự nhiên"; M = "tác phẩm nghệ thuật", ta có:

(1) M+ a P-

(2) S+ a M-

(3) S+ a P-

Luận cứ hợp lệ vì thỏa mãn các quy tắc kiểm tra tính hợp lệ của tam đoạn luận nhất quyết.

28. *Chuẩn hóa luận cứ:*

(1) Các con vật không phải người không phải là những vật có tư duy.

(2) Tất cả những vật có cảm giác đau là những vật có tư duy.

(3) Tất cả các con vật không phải người không phải là những vật có cảm giác đau.

Cấu trúc ký hiệu:

Đặt S = "các con vật không phải người"; P = "những vật có cảm giác đau"; M = "những vật có tư duy", ta có:

(1) S+ e M+

(2) P+ a M-

(3) S+ e P+

Luận cứ hợp lệ vì thỏa mãn các quy tắc kiểm tra tính hợp lệ của tam đoạn luận nhất quyết.

CHƯƠNG 6

Bài tập thực hành I:

1. Không phải luận cứ loại suy. Phán đoán

5. Luận cứ loại suy.

8. Không phải luận cứ loại suy. Luận cứ khái quát hóa quy nạp.

Bài tập thực hành II:

1. *Chuẩn hóa luận cứ:*

- (1) Minh giống tính anh trai của nó là Cường.
- (2) Cường là một đứa rộng lượng.
- (3) Minh cũng là một đứa có tấm lòng rộng lượng.
 - Thực thể nguồn: *Cường*
 - Thực thể đích: *Minh*
 - Đặc điểm: *có tấm lòng rộng lượng.*

5. *Chuẩn hóa luận cứ:*

- (1) Học đánh bóng tennis giống học nói một ngoại ngữ ở chỗ cả hai đều phải luyện tập.
- (2) Học đánh bóng tennis là có thể học được.
- (3) Học nói một ngoại ngữ là có thể học được.
 - Thực thể nguồn: *học đánh bóng tennis*
 - Thực thể đích: *học nói một ngoại ngữ*
 - Đặc điểm: *có thể học được.*

10. *Chuẩn hóa luận cứ:*

- (1) Chiếc xe cũ tôi dự định mua giống với những chiếc xe tôi từng sở hữu ở chỗ ghế ngồi, bánh xe và phanh.
- (2) Những chiếc xe tôi từng sở hữu chạy rất an toàn.
- (3) Chiếc xe cũ tôi dự định mua cũng chạy an toàn.
 - Thực thể nguồn: *những chiếc xe tôi từng sở hữu*
 - Thực thể đích: *chiếc xe cũ tôi dự định mua*
 - Đặc điểm: *chạy an toàn*

15. *Chuẩn hóa luận cứ:*

- (1) Lasagna giống với spaghetti ở chỗ có mỳ sợi và sốt cà chua.
- (2) Spaghetti ngon
- (3) Lasagna cũng ngon.
 - Thực thể nguồn: *Spaghetti*
 - Thực thể đích: *Lasagna*

- Đặc điểm: *ngon*

Bài tập thực hành III:

1. Luận cứ B

4. Luận cứ A

Bài tập thực hành IV:

1. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Chiếc Spacy của bạn giống chiếc Vision của tôi ở chỗ là xe tay ga.

(2) Chiếc Vision của tôi được anh tôi thay dầu.

(3) Chiếc Spacy của bạn có thể sẽ được anh tôi thay dầu.

- Thực thể nguồn: *chiếc xe Vision*
- Thực thể đích: *chiếc xe Spacy*
- Đặc điểm: *được anh tôi thay dầu*

Luận cứ loại suy này mạnh vì giữa thực thể đích và thực thể nguồn có tính chất tương đồng xác đáng.

5. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Cân đối ngân sách thành phố giống với cân đối ngân sách gia đình.

(2) Cân đối ngân sách gia đình được ba tôi làm rất tốt.

(3) Cân đối ngân sách thành phố có thể được ba tôi làm tốt.

- Thực thể nguồn: *việc cân đối ngân sách gia đình*
- Thực thể đích: *việc cân đối ngân sách thành phố*
- Đặc điểm: *được ba tôi làm tốt*

Luận cứ loại suy này yếu vì tính chất tương đồng giữa thực thể nguồn và thực thể đích không thực sự xác đáng.

10. Chuẩn hóa luận cứ

(1) Trẻ em giống với chó Briard con ở chỗ mang bệnh LCA có tám đột biến gen.

(2) Chó Briard con được chữa trị khỏi bệnh mù bằng virus đã biến đổi gen.

(3) Trẻ em mắc bệnh LCA có thể sẽ được chữa khỏi bệnh mù bằng virus biến đổi gen.

- Thực thể nguồn: *chó Briard con*
- Thực thể đích: *trẻ em*
- Đặc điểm: *được chữa trị khỏi bệnh mù bằng virus đã biến đổi gen*

Luận cứ mạnh vì tính chất tương đồng giữa thực thể nguồn và thực thể đích là xác đáng.

CHƯƠNG 7

Bài tập thực hành I:

1. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Tất cả những con mèo mà tôi đã thấy đều kêu meo meo.

(2) Mọi con mèo đều kêu meo meo.

- Thực thể mẫu: *mọi con mèo mà tôi đã thấy*
- Thực thể đích: *mọi con mèo*
- Đặc điểm: *kêu meo meo*

8. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Đa số các tác phẩm điện ảnh của đạo diễn Trần Anh Hùng được đánh giá cao.

(2) Tác phẩm điện ảnh sắp ra mắt của đạo diễn Trần Anh Hùng cũng sẽ được đánh giá cao.

- Thực thể mẫu: *các tác phẩm điện ảnh đã ra mắt của đạo diễn Trần Anh Hùng*
- Thực thể đích: *tác phẩm điện ảnh sắp ra mắt của đạo diễn Trần Anh Hùng*
- Đặc điểm: *được đánh giá cao*

16. Chuẩn hóa luận cứ

(1) 57% trong số 800 sinh viên được hỏi tin rằng đội Alpha của trường HKU sẽ thắng.

(2) Hầu hết mọi người tin đội Alpha của trường HKU sẽ thắng.

- Thực thể mẫu: *800 sinh viên được khảo sát*
- Thực thể đích: *hầu hết mọi người*
- Đặc điểm: *tin đội Alpha của trường HKU sẽ thắng*

Bài tập thực hành II:

1. Luận cứ B

4. Luận cứ A

8. Luận cứ A

Bài tập thực hành III:

1. Luận cứ A

Bài tập thực hành IV:

1. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Những người gửi thư đến biên tập viên các tờ báo lớn đều phản nản điều gì đó.

(2) Hầu như tất cả mọi người đều phản nản về điều gì đó.

- Thực thể mẫu: *những người gửi thư đến biên tập viên các tờ báo lớn*
- Thực thể đích: *mọi người*
- Đặc điểm: *phản nản điều gì đó*

Luận cứ quy nạp yếu vì mẫu thiên lệch.

9. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Tất cả các triết gia đến thành phố Utopa đều không tìm được việc làm.

(2) Có thể là hầu hết các triết gia không thể tìm được việc làm.

- Thực thể mẫu: *các triết gia đến thành phố Utopa*
- Thực thể đích: *các triết gia*
- Đặc điểm: *không tìm được việc làm.*

Luận cứ quy nạp yếu vì mẫu quá nhỏ.

CHƯƠNG 8

Bài tập thực hành I:

3. Phán đoán nhân quả. "Chân bạn bị ai đó giẫm lên là nguyên nhân khiến bạn hét lên."

7. Không phải phán đoán nhân quả.

Bài tập thực hành II:

3. Không phải luận cứ nhân quả.

6. Luận cứ nhân quả

9. Luận cứ nhân quả.

Bài tập thực hành III:

3. *Chuẩn hóa luận cứ:*

(1) Sáng nay xe tôi bị chết pin.

(2) Chiều hôm qua tôi cài đặt radio xe

(3) Cài đặt radio xe phải là nguyên nhân của việc pin bị chết

- Sự kiện kết quả: *pin của xe tôi bị chết*
- Sự kiện tác động: *tôi cài đặt radio xe*
- Phương pháp: *dị biệt*

7. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Ba chị em tôi là những người kỹ tính.

(2) Ba chị em tôi lớn lên trong cùng một gia đình, cùng hưởng sự giáo dục từ cha mẹ nuôi, họ là những người sống kỹ tính.

(3) Việc hưởng sự giáo dục sống kỹ tính của cha mẹ nuôi chúng tôi là nguyên nhân khiến cho ba chị em tôi trở thành người sống kỹ tính.

- Sự kiện kết quả: *ba chị em tôi là những người kỹ tính*
- Sự kiện tác động: *việc hưởng sự giáo dục sống kỹ tính của cha mẹ nuôi chúng tôi*
- Phương pháp: *tương đồng*

Bài tập thực hành IV:

3. Luận cứ B mạnh hơn, vì nó cung cấp chứng cứ cho thấy hệ thống bị chập điện là nguyên nhân duy nhất của vụ hỏa hoạn tại nhà trọ.
6. Luận cứ B mạnh hơn, vì nó cho biết yếu tố chung duy nhất tác động tới lượng mưa thấp hơn bình thường ở Ấn Độ trong những tháng gió mùa.

CHƯƠNG 9

Bài tập thực hành I:

3. Luận cứ A. Ngụy biện khẳng định hậu kiện.
6. Luận cứ A. Ngụy biện trung từ không chu diên.
9. Luận cứ A. Ngụy biện tiền đề toàn bộ nhưng kết luận bộ phận

Bài tập thực hành II:

3. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Chưa từng có ai trong nhà này ly hôn.

(2) Các con không được ly hôn.

Ngụy biện viện dẫn truyền thống.

7. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Ông X bị kết án là kẻ lường gạt.

(2) Quyền sách của ông X về tâm lý học là vô giá trị

Ngụy biện công kích cá nhân.

13. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Mày đánh em tao.

(2) Tao đánh em mày.

Ngụy biện hai sai thành một đúng

19. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Tất cả các nhạc sĩ, nhạc công trong dàn nhạc này xuất sắc.

(2) Dàn nhạc này xuất sắc.

Ngụy biện toàn bộ - bộ phận

23. Chuẩn hóa luận cứ

(1) Không ai chứng minh được rằng con người không chịu trách nhiệm cho sự ầm lên toàn cầu.

(2) Ta có thể khẳng định rằng con người chịu trách nhiệm cho sự ầm lên toàn cầu.

Ngụy biện viện đến điều chưa biết.

Bài tập thực hành III:

3. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Người đàn bà cầu nhàu tôi sáng nay chưa có chồng.

(2) Mấy bà chưa chồng tính khí khó chịu.

Ngụy biện khái quát hóa vội vã.

7. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Tuần trước, tôi có uống tách trà gừng và ngày hôm sau tôi bị sổ mũi.

(2) Tôi không tin trà gừng có thể trị cảm cúm thông thường.

Ngụy biện post hoc

11. Chuẩn hóa luận cứ:

(1) Hệ thống chăm sóc sức khỏe đơn giản là không thể được cải cách.

(2) Cải cách chăm sóc sức khỏe ở Utopia sẽ không diễn ra.

Ngụy biện vòng vo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu sách tiếng Việt

1. Bùi Văn Nam Sơn. 2012. *Trò chuyện triết học*. Hà Nội: NXB Tri thức.
2. Các Mác. 1995. *Toàn tập*, tập 3. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
3. Émile Durkheim. 2012. *Các quy tắc của phương pháp xã hội học*. Đinh Hồng Phúc dịch. Hà Nội: NXB Tri thức.
4. Epictetus. *Cẩm nang thư*. Đỗ Tư Nghĩa dịch. Hà Nội: NXB Hồng Đức.
5. Friedrich Schiller. 2009. *Tuyển tập kịch*. Quang Chiến dịch. Hà Nội: NXB Lao Động và Trung tâm Văn hóa Đông Tây.
6. Guy Bourdé và Hervé Martin. 2006. *Các trường phái sử học*. Hà Nội: Viện Sử học.
7. Gustave Le Bon. 2006. *Tâm lí học đám đông*. Hà Nội: NXB Tri thức.
8. John Dewey. 2008. *Dân chủ và giáo dục*. Phạm Anh Tuấn dịch. Hà Nội: NXB Tri thức.
9. John Locke. 2017. *Vài suy nghĩ về giáo dục*. Dương Văn Hóa dịch. Hà Nội: NXB Tri thức.
10. Hoàng Trinh, 1997. *Từ ký hiệu học đến thi pháp học*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.
11. *Kinh Thánh*. Tòa Tổng Giám mục thành phố Hồ Chí Minh thực hiện (2008). NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Nguyễn Đức Dân. 2021. *Muôn màu lập luận*. TP Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
13. Phạm Đình Nghiệm. 2015. *Nhập môn logic học*. TP Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

14. Plato. 2019. *Yến hội và Phaedrus - Đối thoại kinh điển về tình yêu, giới tính và bản năng*. Đỗ Khánh Hoan dịch. Hà Nội: NXB Thế giới.
15. Roy Van Den Brink Budgen (2019). *Tư duy phản biện dành cho sinh viên: Học những kỹ năng đánh giá có phê phán và xây dựng luận cứ hiệu quả*. Đinh Hồng Phúc dịch. TP Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
16. Tocqueville. 2006. *Nền Dân trị Mỹ*. Tập 2. Phạm Toàn dịch. Hà Nội: NXB Tri Thức.
17. V.I Lenin. *Nhà nước và cách mạng*, in trong Toàn tập, tập 33. Mátxcova: NXB Tiến Bộ.

II. Tài liệu sách tiếng Anh

1. Bassham, G., Irwin, W., Nardone, H., and Wallace, J. M., 2011. *Critical Thinking: A Student's Introduction*. (Fourth edition). New York: McGraw-Hill.
2. Elliot D. Cohen. 2009. *Critical thinking unleashed*. Rowman & Littlefield Publishers
3. Fisher, A. 2013. *Critical Thinking: An Introduction*. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Jackson, D., and Newberry, P., 2012. *Critical Thinking: A User's Manual*. (Second edition). Boston, MA: Cengage Learning.
5. Hobsbawm, E., and Ranger, T., (ed). 1992. *The invention of tradition*. Cambridge: Cambridge University Press
6. Hurley, P. J., and Watson, L., 2018. *A Concise Introduction to Logic*. (Thirteenth edition). Boston, MA: Cengage Learning.
7. Kelley, D. 2014. *The Art of Reasoning: An Introduction to Logic and Critical Thinking*. (Fourth edition). New York: W. W. Norton & Company,.
8. Moore, B. and Parker, R. 2021. *Critical Thinking*. (Thirteenth edition). New York: McGraw-Hill.

9. Paul, R., and Elder, L., 2006. *Critical Thinking: Learn The Tools The Best Thinkers Use*. USA: Prentice Hall.
10. Rainbolt, G., and Dwyer, S., 2012. *Critical Thinking: The Art of Argument*. Boston, MA: Cengage Learning.
11. Tittle, P., 2011. *Critical Thinking: An Appeal to Reason*. New York and London: Routledge.
12. Vaughn, L. 2019. *The Power of Critical Thinking: Effective Reasoning About Ordinary and Extraordinary Claims*. (Sixth edition). Oxford University Press, New York & Oxford.

III. Các loại tài liệu khác:

1. Lâm Linh. 2018. "Nhà khoa học thiên tài Albert Einstein nghĩ gì về giáo lý đạo Phật". Bản điện tử: <https://phatgiaio.org.vn/nha-khoa-hoc-thien-tai-albert-einstein-nghi-gi-ve-giao-ly-dao-phat-d32630.html>. Truy cập ngày 31-05-2021.
2. Nguyễn Đức Sinh. 2016. "Đạo Phật từ góc nhìn khoa học". Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 7. Phiên bản điện tử: <https://tapchinghiencuuphatthoc.com/dao-phat-tu-goc-nhin-khoa-hoc.html>. Truy cập ngày 31-05-2021.
3. Philip Ryan. 2007. "Einstein's quotes on Buddhism". Bản điện tử: <https://tricycle.org/trikedaily/einsteins-quotes-buddhism/>. Truy cập ngày 31-05-2021.
4. <https://www.unicef.org/vietnam/vi/thông-cáo-báo-ch%C3%AD/kết-quả-khảo-sát-ý-kiến-của-unicef-hơn-một-phần-ba-thanh-thiếu-niên-ở-30-quốc-gia>. Truy cập ngày 12-06-2021.
5. <https://dangcongsan.vn/tieu-diem/vu-nuoc-mam-chua-thach-tin-vuot-nguonng-và-trach-nhiem-cua-bao-chi-413001.html>. Truy cập ngày 4.5.2021.
6. <https://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/tradition>. Truy cập ngày 27/5/2021.